VĂN HỌC

tạp chí sáng tác
nhận định văn nghệ

TUYỂN TẬP THƠ VĂN

SỐ 19 THÁNG 8 NĂM 1987

VĂN HỌC

TRONG SỐ NÀY :

Đỗ Quí Toàn : *Đọc thơ, trang 2.* * **Hoàng Xuân Sơn** : *Nhật, Vũ...thơ trang 19* * **Nguyễn Hưng Quốc** : *Hình tượng thơ, trang 20* * **Như Chi** : *Nguyên sơ, thơ trang 32* * **Trần thị Núi Sông** : *Niềm mơ ước lặng thầm, thơ trang 33* * **Ngu Yên** : *Thơ Hài cú và Tân hài cú, trang 34* * **Thái Tú Hạp** : *Nghe suốt đời ta một núi sông, thơ trang 40* * **Trầm Phục Khắc** : *Đêm ta ghìm thép nổ, thơ trang 40* * **Lê Mỹ Hương** : *Trận địa lún, truyện trang 42* * **Nguyễn Mộng Giác** : *Tìm hiểu thế giới nhân vật của Võ Phiến, trang 69* * **Phan Bích Lâm Quân** : *Thèm có một quê hương, thơ trang 78* * **Trần Hoài Thư** : *Cái chết của người bạn văn, truyện trang 80* * **Nguyễn Ý Thuần** : *Nhắc nhau một thuở ấu thời, thơ trang 85* * **Vũ Huy Quang** : *Chuyện tình, truyện trang 87* * **Đặng Phùng Quân** : *Cõi ngoài, truyện trang 90* * **Phạm Duy** : *Nhạc tình (tiếp theo) trang 107* * **Hoàng Liên** : *Ánh sáng và Bóng tối (hồi ký) trang 115* * **Thụy Khuê** : *Đọc Tiếng Kèn của Nhật Tiến, trang 124* * **Bùi Bảo Trúc** : *Đọc Người Đi Trên Mây của Nguyễn Xuân Hoàng, trang 127* * **Nguyễn Mạnh Trinh** : *Đọc Ngày Tháng Bệnh Bồng của Nguyễn văn Sâm, trang 131* * **Nguyễn Văn** : *Thời sự văn học trang 136.*

BAN CHỦ BIÊN VĂN HỌC

Hồ Trường An, Phạm Quốc Bảo, Quyên Di, Võ Đình
Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Đức Lập
Định Nguyên, Vô Ngã, Nguyễn Tất Nhiên, Hoàng Khởi Phong
Bùi Vĩnh Phúc, Vũ Huy Quang, Đặng Phùng Quân
Nguyễn Văn Sâm, Nhật Tiến, Tưởng Năng Tiến
Nguyễn Bá Trạc, Kiệt Tấn, Võ Thắng Tiết

Phụ trách bài vở & điều hành chung : Nguyễn Mộng Giác
Phụ trách quản lý trị sự : Võ Thắng Tiết

Chú ý : Thư từ tiền bạc xin gửi về
Văn Học
10104 Westminster Ave, Garden Grove California, 92 643 USA
Phone : (714) 832. 8445

NHƯ CHI
PHẠM DUY
NGUYỄN MỘNG GIÁC
THÁI TÚ HẠP
LÊ MỸ HƯƠNG
TRẦM PHỤC KHẮC
THỤY KHUÊ
HOÀNG LIÊN
VŨ HUY QUANG
ĐẶNG PHÙNG QUÂN
PHAN BÍCH LÂM QUÂN
NGUYỄN HƯNG QUỐC
HOÀNG XUÂN SƠN
TRẦN THỊ NÚI SÔNG
ĐỖ QUÍ TOÀN
NGUYỄN MẠNH TRINH
NGUYỄN Ý THUẦN
TRẦN HOÀI THƯ
BÙI BẢO TRÚC
NGUYỄN VĂN
NGU YÊN

Đỗ Quý Toàn

Nói chuyện thơ (IV) *

Đọc thơ

1. Thèm nói tiếng mẹ đẻ.

Một trong những nỗi hận của Cao Tần khi xa quê hương là:

Chiều đi bát phố gặp toàn Tây
Bỗng tiếc xưa không làm quen cả xóm
.....
Ngày ngày phất phơ giữa rừng mũi lõ
Tìm người tình Việt chưa biết tìm đâu.

Ngày xưa Nguyễn Du đi sứ sang Tàu biết sẽ trở về trong vòng một năm mà cũng phải thốt lên: "Ra đường chỉ nhìn thấy toàn mặt lạ — (diện tẫn sinh". Các thi sĩ không phải chỉ nhìn thấy những khuôn mặt lạ, họ phải sống giữa một thế giới lạ mắt, tiếng nói lạ tai. Hình như Thomas Mann khi lưu vong cũng nói: "Một nhà văn ra khỏi nước kể như hết nguồn sống." Tôi hiểu nguồn sống của người làm văn chương là sự tiếp xúc thường xuyên với tiếng nói sinh động của dân tộc mình. Lâu ngày không nói tiếng Việt thèm nói như thèm nước dừa xiêm, thèm trái soài tượng chấm mắm ớt. Nghĩ tới đã muốn nhểu nước miếng. Chúng ta thông cảm với Boris Pasternak khi ông cắn răng thỏa hiệp để được ở lại quê hương, chính ông đã viết trong câu chuyện bác sĩ Zivago: "Một nhà văn phải cắn răng chịu đựng nỗi thống khổ của quê hương mình." Khi tôi đang viết đây, không phải chỉ vì tôi có một vài suy nghĩ muốn chia sẻ, mà còn vì muốn hưởng cái khoái cảm nói tiếng Việt, vì biết

---

* *Bài 1 và 2 đã đăng trong* Văn Học *số 1 và 4, 1986. Bài 3 đã đăng trong* Làng Văn, *Canada, 1987.*

có người mở lòng rộng lượng lắng nghe.

Báo chí tiếng Việt, các nhà xuất bản tấp nập ra đời. Chúng ta đang chứng kiến một nền văn chương Việt Nam đang sống mạnh, sống phong phú trong xã hội người Việt ở nước ngoài. Tôi không gọi đó là nền "văn chương lưu vong" vì lịch sử sẽ nhận ra chúng ta đang xây dựng một nền văn chương chính thống truyền thừa. Y bát của các tổ sư từ Ức Trai, Tiền Điền, tới Hàn Mạc Tử, Nhất Linh v.v... hiện đang được chúng ta gìn giữ. Hình như ai cũng ý thức trách nhiệm đó, và chúng ta đang dùng tiếng Việt một cách nghiêm kính, sốt sắng, thật là gìn vàng giữ ngọc cho hay. Bao nhiêu tác giả mới, tác phẩm mới ra đời, nào văn xuôi, văn vần, thơ tự do, bài khảo cứu, truyện tình, văn hài hước, văn chửi bới, tất cả đều làm tiếng Việt sống mỗi ngày một giàu có, sinh động hơn.

Tiếng mẹ đẻ là một phần của con người chúng ta. Được dùng tiếng mẹ đẻ là được sống đầy đủ hơn, dù chúng ta dùng để làm thơ, để viết thư, để nói điện thoại viễn liên, để tâm sự lòng thòng ngồi lê đôi mách. Tiếng Việt sẽ thay đổi, và phong phú hơn vì người Việt ở khắp thế giới đang sống nhiều lối khác nhau, tiếp xúc với nhiều hệ ngôn ngữ khác nhau, và thế nào cũng chịu ảnh hưởng. Các nhà khảo cứu trong vài chục năm nữa sẽ tìm coi các tác giả trong văn chương Việt sống ở Đức, ở Pháp hay ở Mỹ khác nhau thế nào. Đó là dấu hiệu đáng mừng không phải đáng lo. Gogol là người Ukraine, vẫn bị coi là nói tiếng Nga dở lắm, nhưng tác phẩm của ông là niềm hãnh diện của văn chương tiếng Nga. Saul Bellow viết tiếng Anh với hơi thở của tiếng Yiddish, tiếng mẹ đẻ của ông, và vì thế ông làm cho văn chương Mỹ giầu có thêm. Ta đang chờ đợi những tác phẩm của văn chương Việt Nam trong mười năm tới. Khi những tác giả trẻ hiện giờ mới ngoài 20 biết dùng tiếng Việt nhuần nhuyễn hơn, chúng ta sẽ chứng kiến trăm loài hoa lạ nở trong vườn ngôn ngữ và văn chương Việt Nam.

Nhu cầu dùng tiếng mẹ đẻ rất tự nhiên, và tiếng nói hồn nhiên nhất là thơ.Vì vậy có các tác giả trước giờ không làm thơ nay bật ra lời lời châu ngọc hàng hàng gấm thêu. Khi bảo thơ là tiếng nói hồn nhiên nhất, tôi chắc nhiều vị không đồng ý, hoặc lắc đầu không hiểu tôi muốn nói chuyện gì. Cho nên thế nào tôi cũng phải giông dài thêm. Trong cuộc sống hàng ngày chúng ta đã đánh mất cái nhìn hồn nhiên, đánh mất hơi thở tự nhiên. Làm thơ là tìm lại tiếng nói hồn nhiên sơ khai, như khi loài người mới bắt đầu nói, mới bắt đầu tìm cách truyền đạt các tình tự của mình bằng lời nói. Trong một bài sau chúng tôi sẽ bàn đến những cái rắc rối của thơ, như vần điệu, luật lệ, những ràng buộc làm cho nhiều người thấy làm thơ là chuyện khó khăn. Nhưng một bài thơ hay, nghĩa là làm cho người đọc rung động, trước hết phải là lời nói bật ra từ đáy lòng, tự nhiên như hơi thở. Có người gọi đó là thơ có hồn. Những lời, những câu

nói trong bài thơ đã chuyên chở một mảnh hồn của người làm thơ đến tặng người đọc.

2. Tiếng nói hồn nhiên.

Khi đọc một bài thơ đẹp mà chúng ta không thấy vẻ hồn nhiên, một lý do là vì chúng ta không chia sẻ cùng một "hệ tín hiệu" như thi sĩ, như các độc giả mà thi sĩ nhận là tri kỷ. Trong một bài trước ("Thơ Mình" trong *Làng Văn*, tháng 7.1987) tôi đã tạm dùng mô hình về truyền thông để tả mối liên hệ từ thi sĩ tới người đọc.

Gốc của diễn trình truyền thông này là những cảm thọ của thi sĩ. Thi sĩ đã dùng tiếng nói của mình như một hệ tín hiệu để truyền đi những cảm thọ. Tạm gọi là tín hiệu hóa (encoding) các cảm thọ. Bài thơ truyền tới người đọc, người đọc tiếp nhận, dùng hệ tiếng nói của mình để nhận lấy thông điệp. Công việc đó tạm gọi là giải tín hiệu. Những cảm thọ gợi lên trong lòng người đọc là kết quả của cả diễn trình truyền thông trên. (Trong lịch sử loài người chỉ có hai khám phá quan trọng. Một là chuyện tìm ra năng lượng, từ lửa, đến hơi nước, điện, cho tới nguyên tử năng. Hai là tìm ra cách truyền thông, từ khi dùng tiếng nói, tiếng trống, khói, máy in, cho tới máy điện tử. Chúng ta đang ở thế hệ mà truyền thông trở thành quan trọng hơn năng lượng với bao nhiêu khám phá mới, từ lý thuyết đến thực tế. Tôi nghĩ dùng mô hình truyền thông để tìm hiểu thơ cũng có ích.)

Cũng trong một bài trước, tôi đã viết rằng dù chúng ta chia sẻ một tiếng nói chung, thế giới tiếng nói của mỗi người cũng có những điểm riêng. Vì vậy từ gốc của thông điệp tới nơi tiếp nhận thông điệp có những nhiễu xạ không thể tránh được. Đó là một lý do khiến cho "tiếng nói hồn nhiên" của người làm thơ có khi trở thành rắc rối khó hiểu. Với một số người lời thơ rất "sáng". Với một số người khác đó lại là thơ "tối".

Trong lời nói hàng ngày, ngôn ngữ "đại-số-học" tính chất sáng-tối được đo lường bằng liên hệ luận lý của tiếng nói, chúng ta dùng nửa óc bên trái, óc phân tích, để tiếp nhận lời nói. Trong thơ, sự tiếp nhận phức tạp hơn, và chúng ta dùng cả hai nửa bộ óc, nửa bên phải (trực giác) nhiều hơn.

Đọc câu thơ của Vũ Hoàng Chương :

Ta dong lửa đốt tơi bời mái tây

tôi thấy hiện lên bao nhiêu ảnh tượng và tình tự khác. Thử nêu lên những liên tưởng trong trí tôi:

- lửa — lửa tình yêu — lửa thời sáng thế — tơi bời hỗn mang thời sáng thế...
- mái tây — chuyện tình nàng Thôi Oanh Oanh — Tình Sử — tất cả những người đẹp, những truyện tình kim cổ — người

trong mộng...

- dong lửa đốt — trải trong không gian — trải lên thời gian — cơn điên cuồng — dục vọng hủy hoại đời người...

Những liên tưởng trên xảy ra cùng một lúc.

Hay khi đọc Thanh Tâm Tuyền :

Biển chập chùng hằng thế kỷ xưa
Người lên tiếng khóc

thì hệ tín hiệu tiếng Việt trong não bộ ta được gọi lên thành những hình ảnh liên hệ:

- nước mắt — biển — nước biển — biển khổ — nước mắt chúng sinh.
- tiếng khóc — tiếng sóng — hải thượng bạch ba như bạch đầu.. lối phong điện bác thảm nhân diện, duy hữu điểm điểm phù khinh âu (thơ Cao Chu Thần) — ngọn triều non bạc trùng trùng (Tố Như).
- hằng thế kỷ xưa — độc thương nhiên như lệ hạ (Trần tử Ngang) — mang mang vạn cổ sầu.

Các mối liên tưởng trên hiện ra đồng thời chứ không theo thứ tự trước sau như trong bảng liệt kê trên.

Đọc một câu thơ, trong phút chốc bao nhiêu hồi ức của chúng ta về tiếng Việt mở tung ra. Chúng ta tiếp nhận câu thơ bằng cả kho hồi ức tiếng nói. Chúng ta không phân tích và lý luận, mổ sẻ câu thơ. Những ẩn dụ (métaphore) và hoán dụ (métonymie) cùng hiện lên toàn thể, như trên một màn ảnh.

Tiếp nhận một bài thơ là tiếp nhận cả hệ thống tiếng nói, trong đó có kinh nghiệm thẩm mỹ của người đọc về hệ thống tiếng nói đó. Nhà ngữ học Saussure đã thí dụ một người chơi cờ, trong mỗi nước cờ đi có bao hàm cả một hệ thống các quy luật chơi cờ, (cũng như cả chiến lược của kỳ thủ.)

Mỗi câu thơ, bài thơ là một toàn thể và chúng ta tiếp nhận chúng như một toàn thể. Một bài giải toán, một khảo chứng khoa học dùng sự phân tích, xếp loại, trừu tượng hoá để mô tả đại khái (approximately) một thực tại. Khi viết và đọc phương trình $x + 1 = 2$, chúng ta đã sử dụng bao nhiêu diễn trình trừu tượng hoá tích lũy trong lịch sử loài người, từ lúc loài người bắt đầu biết đếm, biết cộng, biết dùng ký hiệu chỉ số đếm, v.v... Tác phẩm nghệ thuật mô tả một thực tại trong toàn thể của nó, một thực tại không bị chia cắt. Thực tại toàn diện, kinh nghiệm trực tiếp của chúng ta với thực tại toàn diện không thể dùng ngôn ngữ toán học để truyền được, chỉ có thể truyền cho nhau bằng văn ảnh, tỷ dụ, huyền thoại, biểu tượng... nghĩa là đi thẳng vào lòng người. Người làm thơ và đọc thơ vượt qua những quy ước trừu tượng mà ngôn ngữ đã dựng lên che lấp thực tại. Giống như phải tuyệt thánh, khí trí mới nhìn thấy thực tại. Tôi viết hai chữ "thực tại" với tất cả sự e dè. Tôi

biết mỗi vị đọc hai tiếng đó sẽ nẩy sanh những ý niệm khác nhau. Chúng ta tạm chấp nhận như vậy.

Thử dùng một văn ảnh của St. Exupery. Cậu hoàng tử nhỏ đưa bức vẽ cho người lớn coi, người lớn nhìn thấy hình cái nón. Thật đáng tiếc, cậu bé muốn vẽ hình con trăng khổng lồ nuốt một con voi trong bụng. Nếu chúng ta đọc một bài thơ và chỉ thấy cái nón cũ nát trong đó, có thể vì chúng ta đã dùng hệ tín hiệu đầy công thức, không còn ngây thơ như cậu hoàng tử nhỏ. Khi nói hay khi nghe, và khi làm thơ hay đọc thơ, chúng ta đang sống hệ thống tín hiệu của tiếng nói mình. Heidegger bảo: "Nói cũng là, cùng một lúc, nghe lời mình nói; đúng ra là nghe trước khi cất tiếng." Trước khi cất tiếng chúng ta nghe gì? Nghe mình sống. Như Blanchot diễn tả "Le langage de la littérature est la recherche de ce moment qui la précède." Chúng ta không thể tách rời kinh nghiệm đọc thơ với chính thân thể mình đang sống, với ngôn ngữ tích tụ trong tâm thức mình. Sự tách biệt con mắt, với vật được nhìn, với việc nhìn, là một sự phân biệt giả tạm. Giả tạm và làm cho chúng ta không thể sống thật một giây phút thưởng lãm nghệ thuật. Thure Von Vexküll trong bài tựa giới thiệu cuốn *The Theory of Meaning* của thân phụ ông, Jacob, đã viết: "Trong mỗi kinh nghiệm sống của ta, ta đang sống về chính mình" (Bản dịch tiếng Anh nói rõ hơn: In everything we experience, we simultaneously experience ourselves — trong tiếng Việt chúng ta chữ kinh nghiệm không dùng một cách như động từ experience trong tiếng Anh, erleben tiếng Đức).

Khi đọc thơ chúng ta không dùng từ điển, chúng ta vận dụng cả cuộc đời mình. Tùy cách chúng ta đã sống và nói, nghe thế nào, bài thơ sẽ khác đi.

3. Thơ sáng và thơ tối.

Cách chúng ta học tiếng Việt, lúc chúng ta tập nói, lúc chúng ta dùng và nghe tiếng Việt, những gì chúng ta đã nói tới và đã nghe, tất cả tạo nên hệ thống tín hiệu mà chúng ta dùng để đọc thơ.

Cũng vì ngôn ngữ của chúng ta bị giới hạn trong khung cảnh mà chúng ta tiếp xúc với ngôn ngữ đó nên có những bài thơ trác tuyệt nhưng không thể đến với tất cả mọi người. Có những thi sĩ viết cho rất nhiều người đọc: Bạch Cư Dị, Nguyễn Khuyến, Đinh Hùng, là mấy thí dụ. Nhưng có những bài thơ chỉ có những thi sĩ khác muốn đọc, ít nhất là lúc đầu chỉ có đám thi sĩ hân hoan tiếp nhận.

Con chim nào chết khô trên cửa
Cửa đóng từ ngàn năm biệt âm
.....

(Tô Thùy Yên)

Có người hỏi tôi đang làm chi đó
Xin trả lời, tôi đang khóc lệ nhỏ
Trên vòng hoa tình ái của cuộc đời
.....

(Quách Thoại)

Quý vị sẽ ngạc nhiên khi thấy trong một tuyển tập thi ca hiện đại, do một học giả có tiếng soạn, thơ của Tô Thùy Yên và Quách Thoại vắng mặt. Hai thi sĩ đó đã làm mới cách chúng ta nói, cách chúng ta tỏ tình, cách chúng ta than thở..., nhưng không phải ai cũng nhận ra. Tôi đoán nhà học giả trên sống ở nước ngoài quá lâu, thiếu tiếp xúc với tiếng nói Việt Nam và văn chương Việt Nam, nên ông, hoặc không biết đến, hoặc không rung cảm được với các nhà thơ xuất chúng như Quách Thoại, Tô Thùy Yên.

Nhưng ngay cả những người tiếp xúc thường xuyên với tiếng Việt và văn chương Việt cũng có khi không chia sẻ "cùng một tần số" với ngôn ngữ của một vài thi sĩ. Trong bài "Đọc *Văn Học Miền Nam, tổng quan* của Võ Phiến", nhà phê bình Nguyễn Ngọc Bích nhận xét rằng Võ Phiến "thiên vị những loại thơ "sáng", dễ hiểu, so với thơ "tối", khó khăn..., thơ luật, thơ "khuôn khổ" so với thơ tự do, v.v..." *(Văn Học*, số 14, tháng 3-1987, trang 107).

Những chữ "sáng" và "tối" (không biết anh Nguyễn Ngọc Bích dùng hay anh Võ Phiến đã dùng trước) rất lý thú. Nếu ta dùng lại mô hình và truyền thông thì một bài thơ gọi là "tối" khi nào trên màn ảnh của người tiếp nhận các hình ảnh bị nhiễu xạ nhiều quá, nó mờ mịt chẳng thấy gì hết vì không đúng tần số. Như vậy gọi là tối hay mờ, để phân biệt với sáng, hay rõ nét. Bài thơ sáng hay mờ là do độ nhiễu xạ ở giai đoạn tín hiệu hóa, hay giai đoạn giải tín hiệu. Nếu một thi sĩ viết:

Anh nhớ em quá,
nhớ từ y phục,
đến thân thể em

thì "bài thơ" đó phải coi là sáng sủa, rõ nét 99 phần trăm. Còn như một thi sĩ viết:

Bây giờ em để nơi đâu ?
Cỏ trên mình mấy em sầu ra sao ?

(Bùi Giáng)

thì mức độ tiếp nhận chắc chỉ còn rõ nét từ 50 phần trăm trở xuống. Não bộ của chúng ta sẽ thong thả tự do phóng ra bao hình tượng, hồi ức khác nhau khi đọc 2 câu thơ. Có người đọc một nửa câu trên đã đóng sập cửa, kêu là tục tĩu. Có ai nhớ nhung, mê mẩn, ngơ ngác, hoài... được như Bùi Giáng?

Những chữ "sáng" và "tối" khiến tôi nhớ lại hình ảnh "Hũ nút" những năm cuối thập niên 1950, vào tuổi 17, 18 tôi và Trần Dạ Từ rất gần nhau. Ngày nào cũng gặp nhau, đọc thơ của nhau và

thơ của các thi sĩ đàn anh; từ *Rừng phong, Mê hồn ca,* đến *Lỡ bước sang ngang* v.v... chúng tôi mê thích đến mức thuộc lòng hết cả. Có một lúc chúng tôi gặp tiếng nói mới trong những bài thơ tự do. Tôi nhớ bài "Chuông Ban Trưa" của Quang Dũng viết từ 1950 đã làm chúng tôi say sưa. Và tất nhiên, có thơ Quách Thoại, Nguyên Sa, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên v.v... Đối với chúng tôi đã là những khám phá ngây ngất. Nhưng khi thơ các thi sĩ trên xuất hiện, tuần báo *Văn Nghệ Tiền Phong* liên tiếp đả kích các bài thơ tự do, và đặt tên loại thơ đó là "Thơ Hũ Nút". Chúng ta bây giờ có thể mỉm cười về tên gọi Thơ hũ nút, nhưng các nhà phê bình (và các nhà vẽ hý họa) của tờ *Văn Nghệ Tiền Phong* đã diễn tả đúng cảm tưởng của nhiều người khi đọc thơ tự do. Đó là thơ "tối", tối quá, như ở trong cái hũ kín bưng. Phải đến khi những tần số của độc giả đã thay đổi nhất là khi độc giả đã tiếp xúc nhiều với văn xuôi cũng như với lời ca của các bản nhạc chịu ảnh hưởng của thơ tự do, lúc đó Thơ tự do mới trở nên rõ nét và sáng hơn. Nếu không nhờ có những nét nhạc yêu kiều của Phạm Đình Chương thì bao giờ đại đa số quần chúng độc giả mới làm quen được với lối nói:

"tôi chờ đợi
Lớn lên cùng giông bão
Hôm qua tuổi nhỏ khóc trên vai
Tìm cánh tay nước biển
Con ngựa hồng
Lửa trốn con ngươi..."

(Thanh Tâm Tuyền)

Từ những năm 60 các nhà soạn ca khúc đã dùng lối diễn tả của thơ tự do trong bài hát của họ rất nhiều. Họ không phổ thơ, họ tự đặt lời hát và soạn nhạc, nhưng ngôn ngữ của họ giống như thơ tự do. Từ cách sáng tạo các từ mới, cách đặt câu, cách xếp các hình ảnh bên cạnh nhau. Muốn thử xin lấy một bài hát đọc lời lên một cách tự nhiên, không theo nhạc điệu.

Các nhà viết tùy bút và truyện ngắn cũng đẩy tiếng Việt đến những chân trời mới như những người làm thơ tự do. Đọc văn Mai Thảo, Hoàng Ngọc Tuấn, Thanh Tâm Tuyền, những cách lựa chọn từ và chấm câu là thơ tự do. Xem kỹ lối chọn lựa tình tiết và bố cục thì truyện ngắn "Một ngày để tùy nghi" của Võ Phiến là một bài thơ tự do dài. Nhà văn được coi là rất cổ điển này đã vung vẩy ý tứ như một nhà thơ hứng khởi tràn đầy.

Sau khi chúng ta làm quen với các lối nói mới qua tùy bút, truyện ngắn, và lời ca hệ tín hiệu của chúng ta thay đổi. Và lòng chúng ta sẵn sàng hơn để tiếp nhận những câu thơ được gọi là tự do.

Một trường hợp độc đáo trong thơ những năm 60, 70 là nhà thơ Bùi Giáng, người làm thơ tự do theo lối lục bát. Cuộc lương

duyên giữa một thể điệu cũ với cảm hứng và cách nói năng mới phải coi là kỳ thú! Có những độc giả không chịu nổi cách xếp đặt từ ngữ, hình ảnh của Bùi Giáng, nhưng nhờ có âm điệu lục bát rất quen thuộc nên họ "nuốt trôi" thơ Bùi Giáng dễ dàng hơn. Cùng trong khoảng thời gian mà một số thi sĩ thay đổi thể điệu thơ, nhiều thi sĩ khác vẫn giữ các thể điệu cũ. Sau khi thơ mới đã ra đời, một nhà viết thơ mới như Vũ Hoàng Chương lại cống hiến cho chúng ta những bài thơ luật điêu trác. Đó là chưa kể những bài làm theo lối xưa hơn thơ luật, những bài na ná như các điệu ca của nước Sở (Sở từ), và những bài thơ dùng nhiều thể thơ một lúc.

Thể điệu cũ rất hữu ích vì nó nằm trong hệ tín hiệu quen thuộc của những người đọc thơ. Người càng đọc nhiều, càng làm quen với thơ trong các thể điệu cũ thì các âm hưởng trong mỗi thể điệu càng nhập tâm. Thể điệu quen thuộc làm các nhiễu xạ giảm bớt đi. Những bài thơ sáng, dễ hiểu, vì thi sĩ tín hiệu hoá (encoding) những cảm xúc của mình theo một hệ thống được nhiều người chia sẻ. Những bài thơ đó rất hay khi những xúc động và cảnh huống của thi sĩ là mới thật, hoặc thi sĩ đã dùng hệ thống tín hiệu quen thuộc bằng một cách mới. Những tình tự mà chúng ta đều đã trải qua hay chứng kiến, mà không nói ra được bỗng có người nói dùm giúp chúng ta sống thêm, mạnh mẽ, một lần nữa những tình tự đó.

Ngày vui của lính sao mà ngắn
Mặt trời thoắt đã ở phương tây
Lỡ mai ta chết vì say rượu
Linh hồn chắc sẽ thành mây bay
(Nguyễn Bắc Sơn)

Nếu chúng ta chỉ có một câu đầu của đoạn thơ trên, thì đó là những lời tầm thường. Lại gượng gạo vì phải ép theo kiểu thơ bảy chữ. Thêm câu thứ hai, chúng ta bắt đầu thấy có chất thơ, nhưng cũng chưa phải thơ xuất sắc, kỳ thú. Nói chuyện một ngày vui ngắn và liên tưởng đến mặt trời thoắt bay sang phía tây thì không phải là một cách mới mẻ. Nhưng khi ta đọc cả bốn câu thì trái tim của ta phải đập mạnh, đầu óc ngất ngây. Thật là bốn câu thơ tuyệt diệu. Quý vị có thể hỏi: Nếu bốn câu thơ trở thành hay chỉ vì có hai câu cuối, thì tại sao không rút lại chỉ để hai câu chót thôi? Làm vậy không ổn. Nếu không có hai câu đầu dọn đường thì hai câu sau không có chỗ để bước tới, nếu không có những ý bình thường ở hai câu đầu thì hai câu sau không nổi bật lên mà thành "hảo cú hốt tùng thiên ngoại đắc." Lại nữa, những đối đáp, hô ứng của các tiếng "ngày vui" với "say rượu"; "lính", "ngắn" với "chết"; "mặt trời" với "thành mây bay"; vân vân, nếu mất đi thì bao thi vị sẽ biến mất. Rồi tác dụng của những chữ "sao mà", "thoắt" bên cạnh những chữ "lỡ mai", "chắc sẽ..." tạo nên những rung động riêng biệt, mà tách chúng rời nhau sẽ không còn. Một lần nữa chúng ta

hiểu thêm nhận xét của Shklovsky: thi sĩ xếp đặt mới các hình ảnh. Cách xếp đặt mới các hình ảnh quan trọng hơn là tạo ra các hình ảnh mới. (Có khi thi sĩ cố ý tạo ra các hình ảnh mới để loè chúng ta, vì nguồn cảm hứng của chàng, hay nàng, không đủ dài hơi để có cách xếp đặt mới. Ước chi thi sĩ sống 24 giờ mỗi ngày, sống hết mình!)

4. Nói và cảm thọ.

Khi bảo hệ thống tiếng nói (tín hiệu) thay đổi theo mỗi người, vì họ sống các kinh nghiệm khác nhau, chúng ta đã nói một chiều. Chúng ta có thể nói ngược lại rằng chính cách nói năng của chúng ta thay đổi cách chúng ta cảm thọ thế giới. Hồi xưa người ta cho tiếng nói là một dụng cụ tự nhiên, như chúng ta có mười ngón tay để sử dụng. Thế kỷ 20 này các triết gia đặt ngôn ngữ vào một trọng điểm. Người ta không hỏi: "mình biết gì về thế giới?", mà hỏi "mình có thể nói gì về thế giới?". Các khoa tâm-lý, ngữ-học, ngôn-ngữ, dân-tộc-học, v.v... đã giúp chúng ta biết thêm về liên hệ giữa cách chúng ta nói với cảm thọ của chúng ta hơn.

Tiếng Việt chúng ta dùng những chữ xa và gần để nói về cả thời gian và không gian. Tại sao vậy? Người Pháp thay đổi động từ theo thời gian, quá khứ, hiện tại, tương lai. Nhà ngữ học Whorf nhận thấy người "da đỏ" Hopi ở miền đông bắc Arizona thay đổi động từ (chia động từ) tùy theo việc xẩy ra ở xa hay ở gần, tùy theo hành động xẩy ra nhanh hay chậm. Có ngôn ngữ trong đó động từ thay đổi tùy theo một sự kiện có thật chắc chắn hay chỉ là phỏng đoán (thí dụ nhìn thấy trời mưa thì nói *mưa* theo một cách, còn nghĩ rằng trời bên ngoài đang mưa động từ *mưa* sẽ thay đổi). Người Hopi không dùng số đếm dùng số thứ tự (thứ nhất, thứ nhì, v.v... khác một, hai...). Whorf đã quan sát những nhóm trẻ nói tiếng Anh và trẻ nói tiếng Hopi để trắc nghiệm các em bé này coi chúng có những cách "cảm thọ" ngoại vật khác nhau không. Chúng ta chưa có các kết luận dứt khoát, nhưng có thể đoán rằng cách chúng ta nói và cách chúng ta "nhìn" thế giới phải có liên hệ.

Người Pháp khi mới tới Việt Nam, có người đã cho rằng mắt người Việt không được tinh lắm, nhìn lá cây nói là xanh, nhìn mặt biển cũng nói là xanh. Dân tộc nào cũng thấy giống dân nói tiếng khác mình là... kỳ cục. Người Hy Lạp gọi tất cả các giống dân nói lắp bắp (ba ba ba...) là bọn mọi rợ (barbares). Trạng Quỳnh chê người Tàu nói nghe như tiếng ễnh ương kêu.

Trong ngữ học tâm lý giả thuyết của Whorf (và sau đó, Sapir) cho rằng cách chúng ta nói liên hệ mật thiết với cách chúng ta nghĩ và cảm. Đã có rất nhiều cuộc nghiên cứu về giả thuyết này. Có người nêu ra, thí dụ, tiếng Pháp hay đặt hình dung từ sau danh từ (cá biệt và cụ thể sau, đại cương và tổng quát trước) trong khi tiếng

Anh thì ngược lại. Nhà nghiên cứu thấy cách nói đó liên quan đến hệ thống luật lệ. Ở Pháp người ta diễn dịch từ các bộ dân luật căn bản đem xử cho các trường hợp riêng. Trong khi đó hệ thống Anh dùng các án lệ cụ thể để từ đó tìm tới các quy luật mà xã hội công nhận. Có biết bao nhiêu thí dụ khác. Người Việt dùng một chữ xanh để nói đến màu da trời, màu lá cây. Người Roman có tiếng để gọi nhiều màu xanh khác nhau, nhưng không có tiếng gọi màu xanh nói chung. Người Greenland không nói "tôi bắn tên" mà nói "mũi tên bay từ tôi đi." Chúng ta có thể đặt một giả thuyết rằng người Việt trong mấy ngàn năm không bị đồng hóa thành người Tàu chỉ vì giữ được ngôn ngữ. (Ở Quảng Đông vẫn còn những nhóm thiểu số nói tiếng Tàu theo kiểu Việt, thí dụ kê hùng thay vì hùng kê, tức là gà trống). Một sắc dân có cách nói, và cách cảm thọ, cách suy tưởng không giống những sắc dân khác. Các nhà tư tưởng thế kỷ này đã nhìn thấy vai trò quan trọng của ngôn ngữ trong cách chúng ta cảm thọ ngoại vật. Michel Foucault gọi cảm-thọ-hệ của một xã hội là cái *épistémè* của người ta trong xã hội đó. Trong *Les mots et les choses* ông đã nhận xét sự khác biệt trong cách dùng lời nói qua các thời kỳ trong lịch sử Âu châu, từ thời Trung Cổ đến thế kỷ này. Đọc lại Nietzsche, ông cũng cho rằng không có thứ tiếng nói khách quan (value-free). Tiếng nói quyết định cách chúng ta nghĩ, tiếng nói đòi hỏi chúng ta nghĩ theo chiều hướng nào đó. Nhân vật Don Quixote là một biến cố đổi chiều dòng suy tưởng Âu châu vì, Foucault nhận xét, liên hệ giữa lời và vật đã bị đứt, lời nói chạy lang thang, không còn chỉ sự vật mà nó vẫn chỉ. Tới thế kỷ này, những khoa tâm lý, xã hội là một kho những từ ngữ giả mạo khoa học, che dấu hệ thống phê phán giá trị của các nhà nghiên cứu.

Tôi nhắc đến những giả thuyết của Whorf hay Foucault không phải để thuyết phục quí độc giả về một lý thuyết nào. Tôi đang nói chuyện thơ, và lạm bàn đến các ý kiến trên chỉ để nhấn mạnh vào một điều là lời nói của chúng ta và cách cảm thọ của chúng ta khó lòng tách biệt. Những lời chúng ta dùng, và cách chúng ta nói lên, nhất thiết có liên hệ với lối chúng ta cảm thọ thế giới chung quanh. Trong cùng một xã hội, cùng chung một ngôn ngữ, không phải tất cả những lời người này nói ra thì những người nghe cùng tiếp nhận được theo một cách như nhau.

Một trạng thái tâm thần của thi sĩ có thể độc đáo đến mức điều thi sĩ nói ra không ai có thể cảm được. Nhưng đó là trường hợp quá đặc biệt, trường hợp của người bịnh. Có người chỉ lẩm bẩm nói một mình nghe vì quá thất vọng về khả năng lắng nghe của đồng loại.

Ngay cả khi thi sĩ trải qua một trạng thái tâm thần mà người khác cũng trải qua, (đã trải qua hay có thể sẽ trải qua), tại sao thông

điệp của thi sĩ người khác không nhận được? Là bởi diễn trình tín hiệu hóa, giây nối giữa trạng thái tâm thần và các âm thanh của tiếng ta nói ra, đã khác nhau. Quan sát một nha sĩ làm việc với người phụ tá, hay một bác thợ sửa xe và người giúp việc, chúng ta phải thán phục về hệ thống tín hiệu mà họ sử dụng. Nghe người nha sĩ bập bẹ ấm ứ một tiếng rất nhỏ (tôi không bao giờ hiểu ông ta nói cái gì), người phụ tá đưa ngay một dụng cụ hay chất thuốc mà người nha sĩ muốn. Hệ thống truyền thông phải nói là phi nhiễu xạ (noiseless). Ông nha sĩ của tôi có bà vợ phụ tá cho ông. Tôi không hiểu trong đời sống vợ chồng của họ, họ có đạt được cách truyền thông hữu hiệu như vậy không?

Điều khó khăn là do khi ta quen với một hệ thống nói và nghĩ rồi, chúng ta sẽ nhìn mọi vật, sẽ sống mọi chuyện qua lăng kính của hệ thống đó. Chỉ có trẻ thơ mới nhìn đời bằng con mắt hồn nhiên. Khi một đứa trẻ thơ nhìn một trái cam trên bàn, nó *nhìn* trái cam. Người lớn *nghĩ mình nhìn* trái cam, bằng các quy ước và phạm trù có sẵn. Người lớn nhìn thấy một hình tròn, nhìn thấy màu vàng, nhìnthấy thực phẩm, nhìn thấy sinh tố C, vân vân. Trái cam đã bị cắt, xé ra theo bao nhiêu phạm trù trừu tượng. Trừ các bậc đã tu tập lâu đời, ít khi chúng ta *nhìn* thực sự một trái cam, cụ thể, ở đó, như thế, như như thế.

5. Đọc thơ và gạn lọc tự nhiên.

Vì cách nói năng "đại số học" chúng ta đã đánh mất rất nhiều khả năng tiếp xúc trực tiếp với thực tại. Những người đã phải nghe các bài lên lớp, các diễn từ và nghị quyết tràng giang đại hải có kinh nghiệm này. BorisPastermak đã nhận xét, từ thời còn Lenin, cách người ta trừu tượng hóa mọi chuyện: "thức ăn và củi đốt được thay thế bằng vấn đề tiếp tế thực phẩm và nhiên liệu" *(Bác sĩ Zivago)*. Cách nói trừu tượng đó đã làm người ta càng ngày càng xa lòng người, mất tính người. Họ không nhìn sự thật cho nên không thể giải quyết các nhu yếu thật tế. Trong bài luận mở đầu bản dịch một bộ Kinh Tây Tạng Carl Jung đã nhận xét rằng chữ "vật chất" trong chủ thuyết duy vật cũng trừu tượng không khác gì chữ "Thượng đế" trong tư tưởng duy thần. Chúng ta chỉ tiếp xúc trực tiếp với vật này, vật khác qua mấy giác quan, chứ thật sự cái sờ mó thấy một cái gì gọi là "vật chất" hay không? *(The Tibetan book of the Great Liberation)*.

Cách chúng ta nhìn thế giới, và nói về thế giới, đã bị đóng khung bằng cách phạm trù và quy ước trừu tượng. Ngay khi chúng ta nhìn một bức tranh, nghe một bản nhạc, sự thưởng ngoạn của chúng ta cũng có thể đã bị đóng khung bằng một số hiểu biết lý thuyết về cái đẹp của tranh và của nhạc. Chúng ta không nhìn tranh, nghe nhạc mà nghĩ nhìn tranh, nghĩ nghe nhạc.

Khi đọc thơ chúng ta dùng cả một màng lưới để gạn lọc, cũng như khi ta nhìn và nghe. Màng lưới đó rất phức tạp. Nó gồm những tình tự yêu, ghét. Nó chịu ảnh hưởng của cách chúng ta đo lường, cho cái gì là quan trọng đáng chú ý, cái gì là thứ yếu đáng bỏ qua. Nó gồm hệ thống tiếng *(langue,* theo nghĩa củaSaussure)mà cả xã hội cùng sử dụng trong đó có các quy luật về văn pháp. Quan trọng hơn cả trong màng lưới đó có lẽ là hệ thống các khái niệm giả thuyết trừu tượng của chúng ta về thế giới mà ngôn ngữ đã cắt, sẻ, chia loại, phân biệt. Mỗi một tên gọi (cái nhà, người con gái...) cất lên là một diễn trình "trừu tượng hóa" xảy ra, và lời nói đã đóng băng một hình ảnh, một vật thể linh động vào một ý niệm khô và trừu tượng. Người càng "có học" bao nhiêu thì cách cảm thọ càng bóp méo thế giới bấy nhiêu. Chỉ có người cực kỳ hồn nhiên, phục kỳ phác, mới nhìn sự vật như thế, như thế.

Tôi xin kể chuyện có thật này để thí dụ về diễn trình gạn lọc khi ta nhìn. Hai vợ chồng có một ông bạn mười năm không gặp. Một bữa ông bạn gặp và nói chuyện với người chồng và người vợ, cùng trong một ngày nhưng ở hai nơi khác nhau. Khi hai vợ chồng gặp nhau, cả hai đồng ý rằng ông bạn không thay đổi bao nhiêu. Nhưng chỉ có một người nhận xét rằng ông bạn cũ đã để râu quai nón, còn người kia không hề để ý. Người không để ý đến bộ râu quai nón chắc khi nhìn đã nhìn bằng óc chứ không phải bằng mắt. Khi gặp một khuôn mặt quen quen, cố nhớ tên, phản ứng tự nhiên của chúng ta là lục lọi trong trí nhớ các hình ảnh quen thuộc để so sánh. Khi so sánh, chúng ta chỉ lựa những điểm giống nhau, gạt ra ngoài những gì đã thay đổi. Và khi chọn đúng cái hình giống nhất trong quá khứ so với khuôn mặt hiện trước mắt, chúng ta giữ luôn hình ảnh cũ trong "hồ sơ" trí nhớ của ta. Bộ râu quai nón bị cạo sạch qua màng lưới gạn lọc. Thí dụ nhìn một khuôn mặt để nhận ra người quen cũ là một thí dụ rất đơn sơ, nhưng dễ hiểu. Đọc thì là một diễn trình phức tạp hơn nhiều, sự gạn lọc của người đọc cũng phức tạp hơn, nhưng sự gạn lọc là có thật. Để quý độc giả làm việc trong phạm vi nghiên cứu khoa học cùng chia sẻ ý kiến trên, tôi xin nêu thí dụ trong phạm vi đó. Người bình thường nghĩ rằng các nhà khoa học rất khách quan, có một phương pháp khách quan vượt thời gian và không gian để tìm tòi sự thật. Cuốn sách nhỏ "Cơ cấu của các cuộc cách mạng trong khoa học" *(The structure of scientific revolutions,* 1962) của T.S. Kuhn đã vạch rõ mỗi thời kỳ trong mỗi khoa học có một "paradigm" (có thể dịch là quy đề?) gồm những giả thiết và ý niệm. Khoa học gia dùng quy đề đó để "nhìn" sự vật, cho đến khi có một quy đề mới thay thế. Khi cứu xét các mô hình nhân quả (causal models) Magoroh Maruyama đã nhận ra các mô hình khoa học đều chịu ảnh hưởng của cái mà ông gọi là *mindscapes* (tạm dịch là tâm cảnh) của người nghiên cứu.

Ông kể kinh nghiệm của chính ông những năm ông làm việc ở Đức, Đan Mạch và Thụy Điển, từ 1954 đến 1959. Lúc đó môn cybernetics đang thịnh hành, Maruyama nhận thấy ông tiếp nhận ý niệm nhân quả tương sinh (simultaneous reciprocal causality) một cách tự nhiên trong khi các bạn đồng nghiệp của ông, quen lối suy nghĩ nhân quả một chiều (one-way causal relations) gặp khó khăn. Ông cho rằng tâm cảnh của một người Á Đông, (với ảnh hưởng Phật, Lão, Khổng) khác một người Tây phương, là ý do chánh *(Current Anthropology*, Oct. 1980, trang 594-595). Trong phạm vi văn chương, lý thuyết gọi là "Thẩm mỹ cảm thọ" *(Rezeption Ästhetik) phát khởi vào thập niên 1960 ở Đức đã nhấn mạnh đến tánh chất tương tức của tác phẩm nghệ thuật và người thưởng ngoạn. Người đọc thơ mang sẵn trong mình những kỳ vọng về một bài thơ (Hans Robert Jauss gọi là chân trời của những kỳ vọng) cho nên cùng một bài thơ mỗi thế hệ tiếp nhận một cách khác nhau. Kỳ vọng của chúng ta thay đổi vì các điều kiện lịch sử và xã hội.*

Nói chuyện "đọc thơ" với khuôn khổ của một mô hình truyền thông, tôi muốn nhấn mạnh đến hệ thống tiếng nói (kể cả thẩm mỹ văn chương) của người đọc. Mỗi chúng ta chia sẻ hệ thống tiếng nói chung và, tùy theo quá trình thưởng ngoạn thi ca, mang sẵn một hệ thống riêng. Điểm chúng tôi muốn nhấn mạnh là việc sử dụng tiếng nói, tự nó, đã là một diễn trình trừu tượng hóa. Nếu tiếng nói mà thi sĩ dùng là tiếng nói hồn nhiên, tiếng nói của tâm vô phân biệt, trong khi người đọc dùng các phạm trù trừu tượng và phân tích để đọc thơ, thì thơ phải "tối", không thể nào rõ nét nổi. Mỗi một lần có một thế hệ làm mới thi ca, thế hệ đó có những thi sĩ muốn nói tuột những lời hồn nhiên của mình, mà, đối với người quen dùng các qui ước và phạm trù sẵn có để tiếp nhận, họ chỉ nhận được toàn nhiễu xạ. Người đọc có thể đã tích lũy bao kinh nghiệm và hiểu biết đáng kính về thơ ca, cả một thang giá trị để định giá thơ hay thơ dở. Nếu người đọc không thể mở tấm lòng hồn nhiên của mình để đọc thì không thể thấy gì ngoài cái hũ nút. Hồi đầu thế kỷ có người đọc những dòng thơ này chịu không nổi:

Hai mươi bốn năm xưa, một đêm vừa gió lại vừa mưa
Dưới ngọn đèn mờ trong gian nhà nhỏ...

(Phan Khôi)

và hồi giữa thế kỷ, thế hệ sau cũng có người không thể chịu nổi những câu như:

Hãy mang tôi tới bất ngờ
Giết tôi ngẫu nhĩ, trong giờ ngẫu nhiên
.....

(Bùi Giáng)

Để đến nhà em anh băng qua một vườn hoa vắng

Lúc trở về anh ngồi xuống ghế dài
Nếu là buổi chiều quanh hiu mây lá mùa thu

(Thanh Tâm Tuyền)

Đối với mỗi người có một lối thơ, một loại thơ làm cho mình thấy muốn gần gũi, thân mật. Hồi tuổi 20, bạn bè chúng tôi bảo nhau: chắc Viên Linh mỗi lần nghĩ điều gì ý nghĩ của nó cũng theo lối lục bát. Viên Linh một thời viết lục bát rất nhiều và đã làm mới thơ lục bát, đã viết những bài lục bát rất lạ, rất diễm lệ, đọc rùng mình hân hoan. Nhưng nếu chợt nhớ đến thơ Viên Linh tôi chỉ nhớ đến những câu không phải lục bát. Những câu thơ viết ba chục năm trước:

Trên núi cao cây cối thì buồn
Đá ở không hàng muôn ngàn năm

hoặc mấy năm gần đây :

Thơ đỏ thẫm thu đông
Điệu rì rào lá rụng
Lời gởi tự quê hương
Bay kín lòng xa vắng.

Không thể giải thích ngay tại sao có sự lựa lọc của trí nhớ như vậy. Thí dụ mới nêu là một thí dụ về trí nhớ văn thể thơ. Về những yếu tố khác trong thơ của các từ hay dùng, cách đảo xoay văn pháp, cách ngắt câu, âm điệu, khi tiếp nhận bài thơ chúng ta cũng lựa lọc như vậy. Có những người mẫn cảm đối với tiếng nói, dễ dàng thoát ra khỏi những khuôn khổ có sẵn của mình để tiếp nhận tiếng nói mới. Cũng có những người không bao giờ thoát ra khỏi cái khung của những khái niệm, ảnh tượng, âm điệu... sẵn trong đầu. Họ không thể thưởng ngoạn văn, thơ ngoài lề thói quen thuộc. Khi thơ mới và thơ tự do ra đời, có bao người đã bảo: làm thơ như vậy thì nói cái gì chả thành thơ? Họ hoàn toàn trói thơ vào một vài mẫu hình thức, khi thì là niêm, luật, khi là vần, điệu.

Khi đọc, chúng ta có một hệ thống gạn lọc tự nhiên như khi chúng ta nhìn hay nghe. Đọc một bài thơ lần thứ hai, có thể chúng ta đã thấy khác. Cách cảm thọ của người viết, cách nói năng, âm điệu, nhịp, cách pha trộn, có thể đã trở thành quen thuộc hơn. Đọc nhiều lần, bài thơ có thể trở nên đậm đà hơn trước, nếu thực đó là một bài thơ có hồn. Giống như "càng quen thuộc nết càng gian dìu tình" vậy. Ngược lại, có những bài thơ hào nhoáng lúc mới đọc, mà khi đọc lại thì nhạt nhẽo, vô duyên. Cách nói năng của thi sĩ sau khi thành quen thuộc rồi có thể trở nên máy móc tầm thường quá. Bài thơ đi qua lòng ta mà không để lại một dấu vết gì cả.

6. Thơ và kịch.

Tôi ước ao được đọc mỗi bài thơ như một tác phẩm riêng biệt, không biết của ai viết, không biết người viết xưa giờ đã viết

những gì. Như khi đọc thơ Cao Tần trong tạp chí *Bút Lửa*, hay khi đọc thơ Trần Kha trong *Tắm mát ngọn sông đào.*

Trời xanh biên biếc ngọc lên nước
Đất hiền người trỗi dọng thênh thang.
(Trần Kha)

Có lẽ một cách để chúng ta đọc thơ tự do, thong thả, là đọc thơ như thể chúng ta đóng kịch.

Mỗi lời thơ không phải là lời của người thi sĩ tên XYZ, sanh ngày..., tháng..., năm..., tại đâu đó, viết. Đó là lời của một nhân vật mà thi sĩ đã thủ vai. Và khi chúng ta đọc, chúng ta cũng đang thủ cùng một vai. Cùng một vở kịch, mỗi diễn viên mô tả thành một cách. Tôi không cảm thấy tội lỗi gì khi nhớ sai một câu thơ, khi tôi chỉ đọc thơ cho sướng chứ không phải đang tìm hiểu thi sĩ. Đọc thơ là một hành động thưởng ngoạn, chứ không phải là khảo cứu. Một đêm, gần giờ giới nghiêm được Trần dạ Từ lái xe chở đi lang thang trong đường phố Sàigòn. Dưới ảnh hưởng của la de, tôi bạo gan hát bài Hương Xưa. Không may cho tôi, Cung Tiến cũng ngồi trong xe. Cho nên mỗi câu tôi ồ ề đều bị nhạc sĩ ngăn chặn: "sai rồi!", và ông ấy sửa lại giai điệu cho đúng. Từ đó, mỗi lần được ngồi hát một mình bài Hương Xưa tôi lại thống khoái vì không có thính quan tinh tế của Cung Tiến bên cạnh. Mỗi người đều là một Thái Thanh cho chính mình nghe, vì mình không hát bằng miệng, không nghe bằng tai. Cả thân thể mình đang hát và cả thân thể mình đã nghe ngay từ khi chưa cất tiếng.

Cho nên xin cứ đọc thơ như một người đóng kịch, rất tự do. Đọc là sáng tạo. Sống nhân vật mà thi sĩ đã sống. Nếu bạn là một độc giả nam giới, bạn có thể đọc đoạn thơ sau đây không cần đổi các tiếng "Em" thành "Anh", tiếng "Chàng" thành "Nàng":

Em sẽ chết với mảnh hồn trống đó
Chúa đứng đón em ở cửa Thiên Đường
"Con trả Chúa trái tim hồng lãng mạn
Dưới thế gian con dại dột cho chàng".
(Trần mộng Tú)

Trong chốc lát người đọc mở cửa căn nhà của mình. Một nhân vật mang "trái tim hồng lãng mạn" đã bước vô. Như kẻ ngồi đồng đã bị nhập. Người đọc có thể chưa bao giờ dám mang trái tim hồng tặng ai. Người đọc có thể tin có Chúa, nhưng có thể không tin ông Chúa nào lại đặc cách bước ra cửa, long trọng đón cô thi sĩ tim hồng. Nhưng không sao. Đây là một nhân vật đang nói trong một vở kịch, chúng ta đang diễn. Vì thế mà thơ đã giúp chúng ta, trong một quãng đời ngắn ngủi này, sống qua thêm bao kiếp phù sinh khác. Có phải vì thế mà nỗi phù du càng thấm thía hơn chăng?

Nhưng muốn tham dự vào thi hứng của người sáng tác, chúng ta phải thực sự thủ vai trò của nhân vật trong bài thơ. Nói cách

khác, chúng ta phải làm thi sĩ khi đọc thơ. Phải mở rộng cửa, phải cởi bỏ các ràng buộc. Để cho năm uẩn và bốn đại tự do phối hợp trong giây lát, không bị các phạm trù kiên cố trong tâm não ngăn chặn. Một người coi tranh Chagal phải quên luật phối cảnh, phải quên trái đất có trọng lực. Có như vậy mới cảm nhận được những huyền thoại bằng mầu sắc và hình ảnh của Chagal.

Thật sự một người có ý định đọc thơ tức là trong người đó đã sẵn mầm làm thi sĩ. Nghĩa là muốn chia sẻ nỗi khoái cảm mà ngôn ngữ hiến tặng cho mình. Như thể trong bụng có vơi vơi thì mới sẵn sàng ngồi xuống ăn một món; chứ nếu bụng đã ăn đầy thì cao lương mỹ vị cũng dửng dưng. Cho nên bảo người đọc phải là thi sĩ trong khi đọc cũng là thừa. Nếu không sẵn máu thi sĩ, ai tự ý tìm thơ để đọc thơ làm gì?

Khi tôi vị von chuyện đọc thơ với chuyện ăn uống, tôi nghĩ nhiều vị không lấy làm hài lòng. Đọc thơ là cái gì cao siêu, thuộc về tinh thần, ai đem ví với cái bao tử đòi thức ăn. Tôi thiệt tình không có ý lựa chọn lời ví von đó. Nó tự nhiên nảy ra, như thể tôi có nhu cầu ăn cùng với nhu cầu thưởng ngoạn, và tự thấy hai nhu cầu đó cũng đều liên hệ đến thân thể tôi. Georges Seferis nói rằng "Thực ra thi sĩ chỉ có một đề tài, đó là cái thân thể đang sống của hắn." Giả thiết rằng chỉ có người đang sống mới đọc thơ, thân thể của chúng ta cũng là một đề tài tự nhiên, và chúng ta đọc thơ vì thi sĩ cũng đang nói về đề tài đó. Vả lại chuyện ví thơ với những đồ vật để ăn, để ngắm, để sờ mó đã có từ lâu rồi. Hoàng đức Lương, trong bài tựa *Trích Diễm Thi Tập* (viết đời Hồng Đức, năm 1477) đã viết rằng người xưa đọc thơ đã lấy nem chả, lấy gấm thêu mà so sánh (dĩ khoái chá dụ chi, dĩ cẩm tú dụ chi). Nem chả là vị tuyệt ngon, gấm thêu là mầm tuyệt đẹp trong thiên hạ! Rồi lại Lê quý Đôn (1726-1784) trong bài lệ ngôn cho cuốn *Toàn Việt Thi Lục*, cũng hứng chí nói rằng bài thơ của Lý Giác viết thay Lê tiên hoàng tiễn sứ giả nhà Tống "uyển lệ khả cúc" (nõn nà muốn thò tay vốc lên được!). Câu chuyện người đọc thì muốn ăn thơ, muốn ngắm muốn sờ mò, là chuyện tự nhiên quá đi! Cho nên gặp một bài thơ, xin quý vị độc giả cứ tự nhiên xơi cho nóng (mượn chữ này của Nguyễn ngọc Ngạn).

Vì chúng ta ai cũng là thi sĩ chút đỉnh cho nên khi đọc thì chúng ta sẽ cảm nhận bài thơ theo cách khác nhau. Đó là chuyện tự nhiên. Một giáo sư văn chương Anh đã làm thí nghiệm cho sinh viên của mình đọc mấy chục bài thơ và yêu cầu mỗi người viết về phản ứng của họ đối với mỗi bài thơ. Trong cuốn *Practical Griticism* (1929), I.A. Richards đã tường trình kết quả cuộc thí nghiệm. Ông cẩn thận cắt bỏ tên tác giả, có khi bỏ nhan đề bài thơ, để đám sinh viên Cambridge của ông hoàn toàn tự do cảm thọ. Kết quả đúng như chúng ta có thể đoán (Richards không đồng ý) là các

phản ứng của người đọc khác nhau như đêm với ngày. Có khi cùng một bài thơ mà một nửa thì "khuyên đổ son" (tức là khen hay, tôi dùng mấy chữ cổ để các bạn trẻ làm quen), còn một nửa thì "sổ toẹt" (một thành ngữ cổ khác). Đại đa số người đọc không phân tích cặn kẽ các bài thơ, chỉ phô bày phản ứng tình cảm của họ.

Tôi nghĩ đó là điều có thể đoán được. Vì mỗi người đọc là một đài tiếp nhận duy nhất. Khi chúng ta đưa một bài thơ cho người bạn thân đồng thanh đồng khí đọc chúng ta cũng không thể chờ đợi bạn mình cùng chia sẻ một cảm ứng như mình. Nhất là khi chúng ta không chia sẻ cùng một quá trình huấn luyện về thẩm mỹ. Mà ngay cả trong đám người theo cùng một lối giáo dục về thưởng ngoạn nghệ thuật, phản ứng của họ trước một nghệ phẩm cũng khác nhau. Tranh của Wyeth nhiều người kêu là thiên tài, nhưng cũng không thiếu người coi chỉ là vẽ khéo. Hồi Progolovich bị loại ngay vòng đầu giải thưởng Chopin ở Varsovie đã có hai giám khảo bất bình rút lui. Nhiều nhà phê bình vẫn coi Progolovich diễn tả Chopin rất độc đáo. Chúng ta phải công nhận các giám khảo trong cuộc thi dương cầm trên đều có khả năng và được huấn luyện khá giống nhau, nhưng họ vẫn bất đồng ý kiến. Một cách kịch liệt như vậy.

Cho nên chúng ta cứ sẵn sàng làm thi sĩ khi chúng ta đọc thơ. Mỗi bài thơ đều là một tác phẩm dở dang chờ chúng ta hoàn tất. Tất nhiên, người đọc thơ cũng như người sáng tác, nếu có kỷ luật để chuẩn bị cho phần sáng tạo của mình vẫn hơn. Đọc nhiều là một chuẩn bị. Khiếu thẩm mỹ không phải là một trạng thái tĩnh, mà là một diễn trình năng động. Đọc các bài thơ hay nhiều lần, đến thuộc lòng, chúng ta mới thấm thía được tinh anh của tiếng Việt. Đọc các lời bình phẩm những bài thơ cũ là một cách giúp chúng ta đi sâu hơn vào ngôn ngữ mình, với những ẩn dụ, hàm ý mà người chỉ biết sử dụng ngôn ngữ một cách hời hợt không thể cảm nhận được.

Có lẽ không phải chỉ nên đọc, chúng ta cũng nên làm thơ nữa. Thi sĩ Ezra Pound khuyên ai cũng nên làm thơ cho sướng, vì "mỗi người là thi sĩ của mình." Hình như giờ này đã có một tạp chí chuyên về thơ. Thật là điều đáng mừng. Không có những tác phẩm mới thì không có văn chương, và không có văn chương thì tiếng nói cũng chết mòn. Có phải Phạm Quỳnh cũng cảm thấy điều đó khi ông bảo "Truyện Kiều còn, tiếng ta còn"? Nhưng Roland Barthes cũng nghĩ một điều tương tự: "Không phải văn chương tự diễn đạt bằng ngôn ngữ. Đúng ra ngôn ngữ tự diễn đạt qua văn chương," khi thèm nói tiếng Việt quá thì hãy làm thơ. Cũng là để giữ tiếng nói của mình.

Đỗ Quý Toàn

Hoàng Xuân Sơn

Nhật

Buổi sáng vươn mình trong xó bếp
lại thêm một ngày qua nữa đây
có hùng hục nhen lò nhúm lửa
xin nhẹ tay kẻo nước vơi đầy !

Vũ

Lóp ngóp bò dậy
giữa đấu trường hoang
một mình một gậy
múa chẳng ra hồn

Nan

Con đường hoang bãi trước
kỷ niệm mù sau lưng
giữa hai lần biên trấn
bước đi cũng ngập ngừng

Trầm

Ý bổng như đêm
ngậm ngùi thơ thẩn
chữ nối câu chìm
đâu mà lọc, gạn !

Hành

Đất đá cũng tan hàng
thì thôi hành độc cước
giữa cuộc đời hỗn mang
đứng chân nào cũng được

Nguyễn Hưng Quốc

Hình Tượng Thơ

Tản mạn về thơ

Những cách nói 'trong thơ có họa' hay 'thơ là họa cảm thấy' đã trở thành phổ biến đến nỗi ít có người nhớ được ai là tác giả đầu tiên. Mà, nghĩ cho cùng, cần gì nhớ. Có gì mới mẻ đâu? Từ nguyên thuỷ, khi thơ ra đời, họa đã đứng liền một bên. Trong Kinh Thi chẳng hạn , bài thơ nào cũng bộn bề hình ảnh. Hình ảnh có, trong thơ tự sự. Hình ảnh có, trong thơ trí tuệ. Hình ảnh có, trong thơ trữ tình. *Hình ảnh không chỉ là đối tượng được mô tả trong thơ mà còn là một phương tiện biểu đạt tư tưởng và tình cảm trong thơ.* Nhà thơ ngó vậy mà lại rụt rè. Hắn ít khi nói thẳng những gì mình nghĩ, mình rung động. Hắn mượn hình ảnh nói hộ. Ngay cả khi muốn trình bày một triết lý, nhà thơ cũng nói qua một hình ảnh :

Thế gian biến cải vũng nên đời
Mặn nhạt chua cay lẫn ngọt bùi
(Nguyễn Bỉnh Khiêm)

Thân như điện ảnh hữu hoàn vô
(Thân như bóng chớp có rồi không)
(Thiền sư Vạn Hạnh)

Cả Thái bình dương là hạt lệ
Mỗi người đi biệt một hành tinh
(Hoàng Cầm)

Coi, có lạ không, cái người con trai hay con gái nào đó ở quê hương chúng ta một buổi chiều đứng thẩn thờ nhớ người yêu tự nhiên lại lôi mặt trời, lôi núi cao ra trách móc:

Núi cao chi lắm núi ơi
Núi che mặt trời không thấy người thương
(Ca dao)

Lạ, nhưng đó mới là thơ.

Chưa hết. Nhà thơ tự cho mình như là Thượng đế chẳng bằng. Biển là của mặt đất. Chiều là của trời cao. Ấy vậy mà có nhà thơ cứ tỉnh bơ mang biển đặt giữa lòng người để cho biển lấp lênh vang tiếng sóng, đem ánh hoàng hôn xuống cho đậu vào trong mắt người khiến mắt người cũng buồn tênh nắng quái:

Đưa người ta không đưa sang sông
Sao có tiếng sóng ở trong lòng ?
Bóng chiều không thắm không vàng vọt
Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong ?
(Thâm Tâm)

Người đọc chỉ thấy nhà thơ đứng lặng. Sóng chao trong lòng. Chiều nghiêng xuống mắt. Là đã thấy hiện hình tất cả nỗi ngậm ngùi và lưu luyến trong cuộc chia tay.

Trần Dạ Từ có hai câu lục bát thật dễ thương :

Lần đầu ta ghé môi hôn
Những con ve nhỏ hết hồn kêu vang

Ủa, sao lại có tiếng ve đi lạc vào đây? Người ta chờ đến mùa hè mới hôn nhau? Người ta chỉ hôn nhau dưới những tàng cây lá rậm? Đâu có. Nhà thơ nói dối đấy. Tính cả thẹn, ông mượn tiếng ve kêu râm ran để nói lên cái hạnh phúc đến một cách bất ngờ trong rạo rực pha lẫn ngỡ ngàng bẽn lẽn của mình ở cái nụ hôn thứ nhất trong đời. Làm gì có tiếng ve kêu. Chỉ có tấm lòng đang run lên vì niềm vui nở hoa thảng thốt.

'Thơ là họa cảm thấy'. Ồ, cái câu nói đã thành danh ngôn của ai kia lại chẳng có gì thâm thúy mấy. Nó chưa nói hết được một mảy sự thật của hình tượng trong thơ. Họa? Thì đã đành. Nhưng sao họa lại là mênh mông một đại dương lòng người. Mà cái đại dương ấy mới là chính yếu. Thử đọc hai câu thơ tả cảnh này của Anh Thơ :

Hoa mướp rụng từng đóa vàng rải rác
Lũ chuồn chuồn nhớ nắng ngẩn ngơ bay

Phải đâu chỉ có hoa mướp rụng hay chuồn chuồn đang bay. Mà còn rất rõ cái không khí hiu hiu buồn lặng của mùa thu. Rồi còn có cả cái tâm trạng bâng khuâng đến ngẩn ngơ của người đứng ngó.

Đọc Kiều, đến câu :

Cỏ non xanh rợn chân trời
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa

Ai tinh ý cũng thấy ngay đó không chỉ là cảnh mùa xuân mà còn là tâm hồn của Kiều, lúc Kiều còn ẩn náu bình yên giữa lầu khuê. Xa lắc mọi cơn gió bão. Ngát một màu xanh. Trắng một niềm hoa. Đa cảm nhưng cô còn ngây thơ lắm, Kiều ạ. Phải đợi đến lúc đi ra khỏi mấy bức rèm che, cùng mấy đứa em lang thang

tảo mộ, chiều xuống, lòng cô mới biết thế nào là cái cảm giác 'nao nao' :

Nao nao dòng nước uốn quanh
Nhịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang

Rồi phải đợi đến lúc gặp Kim Trọng, nghe xốn xang một niềm rung cảm của nụ tình mới nở, cô mới biết đến sự bâng khuâng đấy nhé :

Dưới cầu nước chảy trong veo
Bên cầu tơ liễu, bóng chiều thướt tha.

Cô đã bắt đầu biết quan sát rồi đó, cô Kiều. Dòng nước không phải chỉ 'uốn quanh' đâu, mà nó còn 'trong veo' cơ. Mà 'trong veo' đâu phải là một màu sắc như muôn vàn màu sắc khác. 'Trong veo' còn là một sự lạnh buốt, một sự tê tái chờ đợi một ngày cô sẽ nhảy ùm xuống mà bơi. Sau cô, Nguyễn Khuyến đã ứa nước mắt vì cái 'trong veo' đó : 'Ao thu lạnh lẽo nước trong veo'.

Cái hay của truyện Kiều là ở chỗ: cảnh nào cũng phảng phất một tấm lòng đang rung ngân.

Tôi đố họa sĩ nào vẽ được cảnh Hồ Dzếnh xúc động trước cảnh chiều thu :

Nơi tôi còn ít lá lòng
Chiều nay rơi nốt vào trong lá rừng.

Hay cái 'hồn' của Cung Trầm Tưởng lên trời cao :

Chân phương lòng thấy nao nao
Với muôn thương mến lên cao hồn trời

Nếu nhà thơ có lúc nào đó phải làm một họa sĩ, thì thơ yêu cầu nhà thơ, ngoài cảnh, phải 'vẽ' lên được cái hồn của cảnh. Mùa thu từ xưa đã là nguồn cảm hứng lớn và dào dạt cho thơ. Thế nhưng bao nhiêu chữ đã chồng lên chữ, mùa thu vẫn thường xa hút. Đợi đến Nguyễn Khuyến. Nguyễn Khuyến chỉ cần phác ra ít nét. Là mùa thu đã hiện hình:

Trời thu xanh ngắt mấy từng cao
Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu

In lên giữa bầu trời xanh ngắt, xanh vời vợi xanh, cao tuyệt mù cao, chỉ lưa thưa một vài nhánh trúc uốn cong như những chiếc cần câu lơ phơ lắc lay trong gió nhẹ. Thế đã là mùa thu. Mùa thu thanh, quạnh. Mùa thu rộng bầu trời, yên bóng lá mà vẫn gây nên cảm giác nửa thực nửa hư.

Có khi nhà thơ phải giấu đi cái mình muốn 'vẽ'. Như Đoàn Thị Điểm, bà 'vẽ' độ vang của tiếng trống giục:

Trống trường thành lung lay bóng nguyệt

Người ta nghe ngay được những nhịp trống hối hả, giòn, mạnh, gắt vang vang trong đêm khuya ấy chỉ nhờ... một bóng trăng lay.

Bàng Bá Lân 'vẽ' một làn gió nhẹ :

Êm đềm sóng lụa trôi trên lúa

Đoàn Văn Cừ cũng 'vẽ' gió, cách khác :

Tia nắng tía nháy hoài trên ruộng lúa.

Nhà thơ là họa sĩ ư? Ừ, thì tôi không cãi. Tuy nhiên đó là một họa sĩ trắng tay, không có chút xíu bột màu. Hắn phải chấm từng nét cọ vào giữa lòng mình để bôi từng mảng màu lên không gian. Để ngoại cảnh biến thành nhân cảnh. Và để nhân cảnh biến thành tâm cảnh.

*
* *

Ở trên, tôi đã trình bày ba loại hình tượng trong thơ. Xin tóm tắt cho rõ:

1. Hình tượng — ý niệm: Là loại hình tượng nhằm cụ thể hóa một ý nghĩ, có khi, một cách thật thà như Nguyễn Bỉnh Khiêm trong câu thơ đã dẫn, có khi tinh vi hơn, gắn liền với cảm xúc hơn như câu thơ của Xuân Diệu :

Trái đất ba phần tư nước mắt
Đi như giọt lệ giữa không trung

Hay như câu thơ của Nguyễn Đức Sơn :

Anh đuổi hoài theo mây bạc lên cao
Tìm ảo ảnh bay trên bờ ảo ảnh

Bậc thầy trong loại hình tượng này phải kể đến trước nhất, Nguyễn Gia Thiều, trong Cung Oán Ngâm Khúc:

Cái quay búng sẵn trên trời
Mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm

2. Hình tượng — cảm xúc: Là hình tượng, là cảnh vật nhưng ở đây mỗi nét chấm phá đều ẩn khuất cảm xúc của con người. Đây là loại hình tượng phổ biến nhất trong thơ. Cái khó nhất là nhà thơ phải nhạy bén phát hiện được những chất thơ giấu kín bên trong mỗi cảnh, vật để người đọc cũng xúc động như mình. Nói về cuộc sống ẩn cư, những câu thơ sau đây của Nguyễn Trãi vừa đẹp vừa giàu cảm xúc biết bao nhiêu, dù ngôn ngữ trong bài thơ này, xin nhớ, đã cách chúng ta gần 600 năm:

Hái cúc vương lan hương bén áo
Tìm mai đạp nguyệt tuyết xâm khăn
Đàn cầm suối trong tai dội
Còn một non xanh là cố nhân.

3. Hình tượng hóa cảm xúc : Ở đây không phải ngoại cảnh được mô tả mà là chính cảm xúc bên trong được tượng hình hóa

thành ngoại cảnh. Các câu thơ của Thâm Tâm, của Trần Dạ Từ hay của Hồ Dzếnh vừa dẫn ở trên là thuộc loại này. Tác dụng loại hình tượng này khá cao. Nó làm cảm xúc trở thành cụ thể hơn, bóng bẩy hơn, để lắng sâu vào lòng người đọc hơn. Đọc hai câu thơ này của Nhã Ca thì đủ thấy :

Khi về tay nhỏ che trời mát
Nghe giá băng mòn hết tuổi thơ

Nỗi cô đơn và sự phiền muộn không còn trừu tượng nữa. Chúng đã hóa hình.

Loại hình tượng này, những người mới bắt đầu làm thơ hình như ít sử dụng. Cũng đúng: nó khó. Dễ trở thành sáo.

Sự phân biệt như trên là đứng về phương diện ý nghĩa. Đứng về phương diện vị trí, tôi cũng muốn phân biệt thành hai loại hình tượng khác nhau: một, *hình-tượng—tứ*, hai, *hình-tượng—họa*. Hình-tượng—tứ là loại hình tượng lớn, quán xuyến toàn bộ bài thơ, trở thành một 'nhân vật' trung tâm của bài thơ, trực tiếp thể hiện tứ thơ. Hầu hết những gì được mô tả trong những bài thơ tả một nhân vật hay vịnh một sự vật đều là hình-tượng—tứ. Hình tượng ông đồ trong bài thơ 'Ông Đồ' của Vũ Đình Liên là một hình-tượng—tứ. Hình tượng con hổ trong bài thơ 'Hổ nhớ rừng' của Thế Lữ cũng là một hình-tượng—tứ. Bài thơ 'Qua vườn ổi' của Hoàng Cầm có một hình-tượng—tứ đẹp và hàm xúc:

Cách xa ba bước qua vườn ổi
Chị xoạc cành ngang em đứng trông
Xin chị một quả non
— Quả non còn xanh chát
Xin chị một quả ương
— Quả ương chim khoét thủng
Xin chị một quả chín
— Quả chín quá tầm tay

Lẽo đẽo em đi đường, may sao
Cúi nhặt chiều sương dăm quả rụng.

Quả ổi là hình-tượng—tứ. Nó là biểu tượng của hạnh phúc. Sống dưới chế độ cộng sản, mọi lời van xin hạnh phúc đều bị từ khước. Hạnh phúc, nếu có chăng, đều do mỗi người tự lượm nhặt lấy, một cách tình cờ và hiếm hoi, đôi lúc, còn muộn màng nữa, giữa bóng xế của chiều sương đời mình. Tố cáo sự phi nhân của cộng sản một cách kín đáo và sâu sắc như Hoàng Cầm trong bài thơ này kể cũng ít người.

Hình-tượng—họa phổ biến hơn. Bài thơ nào cũng có. Nó là những chi tiết có hình ảnh trong suốt bài thơ. Nó không trực tiếp thể hiện tứ thơ, song lại góp phần xây dựng làm tứ thơ trở thành đa dạng, sinh động, giàu âm điệu, và lung linh màu sắc. Các nhà

thơ trẻ hiện nay ít chú ý khai thác loại hình-tượng—họa này nên dễ bị khô, cứng. Trong bài thơ 'Đây mùa thu tới' của Xuân Diệu, mùa thu là hình-tượng—tứ. Xuân Diệu khai triển hình-tượng—tứ ấy bằng nhiều hình-tượng—họa khác nhau: rặng liễu rủ, lá vàng phai, hoa rụng, gió rét, trăng trở thành ngẩn ngơ trong sương nhạt những nàng thiếu nữ thần thờ đứng bên cửa, mơ màng... Mùa thu cũng lại là hình-tượng—tứ của bài 'Thu', nhưng ở đây, Xuân Diệu khai thác những hình-tượng—họa khác:

Nõn nà sương ngọc quanh thềm dậu
Nắng nhỏ bâng khuâng chiều lỡ thì
Hư vô bóng khói trên đầu hạnh
Cành biếc rung rung chân ý nhi

Gió thầm, mây lặng, dáng thu xa
Mới tạnh mưa trưa, chiều đã tà
Buồn ở sông xanh nghe đã lại
Mơ hồ trong một tiếng chim qua

Bên cửa ngừng kim thêu bức gấm
Hây hây thục nữ mắt như thuyền
Gió thu hoa cúc vàng lưng giậu
Sắc mạnh huy hoàng áo trạng nguyên

Sương ngọc, nắng nhỏ, khói bay, cành biếc, ý nhi, chiều xuống vội, tiếng chim hót mơ hồ từ xa xa, hoa cúc nở vàng như áo trạng nguyên... Cái tài của nhà thơ là tìm những hình-tượng—họa vừa cụ thể vừa tiêu biểu cho cảnh thu lại vừa gợi lên được cái không khí lặng lẽ, buồn buồn, lúc nào cũng gợi một chút bâng khuâng của cảnh sắc thu Việtnam.

Hình-tượng—tứ chủ yếu là kết quả của trí tuệ. Hình-tượng—họa là kết quả của sự quan sát, khám phá, nhập thân, tưởng tượng. Cái đẹp của hình tượng-tứ chủ yếu ở ý nghĩa của nó. Cái đẹp của hình-tượng—họa chủ yếu ở chất thơ tinh khôi mới phát hiện lần đầu từ hàng hà những cảnh vật quen cũ trong thiên nhiên.

*
* *

Hình tượng được xây dựng, trước hết, nhờ tài quan sát. Đương nhiên. Tất cả hình-tượng—họa sắc nét trong bài thơ của Xuân Diệu được dẫn ở trên đều được ghi nhận từ ngay chính từ cuộc sống. Tài hoa của mỗi người được đo lường ở chỗ hắn có tinh nhạy để nắm bắt được những hình ảnh có chất thơ ấy hay không.

Nhưng, nói như trên không có nghĩa là nhà thơ chỉ cần quan sát giỏi. Đã hẳn điều đó cần, rất cần. Song còn cần hơn nữa, *nhà*

thơ phải biết cảm xúc và đặt cảm xúc mình chan hoà trên thiên nhiên. Cũng ở bài thơ trên, để ý mà xem, ở ngoại cảnh chỉ có sương, có nắng, có khói, có cành biếc và chim, nhưng cái 'nõn nà' của sương 'đậu', cái 'bâng khuâng' của 'nắng nhở', cái 'lỡ thì' của chiều buông, cái 'hư vô' của 'bóng khói', cái 'run run' của cành biếc mỗi lần chim ghé lại... đâu phải ở ngoại cảnh. Mà chính là ở trong lòng nhà thơ.

Cho nên, với mức độ nhiều hay ít, mọi cảnh vật trong thơ đều được *nhân cách hóa.* Đó cũng là biện pháp quen thuộc để xây dựng hình tượng thơ. Có sự nhân cách hoá rõ ràng:

Mặt trời say nắng tắm ven sông
Nước thẹn bâng khuâng ửng má hồng
Bầy sẻ đâu về cười khúc khích
Rủ nhau lúa chín trộm vài bông

(Trần Huyền Trân)

Có sự nhân cách hoá kín đáo:

Ai ân bờ cỏ ôm chân trúc

(Thế Lữ)

Cao Tần biến cây bông giấy thành một con người trong bài thơ mang giọng tinh nghịch rất thời đại nhưng lại có phong vị rất Đường thi:

Tưởng ta nhớ chú lắm sao
Này cây bông giấy bên tường năm xưa
Chẳng qua trời đổ cơn mưa
Thì thương cành mọn đong đưa một mình.

Người ta cũng có thể *ẩn dụ* hay *hoán dụ,* hai biện pháp thông thường trong nghệ thuật tu từ để xây dựng hình tượng thơ. *Ẩn dụ* là sự chuyển hoán tên gọi một sự vật sang một vật khác tương tự hay chuyển một khái niệm trừu tượng sang lãnh vực cụ thể. Dùng hình thức ẩn dụ, Hồ Xuân Hương gọi mặt trăng là 'trái': Một trái trăng thu chín mõm mòm', Hàn Mặc Tử đặt một nhóm từ mới khá độc đáo: mùa xuân chín: 'Khách xa gặp lúc mùa xuân chín'. Dưới ngòi bút Nguyễn Khuyến, chiếc thuyền nhỏ bập bềnh trên sóng nước từ xa trở thành một chiếc lá 'Một lá về đâu xa thăm thẳm'. Chế Lan Viên thời tiền chiến, có câu thơ dùng nhiều ẩn dụ, lạ thì có lạ nhưng hơi cầu kỳ:

Trưa gọi kêu, nâng ngực gió lên trời
Bên vú trái tròn, lá bỗng run môi

Hoán dụ là hình thức biểu đạt một khái niệm khác có chung với nó một quan hệ tất yếu hoặc giữa nguyên nhân và kết quả, hoặc giữa vật liệu và thành phẩm, giữa vật chứa và lượng chứa. Đó là định nghĩa thường hay thấy ở các quyển từ điển tiếng Việt. Huy Cận rút khái niệm 'bờ cỏ màu xanh' thành 'bờ xanh' khiến câu thơ

hàm xúc hơn: 'Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng'. Xuân Diệu sử dụng biện pháp hoán dụ một cách tài tình trong bài thơ ngắn này:

Anh cầm mùi dạ lan hương
Trong tay đi đến người thương không cùng
Dạ hương thơm nức lạ lùng
Tưởng như đi mãi không cùng mùi hương.

Người ta cũng có thể cường điệu lên một chút để có một hình tượng đẹp:

Bây giờ tôi chỉ còn một mảnh trời xanh
cho em lau mặt
Tôi chỉ còn tôi
cho em do những bước ra đi

(Thi Vũ)

Khó nhất trong loại hình tượng này là biết dừng lại đúng chỗ đến không sa vào sự ồn ào khoa trương. Cường điệu như Nguyên Sa trong hai câu thơ này là vừa phải, nghe dễ thương:

Nắng Saigon anh đi mà chợt mát
Bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông.

Cũng có rất nhiều nhà thơ thường sử dụng đến một biện pháp khác để xây dựng hình tượng thơ. Đó là *sự so sánh*. Ta chưa có đủ tài liệu để tra cứu xem có phải trước đây, ngày xưa, người ta chỉ so sánh giữa hai cái cụ thể với nhau hoặc giữa cái trừu tượng với một cái cụ thể chăng.

So sánh giữa hai cái cụ thể:

Hà hoa hồng tự nhan
(Hoa sen đỏ như má hồng)

(Hồ Tông Thốc)

Gió chiều như hơi thở

(Nhất Hạnh)

Đàn ghê như nước, lạnh, trời ơi

(Xuân Diệu)

So sánh giữa một khái niệm trừu tượng với một cái gì cụ thể hơn:

Sầu đong càng lắc càng đầy
Ba thu dọn lại một ngày dài ghê

(Nguyễn Du)

Hồn tôi lưới nhện giăng ngoài song thưa

(Hà Huyền Chi)

Tháng giêng ngon như một cặp môi gần

(Xuân Diệu)

Mùa Xuân tròn trịa
Như bụng mang thai...

(Huy Cận)

Làm thân con gái
Buồn như lá cây
Chút hồn thơ dại
Xanh xao ngày tháng

(Nhã Ca)

Tôi có cảm tưởng, chỉ trong thế kỷ này, mới bắt đầu xuất hiện loại so sánh thứ ba: so sánh một vật cụ thể với một ý niệm trừu tượng. Có lẽ Hàn Mặc Tử là người sử dụng đầu tiên:

Mới lớn lên trăng đã thẹn thò
Thơm như tình ái của ni cô

Theo chiều hướng này, chúng ta bắt gặp nhiều câu thơ có sự so sánh đầy sáng tạo:

Văn Cao. *'Những cánh cò trắng như giấc mộng'*

Tế Hanh: *'Hoa cúc vàng như nỗi nhớ dây dưa'*

Nguyễn Đức Sơn, nhà thơ có nhiều hình tượng ngang ngược nhất Việt Nam cũng sử dụng cách thức so sánh này và để lại một câu thơ dễ thương vô cùng:

Buồn như hỏi mối dại mới xin yêu

Điều này phải chăng thể hiện xu hướng ngày càng nhiều hình tượng trừu tượng hóa trong thơ hiện nay? Có điều, hiện nay, người ta dễ thấy các nhà thơ hay nhìn mọi sự dưới ánh-mắt-tâm-trạng rõ hơn ngày trước. Cụ thể nhất là sự xuất hiện những màu sắc mới trong thơ gần đây:

'Nhìn theo chỉ thấy một màu buồn thiu'

(Lâm Hảo Dũng)

'Ôi những khoảng đồng xanh.
Ngát một màu tưởng nhớ'

(Như Chi)

'Bảo rằng thu, từ, thì thu.
Nắng mưa gì cũng một màu nhớ thương'

(Cung Vũ)

'Quay nhìn lại thấy hàng rau.
Ô hay ngọn lá ướt màu hư linh'

(Huy Tưởng)

Bên cạnh những biện pháp quan sát, nhân cách hóa, dùng ẩn dụ và hoán dụ, cường điệu, so sánh, người ta còn có thêm một biện pháp nữa để xây dựng hình tượng thơ, đó là *sự liên tưởng*. Liên tưởng để nắm bắt mối quan hệ ngầm ẩn giấu giữa hai hiện tượng ngỡ xa cách nhau. Chúng ta ai lại chẳng nhìn đến cả hàng vạn lần cảnh nắng soi trên vách thế nhưng chỉ Nguyễn Công Trứ là thấy:

Mặt trời đẻ trứng gà trên vách

Tiếng gà gáy xảy ra cùng lúc với vầng trăng lặn tạo cho Hàn Mặc Tử sự liên tưởng kỳ thú:

Tiếng gà gáy rụng trăng đầu hạ,

Ánh chiều lấp lánh trên cánh chim đang chao bay giữa không gian gợi cho Huy Cận sự liên tưởng là hoàng hôn đang rơi xuống từ cánh chim nghiêng:

Chim nghiêng cánh nhỏ : bóng chiều sa

Cũng Huy Cận khi nhìn gió thổi theo chiều ngang và sóng dậy theo chiều đứng đã liên tưởng đến hình ảnh một bài thơ với vần bằng và vần trắc:

Gió thổi vần bằng, sóng dời vần trắc
Chiếc võng thơ giữa hai vần dìu dặt

Màu đen trên mái tóc, vẻ xanh xao trên đôi môi mọng một người con gái hiện lên trong thơ Bích Khê một vẻ đẹp đầy mộng:

Đêm u huyền ngủ mơ trên mái tóc
Vài chút trăng say đọng ở làn môi

Một hai chiếc lá vàng rụng trên vai áo, với Nguyễn Đức Sơn, trở thành:

Cả mùa thu vàng rụng xuống đôi vai.

Đây là biện pháp khó nhất trong việc xây dựng hình tượng thơ: đòi hỏi nhiều tài hoa. Cần phải có óc liên tưởng bén nhạy, cần có trí tưởng tượng phong phú. Nếu không, dễ trở thành ngô nghê.

*
* *

Có lẽ không phải hiện nay, mà, tôi nghĩ, thời nào cũng thế, có vô số người định làm thơ mà không bao giờ quan tâm đúng mức đến việc xây dựng hình tượng thơ cho đẹp và sắc, trong khi, dù theo bất cứ quan điểm sáng tác nào, hình tượng vẫn luôn là một trong những yếu tố quyết định giá trị của thơ. Ngược lại, không hiếm người với tham vọng tạo cho mình một dáng vẻ riêng, ham hố dựng lên những hình tượng ngỡ là tân kỳ nhưng thực ra lại rất xa thơ, thậm chí phi thơ.

Vấn đề sáng tạo hình tượng, nghĩ cho cùng, là vấn đề cách nhìn. Chúng ta quen nhìn mọi vật trên mặt đất theo hướng từ dưới lên trên. Nhìn một dòng sông đang chảy cuồn cuộn, một nhà thơ đời Đường có cảm giác con sông đang chảy vắt lên mây trắng (Hoàng hà viễn thướng bạch vân gian), Cao Bá Quát lại có cảm giác nhìn một thanh gươm lấp loáng dựng sững giữa nền trời xanh (Trường giang như kiếm lập thiên thanh). Những hình tượng đẹp. Tuy nhiên, cách nhìn như vậy đến một lúc nào đó hết còn là sự sáng tạo, trở thành nhàm. Chế Lan Viên có một thời tuổi nhỏ quẩn dưới chân mấy ngọn tháp chàm ở Qui Nhơn mà vẫn không dựng nổi một hình tượng nào cho độc đáo:

Đây những tháp gầy mòn vì mong đợi,
Những đền xưa đổ nát dưới thời gian.

Chỉ cần thay đổi cách nhìn. Nhìn ngược lại. Nhìn từ trên cao nhìn xuống. Nhìn cái nhìn của trăng, của sao, của nắng lộng, của sương buông, lần đầu tiên, Văn Cao làm cho những ngọn tháp chàm mòn mỏi quạnh quẽ kia bỗng dưng hoá thành thơ, đọng lại hoài trong trí nhớ con người:

Từ trời xanh
rơi
vài giọt tháp chàm.

Vấn đề sáng tạo hình tượng cũng là vấn đề tư tưởng. Cũng là thời gian nhưng Dương Khuê chán chường buông trôi như một xác lá chết chỉ thấy:

Năm năm tháng tháng ngày ngày
Lần lần lữa lữa rày rày mai mai.

Trần Dần cũng quẫn bế tắc chỉ thấy :

Ngày và đêm như lũ trẻ mồ côi
Lũ lượt giắt nhau đi buồn bã

Thanh Nam bi quan :

Tờ lịch đầu năm rớt hững hờ

Phạm Công Thiện chán nản :

Hơi thở giết thời gian

Thi Vũ nhiều niềm tin :

Mặt trời nhìn hoa đếm tuổi

Thời tiền chiến, có hai nhà thơ yêu trăng và viết về trăng hay nhất: Xuân Diệu và Hàn Mặc Tử. Nhưng hai người khác nhau biết mấy. Ánh trăng nhạt, với Xuân Diệu:

Trăng vừa đủ sáng để gây mơ

với Hàn Mặc Tử :

Ánh trăng mỏng quá không che nổi
Những vẻ xanh xao của mặt hồ
Những nét buồn buồn tơ liễu rũ
Những lời van vỉ của hư vô.

Cảm xúc khác nhau, cách nhìn trăng của họ cũng khác nhau: Xuân Diệu thường tả ánh trăng, bóng sáng của trăng; Hàn Mặc Tử không nhìn ngay vào mặt trăng, quầng trăng. Xuân Diệu tìm đến với trăng để say một vẻ đẹp vô ngần trong trời đất. Hàn Mặc Tử tìm đến với trăng để quên lãng các nỗi đau vô tận của cuộc đời. Với Xuân Diệu trăng là tình nhân; trăng chắp cánh cho mộng bay cao. Với Hàn Mặc Tử, trăng là một sự cứu rỗi; trăng hư-ảo-hóa mọi nỗi đọa đày và khổ nhục.

Hình tượng là một trong những yếu tố quan trọng nhất quyết định giá trị của thơ. Nhưng đừng ham hố. Hình tượng nên *gợi* hơn là *tả*. Hình tượng trong thơ không là một phó bản của thiên nhiên mà là một biểu hiện của lòng người. Hình tượng mở ra một khung

cảnh nhưng qua khung cảnh ấy, mục đích chủ yếu là dẫn người đọc tiếp cận với tâm tư nhà thơ. Thơ không đòi hỏi người ta phải tả một làn mây y hệt như làn mây đang bay lãng đãng trên bầu trời. Mà chỉ yêu cầu tả đúng cái làn mây nào đó đang bềnh bồng, thấp thoáng trong lòng.

Thơ tả cảnh của Huy Cận thời tiền chiến thường có tính chất 'phi ngã': chỉ có cảnh chứ không có người:

Bổng dưng buồn bã không gian
Mây bay lũy thấp giang nàn âm u
Vai cao gót lẫn trong mù
Xuống rừng nẻo thuộc nhìn thu mới về
Sắc trời trôi nhạt dưới khe
Chim đi lá rụng cành nghe lạnh lùng
Sầu thu lên vút song song
Với cây hiu quạnh với lòng quạnh hiu
Non xanh ngây cả trời chiều
— Nhân gian e cũng tiêu điều dưới kia.

Chỉ có trời cao với mây bay và chim bay; chỉ có lũng thấp với nai, với suối, với lá vàng và những cành cây khẳng khiu. Hoàn toàn không có con người. Bởi con người đã nhập hồn vào với cảnh. Bởi cảnh đã hoá thành người. Cái không gian bổng dưng buồn bã ấy, có phải không chính là tấm lòng nhà thơ bổng dưng đâm ra bâng khuâng? Hình tượng trong bài thơ nhiều song lại rất mờ, cứ hư hư ảo ảo như không có thật để cho cái cảm giác hiu hắt của tác giả nổi lên, lan ra man mác, đọng lại trong lòng người đọc một dư âm ngậm ngùi.

Ở đây, cảnh chỉ là cái cớ. Hình tượng trở thành biểu tượng.

Trong Truyện Kiều có hằng hà những hình tượng đẹp. Và không có hình tượng nào được dựng lên một cách ngẫu nhiên. Hình tượng nào cũng bàng bạc cảm xúc và biểu hiện rõ rệt một tâm trạng,khi Kiều rời nhà đi theo Mã Giám Sinh:

Đoạn trường thay lúc phân kỳ
Vó câu khấp khểnh bánh xe gập ghềnh.

Người ta nghe được tiếng vó câu khua. Người ta thấy được chiếc xe đang bị dằn xóc. Nhưng người ta cũng "nghe" cả được tiếng khóc đau đớn đến não nề của Kiều. Và người ta cũng "thấy" cả hình ảnh nàng Kiều mảnh mai yếu ớt đang run rẩy theo từng cơn thổn thức.

Sau bữa tiệc tiễn hành ở trường đình, Kiều thực sự lên đường, thực sự đi xa:

Đùng đùng gió giục mây vần
Một xe trong cõi hồng trần như bay.

Hình như Kiều linh cảm được những giông bão sẽ ập đến cuộc

đời nàng. Cha mẹ, các em... một thoát đã thành xa lắc. Kiều cảm thấy lẻ loi hơn bao giờ. Cần gì mà Nguyễn Du phải thêm cái từ chỉ số lượng "một" trước xe thành "một xe" chứ không là "chiếc xe" nếu Nguyễn Du không đồng hoá Kiều với hình ảnh chiếc xe nhỏ bé, trơ trọi đang lao đi vùn vụt giữa cõi "gió giục mây vần"?

"Cho nên, nói đến hình tượng trong thơ, điều đó có nghĩa là nói đến một chút cảnh sắc của thiên nhiên, của cuộc đời cộng với một trái tim của nhà thơ. Cũng như là họa. Chức năng của họa đâu phải là vẽ lại, vẽ cho thật đúng, thật tỉ mỉ từng chi tiết của cảnh vật, điều mà ai cũng thấy.

Hình tượng trong thơ là hình-tượng-biểu-tượng - hoá, trước hết phải có giá trị thẩm mỹ và ngay sau đó, là giá trị biểu cảm. Hình tượng trong thơ là chân-dung-tâm-hồn nhà thơ.

Có một thời nào đó trong lịch sử nhân loại, có một số người coi chức năng chủ yếu của thơ là vẽ lại. Thơ là bức tranh, thuần túy chỉ là bức tranh bằng lời. Ngoài cảnh vật, không có gì cả. Nhưng cái thời ấy đã qua rồi. Qua lâu rồi. Mà cũng phải. Nếu thơ chỉ đơn giản là một sự vẽ lại, hay nói một cách hiện đại hơn, là một "phản ánh" thiên nhiên thì, thật ra, người ta đâu cần gì đến thơ. Tôi sẽ là một trong những người đầu tiên ném thơ đi, để tự mình mình, tôi sẽ nhìn vào cuộc đời, nhìn vào thiên nhiên để đọc tạm bài thơ dở dang của tạo hoá: bài thơ chưa kịp gieo vần.

Như Chi

Chỉ

Niệm trùng trùng nối niệm
lặng yên pháp pháp dừng
Quẩn quanh vòng sáu cõi
Chẳng mất chút thung dung

Nguyên sơ

Hồn nhiên mây gió thổi
Mầu nắng đọi chiêm bao
Bước trên ngàn mây nổi
Đường nguôi lặng khát khao

Như

Tóc trắng hồn thơ trẻ
Thời gian chẳng đổi ta
Tháng năm là chuyện kể
Nắng mưa đâu tuổi già ?

Trần thị Núi Sông

Niềm mơ ước lặng thầm.

Trái tim chàng rất rộng
Ta một mình rong chơi
Trời thu giăng mây xám
Hỡn chàng xanh núi đời

Tóc chàng năm tháng mỏi
Sầu lòng ta trùng trùng
Đôi mắt chàng thương xót
Đập cửa oan khiên bung

Tắp ngoài khơi biển lớn
Đầu dựa trên vai chàng
Và mạch đời ngưng chẩy
Đôi tình nhân lang thang

Chàng mời ta bước vào
Mỉm cười rưng giọt lệ
Lửa ngùn ngụt trong tim
Sau lưng đời hoang phế

Chiều tàn, đêm chết lặng
Đau thương đã mệt nhoài
Ôi mươi năm còn lại
Ngày lưu vong cũng phai

Ngu Yên

Thơ Hài Cú và Tân Hài Cú.

Bên giòng sông, theo nước chảy lặng lờ. Sương mù rơi, cảnh chiều đẹp như mơ. Cạnh cầu gỗ, thi sĩ chìm trầm lặng, nghe thiên nhiên hòa điệu. Tình cờ:

Tiếng con ếch nhảy xuống nước — "boỏm"
xuất thần thi sĩ phóng bút thơ. (1)

Giòng sông xuôi trong giòng nước chảy. Lòng sông chở muôn lẽ diệu huyền. Tiến hóa đương nhiên ếch về nước. Động lòng người cảm lý ngẫu nhiên.

Vài thế kỷ sau, chung cảnh cũ, cũng giòng sông chảy, cũng sương mờ nhưng chiếc cầu sắt thay cầu gỗ. Tiếng ếch chìm vào tiếng động cơ. Qua cầu thiếu nữ khua gót mạnh, vội vã chiếm đời những bước mau.Thi sĩ vẫn hồn thơ Hài Cú, nghe thấm hương tình thơm chiêm bao:

Dưới cầu ta ngồi câu
thiếu nữ bận váy đi ngang đầu
tóc thơm đến hôm sau.

THƠ HÀI CÚ CỔ ĐIỂN là một vầng trăng lạc lõng tên vòm trời bao la đã làm cho thi sĩ cảm thấy được nỗi cô đơn của con người. Lạc lõng từng ngày không biết sẽ về đâu như vầng trăng đêm lên sáng lặn :

Dẫn bước chân đi tới
bóng ngã lui về hướng quê nhà
theo trăng đến phương xa. (2)

Là một tiếng dế kêu trong giây phút cuối cùng. Kể cho thi sĩ nghe những lời ước ao sự sống:

Con dế đang hấp hối
tiếng gáy đầy khao khát cuộc đời
ôi, điệu nhạc tuyệt vời. (3)

Là bông hoa vừa nở. Mùa xuân vừa tìm thấy. Niềm vui và gặp lại:

Cái gì quên đã lâu:
chậu đất bây giờ hoa vừa nở
mùa xuân đã khởi đầu. (4)

Là cảm xúc được ghi nhận trong khoảnh khắc khi thi sĩ mở rộng tâm hồn đón nhận vũ trụ, vạn vật xung quanh. Trong cơ trời vận chuyển bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông, THƠ HÀI CÚ DIỄN TẢ SỰ LIÊN HỆ GIỮA TÂM TÌNH CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN. Không phải mượn hình ảnh của cảnh vật trong đời sống để biểu lộ tâm tư mà chính thi sĩ đã thả hồn hòa lắng trong cảnh vật, giữa lúc rung cảm đến xuất thần, đã thốt nên lời thơ Hài Cú. "Cảm xúc về cây thông phải từ thân lá thông, cảm xúc về bụi tre phải từ gốc rễ tre. (5) Không phải là cây thông sao cảm nổi lá xanh trong mùa đông. Không phải là thân tre sao biết nó rỗng ruột. Thi sĩ không giải thích thiên nhiên theo tâm ý riêng mình mà đứng về phía thiên nhiên để cảm xúc nói ra những gì đã cảm nhận. Người yêu và người được yêu, mỗi người có một tâm sự riêng. Người cho và người nhận, mỗi người có cảm nghiệm khác nhau. Kẻ ngoại tình dễ cảm tiếng mèo kêu rượn đực về đêm. Kẻ thất chí dễ động lòng khi nhìn con ốc bò chậm chạp:

Ốc sên
anh bạn nhỏ tôi ơi
chậm rãi, ôi, chậm rãi, trèo lên Phú sĩ sơn. (6)

Nhưng thời gian trôi qua
những thế kỷ trôi qua
chiếc cầu sắt đã thay chiếc cầu gỗ
âm thanh "boỏm" đã chìm lắng nhạt nhoà
trong biến đổi của văn minh cơ khí
hồn con người thêm lạc lõng xót xa.

Vầng trăng hôm nay vẫn một mình trên vòm trời vô tận, vẫn soi người trên mặt đất bao la nhưng đã soi rõ thêm cuộc đời bất trắc, tình người thảm thương. Soi rõ những an lành đang ly tan, đổ nát:

Cánh cửa gương đã vỡ
phản chiếu nửa vành trăng đơn côi
và nửa khuôn mặt tôi. (7)

Rồi vầng trăng rụng khỏi mối tương quan giữa con người và vũ trụ. Ra ngoài quĩ đạo của tinh thần cổ điển. Trăng Hài Cú mọc lên giữa liên hệ người với người:

Khi đàn bà mập phệ
cúi mình lên trên những trái cà
trăng mọc tròn đầy đặn. (8)

tiếng dế kêu không còn hùng hực sự sống mà nhỏ bé, run sợ dưới thảm họa thiên nhiên:

Tiếng dế...
rồi
sấm sét. (9)

Nếu ngày xưa, bông hoa nở để nhắc nhớ mùa xuân, để mang lại niềm vui. Ngày nay, hoa trong đời vẫn nở, có ai thấy hay không?

Không ai còn trông thấy
hoa trắng
nở trên tuyết trắng. (10)

Mùa đông khi tuyết rơi trắng xóa, hoa đỏ, hoa vàng, hoa tím, hoa xanh đều hóa trắng. Người vàng, người đỏ, người trắng, người đen đều như nhau. Hoa không cần thiết phải mọc trong vũ trụ nên hoa vội vã mọc trong tình người. Mọc từ những liên hệ không thanh cao nhưng thiết thực:

Trời cuối mùa tháng tám
em mang tặng chàng một vườn hoa
trong váy đầm nỏn nà. (11)

TÂN HÀI CÚ không phải là chiếc áo mới khoác lên một thân thể cũ mà chính là một linh hồn đang băn khoăn về cuộc sống hiện tại. Đạo lý không phải chỉ sẵn có nơi thiên nhiên mà từ lâu đã có trong tim người xung quanh và trong chính trái tim của thi sĩ.

Chẳng những từ chiếc lá mới cảm thấu cô đơn:

Không gì hiu quạnh hơn
cây Bàng Đồng có lá
giống như hình trái tim. (12)

mà một chiếc móc áo cũng nói được nỗi niềm:

Trong căn phòng trống trải
một chiếc móc áo mãi đong đưa
cân đo niềm im lặng. (13)

nghe còn thảm thiết hơn, kinh khiếp hơn vì cô đơn chẳng những đến từ thiên tạo mà còn đến vì nhân tạo.

Thiên nhiên gây sợ hãi cho con người. Đã đành. Con người còn gây sợ hãi cho nhau. Không những bởi chiến tranh, giết chóc, tội ác, hiểu lầm. Không những bởi cử chỉ, lời nói thù hằn, đe dọa mà còn cả những giao thiệp bình thường nhã nhặn:

Cứ tưởng
không bao giờ phải già
hôm nay gặp đứa trẻ
đã chào tôi — "thưa ông". (14)

Người gây sợ hãi cho người. Chưa đủ. Tự mình gây sợ hãi cho chính mình mới khủng khiếp hơn:

Phản chiếu trong tấm gương
thấy cánh cửa đang mở
đóng mạnh phía sau lưng. (15)

Tân Hài Cú vẫn là cảm xúc của thi sĩ liên hệ với thiên nhiên nhưng đã mở rộng tầm liên hệ đối với đồng loại (16) và đối với cá nhân của họ. Nhất là những liên hệ họ phải trực tiếp gặp gỡ, đối diện, ôm ấp hàng ngày trong cuộc sống.

Một trong những thay đổi lớn lao không tìm thấy trong tinh thần thơ cổ điển là liên hệ tình dục.

Một mùa thu lá vàng. Một hoàng hôn chết nắng. Một mùa xuân nở hoa. Một cánh bướm chập chờn. Một tiếng chuông thánh thoát. Tất cả đều có thể tạo cho thơ những cảm xúc êm đềm, âm u, bàng bạc, siêu thoát nhưng thơ còn thiếu những cảm xúc nảy lửa, rạo rực, thèm khát, điên người. Những rung cảm chân thật mà đa số thi sĩ đều tìm thấy về đêm:

Đêm
bắt đầu tụ lại
giữa đôi bờ ngực nàng. (17)

Có thể tìm thấy trong một căn phòng nhỏ với một vài đồng hai mươi lăm xu:

Thiếu nữ
tháo lỏng nịt vú
khởi sự cởi dần vớ khỏi chân
đèn tắt ngấm tối sầm
Bỏ thêm 25¢ nữa. (18)

Hoặc lang thang tìm ra sự thật dọc theo hè phố hay trong những hẻm nhỏ:

Hôm mờng một tháng giêng
những ngón tay của ả giang hồ
Lạnh ngắt. (19)

Hoặc nhìn nhận những hình ảnh đã có lần lai văng trong trí tưởng:

Khi nàng vừa ngồi xuống
tôi có thể tưởng tượng
thân hình hấp dẫn lúc trần truồng. (20)

Biến hóa theo giòng thơ, Hài Cú cổ điển của thi ca Nhật Bản đã chuyển qua một khúc quanh mới. Không phải là sự khác biệt giữa Đông và Tây mà là sự thay đổi của tâm tình con người.

Hôm nay, trên con đường đi dạo, vừa rung động bởi ánh trăng bàng bạc chiếu xuống, thi sĩ vừa chia sẻ những ánh đèn đường và những ánh đèn xe sáng rực chạy ngược chiều. Vừa đam mê thưởng thức bông hoa đẹp vừa để phòng thử có vượt phạm vi vào vườn tược của tư nhân nào không. Kẻo mang tội xâm phạm gia cư bất hợp pháp. Buổi sớm lá vàng rơi, buổi chiều đã được dọn dẹp sạch sẽ. Hôm qua, giòng sông trong vắt thanh cao, hôm nay, đã lềnh bềnh màng mỡ đầy chất hóa học. Vừa mới được tình yêu phải lo đốt giai đoạn. Không còn thời giờ nhấn nha thưởng thức như

xưa vì người yêu hôm nay thích đổi ý bất ngờ. Trong thời đại như vậy, Hài Cú giữ tên, thay họ TÂN.

Vẫn như xưa, một giòng sông chảy. Vẫn thiên nhiên, chiều đẹp tuyệt vời. Có thiên hạ tranh nhau bơi lội, quấy êm đềm thơ cũng tả tơi. Có thiếu nữ phóng mình xuống nước, vang âm thanh rậm rụt lả lơi. Vẫn thi sĩ hồn thơ Hài Cú. Vẫn xuất thần phóng bút giữa đời.

Ngu Yên

---

(1) A Frog jumps inthe water, plop !
Startled, the poet drops his brush. (Basho.)
(2) Leading me along,
My shadow goes back home
From looking at the moon. (Sodò.)
(3) Dying cricket
how full of life
his song. (Basho.)
(4) A long-Forgotten thing :
a pot where now a flower blooms
this day of Spring! (Shiki.)
(5) Learn about a pine tree from a pine tree, and about
a bamboo plant from bamboo plant." (Basho.)
(6) Snail, my little man
slowly, oh, very slowly
Climb up Fujisan. (Issa.)
(7) A broken window
reflects half the moon
half of me. (Michael Mc Clintock.)
(8) The Fat lady
bends over the tomatoes
a full moon. (Alan pizzarelli.)
(9) Crickets...
then
thunder. (Larry Wiggin.)
(10) White Flowers
in the snow. (Penny Harter.)
(11) Late August
I bring him the garden
in my skirt. (Alexis Rotella.)
Nothing more lonely
heart-shaped
paulownia leaf. (Basho.)
(13) Empty room :

one swinging coat hanger
measures the silence. (Jack Cain.)

(14) thought i'd
never grow old
today met a kid
said to me
"Mister." (Michael Mc Clintock.)

(15) In the mirror
the open door
blows shut behind me. (Penny Harter.)

(16) Senryu là một loại thơ cổ điển của Nhật. Có cùng thể thơ 5-7-5 onji như thơ Hài Cú nhưng chuyên diễn đạt sự liên hệ giữa con người và con người với phong thái diễu cợt, châm biếm. Có người đề nghị gọi thơ Hài Cú nào diễn tả liên hệ giữa người và người là thơ "Senryu nghiêm trang."

(17) Night begins to gather between her breasts. (George Swede.)

(18) The girl
loosens her bra
starts peeling off panties
darkers
25¢ (Alan Pizzarelli.)

(19) January first
the fingers of the prostitute cold. (Bob Boldman.)
As she sits
I imagine her
firm and exciting body... nude. (Louis Cuneo.)

TÀI LIỆU THAM KHẢO :

1. *Harold Stewart. "A Chime of Windbells". Xuất bản Charles E. Turtle Co. Inc. Rutland, Vermon & Tokyo, Japan. 1969.*
2. *Harold G. Henderson. "An Introduction to Haiku". Double day and Co., Inc. Gardne City, New York. 1958.*
3. *Kenneth Yasuda. "The Japanese Haiku". Charles E. Turtle Co. Inc. 1985.*
4. *Lucien Stryk. "On Love and Barley: Haiku of Basho." Penguin Books Ltd. New York. 1985.*
5. *Cor V.D. Hevvel. "The Haiku Anthology". Simon & Schuster. Inc. New York. 1985.*

Thái Tú Hạp

Nghe suốt đời ta một núi sông

tưởng như đang ở cùng sông núi
ta thở cùng sen mùa hạ sang
ta uống cùng em con suối ngoan
thành nội tiếng chim khua cành nhẫn
con đường đỏ thắm phượng ven sông
em xõa tóc ngồi thơm nức bưởi
trưa hè thanh thoát tiếng chuông ngân
tiếng võng từ trong tiềm thức dậy
mẹ ru yêu dấu chật hồn con
tuổi thơ nắng đọng bên hàng dậu
nghe suốt đời ta một núi sông

ta ở bên này thăm thẳm nhớ
mười năm nuôi mãi chút lòng son
trắng tay phiêu bạt đời hư ảo
hiu hắt hồn thơ với nước non
vẫn tưởng như lòng bên cố quốc
thoảng hơi vàng nắng đọng bâng khuâng
trong vườn im vắng từ hơi lá
trưa hạ nao nao chạnh nhớ nhà
về đâu hỡi đám mây viễn xứ
bỏ lại giòng sông bến nước ta.

Trầm Phục Khắc

Đêm ta ghìm thép nổ

Cả đàn em ngủ thiếp quê hương
Mỗi tấm gương muôn ảnh khác thường
Dưới lớp da trần son chế độ
Đây mầu hồ-phách ẩn vào sương

Chữ nghĩa rao ầm quanh tuổi học
Hình nộm treo đầy nẻo mến thương
Sáng nay sách vở là công cụ
Đốt hết cho hoa nở khắp trường

Ta bám lao xao tầu thế kỷ
Lòng nhủ lòng quên cuộc ở đi
Anh mua đất đỏ mùa lương thực
Em vẫn ung dung mảnh lúa nghèo

Chân bước co ro nẻo mặt trời
Tay sờ soạng nắm mảnh hồn dơi
Nghe em hát vọng ngoài Đông-Hải
Ánh thép ta ghìm nổ gió khơi

BÁC SĨ
VƯƠNG ĐỨC HẬU M.D
DIPLOMATE AMERICAN BOARD
OF OBSTETRICS & GYNECOLOGY
F . A . C . O . G

* *Fellow of American College of Obstetrics and Gynecology*
* *Văn bằng chuyên môn sản phụ khoa Hoa Kỳ*
* *Cựu thường trú và tốt nghiệp hậu đại học sản phụ khoa tại Hollywood Presbyterian Hospital và USC Women Hospital , Los Angeles.*
* *Bác sĩ chuyên môn sản phụ khoa hành nghề tư đầu tiên tại California.*
* *Giảng huấn viên tại UCI Medical Center, Khu sản phụ khoa.*

Với sự cộng tác đặc biệt của nữ bác sĩ :
NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG
Diplomate American Board of Family Practice
Tốt nghiệp chuyên môn Y khoa Gia đình tại UCI

CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ

Thăm thai và đỡ đẻ. Bệnh đàn bà. Huyết trắng. Kế hoạch hoá gia đình : Cột hoặc đốt ống dẫn trứng. Kinh nguyệt bất thường. Hiếm muộn và giải phẫu hiếm muộn. Giải phẫu bệnh phụ nữ. Bệnh sa tử cung và sửa âm đạo. Truy tầm và chữa trị ung thư cổ tử cung...

Phòng mạch tại :
14536 Brookhurst Street, Phòng 101
(Góc Brookhurst và Hazard)
Westminster, CA 92683

ĐIỆN THOẠI : (714) 531 5505

Giờ khám bệnh : Thứ hai đến thứ sáu : 10.00 đến 6.00
Thứ bảy : 9.30 đến 2.00 PM
Nghỉ thứ tư và Chủ nhật . Xin vui lòng lấy hẹn

Lê Mỹ Hương

Trận địa lún.

(Một chương tiểu thuyết viết muộn 30 năm)

Tám Lọ chạy vắt giò lên cổ về tới văn phòng Quản đốc Nông trường mệt thở không ra hơi, tiếng nói đứt quãng:

— Con trâu cắm bẫy Quy...ết Thắng mắc lầy rồi, ông Quản đốc!

Mái tóc hoa râm vẫn cúi trên trang giấy, ông Quản đốc trả lời:

— Trâu mắc lầy bộ trong Nam lạ lắm sao mà anh phải báo cáo?

— Dạ trong tôi thì khác !

— Khác sao? — Bộ mặt xương ngước lên, hai ngón tay trịt cặp kính lòa xuống chót mũi, ông Quản đốc nhìn Tám Lọ chừng mười một giây đồng hồ rồi nói — Kêu anh Trưởng khu vực Sông Lô ra cõng nó lên. Còn anh, anh là Tổ trưởng chăn nuôi, anh phải chịu trách nhiệm. Trâu quốc doanh mua từ tỉnh Thái Bình về không phải trâu cá thể đâu nghe. Trung ương ưu tiên cho mình đó.

— Dạ, ông Khu trưởng Sông Lô đang ở dưới đám sình.

— Ảnh cũng mắc sình luôn à ?

— Dạ không, ổng đang lôi con Quyết Thắng ra.

— Còn con Mường Thanh, Mường Khương, Mường La...

— Dạ, tôi đập chúng nó đi xa hết rồi, ông Quản đốc! Tám Lọ gãi đầu gãi tai — Cái bãi sình này kỳ lắm đó, thưa Quản đốc.

— Chẳng kỳ gì ráo. Hễ ruộng thì có ruộng khô ruộng nước. Trâu xuống ruộng nước mắc lầy có gì là kỳ?

— Dạ, càng kéo nó càng lún !

— Lún là bởi vì nó cựa quậy anh hiểu chưa? Đừng cho nó cựa quậy nữa là hết bị lún. Rồi anh "nám" một bên sừng như ri này — ông Quản đốc đưa hai tay ra dấu, — anh Khu trưởng "nám" một bên sừng, lôi tuột nó lên. Dễ quá, có gì đâu mà phải báo cáo. Anh "nám được ván-đề" chưa? Thôi về đi, tôi chờ đợi kết quả!

Ông Quản đốc là người Quảng Nghĩa cho nên phát âm có phần lọa tai. Thay vì "nắm được vấn đề" ông lại "nám được ván đè". Câu này được dùng để chọc nhau cười khắp các từng lớp nhân viên cán bộ.

Tám Lọ không đáp nhớ cũng không dám nói không, quay nửa vòng tròn rồi đâm đầu chạy. Đám mắc lầy xảy ra ở giữa cánh đồng Chum. Lính Nam kỳ sau 10 năm đánh giặc Tây rất anh hùng bây giờ tập kết lại được rước tới đây đánh giặc cỏ, nên bất mãn gọi cánh đồng Năn là cánh đồng Chum, ý nói họ bị nhét vô hũ nút, cho đảng ta biết mặt!

Dân địa phương gọi nó là Đồng Năn vì cánh đồng mọc toàn năn, đâu từ đời Hồng Bàng tới bây giờ, lớp cũ lớp mới đầu đỏ chạch, không có cày bừa nào phá nổi. Nằm gần bờ biển, nên nó vừa mặn lại vừa chua. Đã mặn chua lại lồi lõm không đều, chỗ thì hạn quanh năm, nơi lại kinh niên thâm úng. Dân cư trước đã thưa thớt sống vây quanh như tứ trụ, sau hòa bình một số lại bỏ đi Nam. Ai kiên nhẫn lắm cũng chỉ moi được một khoảng đắp bờ giữ nước và nhờ thời gian mà cải tạo dần đất chua ra đất ngọt. Mấy ông Tây Cà Lồ ngày xửa ngày xưa cũng đã từng đến đây cặm dùi mở đồn điền, định trồng thứ cây cảnh gì không rõ, nhưng chỉ vài tháng là chạy te. Vậy mà bây giờ cách mạng khua chiêng gõ mõ *"Vắt đất ra nước, thay trời làm mưa,"* định biến cánh đồng Chum xứ Nghệ này ra nông trường màu mỡ như Kholkhoz ở Tây Bá Lợi của Liên Xô! Trước nhất dựng một tấm biển như cổng tam quan, nơi con đường đất đỏ dẫn vào nông trường gối đầu lên Quốc lộ 1, nền đỏ chữ vàng: "Nông trường Quốc Doanh, chữ nhỏ, đè trên SAO VÀNG chữ to nét mập gấp ba. Và để nêu bật ý nghĩa hơn, một ông sao chen giữa như một thằng người đầu nhọn đứng dang tay dang chân, đâm xoạc ra cả hai phía. Rồi cắm cọc phân ranh đặt tên các khu vực: Sông Lô, Chiến Thắng v.v... Các tổ sản xuất, rồi đến trâu, cũng được mang tên cách mạng. Như con trâu cầm bầy quốc doanh Quyết Thắng đang mắc lầy ở cánh đồng Chum hôm nay.

Tám Lọ về đến nơi thì đám mắc lầy đã tăng nhân số từ hai lên năm, kể cả Quyết Thắng. Như vậy con số đã nhảy vọt hai trăm phần trăm, nếu không tính Quyết Thắng (Mần kinh tế kinh tề phải biết thống kê, thống kiếc, cái gì cũng phải tính ra phần trăm. Ông Quản Đốc bảo thế). Quyết Thắng đang đứng lút bốn giò xuống sình giữa trận địa năn tua tủa ngọn như gươm dáo dựng. Lúc nó mới sa, ngọn năm chỉ nhô lên tới lưng, bây giờ gần phủ kín.

Không kéo cày mà mệt, nó thở phì phì, bộ da nó rùn rùn từng chập để xua đàn muỗi mòng đang bu đen khắp châu thân. Đầu nó hơi gục vì sức nặng của cặp sừng bẹt chãng giờ này đã trở thành vô dụng trước sức ham hút của lũ giặc cỏ vòi. Nó báng lia lịa nhưng

đám muỗi mòng chỉ tan ra rồi trở lại, chẳng chết con nào.

Duy còn cái đuôi là cầm cự, có kết quả nhưng chỉ hoạt động hạn chế ở hai bên sườn. Bầy muỗi mòng càng bị xua càng trở lại hăng hái hơn, trong lúc đó các đàn hỗn hợp đĩa vắt lại chia nhau hạ bộ cũng không kém béo bở. Chẳng bao lâu đám quân đói lưng đã no tròn, bụng căn rướn bao nhiêu là máu. Ích, Khu trưởng khu Sông Lô bấn cả lên. Vì Quyết Thắng là đơn vị sản xuất tiền tiến của tập thể quốc doanh trâu, đang công tác tại Đồng Chum nằm trong khu vực của ông.

— Ổng nói sao? — Ích hất hàm với Tám Lọ.

— Ổng biểu... mình nắm sừng lôi nó lên.

— Ông không giúp phương thức phương châm phương tiện gì à?

Tám Lọ lắc rồi bước lại đầu trâu, nói :

— Ông là người cùng quê với ổng, đâu ông lên đề nghị ổng giúp thử coi. Ích gạt tay, cái bàn tay bị thương chỉ còn có hai ngón:

— Ổng tưởng con trâu bằng con chó chắc — rồi bảo Tám — Anh chạy về văn phòng khu vực bảo anh Trần Minh đánh kẻng hiệu gọi tổ sản xuất Xung Phong về rồi đưa cả lên đây.

Tám Lọ càn ra khỏi vũng năn chạy biến. Trần Minh là anh văn sĩ trẻ Nam Bộ tập kết. Trần được giải thưởng Cửu Long ở Nam Bộ năm 1952, chữ nghĩa lem nhem nhưng đọc được "Ba Ri Thất Thủ" của Ê răng bua, "Người Mẹ" của Goóc-Ki và Đất Vỡ Hoang của Sô-lô-cốp trong thời kỳ kháng chiến. Trần nuôi mộng lớn trở thành một nhà văn xã hội chủ nghĩa mà tài năng sẽ bằng hoặc vượt tài năng của ba văn hào kể trên gộp lại. Phần Nam Bộ Kháng Chiến thì sẵn một bụng rồi, bây giờ đến góp nhóp vốn xã nghĩa. Nông trường là đơn vị kinh tế chủ yếu. Do đó anh tự nguyện vào làm thư ký Khu Vực. Cái nông trường Sao Vàng này đã giúp anh ta giàn dựng những chương tiểu thuyết đầu tiên với những nhân vật kỳ thú hứa hẹn mộng của anh sẽ thành thực.

Được lệnh Khu trưởng, Trần Minh lập tức gõ kiểng gọi tổ XP rồi ra đồng Chum. Chuyện con Quyết Thắng mắc lầy độc đáo có kém gì chuyện hai bà nông dân người Nga trong Đất Vỡ Hoang tranh đấu, đã lôi đứt cổ một anh ngỗng.

Trần vừa ló tới, bị Khu trưởng Ích quát :

— Anh ghi dùm cho tôi ngay. Kế hoạch trục con Quyết Thắng khỏi sình gồm ba bước như trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi của đồng chí Trường Chinh. Phòng ngự, Cầm cự, Tổng phản công.

Văn sĩ thư ký khu vực đứng ngó ra không hiểu Khu trưởng đùa hay thật, thì ông ta tiếp:

— Chúng ta đã không phòng ngự nên nó rơi xuống sình. Bây

giờ cầm cự! Nghĩa là chống lún. Càng lún càng khó kéo ra. Phải giữ cho nó chỉ ngập đến bụng thôi. Chống lún xong ta phản công nghĩa là lôi tuột nó lên! Anh nào về bảo họ ghé kho mang đòn thừng chão chạc ván ngủ ra đây luôn.

Một chập sau một đoàn quân vận yếm mang lẫn lộn quần tiều nón cối khênh ván, lôi thừng chão tới. Ích vung tay quát:

— Mau lên. Nó lún đến cổ rồi kia. Quái, bằng ấy ông bà mà tha được có ba tấm ván!

Cả hai phái được lệnh dùng chân dậm đám năn chung quanh con Quyết Thắng. Đám loạn năn bị đè bẹp xong, Khu trưởng lại ra lệnh, lần này thì rất chi li. Ông ta trỏ từng người một:

— Hai đồng chí thọc đòn vào nách và háng Quyết Thắng xeo mạnh lên cho hai đồng chí kia luồn ván qua bụng nó. Còn các o thì lôi hai tấm lót hai bên hông nó để mình đi lại khỏi lún. Muốn cứu lún trước nhất mình phải không bị lún, rõ chưa? — rồi lại tiếp tục chỉ định — Còn các anh kia, buộc thừng vào bốn chân và hai cặp sừng của con trâu và mỗi toán phụ trách một sợi, ta chuẩn bị tổng phản công. Rõ cả chưa nào?

Nhưng toán luồn ván không luồn được vì bụng trâu đã lún quá sâu, Ích bảo lấy đòn xuyên qua, đòn nhỏ dễ xuyên hơn ván, nhưng cũng không kết quả. Trong lúc đó thì khối thịt sống kia hình như cứ lún. Tính bằng toán lý hoá, thì một khối nặng nằm trên mặt phẳng của một vật thể sệt và với sức hút của trái đất thì nó sẽ đi theo sức hút với một độ nhanh không lường được. Còn nếu tính bằng số học thì người ta sẽ được tìm ra. Cứ mỗi giây đồng hồ con Quyết Thắng bị lún vô gần trung tâm trái đất một phần ba chục mi-li-mét. Và cứ sau mỗi năm phút thì sự lún đó sẽ gia tăng gấp ba tức là một phần mười mi-li. Ngoài ra nếu cái vật thể đang bị lún cựa quậy thì sức lún sẽ gia tăng theo luật nhảy vọt... xuống. Từ sáng đến giờ Quyết Thắng đi theo qui luật đó.

Ích vung tay, vẫn với bàn tay hai ngón, Ích như muốn nói thêm với mọi người: "Hãy nhìn đây, thành tích giết giặc của ta thế này mà ta không thèm bất mãn, còn các ngươi nhằm nhò gì!" Ích quát:

— Xốc giá tréo như thui bò đám cưới. Xung phong lên!

Chỉ có phương pháp này khả dĩ thi hành được. Thế là bốn cây đòn dài xốc xuống. Nhưng hoàng thiên lại phụ hảo tâm nhơn! Cây nào cây nấy dài cả ba bốn thước tây cắm xuống đều đi tuốt luốt!

Tám Lọ lắc đầu :

— Giống in là "Trấp" ở U-Minh.

Ích đang quạy nhưng cũng ráng hỏi :

— "Trấp" là cái mẹ gì ?"

Rừng U Minh có nhiều chỗ mặt đất thì khô, mà dưới chân

thì lỏng. Ai rủi bước lên đó là sụp tuốt. Cứu không kịp bị "Trấp nuốt" luôn. Cái bãi năn này cũng vậy đó.

Hai người đen mặt, nhất là Ích và Tám Lọ. Nhưng mặt Tám đen vì hồi đánh Tây, gài lựu đạn làm trật chốt, nếu nó nổ thì tiêu tùng rồi, nhưng may nó chỉ xì thành thử cái mặt của Tám đen như bị trời đánh. Do đó mà có chữ Lọ. Còn mặt Ích thì đen vì sình cánh đồng Chum.

Trong lúc chờ lệnh của Khu trưởng, các o đủng đỉnh di động. Những bàn chân vốn quen với đồng ruộng, nhưng từ khi vào nông trường lại nhát bùn. Các o tìm những cụm năn đứng mà bước và bước nhón như đoàn Vũ nữ Trung Quốc múa điệu Hái Chè Bắt Bướm.

Trước kia cánh đồng Chum bị bỏ phế, chẳng ai buồn ngó, các o đã định từ biệt làng, nhưng nông trường đến cắm cọc, thuê tất cả. Các o tự nhiên trở thành nhân viên thụ động có nơi ăn chốn ở trong nông trường, và được lãnh lương công nhựt, cà khịa cũng có tiền. Hơi tí nhức đầu sổ mũi đã lên Phòng Y Tế xin Át-pê-rin, trầy chân sơ sơ đã đòi y tá băng bó. Cô nào cô ấy cứ phây phây nơn nớn ra. Đã vậy lại được mấy anh Nam kỳ xa nhà thiếu thốn tình cảm tán tỉnh như tiên cô. Tuy được ưu đãi cao nhưng năng xuất lao động lại đi theo tỷ lệ ngược. Công việc của các cô là dùng liềm đào tận gốc bốc tận rễ lũ năn đỏ đầu để những tổ cày trâu dọn đất gieo mạ Ba Trăng. Nông trường dự định, ít ra cũng phải gieo sáu công mới đủ mạ cấy khoảnh đất do máy cày vỡ. Nhưng có ai mồm đã sửa Đồng Năn thành Đồng Chum lại sáng tạo hai tiếng "làm cỏ" ra "lặc cỏ". Nữ công nhân viên thụ động lặc cỏ hay lặc cỏ thụ động thì cũng thế.

Thấy các nàng thụ động chuyển động lặc lè, một người sốt ruột giùm Khu trưởng:

— Nhanh lên không? Bộ quần rách đáy sợ năn xọt hả?

Vài người phá lên cười. Một o đang lẽm bẽm nhai trầu vừa lội vừa tết lại mớ tóc xõa, thấy một chị đỉa trâu lượn tìm mồi, đã bỏ chân xuống lại rút quýu lên, kêu bài hãi: "Ô tề, địa chủ đế quốc đuổi theo tề!" rồi quay đầu chạy, chẳng ngờ đụng vào một anh chàng đang vọt tới, cả hai suýt bổ lộn nhào làm đám người cười ré lên. Những tấm ván thất bại trong việc phòng ngự lẫn cầm cự bị lôi xệt về phía trước đầu trâu để làm bàn đạp tổng phản công. Những sợi thừng sợi chão sợi chạc đã được buộc vào chân vào sừng và quàng cả sau đít con Quyết Thắng, thành nhiều mối như bàn tay xoè chìa ra trước mặt nó.

Mấy tấm ván vừa lết tới trước, các o đồm độp phóng cả lên như vọt khỏi thuyền sắp đắm mà lên bờ. Vài o lại xắn cả quần lên tìm đỉa.

Một anh vọt lên đứng giữa khóm hoa biết nói:

Đĩa đây này, một con tổ nái đây có bắt thì bắt. Hề hề! Hí hí! Cả bọn lại rúc rích cười, nhưng lần này tiếng cười bị Khu trưởng Ích phạc ngang bằng một nhát quát. Rồi một anh bồi thêm:

— Ta đã bảo đây là trâu quốc doanh, không phải trâu cá thể nghe chưa?

— Trâu quốc doanh sao béo thế hở Khu trưởng ?

— Bộ trâu quốc doanh thì gầy cả hả. Vô duyên! — Ích trợn mắt — Nắm thừng nắm chão chạc lên. Tôi lạy các ông các bà! Đây là đám ma không phải đám cưới nghe chưa? Con Quyết Thắng ngập đến mũi rồi kia!

Những bàn tay lại chăm rãi nâng những mối dây lên. Một o than:

— Khi...iếp! thừng chão gì mà rắn thế này, nắm buốt tay quá đi mất.

— Tại các o lặc cỏ suốt ngày nên nó buốt, còn kêu?

— Không đùa nữa! — Khu trưởng gắt — Tôi gởi các ông các bà ra hợp tác xã cho giỏi mà đùa!

Nhưng họ vẫn đùa, sự đùa trở lại lập trường một ít.

— Giống như kéo pháo vô kéo pháo ra đấy nhỉ.

— Ừ! Giống quá nhỉ! pháo chiến tranh thì leo núi, pháo hòa bình thì lại lội sình.

— Cái anh pháo lúc nào cũng khổ, hết núi lại sình.

— Hò dô ta đi các o! *Lún sình thì mặc lún sình!*

— *Mặc cho nó lún, tơ tình cứ xe...e* Dô ta nè!

— *Ở đây sình lún, chúng mình* hò dô ta này... *kéo lên!* Chứ tơ tình nào mà xe với pháo?

Vài anh Nam bộ lúc nào cũng lấy bệnh xá làm phòng ngủ với đủ các chứng bịnh nội ngoại thương suốt ngày cứ soi gương chải đầu và làu bàu "Biết tập kết thế này chúng ông ở lại." Bây giờ trước sự việc con trâu quốc doanh lâm nạn (xin viết tắt là "quốc nạn" từ đây) cũng lò dò chống gậy ra coi và góp phần văn nghệ.

Thế là đùi chen đùi mông kề mông, người ngã ngửa ra, chân chõi ngược, ngực, mắt căn lên, miệng cười tươi như hoa, chờ lệnh.

— Hò dô ta... Một o ở đường dây trung tâm nổi hứng cất giọng.

— O nào thụ động, ủa o thụ động nào hò hay thế hử?

— Im ! Chúng ta phải chủ động tinh thế, không có thụ động nữa — Khu trưởng Ích lội lom xom kiểm tra lại các mối nối, quát.

Tiếng cười sắp vỡ bờ bị nhém ngay, nhưng lại xì ra:

— Thôi, các o không được thụ động nữa, chúng ta hãy cùng nhau chủ động. Hục hục hục! chủ ủ...động thì hay hơn thụ...ụ động nhiều.

Khu trưởng Ích trừng mắt nghiến răng vì chợt nhận ra mình bị xỏ.

— Gớm! Sao mà lúc nào các cậu cũng pha trò còn các o thì cứ tít mắt ra cười thế hả? Các cậu các o có biết là cười làm yếu đi hai phần năm sức kéo không? — chuẩn sẵn sàng cả chưa? — Khu trưởng nhặt một khúc đòn gãy giơ lên làm gậy chỉ huy. Tôi quất xuống là hô "tiến" và lôi mẹ nó lên nghe chưa? — Thấy hàng ngũ đã im tiếng cười, Khu trưởng bì bõm lội ra sau đít Quyết Thắng, tìm đám năn cao đứng lên.

— Nà....o!!! — Khúc đòn trong tay ông Khu trưởng cất đứng ngọn chỉ còn đập xuống. Những cặp mắt hướng về nó, mồm sửa soạn há ra hát khúc khải hoàn, thì bỗng... một vật gì bật lên như chiếc gậy chỉ huy thứ hai. Và reẹc reẹc. Quyết Thắng nhỏng đuôi hưởng ứng lệnh. Còn tiếng reẹc reẹc kia là tiếng nhà máy Quyết Thắng sản xuất phân... xanh hằng loạt.

Ông Khu trưởng giơ bàn tay hai ngón lên bịt mũi nhăn mặt vừa lùi vừa quất lia lịa vào mông con vật. Pịch! Pịch...

— Đéo mẹ cha mày! Mày ỉa vào mồm ông vải mày thế hả? rồi cất gậy lên, đập xuống, gào: "Tì...iến!!"

Tất cả nam nữ đều ngửa người ra, chân anh quèo đùi chị và cười rúc rích. Ông Khu trưởng thấy mình nổi cáu với trâu không lô-gích lắm nhưng chợt nhận ra một đám mông đen kịt đang họp khoáng đại hội nghị trên mông con vật, ông lại nổi cáu, nện một phát cật lực vừa là để giết thù, vừa là để thúc đẩy bạn Quyết Thắng tiến lên. Nhưng nó chỉ rùn rùn da như rên rỉ: "Em chết mất ông Khu trưởng ơi!" Chứ không hề tiến.

— Tiến! Tiến! — Khu trưởng múa gậy vun vút, quát.

— Tiế...ến !

Sừng, cổ, chân, đít bị lôi, con trâu thấy đau. Nó đã không chịu tiến lại còn vùn vằn, cố nghếch mõm lên. Nhưng dây cứ lôi, nên cổ nó càng dài ra, trong lúc cái đuôi quất vun vút vào hông như phản đối.

Bỗng "Pực!"... Hai dây người bổ ngửa, kẻ trên ván người xuống sình. Thì ra một sợi chão đứt phéng và một mối dây buộc ở sừng tuột ra.

Những anh những chị vừa bị té, đã không lấy đó làm đau để dậy nhanh mà kéo tiếp lại còn thích thú, có ý kéo dài tình trạng chân nọ xọ chân kia, người trước đè lên người sau, cứ thế mà đè dây chuyền, người nào cũng kiếm được một ít lợi nhuận trong cuộc té tập thể này. Đã thế lại còn cười, trước một cái quốc nạn như thế này, không thấy ai khóc, chỉ toàn cười, hở cái là toét miệng ra cười mặc dù ông Khu trưởng đã bảo đây không phải là đám cưới. Khu trưởng Ích không giằn được cơn cáu. Nhưng không

dám nặng lời với các chủ nhân ông chủ nhân bà của đất nước, ông bèn đổ trút cả sự cáu lên máy cái chão cái thừng:

— Dây chạc gì đâu mà phản động thế hả ?

Cái sự đứt chão và tuột thừng kia là vô tư nhưng bị qui là phản động thì cái sự té và đè gây nên bởi sự đứt — tuột đó cũng vô tư chứ nào phải hữu ý, nhưng nghe hai tiếng hãi hùng kia giáng xuống ông Chão và bà Thừng thì các cậu thụ động lẫn các o chủ động đang loi ngoi dưới sình hay trên ván ngủ kia, sởn tóc gáy dựng đứng dậy như lò xo ngay.

— Bảo vệ đâu ? Có bảo vệ tới đó không ?

Hai tiếng kia mà kèm theo hai tiếng này thì ai nghe cũng phải run gân. Bảo vệ là Công An cơ quan, là tay phải của Phòng tổ chức nông trường. Nó có đủ thứ quyền, kể cả quyền tước bỏ quyền làm người của con người. Cho nên những kẻ đang tiếc rẻ cái phút giây thụ động vừa rồi bắt buộc phải tự kiểm điểm xem lúc té có đánh văng cái lập trường mô tê không.

Tổ Bảo Vệ gồm ba vị thương binh đồng hạng 6. Những thương tật khác nhau tuy chưa biến các vị thành phế nhân, nhưng đã liệt các vị vào thành phần phi sản xuất. Một vị còn đầu đạn nằm trong phổi. Vào những buổi mưa phùn gió bấc đầu đạn hay trở mình làm chủ nhân ôm ngực kêu trời và món thuốc duy nhất là tấm vải bạt Trung Quốc bọc nước nóng áp lên. Có người mách anh ta nên tìm một hòn gạch, nướng rồi bao giấy nhật trình thay cho túi nước như cụ Hồ đã từng làm ở Paris vào những ngày giá rét. Nhưng vị thương binh này nhất định không nghe: "Mùa đông Ba-Ghi không lạnh bằng mùa đông Đồng Chum, chỉ có về xứ, tôi mới hết lạnh thôi!"

Hai vị kia thì một vị bị đạn xuyên đùi, chân đi cà xẹo, một vị bị bom nổ vỡ màn nhĩ. Đáng lẽ các vị được lãnh sổ thương binh từ năm ngoái, nhưng vì nhà thơ Xuân Diệu đã nhắc khéo Bộ Thương Binh bằng câu thơ *"nơi xa nhất cũng là nơi gần nhất"* cho nên Bộ này đã gởi sổ ngay từ khi đứa con anh dũng và yêu quí thứ nhất của Thành Đồng Tổ Quốc đặt chân lên đất Bắc, nhưng tới nay, ngày tổng tuyển cử hiệp thương thống nhất đất nước đã qua lâu lơ lâu lắc rồi mà sổ còn nằm đâu ở Bưu Điện Bờ Hồ hoặc Bưu Điện Vinh, Quê Bác.

Vị thương binh vỡ màn nhĩ, nôm na gọi là thằng điếc, được coi là tuyền vẹn hơn cả nên được giao cho trách nhiệm chỉ huy anh cà xẹo và anh mang đầu đạn trong ngực. Khu trưởng Ích phải ra dấu, chỉ chỏ hồi lâu Điếc mới *nắm được vấn đề*. Nào có phức tạp gì cho cam "Hễ tôi đập tay là anh bắn súng lệnh nghe chưa?" Rồi Khu trưởng lại hạ lệnh tiếp:

Nối lại chỗ đứt, buộc lại chỗ sút. Kết thêm chỗ yếu, chuẩn

bị tấn công đợt 2.

— Mình bị "trấp nuốt", bây giờ kiếm cách bò ra chớ mình có tấn công gì đâu ạ!

— Anh phản động hả? — Ích trỏ thẳng mặt cái anh nào dám cả gan kia — Nè tôi tống anh ra biển đi với Mỹ nghe. Ta bò ra khỏi bị trấp nuốt (chữ này của Tám Lọ đâm ra thông dụng) cũng có nghĩa là tấn công. Ngày trước ta đánh giặc Tây, bây giờ ta đánh giặc Trấp. Anh nghe rõ chưa nào?

Tổ trưởng Điếc thấy Khu trưởng múa tay thì tưởng ông ta la mình, "tại sao tao quơ tay mà mày không chịu bắn lệnh?" nên nạp đạn và chĩa súng suýt bóp cò. Khu trưởng Ích phải nhào tới giằn lấy:

— Mày hại tao hả! Mày đi mà lặc cỏ với mấy o kia tốt hơn!

Thằng Điếc tưởng ông Khu trưởng giành bắn, nên ôm súng cứng khư, giải thích:

— Súng mút Tây bắn giật lắm, tay ông yếu không kềm được đâu!

Thấy hai bên đối đáp ăn trét, mỗi người góp thêm một câu chọc thằng Điếc cười chơi. Quyết Thắng đang nhúng mõm xuống trũng nước phèn bỗng ngước lên như nhắc lại lời ông Khu trưởng: "Đây đâu phải đám cưới nghe không các bố!".

Ngụm nước chua chát làm nó sặc. Nó ho. Toàn thân nó rung động làm cho bọn hút máu bay tưng lên. Tiếng ho giống hệt tiếng ho của một con người khổng lồ kiệt sức, đang thở hắt ra gấp!

Tám Lọ đang kéo ngọn một đường dây, thấy thế buông tay lội tới vừa gỡ đỉa vắt vừa xua mòng. Tám bỗng òa lên khóc. Khu trưởng Ích đang giơ cái cùi bắp hai ngoe sắp bổ lệnh, bị mất trớn buông thõng, trừng mắt:

— Nó đã chết đâu mà anh khóc ?

Tám hít hít :

— Anh đã đập bể cái mộc quốc doanh rồi, còn gì nữa!

Quái ! Cái thằng mặt lọ này khóc như là thiệt ấy nhỉ! Nhưng chả lẽ nó khóc dối.

Ích phóng mắt vào mông trâu. Xác đỉa xác mòng be bét lẫn trong đám đỉa và mòng sống đang vây phủ cái mộc quốc doanh. Cái triện sắt nung cháy một vùng da làm thối lên thành một mục ghẻ to tướng. Trâu lành thành trâu ghẻ. Ích cáu tiết quơ đám mòng "Quân dã man, người ta đang sa lầy bây còn chẳng thương."

Ích hối hận lúc nãy mình đã nện mấy nhát thằng cánh để động viên con Quyết Thắng trườn lên. Cái mộc đỏ vỡ ra loét nhầy, to hơn. Vì lũ hút máu vô lương và cũng chính vì tay chủ. Ở đó dễ cắm vòi hơn nơi da liền.

*
* *

Ông Quản đốc lê đôi guốc mới mua ở Hà nội trên con đường đá đỏ lởm chởm dấu chân trâu và vết máy cày lớp khô lớp ướt. Ông bước đi cà học cà hữi trẹo cả ống quyển. Con đường này do chủ Tây đắp lên để lập đồn điền, nhưng đã bỏ lâu nên mép đường sụt bằng mặt ruộng. Nó như cái gân máu khô chạy trên miếng bầy nhầy Đồng Chum.

Trách nhiệm của ông là biến cánh đồng nằm trên quê Bác này thành nông trường Xô Viết mà ông thấy trong hát bóng. Hồi kháng chiến, ông chỉ huy cả huyện mà dễ hơn điều khiển đám người năm cha ba mẹ anh hùng tứ xứ lý lịch lem nhem, sút tay gãy gọng này.

Đến khúc đường quá gồ ghề, đôi hia không kham nữa. Ông đứng lại lột ra cầm tay, mắt ngó về hướng có nhóm người đang lúm xúm. Ông xắn quần định lội, nhưng bỗng từ trên đầu một tiếng nói chụp xuống.

— Đây là đài phát thanh Hà nội thủ đô nước...

À, bản tin trưa thường hoà tấu với kẻng cơm. Người ta coi nhạc hiệu Chiến Thắng Điện Biên là nguồn an ủi lớn nhất đời là vì thế. Đã thọc một chân xuống gốc năn, nhưng ông rụt lại đứng nán nghe bản tin.

— ... Cùng đi với đồng chí Thứ-trưởng "Bộ Ruộng Làm Chung" Liên Xô (Bác Hồ không ưa tiếng Trung Quốc) còn có các đồng chí Pa-oa-ốt-tơ-rốp-xư-ri, Phó Giám-đốc Vụ Cơ-khí, đồng chí Cu-lơ-oay-xà-rông-đốp Vụ phó Vụ Kế-hoạch, cố vấn chuyên viên đang làm việc ở Cục Lắp Máy ta, đặc-trách Vụ lắp đạn Liên Xô vào súng Trung Quốc, gắn bánh xe Mô-lô-tô-oa vào xe. Trưởng Xuân Trung Quốc và đồng chí nữ văn hào Ác-xi-nhia-ớt-chia-xôm, tác giả quyển tiểu thuyết "Bài ca nông trường về chiều", giải thưởng Xích-ta-lin. Phái đoàn sẽ đến thăm và nghiên cứu...

— Toàn là "Xôm" với "Đốp". Nhưng mà cũng may, các đồng chí đến thật đúng lúc! Ủa mà thôi, tốt hơn đừng vô! Đừng, đừng!! — Ông vừa lội vừa nhìn trời nắng có sao.

Hai ngọn núi Vàng núi Bạc hiện rõ trong nắng đứng. Núi Bạc xa xám mờ như đống bạc, núi Vàng ở gần và lấp lánh mặt trời. Người dân của đất cày lên sỏi đá ngàn đời ôm giấc mơ được sống sung sướng nên đặt cho hai quả núi là Vàng Bạc. Từ ngày nông trường dựng bảng, người ta tưởng núi nhích lại gần hơn.

Ở giữa vùng năn đỏ đầu, cái quốc nạn đang nhốn nháo, xa trông như một tô thập cẩm vĩ đại. Nón lá kè chen nón cối, khăn mỏ quạ cặp kè tóc quấn rế, áo nâu cá thể gán ép với áo cổ vuông lính giải ngũ, đòn khiêng lố nhố, dây thừng rối ren, này ban Kế hoạch, nọ phòng Vật liệu, ban Tổ chức, tổ Bảo vệ v.v... 99,99% thần dân đều có mặt, chỉ trừ mỗi bà lão ốm liệt giường. Mỗi người đều cố

nặn ra cho bằng được một sáng kiến hoặc cố tỏ vẻ phân ưu tối đa với người bạn Quyết Thắng nhưng ngược lại trong bụng thì sướng ngầm, nhìn nhau thông cảm: "Ai dám bảo nông trường ta chọc... đất không nên lỗ? Không! nông trường ta hắc lắm chứ!"

Thấy ông Quản đốc tới, mọi người đều nhô mặt ra trước người đứng bên cạnh mong ông Quản đốc hiểu: "Em không lãng công một phút nào của tám giờ vàng ngọc xã nghĩa!... Em xung phong cứu-chống lún từ đầu!"

Khu trưởng Ích là người vinh dự được ông Quản đốc hất hàm trước nhất:

— Không lên được à ?

— Càng lún, dạ! Lún với tốc độ hai trăm phẩy năm phần trăm!

— Nghĩa là sao ?

— Nghĩa là nếu nó cứ đứng thế này tới chiều thì chỉ còn ló có chót sừng, chừng khuya thì ngập tới đuôi. Dạ, đầu nó bây giờ thấp hơn đít.

Nghe thế ông Quản đốc hốt hoảng, vội leo lên một mẩu ván vỡ Tám Lọ vừa mang tới.

Con Quyết Thắng ngập đến nửa hông, với đôi mắt buồn thảm tuyệt vọng và chiếc đuôi chỉ còn ve vẩy miễn cưỡng, chào mừng vị Thủ trưởng tối cao.

— Ở đấy có cỏ non cỏ mật gì đâu mà nó đâm đầu vô? — Ông Quản đốc hỏi.

— Nó thấy năn xanh xanh, nó tưởng cỏ non đó! — Tám Lọ nói — Mấy con kia khôn hồn, chứ không thì rơi sình tập thể đó ông Quản đốc! Tội nghiệp, nó ngó lầm, không phải nó ham ăn gì đâu!

— Các anh đang định làm gì nào ?

Khu trưởng Ích bảo Trần Minh trình bày kế hoạch cứu nạn hạo theo sách trường kỳ kháng chiến. Trần Minh vừa trình bày xong, Khu trưởng tiếp ngay:

— Chúng tôi đang tăng cường thừng chão, đòn bẩy, ván làm bàn đạp và sức kéo. Dạ, cuộc tổng phản công đang ở đợt ba.

— Dẹp hết! Các anh chưa có *nám được cái ván đè* mô tê chi đâu mà đợt ba đợt bốn cho tốn công!

Nam phụ lão ấu được lệnh dãn ra. Đáng lẽ họ mừng hùm, vọt ngay trở lại chủ động lặc cỏ tiếp, nhưng họ hãy còn chần chừ, nán lại xem *ván đè* ông Quản đốc ra sao.

Nhạc hiệu Chiến Thắng Điện Biên đã tắt ngõm từ lâu, có người muốn đề nghị gọi các chị nuôi gánh cơm ra, nhưng ông Quản đốc biết trước chặn ngay:

— Rán chút xíu nữa rồi hãy ăn... cơm chiều hai bữa nhập một cho no luôn cả đêm!

Sở dĩ ông Quản đốc quát Ích là vì ông thấy thấp thoáng bóng bác Vịnh đang lội tới. Bác Vịnh là một lão nông địa phương gần trót đời ngóng núi Vàng núi Bạc. Đi sát với quan điểm quần chúng của cách mạng nên ông đã mời bác làm quân sư cho nông trường, ăn lương bậc 16 ngang với chuyên gia. Người bác Vịnh nhỏ thó, khẳn lại như một cây xoan trồng trong chậu. Đầu không bao giờ đội nón. Tóc sát quéo vào da như cây cỏ vùng này, bị gió Lào bão biển quật xén không bao giờ nhô lên cao nổi. Bác đã cải tạo được một cuộc đất trồng cây đã có trái: hiện đang chờ cày máy tới vỡ hoang. Ngoài ra bác còn có thêm một con trâu và chiếc cày chìa vôi. Trâu thì "tự nguyện" vô nông trường đã đành, còn chiếc cày "lạc hậu" thì bác tháo lưỡi cất một nơi, thân cày cất một nơi như những bảo vật gia truyền. Đôi khi cao hứng, bác phác ra lai lịch chiếc cày: "Nó đẽo bằng thân cây lim ngày xưa đức Bình Định Vương buộc thớt voi Ngự của Người đấy ạ! Ông cụ nội tôi sinh ở ngọn Sông Mã, đến đời bố tôi thì dạt xuống Phủ Hoằng, đời tôi trôi vào đây. Gỗ lim bền không thua sắt. Ba đời rồi mà chỉ mòn có thế này." Bác Vịnh tay xách gàu nước, vai vác thân cày đi tới. Không chào hỏi ai, bác cứ lội thẳng tới đầu trâu, ném thân cày xuống, tay nắm dây mũi nhúng mõm trâu vô gàu, miệng dỗ ngọt:

— Uống đi con! Uống đi rồi bố bồng con lên nhá! Con về chuồng nhá! Con trâu uống ừng ực cạn ngay gầu nước. Đuôi nó vẫy nhanh hơn. Nó thở khoan hơn. Bác Vịnh trút mớ nước còn lại lên lưng nó rồi đưa cái thùng cho Ích:

— Ông Khu trưởng cho tiếp tế thêm gàu nữa là nó rút chân lên nổi.

Rồi bác lội ra sau đít trâu. Bác kêu lên ngay :

— Trâu ỉa chảy là trâu bệnh, ông Quản đốc. Nó yếu nên khi bị lún sình nó bươn lên không nổi. Đất ở đồng năn này, mặt rắn nhưng chân nhẽo.

Vì thế xưa nay không dùng trâu. Trâu chỉ cày được ở phía Tây, chỗ máy cày ta đang vỡ hoang đó.

Ông Quản đốc tin ở tài vị thừa tướng sẽ khỏi nạn nên lúc nãy ông cấp tốc cho triệu bác tới. Bác Vịnh tưởng trâu chỉ lún hai chân nên vác thân cày ra xeo tiếp. Ngờ đâu lại đến nỗi này. Câu nói vừa rồi của bác đã nhắc ông Quản đốc nhớ rằng ông có cả một chiếc máy. Ông quyết định ngay:

— Điều động Voi Đại Phong về đây !

— Ủy, máy cày chứ đâu phải xe lội nước, Quản đốc! — Khu trưởng Ích can.

— Anh chưa *nám được vấn đề!* — Ông Quản đốc gạt phắt rồi trỏ tay về phía một đám đất khô lưa thưa những cụm cỏ còi, trước mũi con trâu không quá trăm thước, rồi giải thích — Anh nên nhớ

là máy kéo không chạy bằng bánh xe mà chạy bằng xích. Xích thì chạy ruộng khô cả ruộng nước. Cả một sợi xích liên hoàn tập thể, hễ mắc này sụp thì mắc kia níu lên, chớ có phải như chân trâu cá lẻ đâu mà lút?

Ích không tin nhưng không can nữa. Ông Quản đốc được trớn xổ ra phán:

— Muốn phản công ta phải có lực lượng. Có lực lượng rồi ta phải tạo cơ sở. Lực lượng sản xuất của ta quá thủ công lạc hậu. E hèm, muốn tiến lên xã hội chủ nghĩa phải xài cơ khí. Lê-nin có dạy chủ nghĩa xã hội có nghĩa là phương tiện sản xuất tiên tiến cộng với điện khí hoá. Chúng ta đang từ bỏ thủ công để tiến lên cơ khí.

— Ông Quản đốc nói lại bài giảng mà ông đã nghe ba chớp ba sáng trong một lớp học cấp tốc cho các Quản đốc trước khi vào đây. Ông không thấy có cơ sở gì để tin vào những bài lý thuyết đầy những danh từ khó gặm, nhưng ông phải làm máy phân phát các danh từ đó cho nhân viên hạ tầng của ông.

Đám nhân viên thập cẩm không chú ý. Họ đang thừa nhàn để tán tỉnh nhau. Một vài o xổ tóc ra bới lại. Một anh cố bắt một chú vắt mập bám trên bắp chân của một o. O bên cạnh trông thấy dậm chân kêu: "Khiế...ếp, khiế...ếp" làm như từ thuở bé đến giờ chưa hề thấy vắt. Nhiều o kéo nhau đến cái cơ sở khô, ngồi thành dây chuyền vạch tóc bắt chấy cho nhau trong lúc mấy công tử Nam kỳ gầy sòng lu-lơ-khơ ngay bên cạnh để giải trí và giải nhiệt luôn thể.

— Anh có lý lịch con Quyết Thắng đó không? — Ông Quản đốc hỏi Tám Lọ.

— Dạ lý lịch thì chỉ có Ban tổ chức mới giữ được ạ! — Tám Lọ đáp.

— Cậu cho Ban tổ chức là trâu hả? — Ông trưởng ban kế hoạch đứng gần đó vọt miệng — họ gửi lý lịch loài hai cẳng chứ loại bốn chân thì bà con gì với họ?

— À xin lỗi, tôi tưởng ông Quản đốc hỏi lý lịch của tôi.

— Cậu nhầm cậu với trâu à ?

— Dạ, thì mình cũng là trâu, một loại trâu đấy chứ gì nữa anh Tư!

Tư biệt hiệu Tư Sún, vì bốn cái răng cửa đã giải ngũ. Anh em bịa ra chuyện để cười; "Ảnh ăn đạn mút 'ăn-vô-chi-no' (1), mà may, chỉ trúng có hàm trên và rách tí mép!"

Tư Sún là một trong những đại đội trưởng anh hùng thuộc Tiểu đoàn lừng danh 308 của Tâm Râu. Chỉ tội cái là con nhà họ "địa". Trong chỉnh huấn cải cách ruộng đất không rõ chàng thành khẩn phản tỉnh tội lỗi của giai cấp ra mần răng mà chỉnh xong anh em đồng cấp lên lon gáo rần rần, chàng lại bị rơi sao, đã vậy còn bị lột áo lính đày vô đây.

Tư Sún chỉ là Trưởng ban kế hoạch nhưng coi Quản đốc như pha, là đại bất mãn nhưng bên ngoài làm như cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, mà thâm tâm rất muốn cái nông trường Chum này vỡ toang cho sớm để y ra Nam định làm Quản trị nhà máy dệt, nơi vợ phụ trách Vườn Trẻ — để hằng năm hai vợ chồng khỏi mang ơn lũ quạ đội đất sói đầu.

Tư Sún cười giơ nớu trụi với Tám Lọ :

— Nói chơi đỡ mệt, đừng giận nghe mày tụi !

— Giận gì mà giận! — Tám Lọ quay sang ông Quản đốc — Lý lịch con Quyết Thắng bỏ ở trại, nhưng tôi thuộc lòng thưa Quản đốc.

— Nó mấy tuổi, tên gì...

— Dạ ba tuổi, 4 tháng, 5 ngày. Tên cũ: Xe. Tên mới: Quyết Thắng.

— Thành phần ? Chức vụ ?

— Dạ chức vụ là cắm bẫy, nước da đen là thành phần lãnh đạo như tôi vậy ạ!

— Tôi muốn hỏi chủ nó thành phần gì kia! — Ông Quản đốc hớ, nói trớ qua.

— Dạ nó là trâu quốc doanh, có dấu lửa ăn da kia ông Quản đốc.

— Vợ con gì chưa, trước khi quốc doanh hóa chủ là ai, có tẻ sinh lần nào chưa?

— Dạ vợ nó là con Mường Tè, chủ cũ là hợp tác xã Dũng Tiến, dạ ăn sinh mới lần thứ...

— Thảo nào, nó mập mạp thế. Ông Quản Đốc gật gù Thôi đủ rồi.

— Dạ, thưa Quản đốc — Bác Vịnh xen vào Nó uống nước phèn nên sinh chướng hông nước hông cỏ chớ không phải mập đâu ạ!

— Dạ các o xin vô nông trường nhiều nhưng Ban Tổ chức gạt hết ạ! — Anh bảo vệ điếc thấy người ta nhóp nhép miệng tự nãy giờ sôi cả bọt mép tưởng là họ đang lên án địa chủ phá hoại nên nói tăng công.

Tư Sún xô Điếc vừa ra đấu vừa nói :

— Chú không biết ván đè sắp đè ngửa gì đâu, đi lờ-khờ với mấy o kìa!

Đất chuyển run run dưới chân mọi người. Tiếng máy ầm ì dữ dội. Con Voi sắt đang bò về cứu nạn. Gan ruột thần dân đang teo bỗng nở trở lại.

Ông Quản đốc quả là sáng suốt và linh động. Máy vừa ở đồng khô bây giờ đã vượt qua lội tới đồng sình. Khu trưởng Ích đã chạy vọt ra điều động lực lượng cơ khí đến đúng vị trí do ông Quản Đốc

chỉ định. Đám cắn chấy và lơ-khơ tỉnh ngộ đứng vẹt ra thành hai hàng vẫy tay chào đón người bạn khẳng khái vô tư. Nghe tiếng dây xích thép lăn rổn rảng ắt người dân Việt Nam tự hỏi: Cách mạng tháng Tám đã "chặt xiềng đế quốc phong kiến" rồi, vậy còn tiếng xiềng xích thằng đế quốc nào đây?

Ông Quản đốc thấy uy tín đảng Bác trở lại và to vọt.

Tổ trưởng máy kéo Mạnh Rỗ, thấy cơ sự thì biết ngay thiên chức Voi Đại Phong, bèn xoay trở cho đít máy đúng tầm rồi dừng lại khoan thai bước xuống giơ tay chào ông Quản đốc theo kiểu nhà lính.

— Anh cày vượt mức chỉ tiêu chứ? — Ông Quản đốc hỏi.

— Đã vượt.

— Dạ thưa Quản đốc, vượt xa tổ cày trâu *bốn lần* rưỡi.... ỡi đấy ạ! — Tư Sún che miệng đáp — Tưởng lui sẽ còn tăng năng lên nhiều, nhưng *nắng cực* nên anh chị em thì *chủ động* được hơn có *bốn lần!*

Mạnh và Tám Lọ liếc Tư Sún, nhưng ông Quản đốc chưa *nám* được chữ nghĩa của dân Nam kỳ cục, nên cứ nghiêm trang chỉ thị tổ trưởng Mạnh:

— Từ bốn *lần* rưỡi phải đạt lên bốn *lần* phẩy bảy rồi năm *lần* nghe! Dầu mỡ có thiếu, tôi ký giấy cho Quản kho xuất ngay. Có thể mình được Bộ chọn làm thí điểm đây.

Ông Quản đốc thấy rất hài lòng, ông bước khỏi tấm ván. Lũ năn bị đè mẹp rục rịch ngóc đầu đội tấm ván lên ngó thấy. Cái máy đang rền rì rì, toàn thân run run, kiêu hãnh. Ông càng hài lòng khi trông thấy khẩu hiệu cái đỏ cái đen cái ngang cái dọc đơm đặc trên thân lẫn đầu máy. Người cầm lái chắc cảm thấy mình bị lún giữa cái rừng chữ nghĩa uyển hoặc. Cái sau: *"Quý máy như con, Quý xăng như máu"* chọi cái trước: *"Tình hữu nghị Việt Xô đời đời bền vững"*, cái phải "Biến ruộng hoang thành lúa vàng" chen ngoẽn trong khi cái trái dài nhằn: *Hoàn thành vượt mức chỉ tiêu của Bộ đề ra, lập thành tích dâng Bác Đảng nhân kỷ niệm Xô Viết Nghệ Tĩnh lần thứ...*

Ông Quản đốc thấy mọi cái — cái tình hữu nghị Xô-Việt, cái bông lúa, cái thành tích dâng đảng ôm nhau nhảy múa dưới chân núi Vàng núi Bạc. Chủ nghĩa xã hội của Liên Xô không phải mua vé, mà vào Việt Nam bằng ngõ hẽm quốc tế. Do đó người dân nước này bị bắt phải sống bằng tình cảm quốc tế mặc kệ thực tế. Ngày trước người ta chửi Tây đã bắt trẻ con học câu *"Tổ tiên ta là người Gô-loa"* để ngày nay đứa trẻ nên ba đã phải tập đánh vần tên ông Xít-ta-lin.

Các trưởng ban phó ban đều bu đến quanh ông Quản Đốc để được dùng.

Anh Trưởng ban vật liệu được ẩm cái vinh quang đó trước nhất, làm cho các đồng song ganh tị lé cả mắt, tím cả mặt.

— Anh lãnh một tiểu tội nhân công về tổng kho vét tất cả các loại dây chạc của ta sản xuất và các loại xích Liên Xô Trung Quốc viện trợ đem ra đây tăng cường cho tình hữu nghị kéo lôi. Ta giải quyết *ván đề* trong nháy mắt.

— Dạ! Anh Trưởng ban mừng quýnh phóng như tên. Từ ngày thành lập nông trường tới nay anh bị chửi là tên "địa chủ" của nông trường. Chỉ muốn nhập nhiều, còn mỗi khi xuất thì cứ cò kè, làm khó.

Chẳng bao lâu con Quyết Thắng được ràng buộc thêm bằng nhiều đường dây sắt, chắc hơn thừng, kể cả một sợi to nhất quàng vào cổ.

Tổ trưởng Mạnh bước lên ngồi vào giữa rừng khẩu hiệu. Anh ta mang cặp kính an toàn, có lẽ để nhìn các sợi dây thừng dây xích ra tình hữu nghị và đồng năn ra đồng lúa vàng chăng? Mạnh mở máy, đạp ga. Chiếc máy run mình rụ lên như thét.

Không gì ỳ được với sức kéo của cơ khí! Con Quyết Thắng sẽ bị lôi tuột lên trong nháy mắt. Nó sẽ về chuồng. Tám Lọ sẽ đóng vai lương y kiêm tử mẫu ngay thôi. Nó sẽ ăn cỏ non, và mai đi kéo cày chìa vôi thi đua với máy móc tối tân.

Ông Quản đốc nghiễm nhiên là kẻ lập đầu công trong lúc Khu trưởng Ích bẻn lẻn đứng xa xa, tự thấy mình lạc hậu, chẳng hơn gì đám o lặc cỏ kia. Ông Quản đốc một tay bận cầm đôi hia gỗ, một tay phất khẽ ra lệnh:

— Ti...ến !

Tiếng reo hò dậy lên, át cả tiếng máy. Tám Lọ vì sốt ruột hơn tất cả mọi người kể cả Quản đốc, chỉ kém bác Vịnh, và vì muốn vượt Khu trưởng, nên nhảy lên đuôi máy chỗ mắc giàn lưỡi cày, tay bám thanh sắt, tay vung tít, nghênh cái bộ mặt trời đánh hụt, hét:

— Tình Việt-Xô đời đời bền vững !

— Bền vững !!!

— Bền vững !!!

— Hoàn toàn vượt mức...

Đại Phong chừng như cũng bị động viên lây, càng rú to lên và nhích tới. Đội xích liên hoàn chuyển động, những bánh sắt lăn trên sợi xích. Đại Phong vượt nhanh về phía trước nhẹ tênh như không. Ông Quản đốc gật gù khen:

— Cơ khí có khác! Kéo con trâu như xách con gà!

Ông gật gù là vì ông chưa rõ tình hình mô tê. Dây chạc buộc ràng đâu đã xong mà ông cho máy tiến, nên lớp đứt lớp tuột. Ích phóng tới trước đầu máy quơ cái tay cùi. Mạnh lại tưởng Ích giục

tiến nhanh nên nhấn ga. Đại Phong phóng. Ích vội né qua suýt bị húc, té bò càn.

Ông Quản đốc vỡ nhẽ tung tay lẫn hia ra hiệu cho Mạnh tốp. Mạnh chợt hiểu, cho máy lùi lại. Công cuộc buộc thừng nối chão chạc thành một trăm nhịp cầu nối liền Cơ Khí và Thủ Công được tiến hành với tinh thần "ban đêm chưa đủ ta ngủ thêm ngày".

Mọi việc đang xuôi chảy thì bác Vịnh chạy tới :

— Ông Quản đốc cho kéo nhanh, không trời mưa !

— Trời gì đang nắng lại đổ mưa ?

— Thưa Quản đốc, đất này thế đó. Bão lụt từ Biển Đông, gió Lào từ phía Tây, chưa đủ lại còn mưa phủ đầu, đất cắm chân. Đang hạn bỗng lụt là thường.

Ông Quản đốc không dám cãi lời của quân sư, nhưng bụng không tin vì trời đang đổ lửa cháy trán.

Ông kiểm tra bằng mắt suốt lượt rồi lại phất tay... Voi đã lùi hai bước giờ cố gỡ gấp ba. Cổ con Quyết Thắng đang gục bỗng cất lên và dài ra, mõm vêu, rãi rát lòng thòng không như kéo cày thường bữa. Bác Vịnh và Tám Lọ mỗi người một bên vỗ về khuyến khích. Tám Lọ thì đập tay vào hông nó quát.

— Bò lên mày! Mày ỳ ra chờ ăn dao phay hả ?

Còn bác Vịnh bụm từng bụm nước phèn vãy lên lưng nó, ngọt ngào:

— Tắc, Tắc! Ri, Ri! Đi con, đi! Đi về chuồng!

Con trâu bị lôi nghẹt cổ, vung đầu lên nhưng cặp sừng bị ghịt cứng ngắt, nên nó chõi hai chân trước để chống lại sức kéo. Khu trưởng Ích lùa đám người tự đặt mình ngoài quốc nạn đang đưa mắt ngó như coi hát cải lương sắp kéo màn mới.

— Ráp đẩy sau đít nó dùm chút. Đứng trơ mắt ếch ra đó!

Họ dằm bừa lên mớ phân loãng đặt tay vào hai tấm mông xương gồ lên như đầu cọc. Nhịp nhàng với sức đẩy, Mạnh tống hết ga.

— Tiến cả gang tay đẩy chứ !

Bác Vịnh và Tám tả phù hữu bậc bắt vào nách con vật để đùn nó tới kèm những lời lẽ hoặc hăm dọa hoặc dỗ dành. Nghe ông Quản đốc khen, bác Vịnh ngừng tay nói:

— Dạ, dây thừng lôi ác quá, máy mà tiến chút nữa là cổ nó đứt lìa. Dây xích quay tít. Đất tung lên đen trời. Những người coi hát cải lương kẻ bịt mắt, kẻ quay mặt. Đang cuốn như gió bỗng sợi xích chậm lại. Rồi máy kêu è è. Mạnh nhảy xuống trật mắt kiếng ngó và kêu:

— Bỏ mẹ rồi !

— Cái gì thế? — Ông Quản đốc vừa ném đôi guốc định tra chân vào để ung dung hưởng thụ phút chiến thắng đã tới gần, giật

mình đánh thót.

— Máy Pa-si-nê! — Mạnh nghẹo cổ, giọng bi đát.

— Ba-chi-lê là cái gì? — Ông Quản đốc hớt hãi vừa hốt đôi guốc lên, vừa hỏi.

Anh văn sĩ Trần Minh là người thú vị nhất trong nội vụ. Anh ta cứ ghi ghi chép vô vàn nét lạ như nông dân được mùa. Con ngỗng của Sô-lô-cốp đứt cổ trong Đất Vỡ Hoang nhằm nhè gì so với con trâu lìa đầu, sá chi cái nông trường chiều của mụ Ac-xi-nha-xôm!

Nghe tổ trưởng Mạnh phát âm sai 33 phẩy 33 phần trăm nhưng văn sĩ vẫn hiểu ra đó là tiếng Pháp "patiner" nghĩa là xe trợt bánh đứng tại chỗ. Trần Minh ngừng ghi, trân mình đứng ngó.

Nhưng ông Quản đốc vẫn cố định, hễ cơ khí là toàn năng, nên cứ khoát tay kêu Mạnh tiến. Mạnh nhảy lên đạp ga. Dây xích lết rướn thêm nửa mắc rồi ngưng hẳn. Mạnh tắt máy nhảy xuống, đẩy cặp kính an toàn lên trán như mong nhìn cái xích vĩ đại ra sợi xích xe đạp, vũng năn ra lộ đá.

Những chấm rỗ hoa mè trên gương mặt Mạnh đen đúa tím ngắt lại.

Bây giờ ông Quản đốc đã hiểu rõ nghĩa đen của cái tiếng lọa tai "Pa-chi-nê" chị chê gì gì đó là đồng nghĩa với tiếng lún sình của Việt Nam. Ông quắng guốc:

— Không cố chút nữa được sao đồng chí tổ trưởng ?

— Đã pa-chi-nê mà càng "chạy" thì càng pa-chi-nê thêm, ông Quản đốc!

— Nói rõ ra là càng lắc thì càng lút đó, Quản Đốc — Tư Sún giải thích tiếp — Xe gíp của Bộ vào đây hôm trước cũng bị pa-chi-lê trên đường đó. Nhưng xe gíp thì nhẹ nên chỉ cần chục đứa là đùn nó lên, còn cái máy này... Phào! Ư hự, nó nặng gấp chục chiếc gíp.

— Thì ta tập trung toàn nông trường ra đây vậy!

— Chỉ còn bà lão nấu cơm ở nhà thôi.

— Vậy tháo nó ra cho nhẹ bớt rồi kéo.

Mạnh vội đáp :

— Không được đâu ông Quản đốc. Xích này bằng thép đúc, mỗi mắc đều siết bù lon, mình không tự tháo ra được. Muốn tháo phải tay Mát-scơ-oa thò vô cơ! Ư hự! tại cái của nợ đen thủ lù kia mà cái thành trì cách mạng toàn thế giới bị lôi ngược lại và pa-chi-nê. Thật chẳng nằm trong quy luật nào cả! — Người công nhân bực mình kéo kính xuống sau khi đã thấy. Ông Quản đốc nói trớ qua.

— Tôi nói là tháo thừng tháo chạc cho Anh Voi nhẹ mình. Ảnh cũng lún quá sâu rồi! Chỉ tí nữa là bun tới mũi. Thôi, không bàn nữa. Càng bàn càng lún!

Khu trưởng Ích đang thất nghiệp, được dịp lập công:

— Muốn tháo phải lùi cho dây bớt căn mới mở mối được.

— Lùi à! Đã lùi kha khá rồi, chưa tiến được lại lùi nữa? Ông Quản đốc gắt. Từ Hòa Bình lập lại tới giờ ông mới phát cáu lần thứ nhất, nhưng Tổ trưởng Mạnh vốn đã thoát nhiều trận Trấp Nuốt, nói tỉnh bơ:

— Bây giờ tiến không được đã đành mà lùi cũng không xong. Chỉ có pa-chi-nê tại chỗ thôi.

— Voi mà thế thì trâu bò nó cười chết — Cái anh vô duyên lúc nãy lại chọc gậy.

Bổng Tám Lọ từ đâu vọt tới, hổn hển tiếng mất tiếng được:

— Dạ..., ông Quản Đốc con Q... Thằng nghẹt cổ... thè lưỡi cả gang. Chắc nguy to.

— Các anh có ý kiến gì ? Hỏi bác Vịnh coi !

— Dạ, bác nói trâu không tiến được thì voi phải lùi. Vậy mới hết nghẹt cổ.

— Voi mà lùi như trâu à? Cách mạng chỉ có tiến không có lùi. Lùi là là... May quá. Bác Vịnh chạy tới:

— Ông Quản đốc cho chặt dây mau lên! Trước đây tôi đi biển gặp gió ác, không hạ buồm xuống được, chỉ một nhát dao là xong tất... Dạ khô...ông phải chặt hết ạ, chỉ thiến cái sợi đang siết cổ nó thôi.

— Ô giời!... Ừ thì thiến. Thiến mau, thiến gấp, thiến cho đúng cái chỗ phải... phải... thiến. Có dao dùng dao có búa dùng búa... Không búa dao dùng dùng...

Tư Sún thừa thượng lệnh quát đám nữ công nhân từ nãy giờ đã ngưng hái chè bắt bướm nhưng vẫn chủ động đứng xem tuồng.

— Đem tất cả liềm lại đây cắt dây thừng !

Thế là cả chục cái liềm vốn dùng để đào tận gốc bốc tận rễ cỏ năn lại được đem ra cắt đứt những sợi gân khô đang chuyền máu từ kẻ ốm sang người bệnh. Một cách nhịp nhàng những bàn tay bắt bướm cắt dây với tốc độ hái chè.

— Liềm gì lục nhầy vậy hả? — Tư Sún quát — Vứt đi! Dùng răng cắn nó!

— Thằng không có răng lại thích cắn! — Khu trưởng cười rồi quay sang Mạnh năn nỉ:

— Đồng chí chịu khó lùi tí xíu thôi. Chờ đến các o cắt đứt thì nó chết mất.

Mạnh đang bực nhưng cực chẳng đã phải leo lên mở máy. Dây xích quay tại chỗ gây nên một trận mưa bùn tối tăm mày mặt. Tưởng đã có lối thoát nào ngờ trong mấy vòng đầu răng xích đã cạp hết lớp da khô, mấy vòng kế nạo hết thịt nạc rồi lút luôn vào bẫy nhầy. Càng quay càng lút, càng tủa bùn. Những lúa vàng, hữu

nghị, dâng đảng đã đen mặt, một đầu boong ra bay tít còn một đầu cố níu lại vách máy, chở rụng và lún.

Bác Vịnh thủ thỉ với ông Quản đốc :

— Cá ăn kiến là sự thường nhưng có lúc kiến ăn cá, ông Quản đốc ạ!

— Nghĩa là sao ?

— Nghĩa là Liên Xô giúp ta là sự thường, nhưng ta cũng có giúp Liên Xô chớ!

Ông Quản đốc được lời như phỉnh xích xiềng, ông vừa tra chân vào guốc vừa reo lên:

— Đúng bác là quân sư của triều đình, ủa, cố vấn của Quản đốc, rồi quay ra bảo Tám Lọ: — Anh cho lùa đám Mường Thanh Mường Tè về đây, mau lên! — Ông thấy khỏe nhẹ, ông lê guốc đi mấy bước và ngẫm nghĩ về sự kỳ diệu của các bài giảng cấp tốc. Hừ, vụ này nằm trong luật mâu thuẫn và thống nhất, ủa không, luật nước bốc thành hơi, hơi rơi thành nước, ủa mà cũng không...! thằng em lún, thằng anh kéo, cả hai cùng lún, đó là luật trời... trồng! — Ủa sao không đi đi? — Ông gắt Tám Lọ vẫn còn đứng đó.

— Dạ con Mường Tè đang có chửa! Bắt nó kéo mấy sợ nó sảo thai.

— Ở đâu có tên Mường Tè nghe lọa tai dậy ?

— Dạ đó là con trâu của Bác Vịnh, tôi đặt họ Mường cho nó hòa vào tập thể đó ạ!

Cuộc phản công tiến sang giai đoạn thứ ba, chưa hẳn là giai đoạn kết thúc. Tình hình và chiến lược với sự phân phối lực lượng và mục tiêu như sau: Lôi cho kỳ được con Quyết Thắng khỏi vũng sình. Tạm thời để nó tự lực chống lún. Tập trung sức lôi anh Đại Phong lên để khỏi bị các bạn bốn chân và cóc nhái cười. Sức kéo gồm quân dân chánh toàn nông trường và năm thớt trâu quốc doanh. Trâu được dùng làm lực lượng xung kích kiêm đầu tàu chính. Người là lực lượng được xếp sau trâu nhưng không có cậu nào được phép chuồn nếu không có lệnh.

Năm đường dây thừng, mỗi đường to bằng cổ tay, được buộc gom một mối vào mũi anh Voi vĩ đại và rẽ ra như nắm nan quạt, ở đầu mỗi nan mắc một đồng chí đen cà thui, có hai ngọn dáo cong trước mũi, một cây cờ đen cắm phía sau lưng, không có xích sắt xoay chỉ có bốn chân thịt. Thôi thì nói quách ra, nếu có mất mặt bầu cua anh cả cũng xin cảm phiền. Đó là Ngưu Ma Vương chồng của Chìa Vôi nữ hoàng, ngự trị tiên đồng ruộng Việt Nam từ lập Quốc tới giờ. Nay có kẻ lăm le soán ngôi Vương của ngài. Năm vị Ma Vương mang ách hẳn hoi, nhưng phía sau lưng không phải là nữ hoàng họ Chìa thon thả duyên dáng mà là anh Voi đực câm đen sì, lạ hoắc.

Hỡi Ngưu Ma Đại Vương, các ngài biết chăng, địa vị của các ngài hãy còn vững lắm. Cơ khí bây giờ lại đặt sau đuôi các ngài.

Thời vua chúa, có một hình phạt ác nghiệt là *"tứ mã phân thây"* bây giờ nếu anh Voi này được đặt giữa một ngôi sao năm cánh (có ý nghĩa lắm chứ, vì đây là nông trường Sao Vàng!) ở mỗi cánh mắc một con trâu, thay vì cho chúng kéo chung một đường, lại đánh cho mỗi con đi mỗi hướng thì thời đại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sáng tạo ra được một hình phạt ăn đứt cái của thời phong kiến. (Tứ mã phân thây người), ngũ ngựa xé xác... Voi).

Tám Lọ và Bác Vịnh đương nhiên trở thành Tư lệnh. Bác Vịnh được ưu tiên đứng bên con Mường Tè ở rìa phải để dỗ dành cắt nghĩa cho nó hiểu trách nhiệm. Mặc dù đã được đóng ấn quốc doanh nhưng ý thức tập thể chưa thâm nhập nhiều nên các vị vương hưởng tùy nhu cầu còn làm thì nhanh chậm tùy roi quất.

— Tắc, tắc ! Bác Vịnh nhịp roi khẽ.

Còn Tám Lọ thì đập mạnh và hét :

— Dí vô ! Dí !

Năm cặp sừng miết xuống, năm cái cổ rướn, thịt ùn lên vai, năm đường thừng căn như dây đờn. Chiến thắng sẽ leo dây thừng tới.

Ông Quản đốc chẩm rãi gắn cặp kính lão lên, để chiêm ngưỡng cái kỳ quan mới tìm ra của thế kỷ này, rồi bỗng giật mình, ông hỏi trưởng ban vật liệu:

— Ban nãy tôi có duyệt y đề nghị của tổ trưởng chăn nuôi, cho xuất kho hai chục gam đậu xanh và hai lưng lững bơ nếp nấu cháo loãng đổ cho con Quyết Thắng hồi dương, có ai thi hành chưa?

Trưởng ban vật liệu kiêu hãnh đáp "có!". Quả tình là y đã cho người đi nhưng không quên dặn nhỏ: "Ghi phiếu xuất đầy đủ, nhưng chỉ nấu một phần ba. Còn bao nhiêu thủ lại đó nghe chưa?

Chẳng may cho con Quyết Thắng, người thi hành lệnh lại là một anh loét bao tử kinh niên, nhưng chưa bao giờ được ăn cơm nếp, vì nếp rất hiếm, chỉ để giành cho các đồng chí Pa Thét Lào không đau bao tử. Vớ được cơ hội ngàn năm có một, anh này bèn thi hành một cách sáng tạo chánh sách của đảng *"công tư lưỡng lợi"* đối với tư sản, nên chỉ nấu một phần ba của một phần ba.

Trong khi chờ đợi kết quả. Ông Quản đốc cho gọi các tổ trưởng, đội trưởng, phó ban, trưởng ban có mặt tại đây đến họp nhanh để ông đưa ra một sáng kiến vừa nãy ra mà ông chắc nó sẽ đưa Sao Vàng lên hàng đầu. Ông nói:

— Này, từ ngày lập nông trường, tôi mới lội ra đồng lần thứ nhất. Tôi thấy mình có thể thay đổi kế hoạch sản xuất 150%. E hèm, thay vì vỡ cả cánh đồng năn này để cấy lúa, ta cứ để nguyên mà nuôi vịt Tàu lấy trứng có lợi hơn. Đất đai thế này cày bừa tốn

kém quá!

Tư Sún không có răng cửa để đánh lưỡi, bao giờ cũng phát biểu trước mọi người.

— Gạo không đủ cho nhân viên ăn, lấy đâu ra lúa, chẳng lẽ cho vịt ăn đất?

— Ơ kìa, cái anh này không *nám ván đè* chi hết cả! Anh có thấy đìa vắt áo kín cả người con Quyết Thắng kia không? Đó là thực phẩm thiên nhiên bất tận có thể cung cấp cả vạn con vịt Tàu, ủa vịt Trung Quốc. Sản xuất theo kiểu đó, giá thành của mỗi trứng sẽ hạ đến mức thấp kinh khủng. E hè... Sở dĩ tôi đè ra việc dùng thực phẩm thiên nhiên vì vừa rồi tôi có thấy báo Nhân Dân nói là sữa bò của đế quốc không bổ bằng sữa trâu của ta (?) Và các hợp tác xã cấp cao của ta như hợp tác xã Gió Lộng ở Quảng Bình, Nhất Thống Thổ ở ngoại thành Hà nội, đã bỏ tập quán cũ trong cái ván đè nuôi heo, đạt chỉ tiêu *"nhanh, nhiều, tốt, rẻ"* đến cả ngàn phần trăm đó.

Mọi người trố mắt chờ ván đè. Ông Quản đốc tiếp :

— Báo Nhân Dân nói rằng chúng ta không tốn một cái gốc rau mà nuôi lợn vẫn lớn, nhờ vào nguồn thực phẩm thiên nhiên là... các anh đoán...

— Nước giếng !

— Cỏ hôi !

— Đất sét !

— Bậy nào, phân trâu! (3) Các anh nghe rõ chưa? Phân trâu!

Mọi người bịt mũi quay ra. Một người ôm bụng nôn và kêu:

— Vậy lúc tôi nghỉ phép ra coi Hồ Gươm đã ăn... ăn c.... rồi, ối giời cao đất dày ơi! Vậy nên lúc nhai, tôi nghe thum thủm mà cứ tưởng là là...

Cả cái hội-nghị-đứng đội nắng cười ré lên nhưng ông Quản đốc vẫn nghiêm trang:

— Bộ Nông nghiệp ta đang họp bàn ván đè này dưới sự chỉ đạo của Ban Tuyên Huấn trung ương đấy! Tôi không có đùa đâu. Hắc hắc xì... hơ... ơi! Tôi không có bịa đâu! Tôi còn giữ tờ báo kia, anh nào không tin thì đến lấy mà đọc!... Ở Trung Quốc có những cánh đồng lúa trúng đến nỗi người leo lên đi trên ngọn mà lúa không sập. Heo của ta có kém gì lúa của các ảnh đâu!

Tư Sún nghe xong bụm miệng cười :

— Chưa chắc hơn sáng kiến của tôi! — Rồi tiếp — Nuôi vịt tốn lúa, nuôi heo hại nguồn phân chuồng. Trồng lúa càng tốn công hao của. Sáng kiến của tôi mà đem thi hành thì bạc hốt như núi.

— Thì nói mau đi! Mình đang bị muỗi mòng đánh rêm cả mình đây!

— Cỏ năn này, già thì từ đời Trịnh Nguyễn phân tranh mà trẻ

thì từ khi căn cứ Vụ Quang chống Pháp của cụ Phan đình Phùng mới có, có phải không nào?

— Thì cũng gần gần như vậy !

— Củ sâm Triều Tiên già nhất chỉ đến 10 năm là cùng. Thế mà bổ kinh khủng. Củ năn ta thọ khí âm dương cả trăm năm lại thua củ sâm non chèo đó à?

Mọi người ngớ ra. Biết là thằng Sún bất mãn nói móc lò ông Quản đốc nhưng nghe cũng có lý. Tư Sún cứ điềm nhiên tiếp:

— Thì cũng trên báo đảng chớ ai dám bịa tạc gì. Một bài xã luận kêu gọi nhân dân ta hãy dùng vật liệu nội hoá thay thuốc Tây. Bộ Y Tế nói nó hay hơn thuốc đế quốc! (4)

— Không chuyển một tí nào, ông Quản đốc! — Bác Vịnh chạy tới hớt hãi.

Hội nghị rã ra chạy túa lại bu chung quanh cái quốc nạn. Riêng bác Vịnh chạy lại chỗ con Quyết Thắng nhặt chiếc cày chìa vôi bị bỏ quên nãy giờ vác tới găm dưới xích máy mà nạy. Sắt gặp gỗ sắt (5) cọ choãng nhau nẩy lửa.

Tư Sún làu bàu :

— Hồi 48, trâu kéo Cà nông lấy được của Tây ở Tầm Vu bị đứt ruột, bây giờ trâu lại kéo xe tăng. Rán lên tụi bây! Sắp được lãnh huân chương rồi đó! Đ.m. bốn cẳng lại được việc hơn hai giò.

Lời nói bất mãn cho thân phận mình của Tư Sún lại làm Khu trưởng Ích hiểu lầm rằng đồng chí dưa hấu chơi cái gốc Nam Eo của mình để trả đòn về câu nói "thằng cha không răng lại cứ đòi hay cắn" lúc nãy, nên giật mình tỉnh ngộ. Quả thật, từ lúc sức kéo được cơ khí hoá, Khu trưởng Ích thấy vai trò mình lu mờ quá đỗi — bèn đến bên Trưởng tổ bảo vệ ra dấu bảo chuẩn bị bắn súng lệnh.

Nhưng anh Điếc mặc cảm hiểu lầm rằng mình cứ ôm súng đứng ngó trong lúc thiên hạ nai lưng ra kéo cày. Anh ta tự bào chữa ngay:

— Địa chủ lọt lưới còn quanh đây, ta chưa tóm hết đâu ạ! Tôi rất cảnh giác. Ích trỏ lên trời ý nói mây đen đang xuống thấp, nhanh lên, không trời đổ mưa thì khốn nạn. Nhưng anh Điếc lại hiểu là Ích quá tự tôn tự đại muốn thay trời làm mưa nên lắc đầu:

— Không được đâu! Ta không thay trời được!

Ích nổi doá giật phăng khẩu súng nhảy lên đầu máy rồi phốc lên mui ca-bin, vung hai cái ngoe cua, quát:

— Tất cả nghe lệnh tôi! Hễ nghe súng nổ thì trâu kéo, người đẩy cật lực nghe chưa? Nào, hãy sẵn sàng!

Cả trăm cặp giò xoạc ra chuẩn bị chòi. Cả trăm cánh tay gồng lên sửa soạn lối. Hai trăm cái vành tai vểnh lên chờ súng lệnh.

— Cạch! Cạch! Súng không chịu nổ. Anh Điếc cẩn thận nên

luôn luôn khoá cò.

Ích nổi khùng quèo cu-lát, quất luôn mấy cú liền.

— Hò hò... dô ta này !

— Ơ kìa đừng dẫm lên chân người ta !

— Ô tề, ô tề a... anh làm gì ép em khiếp thế?!

Những viên đạn bay lên đâm vỡ những đám mây đen, làm nước mưa đổ nhanh nhiều, rẻ thì có rẻ nhưng chẳng tốt tí nào.

Riêng bác Vịnh tin tưởng chiếc cày chìa vôi là phép thần thông biến hoá vô cùng. Trước kia nó từng làm trụ buộc voi thì bây giờ xeo voi. Vai bác húc, chân bác chòi lia, rồi tấm thân nhái bén của bác đu lên chuôi đòn bẩy chìa vôi. Còn bao nhiêu sức già bác tung ra thi gan phen này.

Mệt nhoài bác buông cày ngửa ra để thở. Nhưng kìa, lạ này!

Sao chẳng còn ai hết? Những đơn vị sức kéo sức đẩy sức đè vừa mới reo om tưởng có thể búng anh Voi kia khỏi bãi sình trong nháy mắt lại rã tan vì những giọt mưa. Họ buông dây chạy đi tứ tán, kể cả Quản đốc Trưởng ban, bỏ mặc cho những thành tích thành tiếc hữu nghị hữu nghiếc rơi rụng và rã. Đội hình Ngưu ma vương còn đó, nhưng kìa, con Mường Tè đứng phía cực hữu sao đã ngã quỵ? Qua màn mưa bác trông thấy sau đuôi nó mọc ra hai cái đuôi nữa. Bác Vịnh chạy vòng ra sau mấy, vọt tới. Không phải hai cái đuôi mà là hai cái chân bé xíu. Con Mường Tè sảo thai. Bác Vịnh quì xuống nắm hai cái chân lôi tuột ra. Con nghé non ngày tháng lại đẻ ngược, nằm trên tay chủ cũ bất động bèo nhèo như cái áo rách, sợi rún còn lòng thòng.

Nước mưa tuôn bít mặt, bác Vịnh chùi vào vai áo rồi ôm con nghé đứng lên. Dưới chân bác một màu đỏ ối đang loang ra khắp vùng bùn lẫn cỏ nát nhừ. Bác ngửa mặt như cầu trời, nhưng tiếng gầm thinh không làm bác sợ hãi và những đám mây đen huyền hoặc đang sà xuống thấp chỉ chực rơi. Ô ò ò... ò. Một tiếng rống dài bất chợt. Kẻ bị nạn nhận ra vợ con cũng đang lâm nạn như mình, nên đã cất tiếng gọi bi thương như trăn trối.

⁂

Ông Quản đốc bỏ mắt kiếng và đưa mẩu giấy cho Trần Minh:

— Anh kẻ nguyên cái khẩu hiệu *"Hoàn thành vượt mức kế hoạch"*... như nó rớt sau đít máy nghe chưa. Chỉ thêm mấy chữ *"chào mừng phái đoàn Bộ Ruộng Làm Chung Liên Xô đến thăm Ruộng Làm Chung Sao Vàng."*

Anh văn sĩ gãi đầu gãi tai nhăn nhó :

— Dạ dài quá, không có đủ chỗ. Sửa "ruộng làm chung" ra "nông trường" được không ông Quản đốc? Vừa gọn lại vừa sáng nghĩa!

— Ơ kìa cái anh văn sĩ này! Nhờ Tàu, ta thắng Tây, nhưng Bác lại không thích chữ Tàu. Anh là văn sĩ mà anh không biết chuyện đó à? — Ông Quản đốc lấy lại mẩu giấy, lẩm nhẩm đếm chữ rồi nói — Cắt bớt khúc đuôi *"Xô Viết Nghệ Tĩnh"* đi, kẻ thật khít vào cho chữ nghĩa nhà anh nếm mùi xếp hàng mua đồ mậu dịch. Anh nám được ván đè chưa?

— Dạ đè rồi! — Trần Minh lại trân mình lần thứ 99 đáp.

Ông Quản đốc quay lại các trưởng ban phân bố kế hoạch.

— Ban vật liệu xuất một tấm cót bề dài bằng bề ngang mặt lộ. Ban khánh tiết quét vôi, phơi khô rồi đưa cho đồng chí Minh kẻ. Xong, Ban xây cất đóng đè lên trên hàng chữ "nông trường quốc doanh". Để rủi Bác có đi với phái đoàn Bác trông thấy là nguy to. Tất cả những việc này đặt dưới quyền của Ban Kế Hoạch. Nước tới rốn rồi. Phải thi hành với tinh thần Bôn-sê-vít thì mới kịp. Các anh đã ná... Các ông Trưởng lẫn Phó chán ngấy. Sao trắp không nuốt nó tuốt cho rồi. Cứ lơ lửng thế này. Họp với chả bàn! Chạy hiệu mãi mệt chúng mình quá. Tuy cùng ý nghĩ nhưng chẳng ai dám xì. Nghe ông Quản Đốc sắp ném tấm ván ra, họ vội đỡ ngay:

— Dạ, *ván đè*, sình văng, mặt nám hoá mặt lọ hết rồi ạ! — Mỗi người một giọng nhão nhẽ, tất cả đứng dậy bước ra phòng hội nghị. Ông Quản đốc giữ lại Tư Sún và Trưởng ban xây cất. Ông nói nhỏ:

— Hai anh đi theo tôi ra đó coi tình thế diễn biến cách sao?

Ba người trở lại đám năn hôm qua. Phong cảnh vẫn như muôn năm cũ núi Vàng núi Bạc còn nằm xa tít kia, như ẩn như hiện như xa như gần.

Nhưng bỗng ông Quản đốc kêu khẽ :

— Chết tôi rồi! Cái anh Voi sao vẹo hẳn qua một bên thế kia?

Nhưng Tư Sún và Xây Cất lại rẽ mắt về phía vũng năn, cả hai cùng kêu một lượt:

— Con Quyết Thắng đã thăng thiên rồi, Quản đốc !

Ba người đứng tần ngần hồi lâu, nhìn nhau trước cuộc bể dâu quá chóng vánh. Chỗ con Quyết Thắng đứng hôm qua là một hồ máu. Dấu chân dẫm mẹp cỏ năn, dẹp cả một vùng rộng lớn. Cái bao tử sình chương nằm ở mép hồ, ruồi xanh bu đánh ì ì. Bốn cái giò còn nguyên da nằm rải rác mỗi nơi mỗi cái, mà đám đỉa vắt mập ú con cố đeo hút đến giọt máu cuối cùng.

— Tụi nó xẻ thịt con Quyết Thắng đêm qua! — Tư Sún hùng hồn quả quyết.

— Hèn chi tôi trông thấy lửa lập loè hồi gần sáng! — Xây Cất bổ sung.

— Cái tụi ác thiệt. Trâu mắc dịch mà cũng xẻ. Ăn không bỏ miếng da.

Ông Quản đốc nheo nheo mắt :

— Tụi phản động quanh đây chắc có đám Quỳnh Lưu (6) ủng hộ.

Ba người trở sang cái máy. Đất lỏng lại mưa, bùn ngập nửa xích, tràn vô tới máy. Ông Quản đốc thở chẳng ra hơi, lắp bắp ra lệnh cho Xây Cất:

— Tập trung... tất cả cái tấm tranh, tấm cót che cho thật kín, đừng cho ló đầu lòi đuôi. Tốt hơn hết, dựng một căn chòi, che khắp bốn phía, nhất là phía đường. Chẳng lẽ lại để hai cái thành tích tô hô ra đó mà đón tiếp phái đoàn?

— Như Bộ cho biết ông Bộ Trưởng sẽ hướng dẫn phái đoàn vô thăm nông trường mình. Chậc! Khổ quá, hết gì Ché lại đâm vô Chum! Che thì dễ rồi, nhưng rủi ổng đưa phái đoàn lội xem máy vỡ hoang thì mình nói, mình ăn làm sao?

— Mình nói máy đi vần công với Đồng Giao hoặc Phủ Quỳ!

— Rồi ổng hỏi: Chòi gì giữa đồng năn thế này ?

Ông Quản đốc đang bấn, bị truy riết quật trả:

— Nói là chuồng đựng trứng vịt giá thành hạ nhất toàn quốc thì có lý hơn chớ!

Xây Cất vọt miệng để xì-tốp cuộc chiến có thể lan mau:

— Cái bao nguyên tử sắp xì hơi độc vào vũng tang thương năn lộn máu kia cũng cần một cái chòi che kín bốn phía. Vậy tôi sẽ cho cất luôn hai cái, một cái chứa hột vịt, một cái vựa củ sâm, thế là cân, được không ông Quản đốc?

— Được, nhưng mà nhỡ các đồng chí Liên Xô muốn so sánh sâm ta với sâm Triều Tiên, và muốn lấy giống vịt Sao Vàng ta thì ta đáp ứng ra sao?

Tư Sún bao giờ cũng nhạy miệng hơn người :

— Thế thì tôi sẽ cậy ông văn sĩ kẽ dùm hai cái biển to bằng tiếng Liên Xô, một cái đề *"mở thực dân xâm lược"* cắm đầu Voi, một cái là *"mở địa chủ phong kiến"* cắm đuôi trâu, cả hai đều nghênh mặt chào đón phái đoàn. Ai đòi tham quan thây ma làm gì! Vậy được không ông Quản đốc, và ông "Xây... Cốt?"

Cái ván đè của Tư Sún làm ông Quản đốc khó nám. Gật thì kỳ quá. Nhưng lắc thì còn sáng kiến nào hơn?

Ba nhà lãnh đạo đứng giữa nhạc ruồi xanh và vòng vây đỉa vắt. Phèn chua nước mặn bùn đỏ phân xanh Ét-xăng dầu nhớt không hòa hợp nhau được nên chỉ lộn lạo xấn cục, bét nhầy.

Họ vừa pha trò vừa độp vào mặt nhau hoặc họ độp vào mặt nhau bằng những quả đấm mát mẻ. Cười thì khó, nhưng cáu thì chẳng lẽ nào. Họ nén tình cảm thật để làm ra suy tư nghiêm chỉnh. Chưa đầy hai giây, Xây Cất đã nhảy lên máy, há hốc mồm hồi lâu mới ra tiếng:

— Trời đất! Cái tay lái quẹo, cái đồng hồ nát tiêu Quản đốc!

Tư Sún vụt kêu :

— Cặp mắt cũng bị móc tròng rồi đây nè! Lại có cả dấu nạy ở dây xích đây nữa!

Ông Quản đốc đã thấy rõ cớ sự, lắc đầu:

— Cái dịch Quỳnh Lưu lan ra tới đây rồi !

Tư Sún an ủi :

— Có lẽ chẳng phải dịch ôn gì đâu ông Quản Đốc, chắc bà con nông dân mình tin tưởng thép Liên Xô tốt nên cạy kiếm vài mắc xích đem về rèn lưỡi cày chìa vôi đó thôi.

Ông Quản đốc gạt mồ hôi trán, bất giác ngó lên trời tìm khoảng trống cho cặp mắt nghỉ ngơi. Thì lại đụng một vật đen từ xa hiện ra, rõ dần:

— Mây đen kéo tới! Mưa chết người! Nhè lúc người ta đang lún lại mưa.

— Không phải mây đen đâu, ông Quản đốc đừng lo.

— Nó ào ào kéo tới kia, không mây đen là cái giống...?

— Quạ ! — Tư Sún cắt gọn.

Có lẽ từ lâu, đây là lần đầu tiên Tư Sún phát biểu vô tư nhất, không pha một tí ti bất mãn nào, cũng là lần đầu tiên anh ta thấy xót thương thượng cấp của anh ta.

Hoa Kỳ 5/87
Trích Đất Đỏ Trời Đen
LÊ MỸ HƯƠNG

---

(1) Anh-đô-si-noa (Indochinois — Súng mút Tây)
(2, 3, 4) Tài liệu báo Nhân Dân 56-57 chi đó.
(5) Pháp gọi gỗ lim là bois de fer.
(6) Quỳnh Lưu nổi loạn chống chánh quyền Hà nội: trong CCRĐ.

Tìm mua 4 tác phẩm giá trị do nhà xuất bản Văn Nghệ xuất bản trong đợt 2 của năm 1987:

* ***Thơ Cao Tần*** *: tập thơ tiêu biểu của tâm trạng lưu vong, dày 64 trang, giá 6 MK*
* ***Cuống rún chưa lìa*** *: tập truyện đặc sắc của Bình Nguyên Lộc, dày 190 trang, giá 8 MK.*
* ***Tạp luận*** *: của Võ Phiến, cuốn thứ tư trong Võ Phiến toàn tập, dày 350 trang, giá 14 MK.*
* ***Con đường thiên lý*** *: cuốn tiểu thuyết duy nhất chưa hề in của Nguyễn Hiến Lê, dày 225 trang, giá 9 MK.*

Ngoài Hoa Kỳ thêm 1 MK cước phí.

Nguyễn Mộng Giác

Nhân dịp tái bản tập TRUYỆN NGẮN I của Võ Phiến

Tìm hiểu thế giới nhân vật của Võ Phiến

"Ngót hai mươi năm trời rồi, gần như hồi nào anh cũng phải cầm vũ khí trong tay: anh né viên đạn của bên này, tránh viên đạn của bên kia, đỡ ngọn roi của bên nọ... và anh cũng lại đánh trả nữa. Và nét mặt anh thì lúc nào *tuồng như cũng rầu rầu, nguội lạnh như một người ngoại cuộc.*

Vậy mà những hoạt động của anh đã làm ra tình hình của xứ sở. Ở Hoa Thịnh Đốn, ở Mạc Tư Khoa, ở Bắc Kinh, Tân Đề Ly, Vọng Các, Ba Lê... ở khắp các nơi trên thế giới người ta theo dõi anh, bàn tán về anh. Người ta đem anh ra so sánh với người dân Đức ở Bá Linh, người dân Lào ở Vạn Tượng... người ta dòm ngó, dò xét cử chỉ của anh, cân nhắc, đánh giá sự can đảm của anh, tài nghệ của anh. Xung quanh hành động anh chắc chắn có những cuộc mặc cả, những trù hoạch bố trí, những mưu mô âm thầm giữa nước này nước nọ. Và cũng có cả những lời hô hào, cổ võ, những tuyên bố lớn tiếng về nhiều vấn đề quan trọng, lý tưởng cao đẹp."

(Thư Nhà)

Đấy, cuộc đời của Bốn Thôi, nhân vật tiêu biểu nhất của Võ Phiến. Người nông dân cục mịch có nét mặt buồn hiu lạnh lẽo, thiếu hẳn sự vồ vập mãnh liệt, nhưng trong lòng, chất chứa không biết bao nhiêu khát vọng tội nghiệp. Người nông dân ấy không có cái bề ngoài coi được. Anh xấu trai, nghèo nàn, chậm chạp, vụng về. Thú vui độc nhất cho cả một kiếp đời dài là trưa trưa, tìm một chỗ dừng chân thật tịch mịch, nghếch mũi lên không mơ màng mắn mó nhổ từng sợi lông mũi. Bao nhiêu người đàn bà ghé tạm, cùng anh đi chung một đoạn đường. Họ đã bỏ đi vội. Anh không oán, không trách. Anh đều đặn, cần mẫn thăm nom lo lắng cho gia

đình nhà vợ cũ, trong khi vẫn âm thầm quờ quạng tìm lấy một chút tình thân mới. Anh đi tìm hoài, lòng xao động khắc khoải, hồn lo âu hối hả mà nét mặt vẫn *"rầu rầu, nguội lạnh như người ngoại cuộc"*. Thế mới kỳ! Trừ chị Lộc chịu khó ở lại với anh, chịu khó lấy dầu rái âu yếm quết vào các vết nứt tê thấp trên bàn chân anh (vết nứt chai lại lành hẳn nhưng cái chết của chị để lại một vết nứt còn sâu còn thảm trên cuộc đời anh hơn nhiều) còn những người vợ khác tò mò mà đến, rồi lặng lẽ bí mật bỏ đi. Nếu không có chị đàn bà góa ham ăn thịt ếch lỡ mồm lỡ miệng, không ai biết anh mang chứng bất lực về sinh lý. Bấy giờ người ta mới hiểu anh, thương hại cho anh, mới hiểu thái độ nôn nả chạy đôn chạy đáo đi tìm những hình bóng đàn bà quanh quất, với nét mặt ơ hờ. Tâm lý học gọi anh là một kẻ ẩn ức. Anh bất thường. Cuộc đời đáng lẽ chảy xuôi theo một dòng, từ ngọn suối cao đổ xuống sông dài xuôi êm ra bể, đột nhiên bị chận lại. Nước uất — Mặt nước lặng nhưng dưới đáy sâu cuồn cuộn biết bao sóng xoáy, vung phá, xói lở. Chính nguồn sóng nội tại ấy hướng dẫn cuộc đời Bốn Thôi, giúp anh kiên nhẫn liên tục chạy theo cái bóng hạnh phúc phất phơ đâu đó, khéo léo né viên đạn bên này, tránh ngọn roi bên kia. Sóng ngầm sai khiến anh, xúi giục anh. Vẫn với nét mặt rầu rầu, anh vâng theo. Người đọc theo dõi cuộc đời Bốn Thôi lấy làm ngạc nhiên. Nhưng quanh anh còn có cả một thế giới. Một tiểu thế giới "đặc biệt" chẳng khác nào tiểu thế giới của Don Camillo.

Bốn Thôi có nhiều bạn, người nào cũng có nét mặt *"rầu rầu, nguội lạnh như một người ngoại cuộc"* nhưng bên trong, sâu tận hố thẳm của tiềm thức mù mịt, luôn luôn có nguồn sóng bạo tàn thúc giục, réo gọi.

Đó là tiếng sóng dậy ở nơi xa, rất xa, ám ảnh nhân vật chính trong truyện *Lỡ làng:*

"Hồi còn nhỏ, nằm ngủ với mẹ, nhiều đêm thức giấc giữa khuya, y nghe tiếng vịt cựa trong chuồng, kêu lít chít nho nhỏ. Và nghe tiếng ì ầm, y ngạc nhiên hết sức. Làm sao nghe được tiếng sóng? Nhà y ở chân núi, cách bể ít ra cũng mười lăm cây số, làm sao y nghe được tiếng sóng vỗ giữa đêm khuya yên tịch không có tý gió? Không biết. Y rụt rè e ngại sẽ lay mẹ dậy hỏi: Cái gì đó mẹ? Mẹ y bảo: Động trời rồi. Sóng dậy đó con ạ."

Đó là tiếng thét "Ải ải, quan hầu nhập yết nhập yết" của người ông trong *Về một xóm quê*, tự dưng mà nổi lên, bùng vỡ cơn giận cùng nỗi sợ hãi không gian trống trải vắng vẻ cứ bám riết lấy đời sống ông già, không chịu cho ông bay bổng như ý. Và cũng giống như Bốn Thôi, người ông thét lên "ải ải" với một gương mặt rầu rầu bình thản:

"Giọng thét dồn dập đầy nộ khí vang lên trong một ngôi nhà

vắng lặng, bỗng dưng phát lên rồi bỗng dưng dứt hẳn, làm cho chung quanh tưng hửng sững sờ. Chúng tôi lại càng thấy cảnh nhà vắng vẻ và trống trải thêm. Có khi một lát sau nghe tiếng guốc lẹp kẹp của ông tôi bước xuống. Tôi rụt rè ngửng đầu lên thì thấy nét mặt ông tôi lại bình thản, đôi khi có một vẻ lạnh tanh ngao ngán, chẳng còn đâu là dấu vết của cái nộ khí bừng lên trong giọng hát vừa rồi." (Về một xóm quê).

Âm thanh cuồng nộ huyền bí ấy đã từng khiến Bốn Thôi không ngớt khổ công trì chí chạy theo đám vợ con để tìm hơi ấm gia đình, rồi cũng chính âm thanh ấy đẩy Trần Kỳ Vỹ chạy theo cái rạo rực xác thịt tưởng tượng *(Người Tù)*, xúi ông Bốn Tản bỏ nhà ân nhân chạy theo lũ cháu bơ vơ *(Lễ Sống)*. Giữa khung cảnh lạnh lẽo xơ xác, nghèo khó trơ trọi, những người bạn của Bốn Thôi mang bộ mặt lạnh lùng rầu rầu. Người ta tưởng họ hiền lành, chất phác. Hoặc như một từ ngữ địa phương nơi quê hương Bốn Thôi, người ta tưởng họ *"thàng"*. Không — Đừng lầm. Họ đều dữ. Họ đều bạo. Nguy hiểm hơn nữa, họ dữ, bạo một cách bất ngờ, vào những lúc không đề phòng, với nét mặt thản nhiên. Họ bạo tàn theo một lối không giống ai. Như Bốn Thôi đã làm.

"Cứ mỗi lần nào có da khô ở gan bàn chân, anh lại lựa những lúc ngồi gần vợ để tước xé mảnh da ra. Anh gây đau đớn cho mình, kinh hãi cho người vợ. Và anh thưởng thức một thứ sung sướng tinh quái. Những tiếng kêu bối rối "Á! Ghê quá. Ái. Dễ sợ chưa," phá vỡ sự cô đơn. Và kiếp nhân sinh lại có một thứ ý vị kỳ quặc nữa." (Thư Nhà).

Người mẹ vợ ông Ba Thê phá vỡ cô đơn và mối thù hận bằng cách truyền thụ tất cả phong thái cư xử con nhà dòng dõi cho đứa con gái nhỏ là vợ ông Ba Thê (Giã Từ). Toàn dồn tất cả phẫn nộ bất mãn lên trên mấy tấm danh thiếp bắt đầu bằng hai chữ "cher ami" của cha *(Giã Từ)*.

Dù là cậu bé hay ông già luống tuổi, dù là người đàn bà tàn tật hay cô gái mười sáu dậy thì, họ có một lối tàn bạo riêng. Tàn bạo lặng lẽ. Như một hình thức khổ dâm. Người ta bảo Bốn Thôi bị bất lực sinh lý. Bảo Trần Kỳ Vỹ, Bốn Tản, Ba Thê, Bái Công, Ba Càng Cua, Sáu Ty v.v... là những nhân vật kỳ quặt, bất thường. Đời họ không xuôi dòng. Cuộc sống của họ như sóng ngầm. Lặng lẽ, bất trắc, quá khích, hiu hắt đến ngao ngán.

Chẳng những đời sống nội tâm của họ mất quân bình, mà cả đến gương mặt của họ, cử chỉ hành động của họ cũng mất cả cân đối. Không có nhân vật nào của Võ Phiến có một gương mặt bình thường, "coi được". Hoặc đôi mắt lộ quá. Hoặc cái đầu hói quá. Hoặc gò má cao quá. Hoặc bộ răng hô quá. Thân hình ốm yếu quá. Nước da tái quá. Nếu họ đủ ăn mập mạp, thì cách ăn mặc lại dơ

dáy cẩu thả quá. Nếu ăn mặc đàng hoàng thì lối nói, lối cười, lối chắp, lối nuốt thô tục quá. Nếu không thô tục thì lại tủn mủn chi li quá, mất cả vẻ hào hoa phóng khoáng. Cả đến cô Hạnh hiền thục, nàng tiên chờn vờn mê hoặc trong truyện Tâm Hồn, tuy khuôn mặt bầu bĩnh, mắt sáng đa tình, mỗi khi làm duyên thường cắn môi dưới, e lệ cúi đầu, vẫn cứ có *"màu da tai tái và cái trán hơi dô"*.

Trời hỡi! Vì sao đám bạn bè của Bốn Thôi phải bị đày đọa truân chuyên như vậy? Qua mười lăm năm lưu lạc, Vương Thúy Kiều vẫn còn quá đẹp và dù đời sống có trôi nổi bập bềnh, vẫn có một góc nhỏ trong tâm hồn mà nàng còn nguyên vẹn là nàng, góc nhỏ của niềm hy vọng. Dẫu lìa ngó ý còn vương tơ lòng. Của tin còn một chút này làm ghi. Trong góc nhỏ quý giá ấy., Thúy Kiều ăn nói mạnh dạn, đi đứng đàng hoàng, ăn nói tự tín. Bạn bè của Bốn Thôi không được như vậy. Họ hẩm hiu hơn nhiều, quá nhiều.

Họ ít nói. Hoặc cuộc sống của họ phẳng lặng, vô vị quá, không có gì vĩ đại, quan trọng để nói ra. Cả trong tình yêu, *"chàng* và *"nàng"* chỉ nói cộc lốc, nói gióng một.

"— Nóng nực quá.

Một lát sau, tôi hỏi tiếp :

— Tới lâu chưa ?

Cô ta vẫn cúi đầu, gác cằm lên đầu gối :

— Vừa tới.

— Đi một mình ?

Cô ta mỉm cười không trả lời. Tôi lại hỏi :

— Trọ ở gần đây, phải không ?

— Tại sao biết ?

— Không lẽ đi xa mà không có nón ?

— Giỏi !"

(Đêm Trăng — Phù Thế)

Hoặc họ bị tước đoạt quyền lên tiếng. Họ bị nghẹn, âm thanh dồn nơi cuống lưỡi. Do đó mà đám bạn bè của Bốn Thôi chỉ ậm ừ khó hiểu. Họ nhìn nhau, trong lặng lẽ, người nọ thấy người kia chẳng khác nào những hình bóng múa may, cử động kỳ dị vô nghĩa như trên một cuốn-phim-nói bị hỏng âm thanh. Chính bằng cái nhìn lo ngại, đầy sự sợ hãi ấy mà Toàn đã quan sát các "cher ami" của cha trong Giã Từ. Toàn thấy người *"bạn hữu thân ái"* nào của ông Ba Thê cũng có điệu bộ lố lăng, ti tiện. Đi lóm thóm, cười nham nhở. Huơ tay múa chân vô nghĩa. Giống y các hình nộm cử động do tài điều khiển của một tay làm trò xiếc hạng tồi.

Thành thử nhân vật Võ Phiến lặng lẽ âm thầm, đi đứng ngại ngùng. Không được nói, họ chỉ còn biết *"nhìn"*. Không đủ lòng tự tin tối thiểu của Thúy Kiều, đám bạn của Bốn Thôi đành phải *"nhìn lấm lét"*. Không có chút gì thái quá nếu chúng ta bảo nhân

vật của Võ Phiến, những người bè bạn của Bốn Thôi đã dồn tất cả sinh lực vào thị giác. Họ lặng lẽ, vụng về. Họ rụt rè, do dự. Nhưng mắt họ luôn mở lớn. Gan lì thì họ nhìn lom lom như kẻ trước mình là thức ăn hợp khẩu hay một hiện tượng lạ mắt. Rụt rè thì họ nhìn lấm lét trong nỗi lo sợ bị bắt gặp. Nếu muốn tìm một điểm *"nhất dĩ quán chi"* cho toàn thể văn nghiệp Võ Phiến, thì điểm nhất quán ấy là cái nhìn xoi mói của nhân vật.

Võ Phiến đã từng đổi thay khung cảnh và điều kiện sinh hoạt của nhân vật. Trước tập Giã Từ, chúng ta gặp những người nông dân nghèo khổ bệnh hoạn ở một miền trơ trọi xơ xác của Trung Việt, miền đất bị bỏ quên của Thượng đế, gần bên sườn núi cằn cỗi và cách xa bờ biển động. Sau tập Giã Từ, nhân vật của Võ Phiến là những chàng công chức cạo giấy các nha sở thủ đô, bị chìm trong cuộc sống huyên náo vô tình.

Thái độ, quan niệm trước cuộc đời của ông cũng đổi thay. Trước, ông dùng giọng châm biếm mai mỉa. Sau, ông băn khoăn trầm tư. Sự thay đổi quan niệm nhân sinh đưa đến đổi thay của bút pháp: từ truyện kể, Võ Phiến chuyển sang đoản văn (Ảo Ảnh, Phù thế). Duy chỉ có cái nhìn của nhân vật là bất biến.

Từ ban đầu, ông đã thất vọng về cái tầm thường của hình hài con người. Chỉ trừ có đôi mắt:

"Thực tình vừa nghĩ tới cặp mắt hôm nọ, tôi thấy còn một cảm tình đặc biệt với *cặp sinh vật bé bỏng, rụt rè và tha thiết ấy* — nhưng hôm nay tiếp xúc với con người tầm thường của hắn thì hết cả." (Dung — Bách Khoa số 11).

Đôi mắt tách ra khỏi thân thể của nhân vật, trở thành một *"cặp sinh vật bé bỏng, rụt rè và tha thiết"* — Cái nhìn trở thành độc lập, sống đời sống riêng. Vì thế bạn bè của Bốn Thôi đối đãi với nhau, giao tiếp với nhau không bằng lời nói, mà bằng những cái nhìn, khi len lén, khi dớn dác, thiếu hẳn lòng tự tin. — Ngay trong tình vợ chồng, nhân vật vẫn nhìn nhau với tất cả e ngại, rụt rè:

"— Sắp xong rồi.

Nhà tôi mỉm cười không nói. Như thế tự nhiên lại xác nhận cảm tưởng của tôi là hiển nhiên. Tôi lắng nghe lại cái dư vang của ba tiếng tôi vừa thốt ra, và lấy làm ngạc nhiên. Thoạt tiên, nó có cái giọng reo vui, thế mà sau khi tôi để ý đến sự yên lặng xác nhận của nhà tôi thì ba tiếng "sắp xong rồi" lại như có giọng phân vân nghi vấn. Có gì đâu. Công việc giặt vải bạch bạch sắp xong rồi, tôi sắp được đi dạo dưới trăng, chuyện giản dị rõ ràng như thế, có gì mà tôi phải nêu lên chờ một sự xác nhận mới vững lòng.

Tôi mỉm cười về *sự e ngại ngộ nghĩnh* của mình. Lần này, đến lượt nhà tôi *lén nhìn tôi ngờ vực."* (Lẽ Sống).

Đôi mắt người chồng đưa về phía vợ vờ vịt thản nhiên nhưng

thật ra là rình rập nghi nan. Và đôi mắt của người vợ nhìn chồng cũng hồ nghi lén lút. Liên hệ giữa người với người thành ra khó khăn. Ngay cả cách tự mình nhìn mình, chàng công chức tên Thảo tự nhìn chân dung của mình qua cuộc phiêu lưu tình ái vặt, một chiều mưa đạp xe đạp từ Huế về Dương Nỗ, cũng có nhiều điểm khác thường, khó khăn quá! Mặt mày nhăn nhíu đến khổ sở. Và quả nhiên, cuộc sống méo mó, biến dạng:

"Mà không những chỉ nhìn thấy tâm trạng mình, Thảo như còn đang trông thấy bao quát được cả cuộc đời mình, từ những chi tiết vô nghĩa như những món thuốc ngừa cảm mà anh sẽ đòi uống đêm nay, sự săn sóc chộn rộn của Liên xung quanh anh đêm nay, cho đến cảnh sống bao nhiêu năm đã trôi qua, và bao nhiêu năm sắp đến. Anh trông thấy tất cả như thế, *vẫn thản nhiên và hơi khinh bỉ* như là chứng kiến cuộc đời của ai đâu xa lạ, và trong trí anh cũng nghĩ rằng đáng lẽ đó không phải là cuộc đời anh." (Tâm Hồn).

Kẻ nhìn đi ngơ ngác hoảng hốt. Kẻ nhìn lại nghi ngờ theo dõi. Bạn bè quê mùa của Bốn Thôi không ngớt làm cho cuộc đời mình trở thành bất trắc gian lao bằng cái nhìn của nhau. Rồi bẵng đi gần mười năm, những biến đổi của thời thế chồng chất. Thế sự điên đảo. Lớp này tản cư về thành. Lớp kia kẻ chết kẻ lên núi. Thế lực này vừa ngã xuống, thì cũng vươn lên một thế lực khác. Một buổi chiều đẹp trời nhìn mây ngũ sắc biến đổi trên nền trời phía sau làng xóm quê cha, nhân vật chính của truyện *Về một xóm quê* liên tưởng đến kiếp phù vân. Mười năm sau, những người bạn thị thành của Bốn Thôi ăn mặc khác, ở nhà cửa khác, bận tâm với những vấn đề khác. Nhưng họ cứ ngay ngáy bất an trước cái nhìn của nhau:

-- Có gì đâu! Chỉ nhìn thôi, kẻ khác đã khiến ta bất an. Xã hội mỗi ngày mỗi đông đảo, sự gặp gỡ tiếp xúc đụng chạm với đồng loại mỗi ngày mỗi nhiều, mỗi chặt chẽ. Ai nấy luôn luôn bất an."

(Lúc dừng chân, Phù Thế)

Cô gái xa lạ suýt bị hai người lính cỡi xe gắn máy tông ở một ngã tư. Cô ta rùng mình, nhưng chỉ dám liếc mắt nhìn xiêng xuống chiếu bánh xe hung hăng để trách móc. Vì sao vậy? Cô sợ cái nhìn của kẻ khác. Một nữ sinh định leo lên một chiếc xe lam đã chật, thất vọng trụt xuống đứng bên đường, đưa tay che miệng khẽ ho. Cô bé đâu có ho thật. Giả vờ đấy! Cô bé cố làm một cái gì, bất cứ cái gì, để che giấu cảm giác khó chịu, vì cô bé biết khách trên xe lam đang chú ý nhìn mình. Như vậy thì tia nhìn của chốn thị thành này đan thành chiếc lưới lớn, chụp lên cuộc đời ta, bó chặt thân thể ta. Cô gái ở ngã tư đèn xanh đèn đỏ, cô bé hụt chuyến xe lam, hai người bạn nhỏ thị thành của Bốn Thôi, họ cũng cùng chung một

nỗi khổ tâm với người bạn lớn quê mùa chất phát. Cuối cùng, vào một đêm trăng, nhân vật của Võ Phiến khám phá được lối thoát: hãy xa hẳn mọi liên hệ ràng buộc của người, và trở về với cái cô độc lạnh lẽo mà an toàn của vô tri:

"Ủa? Khu phố của chàng đây sao? Nó đấy ư? Quanh năm chàng quen thấy nó hừng hực, nhễ nhại, nó say mê thiết tha, nó chán chường phờ phạc. Đêm nay, nó vụt lột cởi hết mọi tình người: Gỗ đá còn trơ gỗ đá thôi. xi măng, hắc ín, ngói, vôi... hiện nguyên hình. *Và chàng cảm thấy an lành thoải mái bên cạnh vật vô tri.*"

(Lúc dừng chân — Phù Thế)

Cuộc đời các nhân vật Võ Phiến sao mà lạnh lẽo, tội nghiệp. Họ không được quyền đẹp đẽ. Không được quyền ăn nói vung vít. Nhất là không được quyền tự tín. Tìm những từ ngữ cho họ, ta chỉ thấy: *mon men, ngại ngùng, lấm lét, dớn dác, rầu rĩ, thấp thỏm. Và lạc loài,* dù ở bất cứ hoàn cảnh nào.

Bốn Thôi và tất cả bạn bè của anh luôn luôn *"rầu rầu nguội lạnh như một người ngoại cuộc"*, lạnh lẽo dửng dưng, rụt rè lóm thóm như những người khách trọ. Họ trải qua hơn mười lăm năm lưu lạc, và cũng đã nếm bao nhiêu nỗi nhục nhằn đoạn trường chẳng thua gì Vương Thúy Kiều. Họ không tìm được vườn Thúy rồi từ đó về sau chỉ biết:

Vui là vui gượng kẻo là
Ai tri âm đó mặn mà với ai.

Hãy trở lại con đường lưu lạc của họ từ đầu. Tiếng sấm động ì ầm ở một nơi xa thật xa trong kỷ niệm nhân vật chính của truyện *Lỡ làng* báo hiệu các biến động dồn dập của tiếng sấm huyền bí ấy. Lớn lên, cậu bị ném vào cơn lốc của cách mạng. Bạn bè của Bốn Thôi cũng vậy, ngỡ ngàng chưa quen với vận hội mới. Cách mạng có nhiều điều mới lạ quá.

"Cô Bốn tôi chạy về mách với bà tôi nửa kiêu hãnh nửa ngượng ngùng rằng cô đã hóa thành bà quân sự rồi. Chao ôi! Thực là mầu nhiệm. Nếu không có cách mạng đố ai biết được dượng Bốn tôi có tài thao lược để đảm nhiệm chức ủy viên ngoại giao. Cứ thế mỗi làng đều có đủ ủy viên văn hóa, ủy viên xã hội...".

(Về một xóm quê)

Suốt chín năm dồn dập biến cố, tình tiết rối rắm, thế sự thăng trầm đến nỗi ai nấy đều bị quay cuồng điên đảo. Họ không hiểu mình đang làm gì, gào thét đập phá trong lúc bên tai không ngớt oang oang các từ ngữ lớn. Nhưng vào những lúc tĩnh lặng, một mình nhìn lại chính mình, họ giật mình. Giữa bộ máy lý trí đồ sộ, họ thấy cái phức tạp huyền nhiệm của tình cảm. Giữa những mơ ước phi thường, họ mon men tìm lại nét đẹp bình dị. Những xúc

động vụn vặt, những mơ mộng yếu mềm ấy đủ làm cho người chiến sĩ Cộng Sản tên Lung lạc loài.

"Y nhớ mùi thơm cay cay nồng nồng trên ngực áo Cúc, Cúc mà y đã ôm trong tay, đã xô y ra, nhưng nhất định sẽ là của y nếu y không bị bắt sau lần gặp gỡ thứ ba. Y băn khoăn tự hỏi: y đã đến chờ Cúc với cái tâm trạng của kẻ đến chờ phương tiện để thỏa mãn một nhu cầu, còn Cúc đến với y với ý nghĩ gì? Thân thể của Cúc có lúc mềm yếu đi vì rung động hay vì phục tùng nhiệm vụ? Dù sao thì ở Cúc *cũng có cái gì phức tạp hơn những ý nghĩ hăm hở và đơn giản của Lung lúc ấy, ý nghĩ cộc lốc như một nhu cầu*... Trên mười đầu ngón tay của Lung như còn cái cảm giác trơn trơn êm dịu của lúc áp trên lần áo lụa. Y nghĩ đến sự đau khổ của Ngọc, đến sự lầm lộn tình cờ, đến con kiến len lỏi trên cánh tay Cúc, giữa những sợi lông vàng óng ánh... Sao đến lúc này y *mới thấy tha thiết đến cuộc sống tầm thường, đến những tình cờ, những chi tiết nhỏ nhặt của cuộc đời đến thế.*"

(Mưa đêm cuối năm)

Nhân vật của Võ Phiến, trong suốt thời kháng chiến, chứng nghiệm được ý nghĩa của những cái vụn vặt, tầm thường, tình cờ, bình dị. Chứng nghiệm được ý nghĩa của cuộc sống, và quyền được sống với những cái vụn vặt, tình cờ, bình thường. Họ thức giấc, nên trở thành kẻ nguy hiểm cho chế độ. Nhiều người bị sỉ nhục, bị bêu giễu, bị tù tội. Nhiều người bị khai trừ — Họ thành kẻ lạ, kẻ ở trọ.

Kịp đến khi hiệp định Genève được ký kết, họ thở phào mừng rỡ, vội vã lén lút trốn vào vùng quốc gia kiểm soát. Họ tự nhận là *"những người thiện chí"*, từ anh chàng Thông mặc bộ đồ bà ba mầu xám tro, ông già Đỗ Mạnh Kỳ mặc quần đen vải tám và cái áo xa tanh đen rất cũ đã thủng ở cùi chỏ, cho đến ông già Hoàng Gia Lộc vận quần sọt ka ki vàng và sơ mi vải ta nhuộm đà, Phùng Văn Nước mặc pyjama cũ do người bạn làm bồi tặng lại (xem truyện Lỡ Làng). Họ tưởng đã gặp được "anh em", tìm được hoàn cảnh lý tưởng để "làm việc với nhau." Ăn nhờ, ở đậu, họ vẫn hăng hái bàn soạn kế hoạch, kiểm soát sơ đồ tổ chức, từ hạ tầng cơ sở đến thượng tầng kiến trúc. Nhưng một lần nữa, những *"người thiện chí"* mau chóng thấy mình là kẻ *"lỡ làng"*. Một người trong đám bạn bè của Bốn Thôi đã tự thú:

"Còn tôi, tôi không thể kể lại những rối ren trong tám chín năm của tôi cho ông ta nghe được. *Thái độ hưởng lạc vô tư thản nhiên của ông ta, thái độ hờ hững đó như một cách lăng mạ nặng nề tàn nhẫn. Lúc đó tôi mới thấy rằng trong cái xã hội xao động dữ dội này vẫn còn có những chỗ lặng yên một cách ghê sợ phũ phàng, tôi thấy rằng mình đã bị đày đi xa cảnh thái bình an lạc và lạc mất*

đường về."

(Thác đổ sau nhà)

Và một lần nữa, đám nhân vật tội nghiệp của Võ Phiến trở thành người khách trọ — Họ tiếp tục mon men, lấm lét, dáo dác, rầu rĩ. Tiếp tục thấp thỏm. Tiếp tục lạc loài. Cái nhìn kẻ khác tiếp tục tra khảo họ, úp chụp lên đời họ. Thất vọng làm mờ đôi mắt họ. Họ chỉ biết nhìn hau háu để tìm đề tài chế diễu, hài hước. Họ nhắm mắt để trầm tư, hoặc chỉ dám lặng lẽ đối diện với cung trăng, *"thao thức tay đôi trong vắng vẻ, đối diện im lìm không nỡ nàn"* (Phù Thế) Cứ thế tiếp tục, tiếp tục, một ngày qua, một ngày khác... đến lúc: "Nước mưa thấm vào đất, âm thầm len lỏi qua nhiều lớp đất, như một cái phin vĩ đại, cuối cùng đến mặt áo quan. Nó dừng lại một chút, lưỡng lự, ngập ngừng, thăm dò. Nhưng áo quan đã mục; nó được phép. Bèn có những giọt nhỏ xuống: một giọt bên phải, một giọt bên trái, một giọt. Thôi. Đúng rồi! Đúng vừa nơi trước kia vốn là trái tim của chàng Chàng tê buốt cả người, rồi tinh thần tỉnh táo như vừa mới tiếp nhận sinh khí. Đã lâu, mòn mỏi đợi chờ, mới lại được tiếp xúc với một chút lọt từ trên kia xuống, một chút trần gian."

(Giọt cà phê. Ảo ảnh)

Nhưng đã quá muộn rồi! Chút trần gian mòn mỏi chờ đợi ấy, không thể ở kiếp này cho Bốn Thôi và đám bạn bè của anh, "Tiểu thế giới" của Bốn Thôi, sao mà buồn quá đỗi!

NGUYỄN MỘNG GIÁC

ĐÓN ĐỌC CÁC SỐ VĂN HỌC
CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT VỀ

VĂN NGHIỆP VŨ KHẮC KHOAN

ra đầu tháng 9.1987

SỰ NGHIỆP VĂN NGHỆ CỦA PHẠM DUY

ra đầu tháng 10.1987

Văn Học mong đón nhận bài vở đóng góp của quí bạn đọc và văn hữu để hai số tạp chí đặc biệt nói trên thêm phong phú.

Phan Bích Lâm Quân

Thèm có một quê hương.

Ông già mù đôi mắt
Vợ giắt lần lên tàu
Gia tài : đôi bị rách
Áo thô vá mấy màu !
Vợ bồng một con nhỏ
Xin tiền kể khổ đau ...

"Chồng mù từ tấm bé
Miếng sống nhờ khoai rau
Lớn lên như cây dại
Quanh quán chợ, chân cầu !

Những năm mùa màng được
Xay lúa suốt canh thâu
Chủ trả công tấm gạo
Ngày đắp đổi nuôi nhau

Năm nay năm chục tuổi
Mới có con lần đầu
Ấp ủ mụn con nhỏ
Mà khuây phận tủi sầu !

Từ ngày vào Hợp tác
Hạn hán rồi thiên tai
Ruộng bỏ không, cần cỗi
Dân xơ xác đói dài
Người người cùng khốn khổ
Còn ai thuê mướn ai !

Mấy bữa nay đã nhịn
Trẻ già không miếng ăn
Nhìn con thơ đói lả
Hết tính chuyện xa gần
Thôi đành về quê cũ
Sống chết nhờ thôn dân !"

Ông già đôi mắt tối
Lặng ngồi dáng héo hon
Biết chăng lòng tôi cũng
Vì ông mà thêm buồn !

(Ta từ ngày thoát hiểm
Bấm tay, năm năm tròn
Ngày : Thất-khê, Đồng-mỏ
Đêm : Bến-thủy, Ba-Đờn
Ba lần men Bến-hải
Hai lần lên Thanh-chương
Phương Nam lần hướng tới
Nề chi mạng sống, còn !)

Ăn với tôi miếng bánh
Giúp nhau vài hào con
Hà tất phải nói nữa
Mới thông cảm nguồn cơn !

Tàu đến ga rồi đó
Để tôi đỡ xuống đường
Nhanh chân về kẻo tối
Cẩn thận : mưa, đường trơn !

Tầu chập chùng lên Bắc
Chiều lạnh mờ hơi sương
Đêm nay còn lắm kẻ
Thèm có một Quê hương !

Trần Hoài Thư

Cái chết của người bạn văn.

*N*hững con chim đã trở lại biển. Và còn tôi cùng thành phố ngậm ngùi. Đã xa rồi những cánh chim của một mùa xuân, một hôm nào về trên thành phố, thật đúng hẹn, hay trên một ngọn đèo nào, như An Khê, như Đơn Dương xa xôi. Đã xa rồi, đôi cánh nhỏ, bờ ngực mượt trắng, tinh nghịch lượn vờn trên không. Ở đấy, bầu trời lúc nào cũng thật trong và thật xanh, và đất đai dưỡng như cựa mình cùng những mầm lộc mới. Và chỉ còn lại tôi, ngơ ngác như người Thượng buồn hiu mất bản, mất buông...

Và vì mất hết. Bạn bè, đồng đội, tiếng chuông giáo đường, ngã năm, ngã bảy thân mật dạo nào. Và vì mất hết, nên tôi chỉ biết tìm lại một góc u sầu và hiu quạnh. Cầm lấy chiếc nón rơm cũ, bước rón rén vào cung cửa thánh, tìm một chiếc ghế ở dãy cuối cùng. Ít ra, lúc này, tôi đã không là tôi nữa. Ít ra lúc này tôi đã quên những khẩu hiệu đỏ máu, những bộ áo vàng quái đản, những gương mặt sát khí, những con mắt cú vọ. Ít ra bầu không khí vừa thiêng liêng vừa tội tình này cũng đã ban cho tôi một niềm an ủi... Bởi vì, tôi biết, không có ai, trừ đôi mắt trên cao. Như bàn tay mẹ tôi ngày xưa xoa trên vết bầm tuổi thơ của tôi. Như đôi mắt mẹ tôi ẩn chứa bao lời khi tôi côi cút... Không, tôi không côi cút đâu. Bởi vì *"Kẻ tàn phá đã đến nghịch cùng ngươi; hãy giữ đồn lũy, canh phòng đường sá, thắt chặt lưng ngươi, và thâu góp cả sức mạnh ngươi."* Ông mục sư già đã bơm vào lồng ngực khô cằn của tôi bằng những lời của Chúa. Ông đã đứng trên bục, nhưng tôi hiểu, ông đang ở một pháo đài. Ông đang thách đố cùng lũ ma quỉ. Điều ấy đã khiến tôi hổ thẹn. Và dù tôi là người ngoại đạo, nhưng khi nghe lời giảng, tim tôi phải đâm rộn ràng. Ôi, niềm vui nào to lớn cho bằng khi con người còn có một nơi nương tựa. Tôi đang nương tựa giữa lúc đôi mắt muốn được mù, tai muốn được điếc, giữa lúc con tim muốn vỡ bùng, và trí não muốn cuồng điên. Tôi đang nương tựa giữa lúc

đêm quá sâu thẳm, nằm nghe hơi thở của mình qua làn sóng điện. Tôi đang nương tựa giữa lúc những gì thuộc về của tôi đã không còn thuộc về của tôi nữa. Bởi vì, *kẻ tàn phá đã đến nghịch cùng người.* Nhưng có những pháo đài vẫn đứng vững, cô đơn và thật uy dũng.

*
* *

*B*ởi vậy, tôi đã thâu góp cả sức mạnh còn lại để nhìn thẳng vào bọn chúng. Tôi cắn răng đạp chiếc thồ lên con dốc cao. Tôi lắc chiếc chuông đồng leng keng trên các con đường phố cũ. Tôi căm hờn nhìn những tên cán bộ ngồi trong xe bóng loáng. Tôi mang chiếc áo vá, đi chân đất như kẻ không bao giờ bị khuất phục... Nhưng mẹ tôi không hiểu được lòng tôi. Bà luôn luôn hối hận: Biết vậy, mẹ đã kêu con đi rồi. Bà luôn luôn nói vậy mỗi khi thấy tôi buổi sáng 4 giờ, sửa soạn thùng cà rem trong bóng đèn dầu dưới bếp, hoặc thấy tôi trở về nhà mệt lả, sau đó một mình trong căn phòng tối đen. Bà không hiểu lửa đã cháy, và thuốc nổ đã mang ngòi lửa. Cảm ơn ông mục sư già, nếu không có một buổi chiều nào được nghe ông truyền giảng lời Chúa, thì tôi phải đập đầu để mà hổ thẹn ngàn đời.

Phải, làm sao có đủ sức mạnh trước kẻ thù. Như một ngày, họ mời tôi đến Hội Nhà Văn thành phố. Có một chủ đề về những người văn nghệ miền Nam và họ muốn tôi viết những cảm nghĩ sau khi được phóng thích. Tên nhà văn tập kết mời tôi điếu thuốc. Tôi nói là tôi không biết hút dù đã hơn 4 năm tôi thèm như điên mùi vị của điếu Pall Mall. Hắn kể ngày ở trong bưng hắn đã đọc những bài tôi viết trên các tạp chí Saigon và hắn rất mến mộ, "chính sách của Cách Mạng là luôn luôn khoan hồng với những người ăn năn hối cải. Sẵn sàng dành một chỗ đứng cho anh em." Hắn lại khoe khoang: trong một ngày rất gần có một phái đoàn phương Tây đến thăm Hội, và họ muốn biết rõ hơn về anh em — những người làm văn nghệ miền Nam. Hắn luôn luôn lặp lại chữ ăn năn hối cải, cách mạng khoan hồng. Và tôi biết đó là những lời đe dọa thường trực. Hắn lại lấy tờ báo Văn nghệ, đưa cho tôi một truyện ngắn của một người bạn cũ nhan đề: "Người bạn gái ở nông trường" và hỏi tôi: Anh có đọc bài này chưa. Tôi giả vờ nói chưa,dù lưỡi tôi muốn lợm. Tôi và hầu hết bạn bè trong trại khổ sai đã ở trên cái công trường mà anh ta đã mô tả. Và cả đồng bào miền Nam của anh ta nữa. Cái địa ngục mênh mông, cái bãi tha ma thoi thóp đã chôn một Miền Nam ở sau cuộc chiến, nhưng với anh là một vinh quang: đầy tiếng hò, tiếng hát, đầy màu xanh, đầy niềm hy vọng. Và Cô Diễm, nhân vật chính của truyện đã giác ngộ, và đã cám ơn Cách Mạng vì Cách Mạng đã dẫn dắt cô ta tìm được ý nghĩa cuộc sống. Quả thực đó là sự chọn lựa của một người nhạc sĩ mà tôi đã

từng mến mộ; hay là một sự ép buộc?

Riêng tôi, tôi không thể tin là sự ép buộc. Bởi vì ít khi thấy anh viết, và viết đầy cảm xúc như một người đã tìm được chân lý. Và bởi vì, dù muốn dù không, đã có biết bao bạn hữu của anh ta vẫn còn ngẩng đầu như M., đi chăn vịt phương Nam. Như T., chăn bò ngoài ải Bắc, như H., đốn củi trên Trường Sơn. Như tôi, đầu bạc mang chiếc chuông đồng leng keng như ông già Noel khắp các ngã đường thành phố.

— Cảm nghĩ anh thế nào ?

Tôi giật mình. Hay là anh bị ép buộc? Như hoàn cảnh tôi lúc này. Tôi bối rối. Dù sao gần bốn năm trong trại khổ sai đã dạy cho tôi rất nhiều về bài học đối phó này. Tôi nói như con vẹt:

— Tôi hiện chưa được quyền công dân. Hơn nữa tôi mới được khoan hồng, gia đình cần tôi giúp đỡ. Xin anh cho tôi được một thời gian.

Hắn gật đầu, và nói thêm :

— Tôi mến mộ văn tài của anh: Mong một ngày anh sẽ viết cho Cách Mạng. Cách Mạng không đòi hỏi nhiều ở những người cầm bút miền Nam. Cách Mạng chỉ đòi hỏi ở họ một sự giác ngộ. Điều đó giúp Cách Mạng rất nhiều trong việc giáo dục và hướng dẫn quần chúng, nhất là quần chúng miền Nam nơi vẫn còn mang nặng tàn tích Mỹ Ngụy...

Hắn đứng dậy bắt tay tôi. Bây giờ hắn mới ra lệnh thật sự:

— Tuần sau có phái đoàn nhà văn ở phương Tây đến thăm Hội. Anh nhớ đến. Tên anh đã có trong danh sách.

*
* *

Tôi đạp chiếc xe đạp trở về, lưng trĩu nặng. Những con chim đã bay về biển. Từ hướng Bạch Đằng. Từ hướng Vũng Tàu. Từ Qui Nhơn. Từ Nha Trang. Từ Cửa Đại. Cửa Tiểu. Những con chim ngày xưa đã họp đàn, bây giờ đã bay tan tác. Tôi lại tìm một chỗ ngồi cuối giáo đường câm lặng. Tôi đang cần một nỗi bình an. Bên cạnh tôi, là những em nhỏ. Đôi mắt như nai hiền, và những lời thỏ thẻ qua bài thánh ca. Còn nữa. Hôm nay tôi lại được nhìn một người con gái. Nàng ở trên bục, mặc chiếc áo lụa vàng. Nàng nhắm mắt cất lời ca. Không còn tiếng dương cầm cho ngày lễ nhật. Không còn ánh đèn lung linh cho những ô kính thêm ấm áp. Chỉ có chăng là cái pháo đài cô độc. Một pháo đài còn sót lại, âm ỉ những ngọn lửa mà không ai có thể dập tắt. Ngày xưa, tôi đã từng chết điếng trước mái tóc che xõa một phần trán, để còn ghen cả với ngôi cao. Ngày xưa tôi đã yêu em vì qua em tôi chưa bao giờ cầm được bàn tay, hay hôn lên mái tóc bởi vì em quá đỗi thánh khiết, quá đỗi từ ái... Nhưng bây giờ, từ chỗ từ ái ấy, thánh khiết ấy, tôi lại thấy cả một sức mạnh. Hãy thâu góp cả sức mạnh ngươi... Hôm nay,

ông mục sư còn khuyên nhủ thêm: *Hãy mang vào người giáp trụ. Và nơi nào có đau khổ là nơi ấy có sự hiện diện của Chúa*... Tôi đã ngồi để mang vào lòng ngọn lửa mới ấy. Tôi đã biết mình phải làm gì...

Và khi mọi người lũ lượt ra về, tôi vẫn còn ngồi lại. Ông mục sư già bước xuống bục đến bên tôi. Tôi bắt tay ông như bắt lấy chiếc phao. Tôi thầm thì: Chưa bao giờ con cảm thấy bình an như lúc này. Cám ơn mục sư. Ông nắm lấy vai tôi, đôi mắt trìu mến: Con muốn trở về cùng Chúa thật sao. Tôi nói con muốn. Muốn vô cùng. Thế thì tôi rất mừng vui. Lửa đã cháy sáng ở thành phố. Con thấy không, lửa cháy sáng khắp thành phố, dù đêm nay, cả thành phố chúng ta không có điện. Hãy mang vào mỗi con tim một giáp trụ. Đó là cái khí giới cuối cùng để chống đỡ lại ma quỉ.

Tôi trở lại căn phòng đen tối. Mẹ tôi kêu tôi ăn cơm. Tôi nhìn bà trìu mến. Hay là cái nhìn của một người sắp bỏ tất cả. Hay là cái vâng lời cuối cùng để đền ơn đáp nghĩa công ơn nuôi dưỡng tôi. Sau đó tôi thắp lại đèn trong phòng tối. Căn phòng từ lâu tôi chỉ biết nằm trên giường, thoi thóp tựa thây ma. Căn phòng mà mỗi đêm mệt lã, tôi nghe cả những mảnh vỡ tan như tiếng nổ thỉnh thoảng nổi lên trong thành phố. Chắc mẹ tôi phải ngạc nhiên không ít khi thấy lại cái ánh sáng quen thuộc. Bà mở cửa phòng hỏi tôi: con tìm cái gì phải không? Tôi nói không, con cần đọc sách. Rồi tôi lấy giấy viết. Tôi thèm viết như một người thấy cần phải gởi gấm tất cả những điều gì cần thiết trước khi từ giã cõi đời. Chỉ còn bao ngày nữa. Để truyền hơi thở của tôi. Để nói về một sự thật. Để nói về cái mê muội vô tâm của Tây phương và để nói về đại nạn. Để viết về những cánh chim đã bỏ đất liền... Tôi viết đến nỗi thiếp sảng. Mẹ tôi hoảng sợ trước những đêm trắng tôi thắp đèn trước bàn viết... Với tôi, tất cả sức mạnh được thâu góp một lần.

*
* *

Trên đây là câu chuyện về người bạn văn của chúng tôi và Tần, người bạn của anh, đã kể lại cùng tôi trên đảo Bi Dong. Tần nói một đêm người bạn văn đến gặp Tần tại nhà. Hai đứa ra ngồi ngoài hiên thềm và anh đã nói hết, nói thật tất cả những gì về những ngày cuối cùng. Tần dừng lại nhìn ra biển. Tôi vẫn còn đang thắc mắc về sự chọn lựa của người bạn văn. Tần dường như đã đoán được ý nghĩ của tôi nên kể tiếp:

... Vào ngày phái đoàn Tây phương đến Hội Văn Nghệ Thành Phố, anh ta đã có mặt. Không phải có mặt như một số người từng có tên tuổi ở miền Nam đang cúi đầu ngoan ngoãn trước bạo lực, nhưng anh đã có mặt ở vị thế của một người ung dung và bất khuất. Anh là một người rất thông thạo sinh ngữ. Và anh đã nói bằng tiếng Pháp. Như bạn biết bọn đảng viên làm sao biết được

tiếng Pháp, tiếng Anh như anh. Bọn nó chỉ biết trố mắt để mà nghe anh nói. Anh nói gì. Bạn cũng đã hiểu. Cả phòng Hội im thin thít. Bởi vì tiếng nói của anh đã là sự thật. Một người trong phái đoàn hỏi một nhà văn miền Nam khác: Còn ông có ở tù không? Ông có được phép viết không? Ông có được tự do xuất bản sách của ông không? Ông nhà văn trí thức ấp úng trả lời: Tôi không có ở tù. Tôi được phép viết. Tôi được tự do xuất bản sách. Đôi lúc mình phải đau lòng trước một thực trạng như vậy. Nhưng không phải ai cũng như ông nhà văn trí thức hèn mạt ấy. Bởi vì vẫn còn có những người như người bạn văn của chúng ta. Và ngày hôm đó, anh đã trao tập bản thảo cho phái đoàn. Nghênh ngang như kẻ không bao giờ sợ chết. Và đó là di chúc của anh.

Tôi nghe cả tiếng thở dài của Tần. Những con chim trắng in bóng nhỏ trên mặt biển xanh. Và Tần nói với tôi: Những con chim lại trở về biển.

Trần Hoài Thư

CHỢ VẢI
BOLSA FABRIC

* *Chuyên bán các mặt hàng có giá trị gửi về Việt Nam*
* *Trung tâm bán sỉ và lẻ hàng vải, soie Pháp đen , màu.*
* *Vải may quần tây nội địa và nhập cảng.*
* *Mỹ phẩm Pola, Mary Kay .*
* *Trà sâm .Áo dài thêu, áo vẽ, đồ cưới..*
* *Nhận gửi hàng đi các tiểu bang qua UPS.*
* *Nhận gửi hàng về Việt Nam qua Air France, D & D và AF.*

Mở cửa 7 ngày : 9.30 AM — 8.30 PM.
9345-9347 Bolsa Avenue Westminster
California 92683
Tel : (714) 894 2208

Nguyễn Ý Thuần

Nhắc nhau một thuả ấu thời.

Ô Quan

Kẻ ô, đếm sỏi tranh nhau
Thả ao cá thử ai giàu hơn ai ?
Mười năm, đời dẫu chia hai
Vạch ranh ngày cũ chẳng phai trong hồn

Lò cò

Bẹt. Cò. Nghiêng ngả chân son
Tranh nhà
Chia đất
Chỉ hòn gạch thôi
Hôm nay gặp giữa chợ đời
Sao chia cay đắng trên lời chào nhau

U mọi

Giằng co, nhịp thở dồn mau
Níu tay, kéo áo giữa màu gạch vôi
Giờ thân thả lỏng một trời
Nhìn nhau thèm giọt mồ hôi năm nào

Đũa chuyền.

Từng canh quả bóng tung cao
Khéo tay : múa đập
Nôn nao nỗi chờ
Xứ người tay bỗng ngẩn ngơ
Run mười ngón nỗi dư thừa từ đây.

Năm Mười

Tử. Tùng.
Nhanh, chậm dấu tay.
Nương nhau cùng sống từ ngày xa xưa
Chừ sao đời bỗng dưng thừa
Giữa tiện nghi lại thèm thua một lần.

Chơi chồng vợ

Lá xanh bầy cỗ tơ hồng
Chia hai ngôi thứ vợ, chồng trao nhau
Nay dư tiền chuộc trầu cau.
Tủi tơ duyên đã ngả màu héo hon.

Tạt lon

Ngang mày chiếc dép cũ mòn
Vung tay chỉ cốt hất lon xa vòng
... Nửa đời còn lại thong dong
Vẫn toan kẻ phấn, đeo tròng cho nhau

Vũ Huy Quang

Chuyện tình.

Nàng là Kim Basinger. Chàng là Mickey Rourke. Hình ảnh ráp nối đẹp tuyệt. Tên nàng trong phim là Elizabeth, chuyên viên Mỹ Thuật. Chàng ở trong thị trường chứng khoáng (gốc Harvard đàng hoàng). Trong phim, họ được dàn xếp gặp nhau một cách rất lãng mạn tân thời: những nét mặt, những tình cờ như vô tình mà đầy... sắp đặt kiểu Mỹ. Nhạc đệm phối hợp với ánh sáng... những khung cảnh của Nữu ước, những du thuyền và những tiện nghi. Tên phim là 9 tuần rưỡi (9.1/2 weeks).

(Ít lâu sau, có người phỏng vấn, hỏi "ý kiến cô về diễn xuất ra sao?" Nàng trả lời "Glenda Jackson có nói: khi tôi muốn khóc, tôi nhớ lại các cuộc tình của tôi. Khi tôi muốn cười, tôi chỉ cần nhớ lại tình duyên của tôi. Và tôi nghĩ thế cũng phải").

Cuốn phim, nàng đau khổ bỏ đi... Lẫn trong đám bộ hành hình ảnh rộng dần, khán giả vẫn thấy Elizabeth bật khóc rồi chấm hết cuốn phim. Nàng bỏ chàng ra đi, một mình.

Chàng quay qua nói với nàng "Lạ thật, sự lãng mạn, sự xúc động quá tròn trịa, đến đỗi người ta thành dửng dưng.

Hai người Việt trong đám khán giả ở rạp hát vùng Hollywood hôm ấy, bước ra sau cùng sau xuất hát. Nàng không nói gì. Nàng tên Duyên.

*
* *

Ba năm trước, họ gặp nhau ở một bữa tiệc sinh nhật. Chàng có vợ rồi, tình cờ làm sao hôm đó chàng đi có một mình. Bữa tiệc vừa bắt đầu được ít phút thì nàng bước vào. Thúy, chủ nhà giới thiệu với chàng đầu tiên "Anh Khoa, đây là cô Duyên" và ghé tai chàng thân mật "giá mà anh còn độc thân, nhỉ". Duyên tươi cười nhìn chàng, đưa bàn tay ra cho chàng bắt, tự nhiên và tự tin như là

đã biết nhiều về chàng.

Thực khách đủ mọi thành phần. Duyên tươi vui tiếp chuyện với hết thảy mọi người, vậy mà Khoa bỗng cảm thấy mình có duyên hơn mọi lần. Luôn luôn, chàng được cảm tưởng như Duyên dẫu có nói chuyện, lúc nào nàng cũng dư ra một tai, một góc mắt để nghe chàng nói (câu gì đó, dù rất nhỏ), hoặc một cử chỉ nào đó của chàng để sẵn sàng giúp hộ (lấy nước trà, với miếng bánh...). Trong đám thực khách ra về, Duyên phụ với Thúy tiễn khách, nhưng đối với chàng, Duyên đưa tận ra tới chỗ đậu xe.

Rồi hai người đi chơi riêng với nhau.

Duyên không nói ra, nhưng cố ý cho chàng biết là sự liên lạc giữa hai người luôn luôn được giữ kín. Chuyện tình của họ đầy những dun dũi, những xúc tác thuận lợi. Chàng kiếm được tiền khá, và... lịch sự. Nàng có một thân hình đẹp tuyệt, có một con nhỏ, mới li dị với chồng ở Việt Nam, qua đoàn tụ với đại gia đình ở Mỹ, cực kỳ thông minh và tháo vát. Đã từng vô địch bơi lội. Khi cần, nàng kể chuyện tiếu lâm làm cho chàng lắc đầu chịu thua.

Nàng thẳng thắn bảo chàng: "Thôi được, em "cho" anh một lần, bởi vì em yêu anh. Nhưng rồi, em sẽ lấy chồng, lo làm ăn. (Em chưa biết sẽ lấy ai). Nếu cứ liên lạc mãi thế này, thế nào cũng có lúc mang tiếng... Sau khi em "lập lại cuộc đời", em với anh vẫn là bạn...

— . . . ? . . .

— "Chỉ là bạn thôi nhé. Và quên hết chuyện cũ đi..."

Họ hẹn nhau vào một buổi, trong ngày thường. Chàng hồi hộp như cả hai chục năm về trước, lần đầu tiên được hò hẹn. Tra chìa khoá phòng, chàng run tay. Duyên tóc xõa, thoa son nhạt, mặc váy ngắn màu nâu nhạt, sơ mi trắng, cổ tròn (Quái lạ, sao chàng cứ nhớ như in). Nàng bước về phía bao lơn, tỳ tay nhìn ra biển, quay lại dịu dàng với chàng. "Thấy không, em không đeo đồng hồ... hôm nay em quên giờ giấc..." Chàng không nói được câu nào. Mãi về sau đưa cho nàng hộp quà, nói năng không đầu, không đuôi "... Em thay cái áo... anh chọn mãi mới được... Anh sẽ chụp cho em tấm hình với cái áo mới... Nền biển xanh, hoa vàng, áo tím than... môi hồng... để kỷ niệm..."

Khi Duyên hôn nhẹ lên má chàng, thầm thì "Cám ơn anh" và khuất sau cánh cửa buồng tắm, chàng đâm ra ngơ ngẩn và bỗng cảm thấy trống rỗng. Với cái điện thoại đầu giường, chàng gọi người quản lý lấy hai ly rượu mạnh.

Chàng bậm môi nhìn nàng, không trả lời khi nàng hỏi "Trông em có được không?" Nàng xoay qua xoay lại trước gương ở góc phòng. Nàng lững thững và tò mò quan sát từ cái chụp đèn, từ quyển kinh thánh nơi đầu giường ngủ, từ những cái gạt tàn, và các

bức tranh trang trí trên tường. Nàng tò mò kéo màn cửa sổ mở ra rồi khép lại. Tay chắp sau lưng, nàng tủm tỉm cười một mình, trông xinh tuyệt "Anh nói tiếng Mỹ được quá, không biết bao lâu nữa em mới nói được... như anh". Nàng gật đầu chào người đàn bà giúp việc mang đến 2 ly rượu Scotch đặt trên bàn, khi bước ra còn quay lại trân trọng cám ơn chàng về món tiền thưởng.

Sau đó, nàng rất nồng nàn.

Giữ lời hứa, luôn trong ba năm, chàng không hề tìm cách liên lạc lại. Nàng đã có chồng, có thêm con. Và rất thành công trong việc làm ăn. Ấy là lâu lâu, vợ chồng Thúy cho chàng biết như thế mỗi lần chàng làm bộ như tình cờ hỏi thăm.

Tấm hình nàng chụp hôm ấy (chụp khi nàng thay áo mới do chàng tặng) chàng không có dịp trao lại. Tấm hình vẫn còn được giữ ở văn phòng của sở. Ba năm sau, chàng gọi điện thoại, gặp nàng. Giọng nàng ấm cúng, vui mừng và thân ái "Anh muốn gặp em lại một lần, gửi lại em tấm hình". Khi nàng nói "Dạ..." Chàng có cảm tưởng trong một, hai giây cho câu trả lời ấy, nàng có ngập ngừng.

Và họ đi xem phim 9.1/2 weeks đó với nhau, sau bữa ăn trưa ngắn ngủi.

Nàng vui cười, và tránh tia mắt trìu mến của chàng, đôi khi. Nàng vững chãi trong mọi chuyện. Thân mật kể chuyện chồng, con, công việc. Khi trao tấm hình "hôm đó" cho nàng, nàng ngắm nghía tấm hình một hồi, và chỉ nói nhẹ nhàng "cám ơn anh". Trong lúc chàng bồi hồi, nàng lấy cái ví đặt trên đùi, mở ví ra, bỏ tấm hình vào. Cái ví bằng da cá sấu bóng láng, màu đen.

Trong rạp nàng chăm chú theo dõi màn ảnh. Nàng ngồi ngay ngắn có vẻ nghiêm nghị, y như hai người xa lạ, cố tránh chạm tay chân với chàng — (ngồi ngay sát bên cạnh) — mỗi khi muốn đổi thế ngồi.

Chàng tiễn nàng ra bãi đậu xe, xe hai người đậu cạnh nhau, chàng mở cửa xe cho nàng. Nàng bảo "Em về". Và cười, răng trắng bóng, môi vẫn thoa son hồng nhạt "Em mà là cái cô Elizabeth đó, việc gì em phải mếu máo như thế." Nàng đóng cửa xe, lục tìm chìa khoá, ngoái cổ cẩn thận rồi lùi xe ra. Chàng đứng tần ngần trông theo: nhìn trong kính chiếu hậu, nàng thấy cả. Nàng vẫn lái xe đi, giơ một tay lên vẫy chào... Mấy ngón tay vẫy rất nhẹ. Nàng chào kiểu Mỹ.

Vũ Huy Quang
6/87

Đặng Phùng Quân

Cõi ngoài.

*B*iến động xẩy đến với chàng như một quyết định — chàng chẳng chờ đợi điều đó, nhưng cuộc sống nếu chỉ quanh quẩn trong lối mòn tìm kiếm, khung cảnh hẹp của thành phố, bạn bè ít khi gặp mặt, tương lai vô định còn hiện tại đầy thao thức khắc khoải, chàng cảm nhận nỗi dư thừa. Hoang vắng. Dầu nàng đã chiếm trọn một phần đời (có thể, hương vị tình yêu khiến lòng chàng chùng xuống những ý nghĩ nồng cháy sôi sục một cuộc đổi thay). Sự hiện diện của nàng quả thực làm đầm ấm không khí căn phòng. Những người bạn ghé lại, ngoài những điều trao đổi với nhau về cuộc diện trước mắt, cũng ít nhất một lần hỏi thăm nàng. Hình ảnh nàng như một niềm thơ mộng cho những dằn vặt xã hội vây quanh. Cái bóng dáng nhỏ bé trước sân khấu đời phức lụy, ở chàng dội lên một thi vị lý tưởng, chàng nghĩ, phải thực hiện được mộng ước cho xứng đáng với nàng. Làm gì? Một vài người bạn đi xa, ở một nơi thật xa trở về nói với chàng, chờ đợi thời cơ. Giữa bằng hữu gặp nhau cũng có những khác biệt xung đột. Người đi từ thực tế, người khởi từ lý luận. (Nhưng, họ cùng chung một định hướng — nhìn về phía trước, ấp ủ một hoài vọng xây dựng xã hội công bằng tốt đẹp hơn). Nhiệt tình tuổi trẻ thể hiện nơi mỗi cá tính cũng muôn sắc muôn vẻ. Từ những cuộc xuống đường, làm rối loạn thành phố, trường học, những đêm không ngủ khơi dậy nỗi căm hờn. Đâu đó cũng có mặt những bạn chàng. Những quyển sách mang về từ miền biên giới. Họ chuyền tay nhau đọc và thảo luận. Sách vở (có thể) mở ra một khung trời chưa tới, nhưng đầy hấp lực. Rọi tỏa những viễn tượng lấp lánh, ngay từ hoạt cảnh thường nhật ngoài phố, tới những luống cày đồng ruộng đất nước bao la, những khoảng rừng hoang bát ngát, những bưng biền ngút ngàn. Như một tiếng gọi xa xăm. Thế nên cuộc sống trước mắt, ngột ngạt. Ngày tháng qua, chàng mong một cuộc dấn thân lấp đầy

sự tẻ nhạt trong khí hậu một thành phố đang rạo rực, rạn vỡ những nền tảng cơ bản của nó. Đi trên những con đường quen thuộc từ thuở còn là một người thiếu niên nhỏ tuổi ngày ngày tới trường, vui đùa cùng chúng bạn, chứng kiến những lầm than, khốn khó của lớp người cùng khổ — tiếng chặc lưỡi của người đánh xe, vó ngựa thổ mộ lọc cọc gõ trên đường đá những sớm tinh mơ, tiếng roi vút trong không trung vắng lặng nghe như nỗi nhọc nhằn của hình phạt, khung cảnh già héo đã lôi kéo chàng ra khỏi mái gia đình thượng lưu để tìm đến ở ngôi nhà lá nghèo nàn, sống tự lập, muốn vùng thoát khỏi những ước lệ thông thường của một cuộc sống ngăn nắp. Chàng ý thức một điều, không chấp nhận tư tưởng vô chính phủ, hành động thường trực nổi loạn nơi chàng chẳng phải để phung phí tuổi trẻ, nhưng hiện thể một chân trời tự do chưa rõ nét. Làm gì? Bỗng dưng, ràng buộc xã hội đã câu thúc chàng vào một tình thế đọa đầy, đối đầu với thực tại. Khi bị đưa ra quân trường ngoài Trung, sống từng giờ từng phút với quy định kỷ luật trong một tập thể máy móc, tưởng như qua một kinh nghiệm bất ngờ của đời. Trong những khoảnh khắc tàn tệ nhọc nhằn, hình ảnh nàng tự nhiên vây quanh trí nhớ chàng thật triền miên. Chàng nghĩ, phải nỗi cô độc đã đánh thức một tình thương yêu tự sâu tiềm thức. Tưởng tượng nàng đến, vắng bặt bóng chàng, hẳn nàng phải buồn phiền (cuộc tình hồn nhiên không mảy may dự tính bất trắc mai sau, gặp mặt nhau trong những giây phút tương thân thiêng liêng — chàng chẳng hề nghĩ phải hứa với nàng một ước hẹn thông thường nào, chàng không hỏi nàng ở đâu, mà nàng cũng không thắc mắc về gia đình chàng, họ *sống* một giấc mơ tương lai tuyệt hảo, *chờ đợi)* tình huống thay đổi tâm trạng, chàng không liên lạc được với bạn hữu trong ngày tháng đầu để nói với nàng một ý nghĩ, *nhập cuộc* từ đây. Sa đọa từ một hoàn cảnh tự do xuống tình thế bất đắc dĩ của một tân binh quân dịch, sống giữa những con người đồng cảnh ngộ thúc phọc, chàng không cảm thấy khốn khổ riêng bản thân, mối ưu tư liên lỉ cùng tha nhân như một cái xiết tay đoàn kết với vô vàn những nghịch cảnh khiên cưỡng của người khác — những con người bị lên án là thành phần bất hảo trong xã hội. Đổ mồ hôi, nghiến răng chịu đựng những đối xử tàn tệ, sắt máu (Ngục tù có thể là một trường học tốt, nơi đây lò luyện người đào tạo những tay súng chiến đấu trên một trận tuyến không lý tưởng đã biến con người thành những kiêu binh hung hăng như những con lợn lòi hoang dã, đã kéo cuộc sống vào những trận rượu sát phạt long trời lở đất — chàng hiểu, cuộc trầm thân tự sát này đang diễn ra, ý nghĩa đời sống đâu phải ở vấn đề tự tử, ý nghĩa đời sống ở chỗ vươn lên trên cuộc tự sát — có thể chàng đã bắt đầu nao núng trước một cuộc lưu đày gần cận, tâm trạng

người lính thú đối đầu với một bầy hữu chưa quen biết bên kia vòng đai thù nghịch). Ngày sách ba lô lên đường ra đơn vị, viết lá thư đầu tiên liên lạc với một vài người bạn, chàng bầy tỏ nỗi bồn chồn thao thức hành động. Trong vùng hỏa tuyến sôi sục, đi trên những con đường chông gai dọa nạt (thầm nghĩ, nếu ngã xuống vì một viên đạn thù tức tưởi — lòng đầy xao xuyến) nỗi chết phi lý, một niềm hoài nhớ ám ảnh giữa một hình bóng tinh khiết ở một vùng trời êm ả với khoảng không gian lồng lộng vây quanh, chàng hiểu sự xa vời miên viễn này đưa mình ra khỏi tình yêu ban đầu, không có một ngày trở lại chốn xưa trước bờ vực tuyệt lộ. Trong nỗi khơi động tuyệt vọng, hồi âm đến bất ngờ. Bạn viết, chúng ta đang dự một cuộc đấu tranh không giới tuyến cực kỳ phức tạp, bạn hãy ở lại trong hoàn cảnh hiện tại, sẽ có người liên hệ trực tiếp với bạn. Bắt đầu cho một thái độ nhập cuộc, chàng vẫn khoác áo trận, đội mũ sắt, mang súng đi trên những nẻo hành quân gian khổ, vẫn hiểu nếu có một ngày bắt buộc phải nổ viên tự vệ giữa ngút ngàn phức tạp vây quanh, ý nghĩa không bắt nguồn từ thù nghịch nhưng khởi từ bạo lực. Sống cuộc sống tập thể, vạch một hướng đi rõ rệt. Chàng hòa vào đồng đội, ăn ngủ hành động như một người lính bình dị, cũng say những trận rượu nhọc nhằn nơi quán bên đường, trong lều vải, bìa rừng, bất kỳ nơi nào dừng chân sau một trận giặc thoát hiểm kinh hoàng, nhưng lòng đầy tỉnh táo. Nói với những người đồng đội, bên những vỏ chai lăn lóc, hơi rượu hừng hực, thứ ngôn ngữ bất cần đời, thô lậu, nói thế nào để ý nghĩa không rơi hoẵng vào khoảng không lạc lõng. Nói cho thân phận, thực tại. Nói sao đồng điệu, nói cho tan rã hàng ngũ. Sống lứa tuổi đam mê nhục dục. Chàng cũng theo bạn bè tới những căn nhà chứa sàn gỗ mái lá, tiếng nước dội từ chậu chẩy lõm bõm qua kẽ hở xuống hồ, làm quen với những câu nói tục tằn, những cô gái làm tiền phấn son nhợt nhạt, ngồi xếp đánh bài chờ khách (có thể lần thứ nhất trong đời đến nơi trụy lạc, bước vào một khoang phòng ngăn cách với bên ngoài bằng tấm màn cửa nhầu nát, mùi hôi nồng nặc, nằm bên cạnh người đàn bà đã sẵn sàng bán thân, chàng bối rối không biết nói thế nào để nàng hiểu chàng không đến tìm lạc thú, nhưng phải sống và cư xử như bất kỳ một người binh nhì đồn trú nơi xa nhà, lòng không mảy may ham muốn, chàng ngại ngùng cho ngôn ngữ làm tổn thương lòng tự ái của nàng, khi người đàn bà hỏi "anh làm sao vậy?" — ở khoảnh khắc đó, hình ảnh *nàng* thoáng vút lên trong tâm tưởng, hình ảnh một nỗi nhớ, một kỷ niệm, một tin yêu, chàng lại cảm thấy rất gần thời hạnh phúc xa xăm của tuổi trẻ, cái gang tấc sa đọa không phải ở chốn này, những thân phận lạc loài chiến đấu trong một vây tỏa ràng buộc vô vọng đã tiêu hoang khoảng dừng chân ngừng nghỉ bằng giải quyết sinh lý, không phải nỗi thú rong chơi của những tên thanh niên tư sản dạc dài qua

những vũ trường, động đĩ nơi thành thị). Cuộc sống nơi đây khác hẳn, đất cằn cỗi hoang phế, vết bom cày những hố sâu, trận phục kích muôn ngả, cái chết kề cận, ý sáng tạo lại dội lên trong óc (chàng muốn ghi những ấn tượng sinh động ấy với những dấu vết tàn tích cụ thể, máu và xương thịt, râu tóc kẻ bất hạnh, mảnh lựu đạn ghim trên thân thể, nắp vỏ xe tăng cháy xám) — nhưng không thể, cuộc lưu động dã chiến cuốn hút những ý tưởng mơ hồ tan biến vào sương khói hành quân, dấy động những biến chuyển. *Kể từ tháng Ba, hai sư đoàn thủy quân lục chiến Mỹ đổ bộ lên cửa Đà nẵng*. Áp lực của lực lượng viễn chinh tỏa ngộp đất nước, đảo lộn cơ sở xã hội, thay đổi bộ mặt đồn trú. Đồng lương trong tay người binh nhì nghèo nàn thật nhỏ nhoi trước sức bạophát kinh tế, hung dữ như cơn sấm sét vũ bão của hỏa lực khắp nơi, *tình hình thật căng* (người bạn chuyển chỉ thị đến), hãy giữ vững tinh thần như giữ gìn con ngươi của mắt, bước xung kích tuyên truyền tiến nhẹ nhàng vào sự mâu thuẫn chênh lệch giữa những thân phận người, khởi đầu cho mối liên lỉ nổi loạn. Bản chất con sói cô độc trong chàng lại dội lên phản kháng, những chuyển lưu đày thuyên chuyển từ đơn vị này qua đơn vị khác, gian nguy cùng cực hơn (nếu mỗi người thanh niên trong thời chiến có một lý lịch quân bạ như thứ sổ bộ đời luân lạc, những con dấu đóng trên trang giấy chẳng khác nào những chiếc va li lữ thứ viễn trình, cũng mang những truân chuyên nhọc nhằn, những cam go thử thách, hồ sơ quân dịch của chàng đầy những điểm xấu song chàng không quan tâm đến những ý niệm quan hệ về thượng cấp, kỷ luật; chàng không oán trách những hình phạt nghiệt ngã, chẳng mảy may đếm xỉa đến thái độ kiêu căng, hách dịch của những viên sĩ quan chỉ huy cùng lứa tuổi (có thể, trong một dịp nào đó, nhìn dáng điệu lăng xăng của một sĩ quan đơn vị, chàng lại nhớ đến ý nghĩ của một nhà triết học Pháp ghi lại trong Thế chiến thứ Hai, hối tiếc đã đăng ký vào lính trong khi người bạn cùng trường theo lớp Sĩ quan, thời chiến đó mức độ hành động tự do cũng phân biệt, ý nghĩ thật kỳ dị).

Sự hiện diện của ngoại nhân mới là mối xung động chủ yếu trong cuộc sống lưu đày. Trong lòng chàng không mang tinh thần bài ngoại, song những vấn nạn đấu tranh đã thôi thúc hành động. (Lịch sử không phải chỉ gồm những biến động lớn lịch sử như một hoàng hôn tăm tối của thời thống trị, bóng dáng ngoại xâm dập dình khắp nơi từ lúc chàng chưa chào đời, hiện tình trên những dinh thự, đền đài, trên những tên đường thành phố). Nơi bãi trận rộng lớn, chàng tận mắt thấy những lính Mỹ biểu hiện tinh thần Yankee đối với dân bản xứ, đùa rỡn, diễu cợt trên xác chết, những đồng tiền đổ xuống trên những bàn tay nghèo đói nghèo hèn, khốn khó, bước chân những đứa trẻ chạy ngoài vòng giây

kẽm gai lượm những phẩm vật dư thừa, phế thải, những quán rượu mọc lên với những cô gái quê chạy loạn, lạc loài vào nơi hương phấn. Những sớm tinh mơ nằm trong hố cá nhân, nghe tiếng bom dội rung chuyển lồng ngực, chàng đau thấm niềm phi lý tàn bạo dưới ánh mặt trời chói chang trần trụi. Chân trời sáng tỏa, đồng cỏ xanh mênh mông, nổi người nhỏ nhoi. Làm gì, trong những vây bủa quyền lực? Có thể, chàng đã đánh thức những hoài nghi nơi người đồng đội, tâm trạng bải hoải chiến bại của ngày mai. Có thể những trừng phạt quân kỷ làm chàng mạnh mẽ phấn chấn hơn lên với hoài bão theo đuổi, và hành động hết sức ngoạn mục những ngày tháng bất mãn là cơn thịnh nộ tấn công vào viên Trung tá cố vấn (một người Mỹ xấu xí, xuất thân từ nơi đào tạo quân sự chuyên nghiệp, cử chỉ hống hách, ngôn ngữ mệnh lệnh như kiểu viên Đại sứ triệu tập đám tiểu Thổ lại hỏi: "Do all of you understand English?" Hãy tưởng tượng những cú đấm sấm sét từ nơi một người lính trẻ tầm thước tung ra bất ngờ vào mặt vị sĩ quan thái thú đang kiêu căng hách dịch, cũng chẳng thể hạ gục đối thủ nhưng thật chính xác và mau lẹ trước khi mấy người quân cảnh xông vào can thiệp, còng tay chàng lại) và dư ba cuộc phản kháng ẩm ỉ ngọn lửa chìm trong đống tro than. Những ngày tháng xa cách, tương lai vô định, theo đuổi một hướng đi nhất định, chàng chẳng bao giờ muốn trở lại thành phố, chàng tự hứa để kỷ niệm chìm vào thời gian. Bất ngờ, cuốn nhật ký của nàng đến tay chàng trên đường vào quân lao. Những ý nghĩ phiền muộn thấm vào tâm tư một thời mộng tưởng, một hình bóng kiều mỵ mong manh, một cõi sống đã mịt mù thất lạc chẳng thể khôi phục — chàng mường tượng nàng đã lớn, những biến đổi vây khổn tâm hồn bé nhỏ, những điều không nói ra trong niềm hoài cảm ấm ức, và hình ảnh nàng đứng bên kia vòng tù ngục một lần nhìn cảnh chàng bị đọa đày (hẳn nàng phải kinh động trước thực tế ngăn trở sừng sững) đời không cho ta cơ hội gặp gỡ, chàng chẳng thể trở về khi cuộc thể chưa ngã ngũ. Rồi một ngày, nàng sẽ hiểu hành trạng quyết định nơi chàng. Cuốn nhật ký ấy đã mang theo cơn bão lốc trỗi dậy chọc thủng phòng tuyến cuối cùng trên con đường đào thoát vào mùa Xuân khói lửa.

Đi qua những chặng giao liên với người dẫn đường theo cánh quân rút ngược trở lại căn cứ, chàng đã cởi bỏ quân phục cũ để khoác lên người bộ bà ba đen bạc phếch, mang đôi dép râu còn ngượng cóng dẫm lên mùa sương đọng cỏ úa, đi trong đêm không gian tỏa ngát mùa lá, tim đập rộn ràng, lần thứ nhất trong đời tâm hồn thơ thới như vừa giải thoát. Đã quen với chiến trận, mặc dầu vào một nơi xa lạ chàng cũng không bỡ ngỡ bám sát bạn đồng hành, tinh thần thật cảnh giác bởi chuyến đi này dứt điểm một thời

quá khứ. Chàng hiểu, dấn thân đầy chông gai hiểm trở, bỏ lại đàng sau cuộc nổi dậy vừa thất bại, mặc dầu bạn đồng hành vẫn giữ bộ mặt thản nhiên lầm lì song hành tung thật khẩn trương, ghé những trạm nghỉ ẩn nấp nguỵ trang dưới những hầm sâu, hồ kín, những trao đổi liên lạc ngắn gọn, khó khăn, trong tay chàng không vũ khí bên cạnh người dẫn đường mang khẩu tiểu liên Tiệp và lương khô, chàng vẫn không cảm thấy lo ngại khi càng rút vào sâu, tiếng bom đạn xa dần, ánh sáng có thể trở lại vùng giông bão đen tối, những tàn tích thảm hại rực lửa. Quả thật, giấc mơ một thời đã hồi sinh theo bước đi *vào vùng giải phóng*. Ở láng, những ngày đầu lập thủ tục tự khai (một lý lịch mới trong đời), đợi xác nhận giới thiệu, sống theo tập thể chàng không chút mặc cảm của người *trở về trong chính sách bình vận của cách mạng* (đã lâu, chàng vẫn khước từ chấp nhận những khái niệm khuynh tả, khuynh hữu như những phạm trù khả thể, vận động của lịch sử ở trong lý nhất nguyên toàn diện, thế giới phân ranh chính tà rõ rệt, nên cuộc trở về trọn vẹn) dầu ở nơi bụi cỏ, bìa rừng, nhìn ra đồng ruộng bao la bát ngát, không gian xanh ngát màu lá, sừng sững oai hùng chính nghĩa thắng lợi trong những bài học tập đầu tiên, những hồi niệm kinh kệ xưa không chỉ còn trong những trang lý luận màu xám, mà hiện thể qua chiến khu, hơi thở cách mạng, nhập cuộc vì một lý tưởng tuyệt vời. Chàng hiểu, cái đơn độc cá nhân không có ý nghĩa gì trong đại thể, thế nên những ràng buộc khắc nghiệt đời sống mới không làm chàng phiền lòng, những chuyển di động liên tục vì tấn áp của bom đạn không làm chàng nao núng, chia sẻ với những đồng đội mới cái khó khăn, nhọc nhằn lương thực thiếu thốn, cái tiện nhỏ nhen của lòng người, song chàng cảm thấy ngày mai thật lớn lao trong sự nghiệp của cuộc chiến đấu.

Đời sống không phải chỉ vây bủa theo những quy luật, kiểm soát của tha nhân, chàng có những giây phút nằm một mình trên chiếc võng nylon cá nhân, đọc lại những trang nhật ký bạn viết nghe như tiếng nhủ thầm của tình yêu xưa xa vắng, nỗi hạn hẹp của hiện tại không ngăn trở những dặm đường tương lai khi chàng trở về. Chàng hình dung bạn ở trong khung cửa đời chật hẹp, niềm hoài vọng tuổi nhỏ chìm dần vào sự nhốn nháo sa đọa của thành phố (những thanh niên lớn lên đuổi theo địa vị, bên những canh bạc rong chơi miệt mài, những thế hệ tiếp nối đang lao dần vào triệt hủy duy hư) rồi ngày tháng qua nàng sẽ có một nếp gia đình (nàng không hề nói nhưng chàng hiểu, không ai chờ đợi trong cuộc hò hẹn vô vọng), song chàng sẽ trở về, có thể vì nàng. Chàng sẽ kể những quãng đời dài, cuộc tìm kiếm đang thành tựu, nàng có thể ngờ cái bóng ma đang ám ảnh nơi nàng ở thật không xa lạ, hiện thân qua chàng trong bộ quân phục

xanh rêu, nàng có thể ngờ những bằng hữu chàng bây giờ chỉ có một nỗi ước mơ tầm thường (tìm lại quê hương trở về đồng ruộng với chòi tranh, đìa cá), bên cạnh cái chết chụp xuống miên man của hàng trăm trận bom pháo, không phải hình ảnh đe dọa của người đặc công vô hình phá hoại những cao ốc, rạp hát, những cuộc thủ tiêu thanh toán quyết liệt, nhưng một cuộc sống thật bình dị, khởi đầu ý nghĩa thoát ly hoàn cảnh áp bức. Chàng sẽ vẽ lên cho bạn thấy cảnh nước non hùng vĩ bao la, với những cánh rừng lá đan che phủ khuất bầu trời, những trũng sâu thăm thẳm, đầm lầy xa vời tạo thành những chướng ngại che khuất bước xâm lăng của đối phương, cũng giang sơn ấy một khung cảnh xã hội khác hẳn với những con người chân đất đang đi làm lịch sử (có phải lịch sử là những đổi thay làm cho đời sống sinh động và thời gian có ý nghĩa, nhưng trước hết, cái tiêu diệt bản thể ngưng đọng để nẩy mầm hạt nhân hợp lý — con người mới. Chàng hiểu, con người mới không là hình tượng của những kẻ cô độc gào thét trong phòng kín, những ảo vọng cuồng điên, con người mới khởi từ hủy hoại những tàn dư thối nát, tác động trong thực tiễn, sức mạnh lớn lên từng giây phút không ngừng nghỉ) và nàng sẽ hiểu những ngày tháng chia phai, sự xa cách không phải là bội bạc, im lặng nhưng từ chọn lựa dứt khoát, con đường đi tới. Chàng muốn nói với bạn (bây giờ đã thật xa vời, bạn chỉ còn là một hình bóng nhỏ bé với những kỷ niệm chất ngất trên những trang thư viết cho riêng mình, liệu bạn có trách cứ nỗi vô tình của những ngày tháng qua, khi chàng còn đang lao đao trong cảnh đọa đày) chỉ một tình thương yêu gìn vàng giữ ngọc đó cũng đủ làm điểm tựa cho ý nghĩa cuộc viễn trình tìm kiếm, khi những đồng đội của chàng còn nhiều mơ ước, từ một mái nhà xưa yêu dấu, từ những dẻo đất, luống cầy bị tước đoạt (quả thật, nơi chàng không có một ý niệm gia đình, cả những địa danh quê nội, quê ngoại cũng thành hư ảo). Quê hương, những nơi chàng đi qua, trong tâm thức nặng chĩu. Nỗi băn khoăn một thời vì câu hỏi làm gì? đã hòa tan trong giây phút cấp kỳ của cuộc chiến đấu muôn dạng, từ công tác văn hóa cho mặt trận (chàng đã trở lại với những ngón hoa tay để vẽ trong sinh hoạt), tư lời thề nguyền dưới cờ khi được kết nạp (tôi xin thề nghiêm chỉnh chấp hành nghị quyết và phục tùng kỷ luật của đoàn, nâng cao cảnh giác, giữ gìn bí mật, thực hiện tự phê bình, phê bình, không ngừng giữ gìn củng cố sự đoàn kết thống nhất trong Đoàn), hẳn nàng sẽ thấy chàng vẫn nguyên vẹn hình ảnh người thanh niên của thuở nào — dầu khoảng chia cách hiện tại muôn trùng diệu vợi. Trong tâm tưởng, chàng không mong mỏi bạn quên mình, nhưng chàng hiểu trên con đường gian nan hiện tại, chẳng thể tự đặt cho bạn một hứa hẹn (như một người tình) khi cái chết gần kề. Chết, quả thật không phải một phạm trù trừu tượng trong tư duy lý luận,

chàng cũng như những đồng đội chung quanh chấp nhận nỗi chết có thể xảy đến bất kỳ lúc nào ở nơi tiền phương chịu đựng sức ép của những trận mưa bom, đạn pháo vây bủa, cái chết đến từ những đe dọa thiên nhiên và bệnh tật (nhưng chắc hẳn, nỗi can trường của con người cũng dũng mãnh như địa danh, địa vật thành đồng, đất thép). Nếu có nằm xuống như cỏ cây, chàng nghĩ, chung cuộc của đời sống cũng trọn vẹn như quyết định khởi đầu (đôi lúc, chàng tự trách nỗi băn khoăn về cái chết còn vương vấn trong đầu óc phát xuất từ nền giáo dục cũ rơi rớt — hay, có phải hình ảnh nàng đã gợi lên nỗi mơ hồ hạnh phúc nào đó trong đời này khiến chàng không khỏi thôi thúc tư lự về sự mất còn của cuộc sống) trong khi những người bạn nông dân kia chẳng hề quan tâm, đoạn đường trước mặt là chiến đấu, giáo dục, học tập, nhận công tác từ thử thách bồi dưỡng quyết tâm, những giây phút nghỉ ngơi thật hồn nhiên, trong sáng. Sống và chiến đấu với kinh, rạch, ruộng, rừng, những thanh niên cùng trang lứa với chàng ở nơi chốn này, dầu từ bộ đội địa phương hay chủ lực cũng đồng tâm, quyết chí, tất cả đã gia nhập theo đoàn lấy lý tưởng cách mạng nhân dân làm chỉ đạo cho hành động hiện đại.

Ngày tháng cuốn hút theo những chuyến di chuyển không ngừng về cứ. Điều lạ lẫm đối với chàng là với kinh nghiệm dày dạn lao khổ chàng được huấn luyện ở quân trường khi chàng bị cưỡng bách nhập ngũ cùng với kiến thức quân sự thâu thập về *địch* mà chàng mong mỏi có dịp sử dụng, chàng đã trình bày trước tập thể, song chàng không được trực tiếp tham dự những trận chiến đấu (có những chuyến đi đầy hứng khởi cho tuổi thanh niên, những viên đạn đồng AK gửi kèm theo những bản án khủng bố, những cuộc phá hoại long trời lở đất, tất cả trong giai đoạn tấn áp của đối phương vẫn đầy kinh hoàng, như một niềm phấn khích tin tưởng vào trận chiến cuối cùng) ở tình thế đó chàng không nhận ra lòng cuồng tín cực đoan của đồng đội, chàng chẳng mảy may ganh tị với những lần tuyên dương thành tích của các bạn, dường như tự sâu tiềm thức, chàng còn cảm thấy tâm hồn bình yên với công tác chàng được giao phó hiện tại, bởi nếu như cầm súng nã thẳng vào đối phương (trong đó, có những người lính trận đã từng rơi vào hoàn cảnh như chàng) hình ảnh người nằm xuống dội trong tâm thức chàng một khắc khoải đau khổ (chàng không thể từ bỏ ý nghĩ đó). Chàng chỉ hân hoan tìm được đất hứa (thế giới, nơi con người sinh ra không được lựa chọn, sống không phải để trói thân trong hoàn cảnh giới hạn, sống để lao động) theo đuổi định mệnh và quyết định tự thân với tất cả tự do của riêng mình. Nguồn cảm hứng nghệ thuật sống dậy với công tác hợp khả năng. Chàng thật sự thích thú — cùng với những chuyến đi, những xê dịch theo chân đơn vị, ngày tháng hào hứng trong gian khổ. Và cuộc đời cũng đầy

những tình cờ, với những cuộc chạm mặt tha nhân (dầu đứng ở cùng một phía, cũng tạo những tác động bất ngờ). Không hẳn là tình yêu khi chàng gặp người thiếu nữ ấy từ ngoài miền Bắc tự nguyện gia nhập thanh niên xung phong vào B, sinh hoạt đoàn thể thường xuyên khiến họ gặp mặt hàng ngày, nàng muốn chàng kể cho nghe những thành phố ở phía bên kia núi, những hàng ánh sáng lấp lánh cuối chân trời, nàng tò mò về con người, nếp sống, về những tiện nghi vật chất đang diễn ra ở đó. Ý nghĩ của nàng thật đơn giản (khiến chàng nhớ đến bạn, nỗi nhớ bâng khuâng, như thuộc hẳn về một cuộc đời khác. Ngày xưa với những mơ ước cho một xã hội tương lai đẹp tựa gấm hoa), chàng tự nhủ, có phải những hình ảnh không tưởng đến từ một nỗi khao khát thiếu vắng, trong khi nàng được giáo dục từ một cơ bản thực tiễn, nhìn sự vật hồn nhiên và mực thước. Có thể những giờ phút hiểm nghèo trước sức cản đe dọa của B-52, cuộc chiến mỗi lúc thêm tàn bạo đã khiến họ gần nhau hơn, chia sẻ nhọc nhằn, những thân tư riêng biệt lạ mặt với hoàn cảnh khốn khó trước mắt. Câu chuyện nói cho nhau nghe không gợn những hận thù ý thức hệ trao đổi hàng ngày trong học tập, tuổi thanh xuân hào hứng những lúc tìm đến nhau, cần đến nhau. Và nàng đã đề nghị Đoàn xây dựng cho họ sống chung (thâm tâm chàng thẳng thắn nhìn nhận, nàng đã chủ động trong cuộc đôi lứa, nhưng chàng không hề nghĩ có một người vợ là phản bội bạn. Quả thật. Chàng không hề nghĩ người bạn gái xưa, hình ảnh yêu dấu duy nhất trong đời ấy phải là người trăm năm) quan hệ luyến ái kề bên cái chết, chiến đấu trong cuộc khói lửa thật tự nhiên đến nỗi chàng chẳng quan tâm về thấn thế nàng, về một ý niệm gia đình, có thể niềm tin mới với ánh sáng của đoàn đã tạo cho con người chỉ có một lý lịch (cùng nhìn về phía trước — sống với nhau chia sẻ tình bằng hữu), trao đổi xác thịt không hẳn là một nhu cầu, nhưng chẳng ngại ngùng khi hoạt động cùng tổ sát cánh bên nhau trong hầm hố địa đạo tránh bom đạn địch trong những đêm hôm vắng lặng. Cuộc sống đôi lứa chẳng bình thường như thời hòa bình, mỗi người một phận vụ công tác, có những lúc nàng ở hẳn bên đơn vị khác, họ cũng chẳng có thời giờ để nghĩ đến nhau, nỗi nhớ của người tình chăn gối. Và tình thế gấp rút theo những biến động chung trên toàn đất nước — từ cuộc chiến lan rộng những mật khu ven giới, tin tức về những trận không chiến ác hiểm, những lực lượng chính quy từ miền Bắc tăng viện với những đoàn cơ giới ngày đêm di động trên khắp nẻo đường mòn, sinh hoạt bỗng trở nên nhộn nhịp, những đợt học tập miền man. Một bầu không khí khẩn trương dàn trải — ý nghĩa cuộc chiến toàn diện thay đổi hẳn. Vị thế của lực lượng địa phương thu hẹp (từ thất bại của cuộc nổi dậy mùa Xuân, hàng ngũ tan tác, song các cấp ủy vẫn gia sức tuyên huấn về sách lược trường kỳ tất thắng, đề cao

những hy sinh cho đại cuộc). Chàng như bơi theo giòng lũ (đã hẳn biến dịch là nguyên tắc của hành động, không thể ngừng nghỉ, chàng đứng ở một phía, đã dứt khoát chọn lựa con đường lịch sử), chàng lại nhận ra tâm tư cô độc vẫn thôi thúc ý nghĩ khiên cưỡng trước những đảo hoán cường nhược, lý tưởng không phù hợp với bạo động. Sức mạnh tự do vẫn dào dạt trong tim, nếu trước đây chàng không phân biệt ý niệm khuynh tả, khuynh hữu, bây giờ chàng cũng vẫn không nhắm mắt tin tưởng vào cái quy nhất mệnh danh *lãnh đạo,* bỗng như ập xuống tự thinh không. Đầu óc chàng âm vang tiếng *tất yếu* biện giải cho một thực tế thay trắng, đổi đen (có phải chàng lại rơi vào vũng sâu của hoài nghi, về sự tấn áp của chính trị vào cách mạng), nhân sự thay đổi với hàng ngũ cán bộ quân sự nắm quyền hành, những chính ủy chuyên nghiệp của tổ chức máy móc. Chung quanh chàng dần dần mất hút những bằng hữu bám trụ, sống yêu thương từng hàng kinh, rạch, ruộng, đồng, sống cho một lý tưởng đơn sơ giành lại quê hương khỏi áp bức bất công. Những đồng đội mới đến từ một xã hội đã thiết lập ổn định, biểu lộ một thái độ bàn giấy lạ lùng. Đời sống không phải nằm trong ý nghĩa chiến đấu, mà nằm trong sách lược nhất định của Đảng (bất ngờ chàng bỡ ngỡ trước thực tế, những nghi vấn về kinh kệ cũ dội lên trong tâm tư — có phải cái bản chất trong người ngàn đời chẳng đổi thay? những con người kia cũng vẫn mưu tìm địa vị, hãnh tiến về quá trình đào tạo từ nước ngoài, cũng phân biệt những chênh lệch kiến thức, sùng bái quyền lực), tựa hồ như chàng đang đứng ở mỏm vực, cảm thấy mạch đất rạn vỡ dưới chân. Con người có thể nào cuồng tín? chàng tự hỏi, ngờ vực cả cái quyết định nhập đoàn ban đầu (đứng trước cờ và ảnh lãnh tụ, nghe tuyên bố kết nạp, chàng còn nhớ rõ cảm giác bồi hồi tin tưởng ấy không phải ở một niềm tin huyền hoặc nào đó, không phải các nghi thức uy nghiêm, nhưng từ một sôi nổi về khí thế cách mạng, những người anh em chưa một lần gặp mặt đã đặt tình yêu thương tin cẩn khi đứng ra giới thiệu với Liên chi Đoàn — những bạn hữu chẳng bao giờ vọng về thế lực quốc tế xa vời, chỉ biết đi trên đoạn đường hiện tại) cũng như chàng, tin tưởng vào tổ chức, vào chính nghĩa nhưng không nhắm mắt tôn thờ lãnh đạo như thần thánh, những con người chân đất chấp nhận cuộc sống dung dị. Khác hẳn những con người xa lạ mang mệnh lệnh trung ương như những cẩm nang mầu nhiệm (chàng phải làm quen với những từ mới, âm vọng ý nghĩa chỉ huy độc đoán — những con người cộng sản đó sao?). Lần thứ hai trong đời, chàng lại nhói lên trong tâm khảm cái bất ổn rã rời như khi lìa bỏ gia đình ra đi. Cảm giác hụt hẫng một điểm tựa. Người bạn đời cũng vừa trở lại cứ sau gần hai tháng công tác ở hậu trạm cứu thương, trong những câu chuyện rỉu rít suốt thời gian xa cách, nàng kể về trường hợp một thượng tá nằm dưỡng bệnh đã

cưỡng hiếp người nữ y sĩ săn sóc và chờ lệnh trung ương (bất ngờ viên sĩ quan ấy được thăng cấp và nhận trách nhiệm một công tác mật quan trọng, dường như cầm đầu phái đoàn tham dự một hội nghị — tình hình khá khẩn trương, nhưng cũng như mọi biến chuyển Trung ương không phổ biến trong các cuộc học tập) nàng cũng như những người khác thản nhiên trước những hỗn tạp xảy ra chung quanh. Cái bóng lớn Trung Ương Đảng như một định mệnh an bài mọi việc, con người chỉ nhắm mắt thi hành. Nàng mang về một tin mới, hai người sẽ được điều ra Bắc. Chuyến xe địch xa xôi này không gây trong lòng chàng niềm hào hứng như nàng nghĩ, chàng chẳng chờ đợi đi đến ải đầu đất nước, nơi đang xây dựng chủ nghĩa xã hội sẽ đem lại giòng sinh khí mới (cho con người đã mệt mỏi về những biến trạng chung quanh; chàng vẫn ao ước có một ngày trong đời đi khắp các vùng quê hương, tìm lại những dấu tích thăng trầm của thời thế để vẽ lên khung cảnh hiện thực xã hội, song không phải lúc này — niềm mơ ước thanh bình nơi chàng cũng dung dị như người nông dân ở chòi xóm xa tận miệt Đầm Dơi, Cái Nước) khi đồng đội còn đang cầm cự chiến đấu trong cái thế chênh vênh dầu sôi lửa bỏng. Nhưng, đã gắn bó trong guồng máy tổ chức, con người tự nguyện đặt mình trong tổ chức, lên đường nhận nhiệm vụ nơi đâu cũng không từ nan. Vả lại, nàng tỏ ra vui mừng khi nhận lệnh trở về, thành phố nơi nàng đã sống và trưởng thành ở đó. Chuyến xe đi ngày, đêm qua nhiều chặng nghỉ tránh tầm bom đạn phát hiện của địch, cảnh hoang tàn nghèo nàn quen thuộc trên khắp nẻo đường dưới mắt chàng như cảm thấm trong lòng nỗi nhọc nhằn chung giải tỏa mọi ưu tư, dằn vặt bấy lâu, nhưng khung cảnh thành phố (như lời ca ngợi, trái tim của đất nước) chẳng khiến chàng xúc động, sự khác biệt giữa những công trình đồ sộ tương phản với những dãy nhà chật hẹp, những hàng hiên lụp xụp loang lổ dấu thời gian. Chàng được chỉ định ở khu nhà giành cho những người miền Nam tập kết, trong khi nàng trở về thăm gia đình. Khoảng thời gian rảnh rỗi, chàng đi lang thang trên những con đường nhỏ, nhớ lại những con đường xưa ở một nơi chàng đã từ bỏ ra đi, một vài người tuy mới quen nhưng đã có thời ở cứ dẫn chàng tới những quán hàng chui nhủi để biết sinh hoạt thầm kín của thành phố (thời chiến — chàng lại thấy tâm hồn người ở nơi đâu cũng rã rời, những câu mỉa mai, cay đắng, những thân phận sống không mảy may tin tưởng vào ngày mai, những lý tưởng lớn chẳng thể che đậy sự lầm than của đa số quần chúng, những dị nghị về áp bức, bất công của giới lãnh đạo, những ngõ ngách đi ngang về tắt của xã hội, chàng lại hình dung thuở trưởng thành đầy dấu vết nghi hoặc, phản kháng.

Có thật chàng đang ở bên này giới tuyến? cuộc lữ không ngừng trôi giạt vào cõi mịt mùng buồn tênh, khi tâm tưởng đã chán ngán

những quyển sách đồng bộ, trong khung ngôn ngữ tẻ nhạt những lời huyền dụ, bất giác chàng cảm thấy nỗi trầm thân tha hóa đến từ muôn chữ, giăng mắc võng lưới trói buộc cá nhân vào một đại thể huyễn hoặc, những mạng tuyến luân lý khởi từ tiền đề không tưởng, vùng hỏa mù làm nhạt nhòa cái ý chân-như thô lậu trong suốt (bất giác, chàng nhớ đến người du kích trạm đầu giao liền, hình ảnh chiếc mã tấu buổi đầu đồng khởi, nếu có nằm xuống bên vũng lầy lau sậy cũng không thể hiểu cái chết ấy chẳng làm thay đổi ý chí tấn công của quyền lực vào lịch sử, hình ảnh cũng nghèo hèn như người thợ in bận chiếc quần đùi bạc xám trên căn gác xép chàng đã ghé thăm, một thời làm thơ hùng tráng, tưởng chừng như trăm nghìn bước chân dũng sĩ trên đường chiến thắng — những con người đang bị xô đẩy vào bên lề xã hội, sống quẩn quanh lo nghĩ cơm áo, gạo tiền trong một hệ thống hoạch định rõ rệt khẩu phần và số phận; chàng nhớ đến những người bạn thi sĩ, tuy trói buộc trong khung cảnh eo hẹp nhưng tâm hồn vẫn bay bổng theo cánh bằng ngàn nội tự do, ý niệm tự do như nguồn mạch từ đỉnh cao tỏa ngộp cõi đời, còn chàng nơi chốn này, hoài niệm một giá trị đang chìm vào vực sâu tất yếu). Người bạn đời đã trở về. Nét mặt hân hoan khi nàng báo tin thủ tục lên đường qua Đông Âu (có thể nào đi? giữa thành phố đêm ngày kinh hoàng vì chuyện phòng thủ. Dường như nàng không quan tâm điều đó. Nàng khoe cha nàng đã nói với cấp trên giành được ưu tiên cho hai người vì quá trình chiến đấu của họ. Chỉ đi học nước ngoài mới đảm bảo một cuộc sống tương lai ổn định. Quan niệm cuộc sống trong xã hội nơi đâu cũng vậy, chàng không ngạc nhiên trước ý nghĩ của bạn, thành phố làm thay đổi cái nhìn tươi sáng khi con người còn gần gũi thiên nhiên, lá cỏ. Điều quan trọng là chọn lựa quyết định). Nàng nói, không có gì cản trở được giấc mơ ấp ủ nhiều năm thuở còn đi học của nàng. Ánh sáng của những thủ đô các nước ở phía bên kia chân trời thanh bình hấp dẫn như một tiếng gọi. Còn chàng, điều gì sẽ xảy đến nếu chàng ở lại. Tiễn đưa bạn lên đường theo chuyến xe lửa xuyên suốt châu đại lục, lòng chàng lại được nhẹ tênh như chưa bao giờ có mối quan hệ thực sự ràng buộc trong đời. Sống qua hai vùng giới tuyến, chịu đựng những nhọc nhằn, chàng xin trở lại cứ. Đi, cũng lại một chuyến đi, xa rời một thành phố như chạy trốn cơn mộng ảo đã tan rã hơi sương mù mê hoặc. Tâm hồn thì nặng chĩu nỗi đau ê chề của kẻ thua bạc sau trận sát phạt lọc lừa. Không một nơi nào, giải tỏa những lầm than của đám đông quen chịu thống trị, guồng máy bạo lực vẫn rần rộ vòng bánh xe quay cuồng khống chế. Có phải quy luật xã hội diễn ra tàn bạo như vậy? Thẳng hoặc, trên đường công tác ngủ lại một thôn xa hẻo lánh, vô tình nghe tiếng vọng chiêu hồi trên đài bá âm ở nhà một đồng bào lân cận, chàng lại chạnh lòng nghĩ đến nỗi chia cách. Có

phải con đường, thành phố, mái nhà xưa mang những dấu vết êm đềm, thuở tâm hồn còn đầy hoài bão. Bây giờ, tầm mắt nhìn đã mỏi cái tận cùng bế tắc lộ trình. Nhưng cuộc sống, không phải ngồi bình yên tư lự, những diễn động ồ ạt trong tiếng gầm thét của bom đạn, những chuyển dịch trận địa cùng khắp rừng núi, đồng bằng, chàng vẫn thấy mình như con thú cô độc ngày cũ, vùng vẫy không lối thoát trong bẫy giập thời đại. Nhìn những lực lượng tăng viện cho chiến dịch sắp sửa diễn ra thay đổi cuộc diện, nét mặt khẩn trương của những cán bộ đảng viên, chàng không cảm nhận niềm phấn khởi thuở nào nhập cuộc. Hào khí đã thật sự tiêu triệt, đã chết, từ thuở ra Bắc nhìn tận mắt cái xô lệch của một xã hội (kỷ niệm bên ngọn đèn dầu hiu hắt với mười người đồng trang lứa, say niềm đau rã rời cuộc rượu nhạt nghèo nàn với năm ba tiếng thở uất nghẹn, nói với nhau bằng ánh mắt im lặng. Hình ảnh người đảng viên già tập kết khao khát muốn trở về chết bên đầm tràm quê nhà, sau hai mươi năm lầm lạc. Nỗi chết trong tâm hồn khởi từ đó, cho hành trang xuôi Nam của chàng).

***

*Q*uyển nhật ký của nàng cũng thất lạc trên con đường lưu đày, trải qua bao nhiêu chuyển đi của chàng, từ Nam ra Bắc, từ thành phố về bưng biền, rừng núi, sương cỏ đã làm nhạt nhòa những giòng mực trên trang giấy trắng phai màu. Những giòng chữ, không hẳn kể lại một đời, chỉ những ý nghĩ xây thành giấc mơ của tuổi trẻ. Thấm thoắt đã mười mấy năm, tuổi của con nàng bây giờ. Viết, không hẳn là kỷ niệm khi những ý nghĩ đã được trang trải, nguồn sinh lực con người tạo thành hành trạng, dầu cho để viết cho một người. Về một người. Nàng khởi viết trong cơn xung động thiếu vắng người tình, khoảng trống ngăn trở phi lý của cuộc sống, cũng không gian ấy, thời gian ấy, mất hút dấu vết hình bóng yêu dấu (tưởng như những lần gặp mặt nhau, nói cười với nhau, trao nhau những tương thân say đắm trong giòng sinh mệnh đã nhạt nhòa tựa hồ chưa hề hiện hữu nơi thế gian này), chia cách quả thật khủng khiếp, nhưng ký ức còn manh động bén hơn, trí nhớ vẫn đuổi theo những ngày tháng nàng đã có mái gia đình, nàng vẫn đứng bên cạnh biến động xã hội, song những giòng chữ được viết ra vẫn thầm thấu sự quay cuồng của cơn lốc lịch sử. Những trang nhật ký mê man ấy hẳn chỉ còn là di vật của một người đã chết, nếu chàng (hay nàng) nằm xuống. Chàng vẫn tồn tại, như thân phận của những người may mắn sống sót sau cuộc chiến kéo dài tàn bạo. Trở về thành phố theo đoàn người tiếp thu, chàng không thể chia sẻ cuộc náo động của kẻ chiến thắng, không phải vì màu cờ đã hoàn toàn ngả đỏ, chấp nhận bước đi tất yếu của sách lược chính trị thống nhất toàn diện dưới quyền lãnh đạo của đảng, những con

chốt trong guồng máy rầm rộ chiếm cứ khắp nơi, những con thiêu thân say bóng lửa chinh phục. Bộ mặt thành phố biến đổi. Như rập khuôn mẫu một di tích hoang phế. Nơi chàng đã sống những tháng ngày rồi chia lìa đôi lứa luyến ái bên vòm láng khói lửa (người bạn đời ở thật xa, có thể đã tốt nghiệp trở về nhưng không liên lạc. Người bạn gái xưa, cũng tuyệt mù tin tức. Chàng trở lại con đường cũ vào những ngày đầu, hàng quán sách còn la liệt, như níu kéo sự trùng trễ của tàn tích xưa), bóng lầm than vẫn in dấu ấn trên những khuôn mặt người dân, âm thầm chịu đựng sự chuyển dịch lùi dần vào lạc hậu. Đã lâu lắm, chàng không thể đọc nổi một quyển sách. Những chữ lớn vởn bóng phù thủy dậy âm binh giảo trá. Hình dung nơi dinh thự ấy, những bộ mặt Ủy viên chập chờn vẻ sắt máu thống trị. Câu hỏi thuở nào lại dội lên trong trí, làm gì? Con người nơi chàng thêm một lần nhận chịu nỗi đau thoát xác — khai tử một lý lịch. Có thể nào chịu đựng khoác lớp áo cán bộ mãi khi lý trí kêu gào phản kháng. Cũng lại biến động đưa đẩy chàng lên đường ra biên giới. Đi như thôi thúc phiêu lưu vào cuối đường hầm tuyệt vọng. Con sói cô độc vẫn cường ngạnh xông vào cuộc đào thoát sang phía bên kia phòng tuyến — như tái diễn cuộc chơi trong vòng sinh tử của đời người.

Chàng bị giam giữ ở cao ốc số 7 cùng với những cán binh, những thanh niên đi nghĩa vụ quân sự bỏ hàng ngũ chạy qua biên giới. Sau nhiều lần bị thẩm vấn về quân sự, lý lịch. Quả thật, con người không thể chối bỏ được lý lịch. Dấu ấn quá khứ thân phận ở đời. Đứng trong hàng rào kẽm gai nhìn ra quang cảnh đám đông tị nạn lô nhô ở trại bên cạnh, lòng chàng nhẹ tênh như thuở nào trong quân lao, chịu nghịch cảnh trói buộc. Đã hành động, đã chấp nhận hậu quả. Chàng hiểu ý niệm tự do là một khoảng không thừa thãi. Chỉ cởi bỏ những ràng buộc, lao vào trận địa mê hồn mới. Không giải thoát. Cuộc sống không thể chờ đợi những tình cờ, những cơ hội bất ngờ vẫn đến. Một người bạn cũ làm an ninh cho tòa Đại sứ đã nhận ra chàng và bảo lãnh chàng qua trại khác, nơi chờ đợi thủ tục định cư ở nước thứ ba. Về đâu? những ngày tháng đã không chờ, không đợi. Tinh thần bình an, như chưa bao giờ trong đời được yên ổn như thế. Chàng lại nhớ đến *nàng*. Hình ảnh mười mấy năm qua vẫn rõ nét trong trí nhớ, thôi thúc chàng ghi lại thành những bức phác họa. Dường như kiểm điểm trong tâm thức, chàng nhận ra nhiều lần phóng xô vào chỗ hiểm nguy để tìm thoát hiểm, cái nhân tố thúc đẩy thực sự từ mối quan hệ với nàng. Bóng dáng của tình yêu, có phải? Hẳn nàng đang hiện diện ở một nơi nào, chân trời bình yên hạnh phúc giành riêng nàng. Bây giờ, chàng mới cảm thấu nỗi mệt mỏi của con người trong bước tận cùng. Nhìn thời gian qua lặng lờ, không còn cái sôi nổi của buổi đầu hành động. Cho đến ngày được nhận lên đường qua Âu châu.

Bắt đầu từ hoàn cảnh xa lạ thể lực đã lì lợm với lao động, chàng thu xếp mau lẹ một cuộc sống đơn giản với khoảng thời giờ nhàn rảnh để trở lại ý định cơ hồ mới tìm ra, dựng khung vẽ lên những suy tưởng đầy ắp trong óc, và hình ảnh nàng. Khí hậu của thành phố người lôi cuốn chàng mê man trong giòng sáng tạo, đi lang thang vào khu rừng nhỏ, dừng bước bên bờ sông, phong cảnh thanh bình phản chiếu ngược lại những nét rực lửa, quằn quại của một thời kinh hoàng vẫn còn loang lỗ trên đất nước, chứng tích cuộc nội chiến tương tàn, nơi chàng đã cầm vũ khí chịu đựng nhọc nhằn trên hai giới tuyến, tiêu hoang sinh lực thanh niên vào cõi vô bằng, để tận cùng không nhận diện được mặt mũi thực những chặng quá khứ của đời. Chàng không nuối tiếc những mất mát. Nếu có chọn lựa sống trở lại chàng cũng chẳng thể nghĩ bắt đầu phải hành động như thế nào. Những băn khoăn thể hiện bằng đường nét — hơi thở tự do sinh động qua tình bạn mới, những người họa sĩ cũng chịu cảnh lưu đày như chàng, đến từ Nam Phi hận thù, Trung Đông Âu mù ám. Sáng tạo, ngôn ngữ của màu sắc chia sẻ niềm thông cảm giữa những con người lận đận bên trời, cùng với những chuyển đi bất ngờ.

Thiếu nữ bước vào phòng triển lãm của Đại học, bị lôi cuốn ngay trước bức họa bán thân một người con gái, mái tóc xõa nghiêng bờ vai bên nền trời hồ thủy. Bức họa thật hiền hoà, đơn giản giữa những khung cảnh rực chói màu sắc của lửa, đất và trời nước, dưới ánh sáng bão hoà chiếu xiên dẫy hành lang nghệ thuật. Như một hiện diện khiêm cung im lặng. Nàng tò mò tìm số trên danh mục mang tên tác phẩm: "un grand poème né de rien". Thật lạ lùng. Người bạn gái trong ban tổ chức vừa chợt đến, thấy vẻ chiêm ngưỡng của nàng đã lên tiếng hỏi nàng có muốn gặp tác giả bức tranh đang ở phòng tiếp tân bên cạnh. Người họa sĩ xuất hiện, thoáng sững sờ trước nét hao quen của thiếu nữ đối diện với khuôn mặt trong tranh. Mái tóc nàng cắt ngắn, vẻ trẻ trung tinh nhanh có khác. Thiếu nữ không để chàng mở lời, đã nói ngay, họa phẩm của chàng lấy cảm hứng từ một câu thơ của Perse, "cháu biết tên bác rồi, và *người trong tranh là mẹ cháu.*" Có thể chưa tình cờ nào trong đời khiến chàng xúc động như vậy ngay giây phút thoát hiểm. Chàng chỉ biết gật đầu, tâm cảm dưng dưng nỗi hạnh ngộ có phải. Chưa kịp hỏi về *nàng*, một người trong ban tổ chức đã tới mời chàng trở lại phòng bên cho một cuộc nói chuyện ngắn. Người thiếu nữ đi theo sang phòng hội, tưởng như đã thân quen từ lâu lắm. Những vòng ánh sáng êm dịu tỏa trong không gian bao quanh, những khuôn mặt nhấp nhô trên hàng ghế cử tọa đọng lại niềm hội hữu tri kỷ. Chàng nói đến kỷ niệm đời, mối lưu đày dài dặc của con người trong kích thước hạn hẹp của thế giới, và sáng

tạo như một giây oan khiên trói buộc quá khứ vào hiện tại, bản chứng từ đánh dấu tội ác mọi giai đoạn phát xít. Ra khỏi vùng ánh sáng mờ ảo của căn phòng nhỏ, người thiếu nữ tuổi nhỏ, như thuở chàng quen biết nàng, dẫn chàng tới bãi đậu xe. Cô gái lái xe vòng qua những thông lộ của khuôn viên đại học hướng vào xa lộ, bỏ lại đằng sau những dặng cây hoa tím xum xuê dưới ánh nắng, dáng diệu nhanh nhẹn song nét mặt trầm mặc sau gọng kính mát. Cháu sẽ đưa bác tới một nơi bác sẽ thích như cháu, khoảng nửa giờ xe, bao nhiêu câu hỏi chất chứa trong đầu, nhưng chàng yên lặng tôn trọng vẻ tư lự của bạn. Chàng nhắm mắt tưởng nhớ đến quãng thời gian cách biệt, thoáng hư không hạnh động, thoáng cô tịch của ngừng nghỉ. Xe dừng lại bên triền dốc mỏm đồi nhỏ, những tàng cây tỏa bóng mát, nhìn xuống phía dưới thoai thoải bờ đá tiếp giáp bãi biển, từng đợt sóng trắng xoá xô vào bờ. Một thiếu nữ Mỹ đang ngồi trên mô đất, vây quanh lá cỏ, lấy phác họa trên tập giấy vẽ khổ lớn, dáng điệu mải miết. Người bạn đồng hành của chàng đã tháo cặp kính mát. Bây giờ chàng mới nhận ra đôi mắt cô bé buồn rượi, dưng lệ. Những khi cô đơn, cháu thường đến nơi này nhìn ra biển để nhớ mẹ, quê hương ở phía bên kia chân trời. Nàng đã mất, thực sự đã ra khỏi tâm tưởng hoài ngộ của chàng. Cuộc biến động như cơn họa lớn giáng xuống đất nước, cuốn theo những mất mát triền miên cũng đã lấy đi của chàng hình bóng thân yêu cuối cùng trong đời. Trước giờ phút lâm chung, nàng xin cha mẹ lo cho con gái đi thoát, như xa vùng ác mộng tỏa kín đời nàng. Những trang nhật ký mới, viết cho người mất tích (có thể) vĩnh viễn. Thư gửi khó khăn, tưởng chừng gánh nặng ở đời như xiềng xích, địa ngục. Nàng không thắc mắc con đường chàng chọn lựa đúng hay sai, nàng chỉ thầm tự trách, nàng vẫn đứng bên lề xã hội mãi mãi, trong khi chuyển động cần đôi hia bẩy dặm (hẳn chàng đã quên nàng, dấn thân vào chốn xông pha đầy thử thách hấp dẫn cho thỏa chí bình sinh, có thể chàng đã đắm đuối trong cơn bão tố dựng thành lịch sử, và nàng chỉ như chiếc bóng hiu hắt nơi con hẻm nhỏ ở thành phố này), những trận đánh lớn, những cuộc trải bom như giải thảm bừng đỏ trên màn ảnh truyền hình làm tâm thần nàng kinh hãi nghĩ đến hình ảnh chàng ngã gục như con thú nhỏ sập bẫy. Tập thơ của Perse chàng tặng như một lưu niệm nơi chốn lưu đày. Khi đất nước đắm mình trong cơn đại họa, nàng vẫn mong mỏi chàng trở về, — có thể, giữa đám người thống trị mới, ngôn ngữ kiêu căng hận thù, những xáo trộn nền tảng xã hội trầm kha và nàng buồn bã nghĩ đến niềm mơ ước ngày xưa của hai người (liệu chàng có biến dạng, cũng sắt máu lạnh lùng như kẻ thay tim đổi óc? nàng rùng mình hoảng hốt). Trong những ngày sau cùng, cô bé nói, mẹ cháu yếu đuối đến độ suy nhược. Mẹ chỉ muốn đi thật xa, thoát khỏi cái thế giới đổ nát với những mảnh vụn

tan tành của khung kính vạn hoa đã vỡ. Mẹ muốn trốn chạy một đời sống giả trá. Một quá khứ chập chùng. Một người đợi chờ trong tuyệt vọng. Lắng nghe con gái nàng tâm sự, những hình ảnh dĩ vãng hiện về dấu tích mê lầm để lại nơi kẻ mộng du không trọn vẹn. Chiều xa dần khoảng trùng dương bao la, cõi đất người thu hẹp lại tầm mắt. Chàng như tìm lại bản thân, một hình thể *khác* đọa đày. Cô đơn thống thiết, khi người thiếu nữ chia tay trở về campus. Lại một cuộc trốn chạy những gì thân yêu nhất, chàng để lại bức họa chân dung ấy cho con gái nàng, gửi lại tâm hồn mình lạc lõng trong chuyến lên đường.

Đặng Phùng Quân

CON ĐƯỜNG THIÊN LÝ

Đó là một cuốn tiểu thuyết? — Vâng, một cuốn tiểu thuyết của học giả. Tức thứ tiểu thuyết theo sát sự thực từng bước một.

Đó là một chuyện có thực? Phải, là một chuyện thực lạ lùng, kỳ dị. Chuyện một người Việt đầu tiên đã sang Mỹ trước chúng ta 130 năm, đã tham dự cuộc săn vàng ở Cali, đã làm việc ở một báo quán tại San Francisco, đã tận tay giúp đở Sutter *(người Mỹ giàu nhất thế giới lúc bấy giờ)* một món tiền, khi Sutter lâm bước đường cùng...

Đây là một quảng cáo? — Đúng. Chúng tôi chỉ mời bạn đọc 30 trang đầu thôi. Từ đó, bạn sẽ bị câu chuyện lôi tuốt đến trang chót, không cách nào cưỡng lại nổi.

CON ĐƯỜNG THIÊN LÝ

Tiểu thuyết của Nguyễn Hiến Lê

(Chưa in ở Việt Nam)

225 trang Giá $9.00 MK Ngoài Hoa kỳ, thêm 1 Mỹ kim

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ

P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Phone: (714) 832-8445

(Ngân chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ)

Phạm Duy

Nhạc Tình

Thời Kỳ Phát Triển (tiếp theo)

*T*rong **thời kỳ thành lập**, tức là trong vòng mấy năm từ 1938 cho tới 1942-43, loại NHẠC TÌNH của TÂN NHẠC Việt Nam đã cho ta một số những bài bản lãng mạn và trữ tình rất cổ điển như KHÚC YÊU ĐƯƠNG, HỒ XUA, CÔ HÀNG BÁN HOA của Thẩm Oánh, TÂM HỒN ANH TÌM EM, BẾN CÂY LỤC HUYỀN CẦM của Dương Thiệu Tước, MỘT NGÀY XANH, THU TRÊN ĐẢO KINH CHÂU, BẢN ĐÀN XUÂN của Lê Thương, ĐÊM THU, CON THUYỀN KHÔNG BẾN, GIỌT MƯA THU của Đặng Thế Phong, TRÊN THUYỀN HOA, BÓNG AI QUA THỀM của Văn Chung, VƯỜN XUÂN, BỂ BẰNG của Lê Yên, BIỆT LY, CÔ LÁI THUYỀN MƠ của Dzoãn Mẫn, CÔ HÁI MƠ của Phạm Duy... vân vân.

Qua tới **thời kỳ phát triển**, nghĩa là ngay trước khi xảy ra cuộc toàn quốc kháng chiến thì nhạc tình lãng mạn và trữ tình đó đã chia ra làm hai cánh. Một cánh nhạc rất tích cực, vươn từ những sáng tác còn thô sơ tới những nhạc phẩm có hình thức và nội dung rất súc tích, như các bản THIÊN THAI, TRƯƠNG CHI của Văn Cao chẳng hạn... Một cánh nhạc khác thụ động hơn và có thể coi như là **phó sản** của nhạc tình trong thời kỳ thành lập, gồm những bài được viết ra với mục đích nhấn mạnh (hay là pha mắm muối thêm vào, nếu không muốn nói là **luộc lại**) những **đề tài** hay những **nhạc đề** đã có sẵn. Trong phạm vi đề tài thì CÔ HÀNG BÁN HOA ở ngoại ô Hà Nội, CÔ HÁI MƠ ở miền trung du hay CÔ LÁI THUYỀN MƠ trên chiếc thuyền không bến của thời kỳ trước đã đẻ ra những CÔ LÁI ĐÒ, CÔ SƠN NỮ, CÔ HÁI HOA, CON THUYỀN XA BẾN... của thời kỳ sau. Trong phạm vi nhạc thuật thì **phong cảnh nhạc** (style) của bài BIỆT LY (Dzoãn Mẫn) chẳng hạn đã ảnh hưởng vào những sáng tác của Nguyễn Văn Khánh (CHIỀU VÀNG, NỖI LÒNG), của Dzoãn Cảnh/Văn Thủy (DỨT ĐƯỜNG TƠ) vân vân...

Một vài bản hát như GIÁO ĐƯỜNG IM BÓNG (Nguyễn Thiện

Tơ), LỜI DU TỬ (Nguyễn Đình Phúc), AI VỀ BẾN SÔNG TƯƠNG (Thông Đạt)... thì xuất hiện ở một nơi gần gũi với cánh nhạc thứ hai này và cũng được hoan nghênh vì tính chất độc lập của nó. Đó là những bài không nằm vào trong cảm hứng chung chung của nhạc tình trong thời kỳ vừa qua. Tuy nhiên nó chưa có đủ sức mạnh để trở thành một dòng nhạc hoàn toàn mới, có sức lôi kéo chúng ta đi theo và để trở thành ra một loại nhạc tiền phong và bất hủ.

Tới khi xảy ra cuộc toàn quốc kháng chiến trong cuối năm 1946 thì hầu hết các nhạc sĩ trẻ măng của một nền âm nhạc cũng trẻ măng đó kéo nhau ra miền quê để phụng sự cho một xu hướng mới mẻ là nhạc Cách Mạng/Kháng Chiến. Cũng chính vì được sống trong cuộc chiến đấu chung của dân tộc mà TÂN NHẠC đã dần dần ra thoát khỏi cái vỏ âm nhạc Tây Phương mà đa số các nhạc sĩ trẻ hồi đó đã hấp thụ và định khoác lên bộ phận âm nhạc của họ trong thời kỳ trứng nước này. Tôi sẽ có dịp nói đến **ý thức dân tộc** đã đến với TÂN NHẠC ra sao trong công cuộc kháng chiến của toàn quốc.

*
* *

Thế rồi, trong một thời gian dài gần mười năm của đất nước nghiêng ngửa vì cuộc chiến, rõ ràng là đã có hai vùng trời để cho âm nhạc sinh hoạt. Một là vùng đồng quê được vinh danh là **vùng tự do** và hai là vùng thành thị mang cái tên buồn rầu là **vùng tạm chiếm.**

Trong vùng tự do, cái được mọi người khuyến khích và hưởng ứng là NHẠC CHIẾN ĐẤU. Loại NHẠC TÌNH tuy không được sản xuất mạnh mẽ như trước đây nhưng nó vẫn sống. Và nó có thể được coi như gần gũi với cánh nhạc tích cực như nhạc Văn Cao trước ngày toàn quốc kháng chiến. Nó còn có thêm một tính chất trước đây không có trong âm nhạc: đó là sự **viễn mơ.** Vì lúc đó là đầu mùa kháng chiến cho nên các nhạc sĩ thuộc hạng tiểu tư sản trí thức thị thành hãy còn vương víu với những huyền thoại cũ, tuy trong thâm tâm ai cũng mê say Cách Mạng và Kháng Chiến cả! Thế nhưng bây giờ, trong nhạc tình đã có **tiếng chiến chinh** len vào những tiếng đàn. Chẳng hạn bài TIẾNG HÁT LÊNH ĐÊNH của Lương Ngọc Châu và Tử Phác:

Tiếng hát lênh đênh

Lương Ngọc Châu/Tử Phác

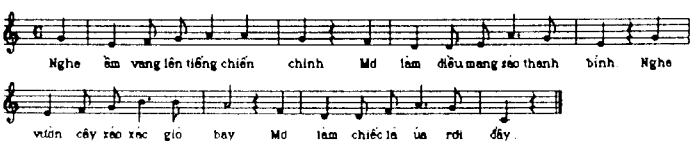

Nghe ầm vang lên tiếng chiến chinh
Mơ làm điều mang sáo thanh bình
Nghe vườn cây xào xác gió bay
Mơ làm chiếc lá úa rơi đầy.

Bây giờ thì không còn là cảnh biệt ly giả tạo như trong nhạc tình của thời tiền-kháng chiến nữa. Nhưng người ta vẫn còn mơ mộng kinh khủng! Người ta tiễn nhau đi kháng chiến, trên bến vắng dìu dịu, thấy trong chiều đang lắng xuống, có nhà ai thắp thoáng lửa hồng, người ta tự đưa mình vào kiếp cô liêu, rồi người ta tự hỏi lẫn nhau rằng: "Người đi có nhớ người về?"

Chiều lắng xuống muôn kiếp cô liêu
Đìu hiu bến vắng trong muôn dòng nước trôi
Nhà ai thắp thoáng lửa hồng
Người đi có nhớ người về ?
Miền xa nghe gió đìu hiu...

Rồi người ta nghe hiu hiu gió thoảng, nghe lá vàng rơi rớt nhớ thương, nghe tiếng lòng con người tiểu tư sản nhớ tới phố phường, ước mong có ngày hoà bình để cho hoa được rưng rưng chập chờn trong mầu nắng bâng khuâng, để cho mềm cánh bướm xa xăm...

Hiu hiu theo chiều gió,
Dâng lời thầm ước
Anh nghe chăng lá vàng rụng rơi rớt nhớ thương
Anh nghe chăng muôn tiếng lòng, muôn tiếng đời
Một mùa xa cách bừng lên phố phường
Hoa rưng rưng chập chờn trong nắng bâng khuâng
Cho mềm cánh bướm xa xăm.

*
* *

Cũng nên nhấn mạnh rằng trong lúc này, bên cạnh tiếng nói tình cảm hãy còn vướng vất mùi **tạch tạch sè** (tiểu tử sản) của thị thành như vậy, đã có những tiếng **nhạc tình** nghiêng hẳn về ngôn ngữ của người dân quê, như trong những sáng tác của Văn Cao (NGÀY MÙA, LÀNG TÔI), của Nguyễn Đức Toàn (QUÊ EM) hay trong loại DÂN CA KHÁNG CHIẾN của Phạm Duy (DẶN DÒ, NHỚ NGƯỜI RA ĐI...) Nhưng trong bài này, chưa phải là lúc ta nói đến loại nhạc **hiện thực xã hội** đó. Chúng ta hãy đả động tới loại nhạc tình chưa đầu hàng vô sản của nhóm nhạc sĩ vừa chân ướt chân ráo rời bỏ thành đô ra đi.

*
* *

Nhạc tình trong kháng chiến có địa bàn hoạt động ở vùng đồng bằng Bắc Việt, rất gần với Hà Nội cho nên ngoài bài TIẾNG

HÁT LÊNH ĐÊNH ra, hai tác giả của bài này còn soạn thêm những bài nhạc rất ướt át, Lương Ngọc Châu với bài CHIỀU HÀ NỘI và Tử Phác với bài QUAY TƠ, cả hai đều mang tính chất mượt mà của loại nhạc lưu hành trong đám trí thức thị thành hơn là tại nơi thôn ổ kháng chiến. Nhưng người thành công nhất trong đám này lại là Tô Vũ tức Hoàng Phú, em của Hoàng Quý, với ba bài ca tuyệt diệu: TẠ TỪ, EM ĐẾN THĂM ANH MỘT CHIỀU MƯA và TIẾNG HÁT CHIỀU THU (1).

Cũng như TIẾNG HÁT LÊNH ĐÊNH bị **tiếng chiến chinh** làm cho rộn rã, bài hát TẠ TỪ của Tô Vũ còn nhấn mạnh nhiều hơn về sự viễn mơ:

Tạ Từ

Tô Vũ

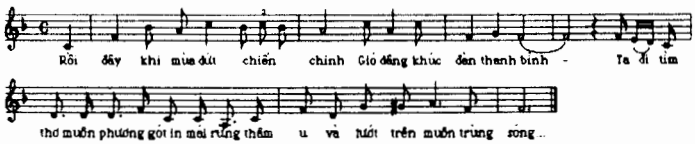

Rời đây khi mùa dứt chiến chinh
Gió dâng khúc đàn thanh bình
Tôi đi tìm thơ muôn phương
Gót in mái rừng thâm u
Và lướt trên muôn trùng sóng...

Chúng ta chẳng thấy mầu sắc kháng chiến nào cả trong những bài như TIẾNG HÁT LÊNH ĐÊNH hay TẠ TỪ! Chúng ta chỉ thấy những hình tượng của thời lãng mạn cũ, như lầu chiều, chia tay bên cầu, nhạc chinh nhân trong chiều sương... tuy cũng có đả động tới tình quê đó! Và trên hết, chúng ta chỉ thấy tinh thần viễn mơ:

Lời anh thầm ước khi nao
Dưới trăng giữa mùa anh đào
Trong áng dư âm còn vang tiếng đồng
Lầu chiều còn luyến ánh hồng
Lầu xây trong không
Sóng gió rót chia ly.
Phồn hoa em chia tay ra đi
Đưa chân dừng bước bên cầu
Giã từ mấy câu.

---

(1) Các tác giả này đều dinh-tê vào Thành rất sớm cho nên những bài này được phổ biến ở Hà Nội nhiều hơn là ở trong vùng kháng chiến.

Khi về son thắm lòng người
Thu cánh tạ mây trời
Nếu tình quê đôi lần nhắc miền quê xa xôi
Mỗi khi vang âm ngàn phương
Nhạc chinh nhân trong chiều sương
Em có mong dòng sông cũ
Vẫn suối niềm thương
Tình anh như thông đầu non
Vời cao trong mây buồn đứng
Muôn kiếp cô liêu ngàn năm còn reo.

*
* *

Tôi cũng không tránh khỏi được sự viễn mơ đó. Dù đã ý thức được rằng phải soạn nhạc cho dân quê, phải đem hình ảnh con người và đất nước vào hình thức âm nhạc đồng quê. Sau khi đã đưa được hình ảnh người mẹ, người vợ, đàn con hoặc người yêu của chiến sĩ vào hình thức dân ca kháng chiến, sau khi đã đưa được hình ảnh Sông Lô miền Việt Bắc và hình ảnh làng Gio Linh miền Trung... vào nhạc chiến đấu rồi, tôi cũng soạn nhạc tình cho tôi.

Bên Cầu Biên Giới

Phạm Duy

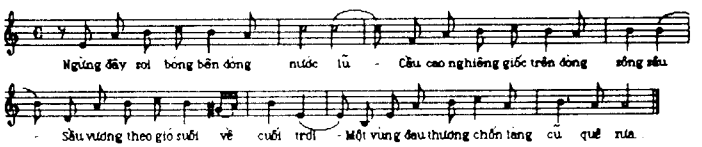

Ngừng đây soi bóng bên dòng nước lũ
Cầu sao nghiêng giốc trên dòng sâu sâu
Sầu vương theo gió suối về cuối trời
Một vùng đau thương chốn làng cũ quê xưa...

Cũng nói tới chốn làng cũ quê xưa, phải đau thương trong quê hương khói lửa đó, nhưng thực sự ra là chỉ muốn nói tới sự mơ ước được thoát ra khỏi biên giới của lòng người, ra khỏi được một vùng đất đai hẹp hẹp mà thôi!

Em đến bên tôi một chiều khi nắng phai rồi
Nắng ngừng bên chiếc cầu biên giới
Xa xa thoáng đàn trâm vô tư
Đâu đây, dáng huyền đền duyên mơ
Bên cầu biên giới
Tôi lặng nghe dòng đời từ từ trôi...
Sông nước xa xôi, mây núi khắp nơi

Không tỏ một đôi lời...

Cho nên tôi mới mơ được sống trong lòng người đẹp Tô Châu hay chết bên bờ sông Danube.

*
* *

Nhạc tình lãng mạn và viễn mơ trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến, tại cái vùng gọi là tự do, còn có thêm một số bài như TIẾNG ĐÀN TÔI (Phạm Duy), DƯ ÂM (Nguyễn Văn Tý)...

Trong vùng chiếm đóng, nói rõ hơn là tại Hà Nội, Hải Phòng, những người thúc đẩy cho TÂN NHẠC đi tới bây giờ là ĐOÀN CHUẨN, TỪ LINH. Các ông này đã phát triển loại nhạc lãng mạn của thời kỳ Đặng Thế Phong/Dzoãn Mẫn lên thành một loạt những bài mới như CÁNH HOA DUYÊN KIẾP, TÀ ÁO XANH, GỬI NGƯỜI EM GÁI, CHUYẾN BẾN, GỬI GIÓ CHO MÂY NGÀN BAY, THU QUYẾN RŨ, LÁ ĐỔ MUÔN CHIỀU, LÁ THƯ, TÌNH NGHỆ SĨ... Tất cả đều nói tới mùa thu!

Thu Quyến Rũ

Đoàn Chuẩn/Từ Linh

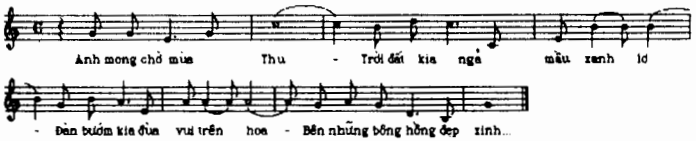

Anh mong chờ mùa Thu
Trời đất kia ngả mầu xanh lơ.
Đàn bướm kia đùa vui trên muôn hoa
Bên những bông hồng đẹp xinh...

*
* *

Thật vậy, mùa Thu ám ảnh Đoàn Chuẩn/Từ Linh trong suốt một loạt ca khúc mà khi in ra, hai ông đã đặt hẳn cho cái tên **tình khúc mùa Thu.**

Ta hãy nghe đây :

Thu đi cho lá vàng bay
Lá rơi cho đám cưới về...
(LÁ ĐỔ MUÔN CHIỀU)

*

Đêm hôm nay, ngồi dưới ánh Thu
Viết tơ lòng gửi đến cho nhau...
(GỬI GIÓ CHO MÂY NGÀN BAY)

*

Đây khách ly hương mấy Thu vàng ấm
Nơi quán cô đơn mơ qua trùng sóng
(TÌNH NGHỆ SĨ)

*

Với bao tà áo xanh, đây mùa Thu !
Hoa lá cành, hàng cây đứng hững hờ...
(CÁNH HOA DUYÊN KIẾP)

*

Thuyền cầm tay sào từ cuối Thu
Ngoài kia sông nước như đón chờ....
(CHUYẾN BẾN)

*

Mộng nữa cũng là không, ta quen nhau mùa Thu
Ta thương nhau mùa Đông, ta yêu nhau mùa Xuân...
(TÀ ÁO XANH hay DANG DỞ)

*

Nhớ tới mùa Thu năm xưa
Gửi nhau phong thư ngào ngạt hương...
(LÁ THƯ)

*

... Một sớm mùa thu, giữa chân trời xanh ngát
Nàng đi gót hài xinh, nàng đi cho dạ sao đành...
(GỬI NGƯỜI EM GÁI)

*

Trong khi đa số nhạc sĩ của nền TÂN NHẠC đi theo tiếng gọi của cuộc Cách Mạng Mùa Thu và đi tiếp qua cuộc Trường Kỳ Kháng Chiến thì ở vùng Quân Đội thực dân Pháp tạm chiếm, tức là ở những đô thị lớn, chỉ có một loại nhạc xưng tụng mùa Thu yêu nhau như của Đoàn Chuẩn/Tư Linh này là nổi bật hẳn lên. Có lẽ hai tác giả này cũng có một chút mặc cảm phạm tội cho nên trong một bài hát nhan đề ĐƯỜNG VỀ MIỀN BẮC không nói gì đến mùa Thu cả, hai ông đã tỏ ra nỗi lòng của mình, vì lý do *tiếc đời gấm hoa mà đành phải quên mầu sắc núi rừng.*

Nói chung thì những **tình ca mùa Thu** của Đoàn Chuẩn Tư Linh ra đời trong vùng tạm chiếm trong những năm 46-54 là sự nối dài của loại nhạc tình cảm trước đây. Nó hoàn toàn lãng mạn nhưng không có giá trị cao như những bài tình ca mùa Thu của

Đặng Thế Phong hay Văn Cao chẳng hạn. Nhạc điệu đi theo một loại lời ca giống như văn suôi, có tính chất kể lể, rất phù hợp với người bình dân và khó được người trí thức chấp nhận vì thiếu thi vị trong cảm hứng cũng như trong ngôn từ.

Tuy nhiên, giống như những **bài hát lênh đênh** được soạn ra trong vùng kháng chiến của Lương Ngọc Ghâu, Tử Phác, Tô Vũ, Phạm Duy... những **tình ca mùa Thu** của Đoàn Chuẩn/Từ Linh viết ra trong vùng tạm chiếm đó cũng sẽ được người Việt Nam hát liên tiếp trong suốt mấy thập niên qua khi người dân quá mệt mỏi với hiện tại cay nghiệt và muốn quay về với một quá khứ có quá nhiều nét vinh quang...

... Và cả cho đến bây giờ, trong đời sống tị nạn hiu quạnh này.

PHẠM DUY

Luật Sư
LÊ CHÍ THẢO
4113 LEE HIGHWAY
ARLINGTON, VA. 22207
Đ.T. **(703) 522-2255**

Hoàng Liên

Ánh sáng và bóng tối

(tiếp theo kỳ trước)

CHƯƠNG BỐN
TRẠI THANH LIỆT, HÀ ĐÔNG
XVII Cuộc sống trong xà lim.

Tôi đứng lên, bước ra khỏi xà lim. Người cán bộ trẻ tuổi lặng lẽ đưa tay chỉ về phía văn phòng của trại giam. Lại khám bệnh nữa chăng? Vừa cất bước, tôi vừa chuẩn bị sẵn những lời khai về tình trạng sức khỏe của mình. Nhưng sau khi vượt qua mảnh sân, chúng tôi men theo con đường hẹp có trồng nhãn để vòng ra phía sau ngôi nhà dài. Bên phải là một đám đất trống lưa thưa mấy bụi chuối xơ xác. Xa hơn một chút, sau một bức tường cao, lố nhố mấy nóc nhà gạch có lẽ được dùng làm phòng giam cho một khu khác. Chúng tôi dừng lại trước một căn phòng cửa đã mở rộng. Sau một cái bàn gỗ kê chéo vào một góc phòng, một người cán bộ mặc thường phục đã sẵn sàng ngồi đợi. Khoảng 40 tuổi, tóc hớt ngắn, khuôn mặt tròn, với đôi mắt sắc và cái miệng rộng, anh ta mặc một cái quần xanh nước biển và một sơ mi màu phân ngựa đã cũ nhưng còn tươm tất, không đến nỗi luộm thuộm như các bạn đồng nghiệp của anh ta ở trong Nam. Anh ta chỉ chiếc ghế đẩu kê trước bàn:

— Anh ngồi xuống đây. Nghỉ ngơi đã 3 tuần rồi, chắc anh đã phục hồi được sức khỏe.

Nhìn tập giấy trắng khổ rộng để trên mặt bàn, tôi hiểu rằng đây là một cuộc hỏi cung, và do một phản ứng rất tự nhiên, tôi tự đặt ngay mình vào một tư thế cảnh giác như mọi lần phải đương đầu với các cán bộ thẩm vấn. Người cán bộ rút một điếu thuốc lá Tam Đảo mời tôi hút, rồi vào đề ngay:

— Sáng nay, tôi làm việc với anh. Cách Mạng cần biết rõ quá

trình hoạt động của anh những năm trước đây. Không phải Cách Mạng không có tài liệu về anh, chỗ nào mà không có tai mắt của Cách Mạng. Nhưng Đảng và Chính Phủ muốn chính anh khai báo cho đầy đủ, rõ ràng và cụ thể. Đã được tiếp xúc nhiều với cán bộ, chắc anh biết rằng ngày về của anh tùy thuộc vào mức độ thành khẩn trong việc khai báo. Nếu muốn giết anh, thì Cách Mạng đã giết từ lâu rồi. Trước sau như một, Cách Mạng chủ trương chính sách khoan hồng đối với những người lầm đường lạc lối, và sẽ tạo điều kiện cho anh học tập cải tạo để trở thành một con người tốt. Nếu anh biết ăn năn hối lỗi, tuyệt đối tin tưởng vào Đảng và Chính Phủ, anh sẽ được sớm trở về với gia đình.

Vừa tuôn ra những luận điệu quen thuộc với những từ ngữ cũ rích ấy, người cán bộ vừa nhìn tôi để dò xem phản ứng. Được huấn luyện theo một khuôn mẫu nhất định, tất nhiên, người cán bộ Việt Cộng không thể, và không dám, hành động khác được. Nhưng cũng vì phải rập theo một đường lối đã được ấn định sẵn, họ quên, hoặc không thể, thích ứng với hoàn cảnh mới. Hồi chúng tôi còn ở trong miền Nam, họ có thể đưa ra những lời hứa hẹn dối trá ấy. Nhưng giờ đây, sau khi đã khó nhọc đưa chúng tôi ra miền Bắc, không lẽ họ để cho chúng tôi dễ dàng trở về quê hương sau khi "thành thực khai báo". Tôi im lặng chú ý nghe, và cho đến khi người cán bộ kết thúc những lời giáo đầu dài dòng, tôi vẫn không thấy anh ta đề cập đến tình trạng tôi đang ở trên miền Bắc với những hậu quả của nó.

Ngừng nói một lát, hút hết điếu thuốc còn cháy dở, anh ta ngồi thẳng lên, hai cùi tay chống vào mặt bàn, rồi lần lượt đặt những câu hỏi thường lệ về lý lịch, về sự tham gia của tôi trong guồng máy hành chính miền Nam. Thái độ của anh ta khá hòa nhã, lời lẽ không gay gắt, và cách phát ngôn tỏ ra là của một người ít nhiều có học. Nhưng một lúc sau, tôi nhận ra đó là một mánh khoé nguy hiểm. Rõ ràng người đối thoại cố tạo ra một không khí hòa hoãn, thoải mái để đối phương không cảnh giác và dễ dàng khai ra những gì anh ta muốn biết. Anh ta có thâm ý biến cuộc thẩm vấn thành một cuộc nói chuyện tay đôi, hay một cuộc phỏng vấn không căng thẳng. Thỉnh thoảng, anh ta đùa một câu, một lối nói hài hước vô hại, không có hậu ý mỉa mai, chế riễu. Có lần anh ta làm ra vẻ thông cảm, và lên tiếng giải thích hộ tôi, trong khi tôi không có ý định giải thích:

— Tôi hiểu lắm. Trong hoàn cảnh của miền Nam, khó mà hành động khác được× Áp dụng lề lối khai báo cũ, tôi hạn chế nội dung những câu trả lời trong phạm vi hoạt động của tôi tại địa phương, và ít đi sâu vào các chi tiết. Anh ta im lặng ngồi nghe, không phát biểu ý kiến. Nhưng một lúc sau, không hiểu vì lý do gì,

anh ta đột nhiên thay đổi thái độ và chiến thuật, soi mói đặt những câu hỏi cụ thể về tình hình chính trị và quân sự của miền Nam. Tôi sử dụng một phương thức đối phó mà tôi phác họa ra từ mấy tuần nay:

Tôi không biết rõ những sự kiện xảy ra ngoài phạm vi hoạt động của cơ quan tôi. Về những sự kiện ấy, tôi chỉ có thể nêu lên những ức đoán để giải thích mà thôi.

Người cán bộ ngồi yên suy nghĩ. Có lẽ anh ta nhận thấy rằng khi tôi phỏng đoán, thì tôi không dựa vào một sự hiểu biết vững chắc, và những điều tôi nói ra không chắc đúng. Hơn nữa, khi đã nói rõ là tôi phỏng đoán, thì tôi không chịu trách nhiệm về tính cách xác thực của lời khai. Mặt khác, những ý kiến, nhận xét có thể sai lầm của tôi sẽ không đem lại một lợi ích thiết thực nào. Một lát sau, anh ta ngẩng đầu lên, xua tay:

— Anh có biết chắc thì hãy khai. Nếu không, thì thôi.

Từ đó về sau, nhiều lần tôi nói thẳng ra là tôi không thể trả lời đích xác được:

— Tôi không biết rõ. Theo tôi đoán... có nhiều giả thiết...

Và anh ta lại đắc đầu :

— Thôi anh không cần phải ức đoán nữa !

Trong lúc nghỉ giải lao, ngồi ngửa người ra hút thuốc lá, người cán bộ lấy lại vẻ ôn tồn, nói vài câu chuyện phiếm về nếp sống ở miền Bắc, về "cuộc chiến tranh phá hoại" do không quân Mỹ gây ra, nhưng không đề cập đến vụ tổng tấn công trong dịp Tết vừa qua. Khi tôi hỏi về hòa hội ở Ba-Lê, anh ta buông thõng một câu:

— Chưa có gì cụ thể cả !

Sau một phút im lặng, tôi hỏi tiếp :

— Đến lúc nào chúng tôi sẽ được học tập ?

— Các anh sẽ được đọc sách báo để hiểu rõ tính cách ưu việt của miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Anh nên báo cáo với cán bộ trực tiếp để hỏi mượn.

Điếu thuốc lá trên môi người cán bộ đã cháy gần hết. Anh ta uống một ngụm nước trà đậm, ngồi ngay ngắn lại, rồi yêu cầu tôi trình bày tiếp về các hoạt động của tôi trong một vài cơ quan hành chánh ở Cao Nguyên Trung Phần. Thỉnh thoảng anh ta ngắt lời tôi, đặt thêm một câu hỏi, nhưng có lúc tỏ ra không chú trọng mấy đến những lời phát biểu của tôi. Có lẽ anh ta đã đọc những lời khai của tôi trước đây ở trong Nam, và buổi hỏi cung hôm nay, nói chung, chỉ có mục đích kiểm tra lại những lời khai cũ. Hơn thế nữa, tôi có cảm tưởng Việt Cộng chưa có một chính sách rõ rệt đối với chúng tôi, những tù nhân chính trị của miền Nam. Phải chăng họ đang chờ đợi sự diễn tiến của cuộc hòa đàm ở Ba-Lê?

Trong một lúc tôi ngừng nói, người cán bộ xem đồng hồ tay, rồi đứng lên:

— Sáng nay làm việc cũng tạm đủ. Anh trở về phòng ăn cơm, đến chiều chúng ta lại tiếp tục.

Rồi anh ta bước ra ngoài, gọi người công an phụ trách xà lim tên là Hùng để đưa tôi về. Rảo bước dưới mái hiên, từ phía ngoài nhìn những tấm cửa ảm đạm đã được đóng lại, tôi chợt ý thức sâu sắc tất cả nỗi bi đát của hoàn cảnh tù đày: ngày nọ, sang ngày kia, chúng tôi bị giam hãm trong những chiếc hộp kín bưng như thế... Cuộc sống có thể kéo dài mãi như thế này ư? Mọi người đã ăn xong, trên chiếc bàn cũ kỹ đầy những vết dao bầm, chỉ còn lại một đĩa rau muống đặt trên bát cơm. Tôi bước vào xà lim, và nhận thấy cái mùng tôi xếp lại từ ban sáng không nằm đúng vào chỗ cũ ở đầu giường, mà đã bị ai kéo lệch sang một bên. Chắc hẳn trong lúc tôi ngồi ở phòng thẩm vấn, có người đã vào đây để khám xét. Chưa ăn cơm vội, tôi lật chiếc chiếu lên, cúi xuống gầm giường, soát kỹ các góc phòng để xem có gì lạ không, vì tôi ngờ rằng các tay công an có thể vứt dấu vào xà lim những gì mà trại giam cấm không cho tàng trữ rồi buộc tôi đã vi phạm nội quy. Nhưng trong phòng không có gì khác lạ.

*
* *

Sau một ngày "làm việc" với người cán bộ hỏi cung, tôi bắt đầu viết tờ khai. Ngày hai buổi, Hùng đưa tôi lên phòng thẩm vấn, rồi lại đưa về. Tôi chậm rãi ghi lại những gì vừa khai hôm trước, đồng thời cố nhớ lại những bản khai cũ về cùng một đề tài để tránh sự khác biệt hay mâu thuẫn giữa các bản khai. Tôi cố kéo dài thời gian viết lách để khỏi phải giam mình suốt ngày trong xà lim, nhưng rồi đến ngày thứ tư, không thể trì hoãn mãi được, tôi đành chấm dứt việc khai báo.

... Sau bữa cơm, khi đàn gà đã kéo nhau về, và bóng chiều đang ngã dần ngoài sân, tôi nằm dài trên giường và nghĩ đến những ngày tù sắp đến. Thế là xong một đợt khai báo. Rồi đây, chắc chắn tôi sẽ tiếp tục sống những ngày cô đơn dằng dặc, vì như người cán bộ thẩm vấn cho biết, sẽ không có những buổi học tập, mà trại giam chỉ cho mượn sách để đọc. Và như vậy, sẽ không có những đợt tuyên truyền ồ ạt để tác động tâm lý tù nhân, để tẩy não chăng? Hay Việt Cộng nghĩ rằng chúng tôi thuộc thành phần ngoan cố, không thể uốn nắn, lôi cuốn để chúng tôi "lột xác" mà chấp nhận ý thức hệ Mác xít của họ? Thật ra, trong những lần tiếp xúc, các cán bộ Việt Cộng chỉ nhắc đi nhắc lại hai điểm chính yếu: họ là những người yêu nước đang tranh đấu cho nền độc lập và sự thống nhất của Tổ quốc, và chủ nghĩa Mác xít là một chủ nghĩa

tuyệt vời. Nhưng họ chỉ khẳng định mà không giải thích, chứng minh, nên không thuyết phục được người đối thoại. Có người e sợ tác dụng của ngành tuyên truyền Cộng Sản. Họ cho rằng đã ăn phải bã tuyên truyền ấy thì rồi sẽ say mê theo nó... Thật tình, tôi chưa thấy có gì chứng tỏ rằng công tác tuyên truyền của Việt Cộng ghê gớm đến mức độ ấy, và tôi sẵn sàng chờ đợi.

Linh cảm rằng sẽ phải chịu đựng cuộc sống cách ly trong một thời gian nữa, tôi cố tìm cách tạo một thế thăng bằng cho tâm trí, bởi vì tôi bắt đầu lo ngại khi nhận thấy ảnh hưởng của nếp sống riêng biệt trong xà lim đối với tâm thần tôi. Đã có lần, trong đêm khuya, tôi nghe tiếng la hét vang lên từ một xà lim không xa, tiếp theo là một tràng tiếng Anh nói rất nhanh. Người công an vũ trang vội vàng đóng các cửa sổ lại, và một lát sau, có tiếng chân người chạy dồn dập về hướng có tiếng la hét. Hình như họ đang trấn an người tù cố thuyết phục anh ta đi ngủ. Thần kinh bị căng thẳng, những nỗi uất ức dồn nén mãi vào bên trong tạo ra một tình trạng ẩn ức thường xuyên, cho nên tù nhân cần phải có một lối thoát, và đã gào lên nỗi đau khổ của mình để làm cho tâm thần dịu xuống và buộc người khác phải chú ý đến mình. Sống đơn độc dài ngày, tù nhân có cảm tưởng rằng xã hội đã quên họ. Những phạm nhân bị nhốt trong những oubliettes ngày xưa bên Âu Châu chắc cũng cùng chung một tâm trạng ấy. Một lần khác, có tiếng cãi nhau ầm ĩ ở ngoài sân. Một tù nhân Mỹ dằng co với một cán bộ. Anh ta từ chối không chịu trở vào xà lim sau khi ăn cơm chiều xong và ra ngoài trả bát. Tiếng anh la to:

— Tôi yêu cầu được giam giữ với một người đồng hương của tôi, với một người tù Mỹ×Anh ta cứ đi quanh co mãi ở ngoài sân, trước mái hiên. Một người cán bộ nói tiếng Anh, – có lẽ là cán bộ phụ trách tù nhân Mỹ — hứa hẹn:

— Anh cứ vào phòng. Lời yêu cầu của anh sẽ được ban giám thị cứu xét.

— Các ông đã hứa nhiều lần rồi, nhưng các ông không giữ lời hứa.

Lại to tiếng cãi vã và dằng co một lúc nữa, rồi mới tạm yên. Có lẽ các tay công an đã dùng vũ lực xô đẩy người tù Mỹ vào trong xà lim.

Mấy người ấy bị giam giữ riêng như vậy đã bao nhiêu lâu rồi? Đến lúc nào tôi sẽ rơi vào tình trạng tương tự? Tôi sẽ cầm cự được bao nhiêu lâu nữa, trước khi thần kinh không còn sức chịu đựng và sẽ buông xuôi? Một ước muốn, một dự định bỗng trở lại trong ký ức. Từ hôm bị bắt, và nhất là trên bước đường gian truân của kẻ lưu đồ từ Nam ra Bắc, tôi đã có ý kiến viết về cuộc sống tù đày, và đã cố gắng nhận xét, tìm hiểu những sự việc liên hệ. Không có giấy

bút để ký thác những biến cố và cảm nghĩ, tôi đã cố nhớ thật kỹ những điều cần thiết. Mà ví thử có phương tiện, tôi cũng không thể ngồi mà viết được vì cán bộ sẽ biết và sẽ tịch thu ngay bản thảo. Thật là oái ăm. Ngày trước, ở ngoài xã hội, vì bận rộn, nên không viết được nhiều như mong muốn. Nay có quá nhiều thì giờ, sẵn đề tài, và có một tâm sự cần được nói ra, thì lại không thể viết được. Mà viết là một phương thức hữu hiệu để giải tỏa những nỗi uất ức chất chứa trong lòng... Mặt khác, muốn viết về cuộc sống lao tù thì phải sống với hiện tại, giống như những kẻ tu thiền phải chú tâm vào việc đang làm: khi đọc sách thì phải lưu ý đến những lời trong sách, khi ăn cơm thì phải nghĩ đến loại thực phẩm đang ăn, không thể để tâm trí bị lôi cuốn vào những vấn đề khác. Thế nhưng tù nhân thì có khuynh hướng thoát ly hiện tại, thoát ly hoàn cảnh bị giam cầm, vì càng sống với hiện tại thì càng cảm thấy thấm thía nỗi đau khổ của mình. Để quên hiện tại, tù nhân quay về quá khứ, sống lại những ngày tự do; hoặc họ hướng về tương lai hầu như tự an ủi mình với niềm hi vọng vào một ngày mai tốt đẹp. Đôi khi, tù nhân lại có một phản ứng tích cực: đối phương đày đọa mình, muốn cho thân thể mình héo mòn và tinh thần mình suy sụp, thì mình phải chống đối lại bằng một cố gắng tồn tại, và phải tôi luyện ý chí để thắng hoàn cảnh khó khăn. Nhưng muốn được như vậy, trong những điều kiện vật chất và tinh thần thiếu thốn, lại bị mất tự do, phải tạo ra một lối sống thích hợp.

... Người cán bộ đi dọc theo hiên và lần lượt mở những cánh cửa sổ ra, sau khi mọi người đã làm xong vệ sinh cá nhân buổi sáng. Tôi đứng sẵn ở cửa, và khi tấm ván được mở ra, tôi nói ngay:

— Bá cáo cán bộ. Xin cán bộ cho mượn sách báo để đọc.

Hùng ngập ngừng một lúc, rồi trả lời với giọng nói vùng Quảng Bình:

— Anh chưa đọc sách báo được.

Nói xong, Hùng bước đi ngay, không giải thích thêm. Tôi thất vọng và ngạc nhiên. Người cán bộ thẩm vấn đã xác định rõ ràng là trại sẽ cho mượn sách báo để đọc, xem đó là một phương tiện cải tạo tư tưởng. Ông nói gà, bà nói vịt, do sự thiếu thống nhất trong chính sách chăng? Kinh nghiệm mấy tháng ngắn ngủi tiếp xúc với cán bộ Việt Cộng đã từng cho tôi thấy không có sự phân công phân nhiệm rõ rệt giữa các cán bộ trong cùng một cơ quan, và thường xảy ra tình trạng dẫm chân nhau về quyền hành. Trong trường hợp này, tôi ngờ rằng người cán bộ thẩm vấn từ một cơ quan khác đến, chẳng hạn từ bộ Nội Vụ, và đã trả lời tôi theo nguyên tắc chung, còn người cán bộ trực tiếp thì quyết định theo chủ trương và hoàn cảnh riêng của trại giam này. Và câu nói của Hùng có nghĩa là tôi chưa ở vào giai đoạn giam giữ có thể đọc sách báo

được, và phải chờ đợi thêm một thời gian nữa.

Trời bắt đầu hiu hắt lạnh. Mặc thêm cái áo trấn thủ bằng bông, không có tay, mà trại đã phát cho hôm qua, tôi ngồi nhìn ra ngoài sân, và chợt nhận thấy mấy đóa hoa màu tím nhạt trên bức tường trước mặt đã chớm tàn và tôi ngẩn ngơ luyến tiếc như vừa mất đi một cái gì thân yêu và đáng giá. Một người công an vũ trang từ phía sau văn phòng bước nhanh ra, tay giắt một con chó berger khá lớn, lông đen vá vài đốm vàng. Con vật có vẻ đã được huấn luyện, bước sát ống chân của công an viên, và cùng đều một nhịp. Có người nào, trước đây, cho biết rằng những trại giam thường dùng chó berger để lùng bắt những phạm nhân vượt ngục. Tôi lại ngậm ngùi nhớ đến ông bạn già Võ Thành Minh, giờ đây không biết ra sao.

Đang mơ màng hồi tưởng lại những ngày sống trong các trại ở Thừa Thiên, tôi bỗng nghe có tiếng đóng cửa, rồi Sự đến đóng cửa xà lim tôi. Lát sau, anh ta quay trở lại mở cửa cho tôi ra, rồi đưa tay chỉ một chiếc ghế đẩu đặt trên lối đi, sát thềm. Một tấm khăn quàng không còn trắng nữa đặt trên mặt ghế cùng với cái tông đơ. Sự trừng mắt nhìn tôi:

— Sao cứ trơ mắt ếch ra thế ?

Thật tình, trong lúc ấy, tôi chưa hiểu hết ý ngụ trong câu nói của Sự, vì tôi mãi nghĩ đến con mắt lươn của anh ta. Một lúc sau, tôi mới nhớ: tại các trại ở trong Nam, những người bạn tù lâu năm, mỗi khi gặp cán bộ đều không quên lên tiếng "chào cán bộ" hoặc "chào ban" để nói rõ là cán bộ ở trong ban giám thị. Sự chào hỏi kiểu cách và sự minh định cấp bậc quả là một điều đáng chú ý trong một xã hội được mệnh danh là dân chủ và không có giai cấp. Sự tỏ vẻ cáu kỉnh:

— Tóc gì mà nhiều thế này ! Phải hớt ngắn lại.

Quả thật tóc tôi dài quá, vì đã 4 tháng qua chưa được hớt. Trong lúc Sự tí tách đưa tông đơ chạy đằng sau gáy rồi hai bên mang tai, tôi im lặng nhìn những sợi tóc vụn lả tả rơi xuống đất: tóc đen trộn lẫn với tóc bạc, mà tóc bạc lại nhiều hơn. Một câu thơ của Phan Khôi, không biết ai đọc cho nghe, vụt trở lại trong ký ức. Nhà thơ tiền bối xứ Quảng ví nỗi buồn với sợi tóc, "cứ cắt lại dài ra". Tôi đang cố nhớ xem Chương Dân đã sáng tác bài thơ trong hoàn cảnh nào, thì một tiếng nổ lớn làm rung chuyển cả không trung. Sự vội vàng xoay người tôi lại và nói như quát lên:

— Quay mặt vào tường !

Hàng loạt tiếng nổ nhỏ hơn liên tục dội về, nghe không xa lắm. Rồi tiếng súng nổ liên hồi. Một cuộc binh biến xảy ra tại thủ đô miền Bắc chăng? Hay một kho đạn bị phá hoại? Tôi chú ý nghe: trại giam vẫn yên tĩnh, không có một sự giao động nào. Một lúc

sau, tiếng súng chấm dứt, Sự bảo tôi ngồi lại tư thế cũ. Phản ứng nhanh chóng của anh ta có mục đích ngăn cản không cho tôi mục kích sự việc có thể xảy ra. Tôi mỉm cười một mình khi nghĩ rằng dù có ngồi cách nào đi nữa, thì tôi cũng đã nghe những tiếng nổ rồi. Sự đưa nhanh mấy nhát tông đơ nữa, rồi cởi cái khăn quàng, dục tôi trở vào xả lim gấp:

— Tuần sau tắm giặt, rồi gội đầu luôn một thể.

*
* *

... Nằm thao thức mãi không ngủ được, tôi chui ra khỏi mùng, đứng sát vào khung cửa sổ. Mấy tiếng kẻng cầm canh rời rạc điểm vào đêm đầu thu khô ráo phảng phất làn gió gây gấy lạnh. Dưới ánh trăng nhạt, một người công an vũ trang chậm rãi bước vào dưới mái hiên và dừng lại trước mặt tôi:

— Anh lại không ngủ được à ?

Tôi nhận ra khuôn mặt và giọng nói của người công an hiền hậu hôm trước:

— Tôi ngủ được một giấc rồi.

— Mới hơn 12 giờ.

— Cứ nằm dài suốt ngày, tối lại không ngủ được.

— Anh có muốn lao động không? Thỉnh thoảng, trại cần một người để quét cái sân này. Nếu anh muốn làm, thì bá cáo với cán bộ trực tiếp.

— Các anh hình sự chắc phải lao động thường xuyên.

— Đúng. Ví dụ, bánh mì các anh ăn là do họ làm.

— Buổi sáng, tôi thường nghe tiếng gọi các con số từ phía bên kia sân. Chắc là cán bộ gọi con số của từng đội để phân chia công tác.

— Đúng.

— Đôi khi tôi nghe tiếng người nói với cán bộ. Có người không nói tiếng Việt.

— Tù từ nhiều nơi tập trung về đây, cho nên có người nói tiếng Trung Quốc, Lào, hay Kampuchea.

— Và cả tiếng Anh nữa.

— Tất nhiên.

— Có hôm tôi nghe tiếng mở cửa xả lim khi trời chưa sáng...

— Đó là trường hợp di chuyển tù đi trại khác. Khởi hành sớm, vì phải đi dài đường.

— Đi đến tận đâu ?

— Gần biên giới Hoa Việt.

Anh ngừng nói một lúc, rồi đột nhiên, lấy giọng thân mật:

— Anh cố giữ gìn sức khỏe. Biết đâu ngày về của anh đến sớm hơn anh tưởng. Thôi, anh vào giường nằm.

Rồi anh xoay người bước đi, nhẹ nhàng như một cái bóng. Giọng anh có vẻ chân thật; cũng có lẽ anh muốn an ủi tôi khi thấy tôi thao thức trong đêm khuya. Câu nói cuối cùng của anh, dù chỉ là một sự phỏng đoán, cũng gieo vào lòng tôi một niềm hi vọng. Tôi sực nhớ đến người y tá miền Nam đã biếu tôi một gói vi-ta-min, khi chúng tôi nghỉ lại ở Nghệ An. Có phải hai người này là những kẻ có thiên lương tốt bị lạc loài trong cái xã hội ô trọc này chăng? Dù sao, đối với người công an, tôi vẫn đặt vấn đề cảnh giác, như đối với Thuần trước đây. *(còn tiếp)*

HOÀNG LIÊN

- *Chế Lan Viên, một trong những tay trùm văn hóa cộng sản đã nói về Võ Phiến: "Thằng" này viết phiếm luận thì đúng là nhất Việt nam (...) Nó mà theo cộng sản như bọn mình thì bọn mình ... khướt cả lũ".*
  (Nguyễn Hưng Quốc thuật lại trên tạp chí *Quê Mẹ* số 74, tháng 7, 1986).
- "Nó" không theo cộng sản, "cả lũ" đỡ khướt. Nhưng "Đảng ta" lại đâm ra... khướt đấy! Muốn biết tại sao, hãy đọc thử cuốn:

TẠP LUẬN

Cuốn sách thứ 4 trong bộ *Toàn Tập* của Võ Phiến, do Văn Nghệ tái bản, đã phát hành vào tháng 7-1987.
Sách dày 350 trang. Giá $14.00MK.
Ngoài Hoa kỳ thêm $1.00MK.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301, WESTMIMSTER, CA 91683
(714) 832-8445

Thụy Khuê

Đọc "Tiếng kèn" của Nhật Tiến

Điểm sách.

Từ khi được đọc *Những vì sao lạc, Thềm hoang* của Nhật Tiến đến nay đã trên hai mươi năm. Mới đây tình cờ tôi tìm được *Tiếng kèn* trong một hàng sách. *Tiếng kèn* là tập truyện ngắn Nhật Tiến viết tại Songkhla và những ngày đầu tiên trên đất Mỹ (1980-1981) . Song những sách báo xuất bản bên Mỹ tới tay người đọc bên Pháp là cả một hành trình, tùy theo hên xui may rủi , có khi một vài tháng, đôi lúc vài năm, rất có thể không bao giờ.

Tiếng Kèn đến như một kỷ niệm cũ, lưu lạc từ lâu, có lẽ vì hình ảnh *Thềm Hoang* trong tôi chưa bao giờ phai lạt.

Qua mười một truyện ngắn, kể lại đời sống hằng ngày của con người Miền Nam sau "giải phóng": những mẩu đời rất tầm thường, đôi khi tuyệt vọng, đôi khi tan nát, đôi khi cười ra nước mắt, nhưng đã nói lên biết bao sự thực không tên tuổi, phô bày những lộ trình không lối thoát của một chế độ đến hồi phá sản.

Tiếng Kèn báo hiệu trước một khuôn mặt văn hoá mới: lối "văn hoá không theo một cái khuôn để chỉ những người cùng một phe chui lọt" mà Nhật Tiến đã nêu lên trong "Một suy nghĩ của người cầm bút lưu vong" (Washington DC tháng 10.1985). Không theo những "công thức" có sẵn của người cầm bút hiện nay vì Nhật Tiến nhận thấy :

"Điều thứ nhất là viết như vậy dễ dãi, yên ổn. Có thể nhiều người cũng đã thấy rõ những cực đoan một chiều là điều quá đơn giản, nhưng họ không dám làm khác đi, bởi sẽ phải đối diện với những phản ứng, vì bị coi như chạm đến một thứ taboo. Người cầm bút phải vượt ra ngoài những thói quen
khô cứng và tháo gỡ những hàng rào, những mâu thuẫn để lôi kéo được về hàng ngũ dân tộc càng nhiều càng tốt" (Trích phỏng vấn Nhật Tiến, Văn Học số 12&13 Xuân Đinh Mão, trang 60).

Tiếng kèn được viết trong giai đoạn đầu, khi vừa lìa bỏ quê hương, giai đoạn mà Nhật Tiến viết "để tố cáo những bất công đàn áp của cộng sản Việt Nam" nên đôi lúc cái phẫn uất đương thời đã đưa đến những sơ hở mà có lẽ chúng ta không còn tìm thấy sau này, khi Nhật Tiến bắt đầu viết theo tinh thần mới.

Mẹ tới giữa mùa xuân, bi thảm quá, cái bi thảm ấy làm cho câu truyện có vẻ "kịch", nhất là ở đoạn cuối.

Hai lần từ biệt cha già, được vẻ gò ép của một hồi ký có chủ đề. Những lời nghị luận lên án gắt gao chế độ ở đây và ở trong *Điểm hẹn*, có lẽ không hiệu lực bằng vài lời đối thoại ngắn ngủn trong *Ước vọng của bà Năm* hoặc *Tiếng kèn*.

Ở "Trận đánh cuối cùng của một kẻ sĩ", lập luận của người cán bộ khi đánh giá truyện ngắn "Con sáo của em tôi" có một sai lầm đáng tiếc. Ai đã đọc tác phẩm của Duyên Anh đều biết đại để cốt truyện:

"Một thằng bé mồ côi cha, ngày tết đến, mẹ ốm liệt không đi chợ làm cỗ được. Thằng bé thương em, đành hy sinh giết con sáo, bầu bạn duy nhất của hai đứa trẻ nghèo, cho em nó có miếng thịt vào bụng nhân ngày tết đến". Truyện Duyên Anh đề cao lòng thương em của thằng bé mồ côi cha: Nghèo đói, cơ cực, nó không bao giờ quên đùm bọc, che chở em chống lại sự tàn ác, vô nhân đạo của bọn họ hàng giầu. Rõ ràng là một truyện đề cao vô sản. Thế mà người cán bộ lại dựa trên cốt truyện:

"Hai anh em đứa trẻ làm thịt con sáo nhân ngày giỗ mẹ" để lên án Duyên Anh "bôi nhọ giai cấp vô sản một cách tinh vi và độc ác". Vậy sự ngộ nhận kia anh cán bộ đã cố ý hay vô tình? Ba Sinh, vai chính trong truyện --một người say mê truyện của Duyên Anh -- "hình dung ra từng nhân vật của Duyên Anh" phải "thấy" cái sai lầm của anh cán bộ rồi mới có thể: "Chết lặng đi vì cung cách nhận thức và đánh giá vấn đề cảm quan của những người cộng sản."

Đến đây chúng ta nên đóng dấu ngoặc để bắt đầu sống thật với *Tiếng kèn*.

Những lời biện bạc nhăn nhở của gã mù để gỡ cái "tội" thổi nhạc "lãng mạn" của mình đã phô bày bộ mặt chua cay của con người bị "cướp đoạt dĩ vãng", mất bản quyền tư tưởng. Hình ảnh gã mù đột nhập vào chúng ta không gõ cửa: cái cặp môi dày tụp ấy, cái lý luận cù nhầy ấy, rồi những bản nhạc "đồi trụy" Thiên Thai, Bến Cũ...hắn thổi. Ngay cả đến miếng bánh mì hắn ăn chung với con chó, "nhân vật" duy nhất chia sẻ tâm tư với hắn...Trong cái đêm tối âm u giữa thanh thiên bạch nhật, tiếng kèn của gã mù như một ngọn đuốc bùng lên, được bao lâu rồi tắt ngấm ?

Ở dưới bờ vực thẳm ấy, chúng ta lại chới với bắt được đôi chút "khoái trá" tạm thời, khi khám phá ra cái "ranh vật" của một

bà già "gân" muốn "phá chơi" cái máy phóng thanh phường. Chừng nó hỏng thật, cùng với bà Năm, chúng ta lại tưng hửng :

" Gặp chuyến ngon lành (bán củi, nước mắm ngoài tiêu chuẩn v.v..) tổ cha chúng nó cái miệng êm ro hổng thèm nói với ai một tiếng để dễ bề tẩu tán. Hỏi đến nơi đến chốn thì chúng nó lại khai bị cái loa hư" (*Ước vọng của bà Năm, trang 97).*

Rồi đến cái phi lý cười ra nước mắt của những kiếp người đã một thời là anh hùng dân tộc (*Chuyến tàu ngày cuối năm*) . Cái cười của người đọc ở đây là cái cười nghẹn, cái cười chưa ra khỏi miệng đã tắt ngấm trên môi. Tất cả bộ mặt bi hài kịch của chế độ thể hiện trần truồng không thương tiếc.

Nồi cháo thịt là một truyện rất buồn, đưa người đọc vào một con đường không lối thoát, cái tận cùng, cái biên giới giữa trần gian và cõi chết, cái "thảm" này đến một cách tự nhiên, không kịch chút nào. Nó đến như hai giọt nước mắt đọng mí đã lâu, từ từ lăn trên gò má người đọc, âm thầm, thấm thía, lặng lẽ như đoạn kết câu truyện.

Ám khí lại hiện về, lởn vởn, chập chờn trong "Chiếc áo tây vàng". Từ cái lợm giọng buồn nôn của người thiếu nữ vô tình cuốc phải con cóc một nhát chết tươi, đến cái nghề hắc ám nàng làm, tất cả đều chưa lấy gì làm quái đản: Cái quái đản nằm trong lời khai của nàng trước toà án, nhờ đó mà nàng được trả tự do.

Chúng ta đã lạc bước quá sâu vào thế giới tuyệt vọng của những kiếp người: Từ gã thổi kèn dạo mù loà bị cưỡng đoạt dĩ vãng ở trong Nam, đến cô gái hành nghề kỳ dị ở chợ trời ngoài Bắc, còn đâu ranh giới phân chia hai miền, còn đâu địa phận ngăn cách âm ty và trần thế?

Tiếng kèn là một hồi chuông cảnh tỉnh của mười năm thống nhất hay - mượn lời nhà xuất bản Văn học— mới chỉ là một lượm lúa nhỏ trong mùa gặt mới, bát ngát của Nhật Tiến đã tới với chúng ta.

THỤY KHUÊ

Bùi Bảo Trúc

Đọc cuốn "Người đi trên mây".

"Người đi trên mây", tiểu thuyết của Nguyễn Xuân Hoàng. Người Việt xuất bản tại Cali 1987, sách dày 249 trang. Giá 10 Mỹ kim.

Cuốn truyện dài đầu tiên mà Nguyễn Xuân Hoàng, một nhà văn đã có nhiều tác phẩm xuất bản tại Việt Nam trước năm 1975, cho in tại Hoa Kỳ là một cuốn sách viết lại từ một tiểu thuyết của ông đã xuất bản năm 1973 tại Sài Gòn. Cuốn "Người Đi Trên Mây", do nhà Người Việt vừa phát hành hồi cuối tháng 6 năm 1987, đã được viết lại từ cuốn "Kẻ Tà Đạo" do Nguyễn Đình Vượng xuất bản trước đây. Tác giả cho biết đã viết lại quá nửa cuốn 'Kẻ Tà Đạo' để thành cuốn "Người Đi Trên Mây", cuốn đầu trong bộ tiểu thuyết gồm ba cuốn của ông.

Khung cảnh của cuốn "Người Đi Trên Mây" là những đường phố quen thuộc của Sài Gòn trước đây, những quán nước, những hành lang thương xá, những căn phòng độc thân, một biệt thự khuất nẻo đằng sau những phố xá náo nhiệt, những vòng kẽm gai, những làn khói lựu đạn cay của những cuộc biểu tình chính trị ở một ốc đảo trước đó không hề biết tới những biến động chung quanh của cuộc chiến. Thời gian là năm 1972, và theo tác giả, "Thật ra Sài Gòn lúc đó cũng đang có cuộc chiến tranh của nó. Những tin đồn đủ loại áp lực lên nỗi lo âu của người thành phố như hơi nước trong nồi xúp de. Rồi xuống đường, biểu tình, phe nhóm, đảng phái, tôn giáo, truyền đơn... như những mồi lửa bên thùng thuốc súng... Thôi thì đủ thứ. Sài Gòn như một cô gái đẹp bị xâu xé giữa những chàng trai hung hãn."

Trong khung cảnh đó, người đọc tìm thấy Thăng, nhân vật chính trong truyện, một thanh niên ngoài ba mươi tuổi, giáo sư dạy tại một trường trung học lớn ở thủ đô Sài Gòn. Thăng đang gặp một số những rắc rối gia đình: một sự đổ vỡ còn đang dây dưa

chưa ngã ngũ tại tòa án. Trong khi đó, Thăng đã bắt đầu những liên hệ mới, với Quỳnh, một phụ nữ trẻ tuổi, thông minh, không ngại dư luận, làm việc tại một hãng máy bay ngoại quốc, và với Uyên, một sinh viên đại học Văn Khoa, cũng thông minh, và cũng bất chấp dư luận. Cô nữ sinh viên Uyên là con gái một chính khách quan trọng của Sài Gòn lúc ấy, một nhân vật đầy quyền thế, một nhân vật tạo thời cuộc của Việt Nam vào lúc đó mặc dầu ông không giữ một chức vụ chính thức nào trong chính quyền.

Nhân vật Thăng sống thụ động, không quyết định, không tham dự, không nhập cuộc, như một con chuột chạy quẩn quanh trong một chiếc lồng lớn, không lối ra. Thăng lúng túng trong một loạt những chờ đợi, chờ đợi trường mở cửa lại để đi dạy học, chờ những rắc rối qua đi, chờ những biến chuyển sẽ tới. Thăng sống trong những giằng co của gia đình, con cái, của hai nhân vật nữ, của hai xã hội già của ông chính khách, trẻ của chàng và của bạn chàng, một bên bảo thủ, bên kia phóng túng, một bên có địa vị, tiền bạc, một bên lêu bêu, túng thiếu.

Thăng sống vật vờ như thế, như một số khá lớn trong xã hội của Sài Gòn lúc đó. Sống không mục đích, không thắc mắc về những ngày sắp tới, bịt tai và bịt mắt trước những biến cố chung quanh. Thăng bị Uyên gọi là một "Kẻ Tà Đạo", và bị nhạc phụ gọi là "Người Đi Trên Mây". Trong khi ẩn thân tại nhà ông chính khách, thân sinh ra Uyên, Thăng vẫn tiếp tục tìm tới với Quỳnh. Và trong khi ở bên cạnh Quỳnh, Thăng nhớ các con. Trong khi ở bên cạnh các con, Thăng nghĩ tới những người bạn.

Thăng không hề có một quyết định nào để đưa mình ra khỏi những luẩn quẩn đó. Rốt cuộc người vợ cũ của ông quyết định hộ cho ông tại toà án. Uyên quyết định hộ cho ông để ông tiếp tục với Quỳnh. Và Quỳnh giúp ông quyết định. Tình yêu của Quỳnh giúp ông khỏi ngã, đã che chở ông. Thăng không nhận một học bổng để ra khỏi Việt Nam với Uyên, điều mà ông coi như một chiếc thòng lọng, tuy đó là một chiếc thòng lọng êm ái.

Mặc dù tác giả có khẳng định ở bìa sau của cuốn 'Người Đi Trên Mây' rằng "Cái tôi trong truyện đương nhiên không phải là cái tôi ngoài đời. Tôi, tức là tác giả, là một người khác," nhưng người đọc đã nhận ra rất nhiều cái-tôi-ngoài-đời-của-Nguyễn-Xuân-Hoàng trong nhân vật Thăng trong truyện. Một tiểu thuyết gia Hoa Kỳ, ông E. L. Doctorrow, đã nhận định rằng bất cứ một tiểu thuyết nào của một nhà văn, người ta cũng đều tìm thấy một vài nét tự thuật trong đó.Nguyễn Xuân Hoàng nguyên là một giáo sư triết học tại trường trung học Petrus Ký, Sài Gòn từ năm 1965 cho tới năm 1972. Ông khởi viết năm 1962 với những truyện ngắn, thơ, kịch, tiểu luận và chính thức trông coi tạp chí Văn ở Sài Gòn

từ năm 1972. Những sách đã xuất bản tại Việt Nam trước năm 1975 gồm các cuốn "Mù Sương" năm 1967, "Sinh Nhật" năm 1968, "Khu Rừng Hực Lửa" năm 1970, "Ý Nghĩ Trên Cỏ" năm 1971, "Kẻ Tà Đạo" năm 1973, "Bất Cứ Lúc Nào, Bất Cứ Ở Đâu" năm 1973.

Không khí buông thả, chán đời của ông và những người bạn cùng tuổi của ông trong cái thế hệ từ lúc lớn lên không có được một ngày thanh bình làm người ta nhớ đến một Jake Barnes trong cuốn "The Sun Also Rises" của Ernest Hemingway, một nhân vật cũng sống vật vờ, không mục tiêu, chủ đích, không ngày mai, chán chường ở thủ đô Paris trong những ngày sau đại chiến. Những người mà Getrude Stein đã gọi là "một thế hệ lạc lõng"

Đó là cái tâm trạng của những người cùng lớp tuổi của Thăng, của Nguyễn Xuân Hoàng, những người như Ký, như Lộc, như Nghĩa, như Đình, như Giang. Họ la cà ở những quán nước, những quán rượu, say sưa, chửi bới tất cả mọi thứ trên đời.

Cuốn "Người Đi Trên Mây" là một cuốn sách giữ được người đọc và buộc người đọc phải đọc tiếp ngay từ những trang đầu. Những người thuộc với những sinh hoạt văn học và chính trị ở Sài Gòn trước năm 1975 có thể nhận diện được gần hết những nhân vật mà Nguyễn Xuân Hoàng đã ngụy trang sơ sài trong cuốn sách của ông.

Nguyễn Xuân Hoàng viết đối thoại rất thông minh và dí dỏm. Ông dùng cái ngôn ngữ thời thượng của giới trí thức thành phố của những năm 1970. Câu truyện đưa người đọc về những góc phố, những vỉa hè, những địa danh quen thuộc một thời ở Sài Gòn.

Đọc đến trang cuối của cuốn "Người Đi Trên Mây", người đọc thấy rõ là câu chuyện chưa hết. Đó cũng là chủ đích của tác giả. Trong cuốn "Người Đi Trên Mây", Nguyễn Xuân Hoàng mới chỉ xếp đặt một sân khấu, với màn đầu của những đào kép ra góp mặt để câu chuyện thật sự, với những tình tiết quan trọng sẽ được đưa ra vào những màn sau Nguyễn Xuân Hoàng cho biết cuốn sách của ông ("vẽ lại cuộc hành trình của một con người thụ động, không biết thích nghi với cuộc sống, phó mình cho thời thế đưa đẩy và bị chính xã hội của y đẩy y xuống vực thẳm. Truyện khởi đầu từ những năm trước 75 tại Sài Gòn, Việt Nam và chấm dứt vào một thập niên sau tại một nơi nào đó trên nước Mỹ."

Phần một của thảm kịch đã mở. Nguyễn Xuân Hoàng đã khéo léo đưa độc giả của ông tới miệng của vực thẳm. Độc giả chờ đợi một cái hất tay nhẹ để lao xuống vực sâu cùng với Thăng trong hai tập sắp tới của bộ ba cuốn tiểu thuyết mà ông sẽ hoàn tất. Nguyễn Xuân Hoàng của báo Văn, của Sài Gòn trước năm 1975 đã

trở lại với người đọc và xứng đáng với lòng chờ đợi của độc giả Nguyễn Xuân Hoàng hiện sống và làm việc cho một tờ báo Việt ngữ tại California. Ông rời Việt Nam sang Mỹ từ năm 1984.

Bùi Bảo Trúc

VĂN PHÒNG KẾ TOÁN
THUẾ VỤ VÀ AUDIT
EMERSON H. LEE, CPA
(LÊ HỮU EM)
CERTIFIED PUBLIC ACCOUNTANT
Hội viên American Institute of Certified Public Accountants

* Đảm nhận tất cả các dịch cụ kế toán và thuế vụ (Accounting and Tax Services).
* Đảm nhận khai thuế lợi tức liên bang và các tiểu bang vùng DC, VA, MD, CA, NY, cho cá nhân, hợp tư và công ty (mẫu 1040, 1065, 1120).
* Đảm nhận khai thuế lương bổng và phúc trình cho các cơ quan hữu trách theo luật hiện hành (Payroll Tax Processing & Reporting) (mẫu 941, 940 W 2, W 3, 1099).
* Soạn thảo các trương mục tài chánh (financial statements) (Đối chiếu biểu và trương mục lời lỗ).
* Đảm nhận kế hoạch thuế vụ cho cá nhân, hợp tư và công ty (Tax planning for individual, partnership and corporation).
* Kiểm nhận sổ sách kế toán (Auditing).
* Cung cấp ý kiến về quản trị thương mại, thuế vụ và tài chánh (Business, Tax and Financial services).

ĐỊA CHỈ VĂN PHÒNG :
3179 Wilson Blvd , suite # 1
Arlington, VA. 22201

GIỜ LÀM VIỆC
Thứ hai – Thứ sáu : 9.30 AM — 5.00 PM
Điện thoại văn phòng : **(703) 528 5404**
Điện thoại tư gia : **(301) 762 4557**

Nguyễn Mạnh Trinh

Ngày tháng bồng bềnh, suy tư người lưu lạc,Nguyễn văn Sâm.

*T*ôi không phải là nhà phê bình văn học mà chỉ là một độc giả. Tôi viết lại những cảm xúc của mình sau khi đọc xong một tác phẩm với lòng trân trọng văn chương. Những dòng chữ rất riêng tư không có bóng dáng những tên tuổi văn chương lừng lẫy, không có những tư tưởng bác học mông mênh để làm mộc che ý nghĩ. Một mục đích rất nhỏ nhoi là chia xẻ với tác giả bằng tấm lòng thành thực, viết những điều cần phải viết và không viết những điểm dư thừa. Với tư cách độc giả, tôi như người thưởng thức món ăn ngon, trầm trồ hương vị, tấm tắc đậm đà — chứ không phải lẩn thẩn cất công tìm hiểu nấu nướng thế nào, cấu tạo ra sao. Và như thế, cũng đủ cho một thời gian trầm mình theo dòng sáng tác "Ngày tháng bồng bềnh".

Làm độc giả, tôi mặc tình cười khóc tự do, tha hồ lấy điều này bỏ điều kia thống khoái. Quyển sách hay theo tôi là để lại trong lòng người đọc một điều gì; Một ấn tượng thành đậm nét những điều diễn tả. Với "Ngày tháng bồng bềnh" của tác giả Nguyễn văn Sâm, quả thực ấn tượng đã có và rõ nét trong tâm trí tôi. Hơn thế nữa, nó lôi kéo tôi về những ngày tháng xa xưa, những góc nhớ của kỷ niệm đã bụi phủ thời gian trong khuôn óc. Ấn tượng đó là: Nguyễn văn Sâm, nhà văn của sắc thái miền Nam.

Nhiều lúc lẩn thẩn suy nghĩ, từ ngữ "miền Nam" có phải là chữ của cấm kỵ, của phạm "trường quy" cần phải tránh? Bởi từ ngữ miền này miền kia là sản phẩm của thực dân Pháp để tạo chia rẽ dân tộc. Bởi từ ngữ Việt Nam phải được dùng để chỉ định chung cho ba miền đoàn kết. Bây giờ mình phải cảnh giác, phải sát vai liền cánh không những ở chính trị, quân sự mà cả ở văn chương nữa (!) Nhưng sao tôi vẫn chưa đủ khó tính như thế và vẫn nghĩ trong trường hợp này, nói về ý nghĩ Nguyễn văn Sâm là nhà văn

mang sắc thái miền Nam chỉ là một xác định những đặc điểm rõ nét trong văn phẩm. Tôi không rõ tác giả "Ngày tháng bồng bềnh" sinh trưởng ở đâu, miền nào nhưng tôi vẫn nghĩ câu viết ở trên không sai. Bởi trong những tryện ngắn ông đã viết, không khí và ngôn ngữ miền Nam đã là những cấu trúc chính.

Đọc truyện "Quê Hương mình" tôi đã trở về với kỷ niệm cũ của mình thời thơ ấu. Cảm xúc như những cánh tay kéo giằng, đẩy đưa tới một không gian, thời gian quen thuộc nhưng rất xa vắng. Năm 1955, gia đình tôi là gia đình người Bắc di cư đầu tiên đến vùng Bình Tiên lập nghiệp. Xóm tôi ở hồi trước gọi là bờ kinh Hàng Bàng với những Cầu Kinh, xóm Lò Heo, xóm Lò Than chất phác. Ở đó tôi đã nhìn ngắm đời sống những người ở trên ghe, những ghe chuối, ghe lu, những tam bản bán quà bánh, những đứa trẻ đùa dỡn bơi lội, những người đàn bà áo bà ba khăn rằn quấn đầu, những người đàn ông vạm vỡ ở trần quần xà lỏn vén lên tận bẹn. Đời sống đó rất ồn ào nhưng sinh động. Ngôn ngữ miền Nam líu lo vui tai và người miền Nam dễ tánh đơn sơ không hay thắc mắc. Buổi trưa nằm trên lộ ván nghe tiếng rao tiếng hát lao xao thời đó, cậu bé con sinh trưởng miền Bắc cảm thấy hình như có một điều gì cột chặt với đời sống ở đây. Những câu vọng cổ Tô Ánh Nguyệt, Đắc Kỷ thọ hình mà thời lớn lên đi học ở trường tôi đã dè bỉu là quê mùa sao lúc đó truyền cảm thế. Bây giờ đọc lại những trang sách viết về thằng Đực, con Gái, về dì Tư, về chiếc ghe cá bồng bềnh, cảm giác yêu thương miền đất không phải là nơi sinh trưởng nhưng là nơi chốn lớn lên vẫn còn nguyên vẹn. Với tôi, ý nghĩa chia rẽ Bắc Nam chỉ là một tiếng cười không còn chút gì âm vọng.

Cuộc đời gạo chợ nước sông nổi trôi trên chiếc ghe làm mái nhà sanh sống có phong vị riêng biệt làm những nét phác họa của suy nghĩ bình dân; của ý tưởng đơn sơ chất phác. Không khí đặc thù riêng, ngôn ngữ quê mùa, đời sống giản dị vô ưu đã gợi hình biết bao nhiêu và biểu lộ tấm lòng yêu quê hương của tác giả. Phải yêu thương mãnh liệt lắm mới nâng niu trân trọng như thế. Tôi nghĩ "Quê hương mình" là một truyện ngắn đặc sắc của văn chương Việt Nam. Tôi liên tưởng tới truyện ngắn của nhà văn Bình Nguyên Lộc "Rừng mắm" và thấy mở rộng một cánh cửa dẫn đến dòng sống rất gần gũi thiên nhiên, sinh kế nghèo nàn khó khăn nhưng tâm hồn trải rộng. Quê hương không đẹp ở những xe cộ, building hào nhoáng bề ngoài nhưng chính là những nét tiềm ẩn trong mảnh đời lao động cần cù đã tạo thành bản sắc tuyệt mỹ của dân tộc.

Đến truyện ngắn "Tiếng thầm quê mẹ", kể về một tay anh chị đã có giấy tờ xuất ngoại theo diện con Mỹ lai đang sửa soạn cho chuyến ra đi rời bỏ quê ngoại về quê nội. Nhưng chuyến đi chẳng

bao giờ có, bởi vì tính nóng nảy của người sinh trưởng ở miền Nam và tinh thần kiến nghĩa bất vi vô dũng giả, lâm nguy bất cứu mạc anh hùng. Câu chuyện kể nhắc lại trong óc tôi những bài vè Sáu Trọng, bài vè thầy Thông Chánh được đọc những buổi trưa trên sông nước chập chờn ánh nắng trong giấc ngủ gà gật ngày xưa. Giới du đãng đã được viết nhiều và được nhìn ngắm với nhiều khía cạnh, nhưng với tôi, tay anh chị miền Nam này với tác phong bụi đời, coi rẻ tiền bạc, hào phóng với em út bạn bè, với ngôn ngữ dao búa chửi thề văng mạng đã là một chân dung rất thực rất sống. Nét chấm phá đã thành một biểu hiện nguyên khối không thể lu mờ.

Như thế, đã có đủ chưa chân dung của người miền Nam, từ đứa bé như thằng Đực, con Gái đến thằng Mỹ, một tay anh chị khuấy nước chọc trời. Tôi vẫn cảm thấy chưa đủ. Tôi đã bắt gặp được thêm hình ảnh của một bà già trầu: Dì Ba Bành trong truyện ngắn "Tiếng Đàn Sáng". Bà già ăn nói bô lô ba la, mộ đạo tu hành nhưng chửi rủa gây gổ chẳng thua ai, khó tính một cây nhưng cũng có lúc dễ chịu như bà đồng bóng. Đời sống trong một xóm lao động được nhìn ngắm và quan sát với con mắt tinh tế với tiếng "la dô" vặn hết cỡ, với những sinh hoạt ồn ào nhưng thân mật gần gũi. Những thói quen hàng ngày như tiếng đàn hừng sáng đó phải là hương vị rót mật của quê hương. Chuyện được kể và diễn tả với ngòi bút có phong vị đẹp, ngôn ngữ được sử dụng rất tới. Độc giả là tôi dễ dàng hòa nhập với không khí truyện, tạo một dòng hấp dẫn trải theo từng câu văn từng dòng chữ diễn tả những điều muốn nói.

Trong "Thư gửi người còn kẹt ở Việt Nam" tác giả đã viết như một lời vào tập và vạch một đường đi cho ngọn bút của mình. Viết để mọi người nhận chân được lẽ chính tà, khơi dậy được sự suy nghĩ về số phận bi thảm của dân tộc mình, con đường để trình bày những xấu xa của chế độ cộng sản, ghi lại những bất công đau đớn mà dân ta đang gánh chịu. Và những truyện ngắn "Trầm tư người tị nạn", "Nói với khoảng không", "Mùa xuân lọt qua kẽ hở", "Ngày tháng bồng bềnh" đã viết theo chiều hướng đó.

Ở "Mùa xuân lọt qua kẽ hở" những tươi đẹp đời sống biến mất. Từ những ngày đợi Tết của một người trai trẻ đang hùng hục trong hàng ngũ Thanh niên xung phong đến mùa xuân của một ông thầy giáo đau đớn và phẫn nộ trong thành phố bị làng ngạ quỷ thống trị. Ray rứt, bế tắc, ngày tháng như những sợi dây quấn chặt trói nghiến như trong "Nói với khoảng không". Đó là độc thoại của một anh hùng kháng chiến vô danh đang nằm chờ thần chết đến tiễn trong khung cảnh lao ngục đầy ải. Suy tưởng dấn thân ngạo nghễ nhưng đầm chất nhân bản, làm cho độc giả thấy được rằng bạo lực không thể làm con người chân thực khuất phục. "Nói

với khoảng không" đã chứa đựng trăm ngàn diễn tả của những người dân bình thường, suy nghĩ và hành động không đặc biệt nhưng đã thành những người đứng thẳng không sợ chết, không sợ đầy ải. Như thế phải có một điều gì thúc đẩy, có phải động lực, đó chính là xấu xa bất lương của một chế độ .

Người đàn ông đã có vợ con ở quê nhà nhưng ở xứ người lại "chơi trò chồng vợ" với một người đàn bà khác, câu chuyện đã thắt nút với những rối ren về tâm lý, những bực dọc tính toán để thành "Trầm tư của người tị nạn". Suy tưởng về quê hương chiến tranh, về guồng máy xã hội của xứ sở tạm dung, về những nỗi buồn của ngày tháng vô vọng đã khơi đào thêm biển rộng trầm tư lôi kéo dần mặt mỗi ngày. Quyết định đã phải có, chọn lựa giữa vợ con và người tình, giữa ứa lệ vui mừng và vết cào xé ruột, "Bóng vẫn phủ đời", "Ngày tháng bồng bềnh" lại đưa đến một sắc diện khác, một mảnh sống khác. Đời sống dần vặt ở xứ người đã có sẵn nhiều bóng tối và dìm sâu thêm những bế tắc buồn phiền. Bóng của nghi kỵ, của bon chen, của mây mù hạnh phúc gia đình, của tan vỡ và tìm quên cuộc tình. Trong "Bóng vẫn phủ đời", 'Tôi', một nhân vật đã độc thoại với sự chán chường về những suy tư cứ rối tung lên như cuộn chỉ nùi. Hy vọng có phải là xa xỉ phẩm của xã hội hiện nay không mà sao bóng tối vẫn cứ phủ vây ngày tháng, phủ vây cuộc đời. Hay đó là một phó sản của đời tị nạn?

Hai không gian và hai mốc thời gian. Quê nhà. Xứ người. Khuôn viên đại học ngày sắp sửa quốc nạn 1975 và đời sống bồng bềnh phiêu bạc. Những thay đổi như cơn sốt đã ùa vào đời sống. Trộn lẫn với ưu tư chất chồng, ưu tư về thời thế, ưu tư về nguồn gốc sẽ dần mai một. Đau nhói quê nhà, ray rứt xứ người đã nổi sóng bồng bềnh làm ngày tháng như những gập ghềnh khuất khúc của con thuyền ngược thác. "Ngày tháng bồng bềnh" khép lại với nỗi đau của một người cha thấy tương lai vong bản của những đứa con mình, với câu than: cha làm thầy mà con bán sách. Ngôn ngữ lại căng một lần nữa lại trở thành một nhát dao đâm sâu vào thân thể bầm dập của Việt Nam tị nạn làm nhòa nhạt thêm những suy tưởng chập chờn. Bềnh bồng và bềnh bồng, có những con thuyền mải lênh đênh và ngọn sóng trầm tư cứ hoài hoài xao động trên đầu ngọn bút.

Kỷ niệm? Tác giả cũng rất trân trọng và ở lúc đó mới cảm thấy một chút ấm lòng. "Con chim Hán học cuối mùa ở ngôi trường thành phố", "Thần tượng và những bước chân chim" là những hồi tưởng để trở về, về ngôi trường của ngày xưa ở truyện đầu và về một cảnh khói lửa của thành phố tết Mậu Thân ở truyện thứ hai. Người thầy học cũ của ngôi trường có câu đối đắp bằng xi măng trước cổng: "Khổng Mạnh cương thường tua khắc cốt, A Tây khoa học yếu minh tâm" đã có những bài học mà mãi về sau vẫn là

suy ngẫm của những đứa học trò. Cư xử và suy nghĩ vừa phải trung dung theo tinh thần Nho học có phải là một con đường để tìm về một sức mạnh dân tộc? Còn ở truyện "Thầy Lượng và những bước chân chim" đã nhắc kỷ niệm của một người bạn đã có thời rất thân thiết. Kỷ niệm nhắc đến cái chết của một người rất yêu tuổi trẻ, đã hy sinh đời sống của mình để làm sống lại bước chân chim của học trò gái nhỏ.

"Ngày tháng bồng bềnh" nên tâm tư thay đổi, tôi đã bắt gặp được tiếng than trong bài thơ "Thế thôi, chuyện dễ hiểu". Tầm thơ trải dài trên một không gian thời gian rộng khắp, từ lúc đời sống đã rời rã trong cuộn lửa chiến tranh đến lúc nước mất nhà tan thân thế lưu đầy biệt xứ, từ ý nghĩ ở nơi quê nhà gông xiềng đầy ải đến tâm tư xứ người miệt mài vật chất đua xe tậu nhà. Sự thực của băng hoại rời rã, đã trôi xuôi theo vần điệu và kết luận với một tiếng than đau đớn và chua chát. Thế thôi!

Đọc xong cuốn sách, nằm lơ mơ nghĩ về mình, về người, tôi lắng nghe lại những xao xác thầm thầm. Câu hỏi đặt ra rất nhiều, về đời sống, về đất nước, về tương lai nhưng hỏi để mà hỏi, buồn vẫn buồn bởi các tính chất thụ động của thói quen trong đời sống hiện nay. Không đóng kịch bi thương mà sao tấm lòng vẫn ray rứt, không giả vờ khóc mướn thương vay mà cứ thao thức bồi hồi. Có những lúc quên mình, quên hiện tại bây giờ để làm bạn với sách vở, với những âm vọng muôn trùng thân quen mời gọi chia xẻ. Nhưng có một lúc nào, chợt buồn vì sự phù phiếm của chính sự lựa chọn của mình. Ray rứt của tác giả không biết có phải là ray rứt chung mang của thế hệ trung niên Việt Nam tị nạn không? Tôi chưa rõ nhưng ít ra với tôi, nó gần gũi và gây được cảm xúc thật nhiều trong tháng ngày lưu lạc bọt bèo.

Nhưng với tác giả, hình như vẫn chưa vừa lòng. Ông thú nhận những giới hạn của đời viết lách. Hoàn cảnh, thời giờ, sinh kế, đã là những yếu tố làm giới hạn những kỳ vọng mà ông ấp ủ. Thực ra, đó chỉ là tình trạng chung của những người cầm bút hôm nay. Có điều tôi cũng cố gắng nhớ và nghĩ y như tác giả đã viết. Quan trọng là viết và ý thức được ảnh hưởng chuyện viết lách của mình.

NHẮN TIN

Gửi các nhà thơ và các bạn yêu thơ !

Chúng tôi muốn sưu tầm các bài thơ đã và sẽ ấn hành ở hải ngoại từ 1975 đến nay, và trong những năm tới. Nếu bạn có một bài thơ, hay đã đọc một bài thơ đắc ý, xin làm ơn gửi cho để chia sẻ niềm vui. Mong sẽ dùng vào việc hữu ích. Địa chỉ :

Đỗ Quí Toàn, 2690 Avenue Glencoe,
Montréal, Quebec, Canada H3R 2B7

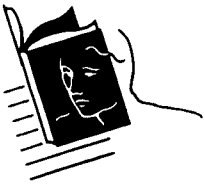

Nguyễn Văn

Thời Sự Văn Học Nghệ Thuật

• MỘT NGƯỜI ĐI NGƯỢC SÓNG.

Mùa hè năm nay, vùng Bắc California mà trung tâm của mọi sinh hoạt là San Jose tự nhiên tưng bừng ra mắt sách mới. Trước hết là một loạt sách khảo cứu về Đông phương học của một cây bút rất trẻ, nhưng lại thích những đề tài cổ điển là anh Vũ Thế Ngọc. Một mình chèo chống dựng bảng cho Viện Nghiên Cứu Đông Tây, Vũ Thế Ngọc chơi một quả ngoạn mục bằng cách tung ra một lượt hai cuốn sách khảo cứu dầy cộm: cuốn *Trà Kinh* và cuốn *Đường thi Vương Duy Chân diện mục*. Sau đó, Viện còn hứa tung tiếp những cuốn kế tiếp như: Nguyễn Du những phương trời Huyễn mộng, Nghiên cứu Hán văn, Tự học chữ Hán, Bồ đề Đạt ma, Tuyệt quán luận, Thập ngưu đồ và Thần thoại Việt Nam. Trong lúc ngay chữ Việt tiếng Việt còn có nhiều người quên, Vũ Thế Ngọc đơn thương độc mã trở lại với cổ học, khăng khăng làm ngơ với cảnh xe cộ nối đuôi trên xa lộ, với những tiệm hot-dog, hamburger để chỉ chú tâm đến chuyện nghìn năm trước. Một quyết tâm độc đáo. Kể cả quyết tâm chọn một lối viết riêng. Hãy nghe Vũ Thế Ngọc viết *lời thưa* cho cuốn *Trà Kinh* :

"Người viết cũng chân thành thưa rằng chúng tôi phần vì cơm áo, phần vì hoạn nạn, phải tá túc ở một nơi cô lậu man dã, vừa ở xa các trung tâm văn hoá, lại vừa không được gần gũi các vị trí giả. Quyển sách nhỏ này cũng như nhiều sách khác, phần lớn được viết như lối tự tiêu khiển của một gã học trò già sống cô độc giữa đất đá cỏ cây..."

• NHỮNG ĐỀ TÀI QUÊ HƯƠNG.

Cũng ở San Jose tháng qua, ba cây bút khác cho ra mắt những

tác phẩm có đề tài gần hơn đề tài của Vũ Thế Ngọc: Đề tài về quê hương đã mất. Nhà văn *Đào Trường Phúc* vừa cho phát hành cuốn *Quê hương lưu đày*, do Làng Văn ở Canada xuất bản,khác với Vũ Thế Ngọc, Đào Trường Phúc suy nghĩ và viết trên cái thực tại lưu đày của quê hương dưới chế độ cộng sản, cũng như tâm trạng lưu vong của người tị nạn, qua chính kinh nghiệm của mình cũng như qua các kinh nghiệm khác của văn hoá Tây phương. Gọi là một tập tùy bút cũng được, mà gọi là một tập đoản văn suy niệm về lịch sử và triết học cũng được.

Hải Bằng thì nhớ về quê hương một cách bộc bạch cụ thể hơn, trong cuốn *Gia đình bác Tám*. Cùng ở San Jose, nhưng trong khi Vũ Thế Ngọc viết đài các nghiêm cẩn theo lối nhà nho thủ lễ, thì Hải Bằng viết *Gia đình bác Tám* một cách mộc mạc, quá sức gần gũi với đời sống bình thường. Suốt tập sách, độc giả bắt gặp những đoạn đối thoại sống động, ngộ nghĩnh: "— Ủa, cái anh nầy lạ đời chưa! Người ta buồn ngủ thì nói là buồn ngủ... chớ bộ!

— Buồn ngủ thì kệ mồ chị, chị nói với tui mần chi?"

Quốc Nam thì sưu tập tất cả thơ, văn, nhạc của mình để nhớ quê hương bằng cuốn *Quê hương nước mắt* gồm đủ mọi thể tài, từ thi ca, thư tín viết cho người thân, các bài báo, ý kiến bạn hữu và độc giả về thơ Quốc Nam, thơ Quốc Nam do các nhạc sĩ phổ nhạc. Nội dung bề bộn, nhưng cũng là một cách lưu niệm lạ!

Mùa hè chưa hết, chắc chắn Miền Bắc Cali còn tung ra nhiều tác phẩm độc đáo đa dạng khác, như muốn thách thức với giới viết lách và xuất bản ở Miền Nam Cali.

• NAM CALI LO ĐÓN KHÁCH.

Mỗi mùa hè, bà con Nam Cali — nhất là ở quận Cam — thường đóng vai chủ nhà tiếp khách đồng hương từ phương xa về. Giới viết lách và xuất bản Nam Cali cũng vậy.

Tháng trước, giới cầm bút đón tiếp Nguyễn văn Sâm từ San Antonio Texas qua ra mắt tập truyện ngắn "Ngày tháng bồng bềnh" ở quán Ga lang, Nguyên Vũ từ San Jose xuống ra mắt hai tập đầu bộ trường thiên *Giặc Cờ Đỏ* ở quán Nguyệt Cầm, thì tháng này cũng đón nhà văn *Lê Văn Phúc* từ Houston Texas qua ra mắt cuốn *Bóng Thời Gian*. Tác giả không phải là một khách lạ của văn giới Cali. Năm 1985, cuốn *"Tôi làm tôi mất nước"* của nhà văn này đã được giới bạn đọc tiếp đón một cách thích thú. Hồi đó người giữ mục tạp ghi của tạp chí này là Ngô đình Sở đã viết: "Từ mười năm nay, thiên hạ viết về sự sụp đổ của miền Nam đã nhiều, chưa có ai viết dễ thương như ông Lê văn Phúc. Sách có thứ hay, thứ dở, thứ cao, thứ thấp v.v... nhưng thứ sách "dễ thương" mới là hiếm, là quí... Đọc xong sách Cai Phúc, mỗi độc giả chắc chắn đều

giật mình, đỏ mặt, tự đấm ngực thú tội: Mình vừa có cảm tình với 1 kẻ làm mất nước. Sao mà nhảm thế!"

Năm nay, cuốn *Bóng Thời Gian* cũng được văn hữu và bạn đọc Nam Cali tiếp đón nồng nhiệt như đã tiếp đón tác phẩm đầu của Lê văn Phúc. Chỉ khác là nếu cuốn đầu có không khí châm biếm dí dỏm, thì cuốn này đầy ắp những kỷ niệm đáng yêu, viết với một bút pháp đôn hậu, chân thành, và lôi cuốn người đọc bằng chính lòng chân thành này. Không diễu cợt như trong "Tôi làm tôi mất nước", Lê văn Phúc lần này nghiêm chỉnh ôn lại những gì đã mất, với giọng tâm sự ôn tồn. Đổi giọng, nhưng vẫn "dễ thương"!

• MỐT MỚI : RA MẮT SÁCH TRÊN SÀN NHẢY.

Lê văn Phúc là khách phương xa, nên chủ nhà đón tiếp ở quán cà phê Nguyệt Cầm, một chỗ ra mắt sách quen thuộc của dân văn nghệ quận Cam.

Nhưng chính chủ nhà thì muốn thay đổi không khí. "Ra mắt" ở quán cà phê, quán phở đến nhẵn mặt, chán phè! Bèn nghĩ tới mốt mới: ra mắt sách trên sàn nhảy. Một kiểu ra mắt sách mới toanh của một cây bút mới: Nguyễn Thụy Minh Ngũ.

Nguyễn Thụy Minh Ngũ vừa cho ra mắt tập truyện "Từ ta là thác đổ", như vậy đương nhiên là nhà văn.Minh Ngũ còn làm thơ đăng báo, như vậy là thi sĩ. Cô còn làm người mẫu rất ăn ảnh, rất sexy, hình mẫu in ở bìa và cuối sách đã làm bằng chứng về độ ăn ảnh của mình. Chưa hết! Người văn người thơ người mẫu còn kiêm thêm nghề ca sĩ, cho đầy đủ thập bát ban văn nghệ! Sinh hoạt "văn học" trở nên náo nhiệt kèn trống, vui ra phết.

• MỘT NHÀ XUẤT BẢN DỊ ỨNG VỚI TIẾNG ỒN.

Trong lúc đó thì ông giám đốc nhà xuất bản Văn Nghệ ở Quận Cam lại không ưa cảnh náo nhiệt. Từ tháng 2 năm ngoái lúc bắt đầu vào nghề xuất bản, cho đến mùa hè năm nay, nhà Văn Nghệ cho ra sách ào ào, cuốn nào cũng dày cộm. Năm 1986, ra 14 cuốn. Năm 1987, vừa ăn Tết xong, Văn Nghệ phát hành một lượt 5 cuốn: Mùa hè, một nơi khác của Phan Thị Trọng Tuyến, Xuôi dòng của Nguyễn Mộng Giác, Truyện ngắn I của Võ Phiến, Một chút riêng tư của Mai Kim Ngọc, Đêm dài một đời của Lê Tất Điều. Tháng này, lại phát hành loạt 2 năm cuốn nữa: Thơ Cao Tần, Cuống rún chưa lìa của Bình Nguyên Lộc, Tạp luận của Võ Phiến, Con đường thiên lý của Nguyễn Hiến Lê, và Vòng đai xanh của Ngô Thế Vinh.

Nhiều thân hữu đề nghị cư sĩ Tử Mẫn giám đốc nhà Văn Nghệ

làm một buổi ra mắt, cư sĩ lắc đầu từ chối, bảo bận sửa morasse in sách và chạy tiền trả nợ in sách không có thì giờ trình diện bà con cô bác. Hỏi các tác giả có sách do Văn Nghệ in, những vị đã viết từ thời còn ở Việt Nam trước 1975 thì lấy cớ mình "cũ xì", bà con nhẵn mặt, ra mắt làm gì. Còn các tác giả mới thì bảo mình mới toanh, ra mắt kỳ lắm. Cư sĩ Tử Mẫn lại có thêm cớ để không chịu lên micro "kính thưa quí vị".

• NGƯỜI VIỆT LẠI RA CHIÊU !

Công ty Người Việt trong năm qua bận lo phát triển tờ nhật báo và đài truyền hình, nên bộ phận xuất bản tạm ngưng lại. Năm nay, nhà xuất bản Người Việt lại đề máy hoạt động trở lại. Từ đầu năm, Người Việt đã cho in Dâu Bể của Phạm Quốc Bảo, Người Cầm Thù Ruồi của Nguyễn Xuân Quang, Còn Sáng Tạo Thơ của Nguyễn Hải Hà. Tháng vừa qua, Người Việt đã phát hành "Người đi trên mây", tập 1 trong bộ tiểu thuyết ba tập của Nguyễn Xuân Hoàng. Nội trong tháng 8, tập truyện ngắn "Thằng Người Có Đuôi" của Thế Giang sẽ đến với những bạn đọc lâu nay thích thú đọc truyện và ký sự của anh đăng trên Văn Học, Người Việt và Phụ Nữ diễn đàn.

• NHÀ VĂN RA NHIỀU SÁCH NHẤT HẢI NGOẠI.

Ai vậy? Không ai khác hơn là Nguyễn Ngọc Ngạn, cây bút sung sức được nhiều người đọc nhất hiện nay. Truyện Nguyễn Ngọc Ngạn đăng trên hầu hết báo Việt Ngữ hải ngoại, nên sách của anh in ra là được đón nhận nồng nhiệt, hết cuốn này tới cuốn khác. Chiều Dương ở Úc châu in Mầu Cỏ Úa phát hành trong Bắc Mỹ chưa đầy một năm, nay nhà xuất bản Xuân Thu đã xin tác giả cho tái bản lần thứ nhất. Xuân Thu là một nhà xuất bản lớn, quan tâm đến mức độ ăn khách của từng tác giả hay các cuốn sách rất kỹ, nên không thể nhầm lẫn được về mức bán chạy của sách Nguyễn Ngọc Ngạn. Chẳng thế, Xuân Thu đã không đề nghị xin được tái bản luôn tập truyện *Biển Vẫn Đợi chờ*, đồng thời xuất bản tập truyện ngắn mới *Một lần rồi thôi* của Nguyễn Ngọc Ngạn.

Tháng trước, nhà xuất bản Đông Phương ở San Jose cũng tung ra cuốn *"Những người đàn bà còn ở lại"*, tác phẩm đầu tay chưa hề in của Nguyễn Ngọc Ngạn. *Làng Văn* ở Canada cũng đang chuẩn bị trình làng cuốn tiểu thuyết *Trong Quan Tài Buồn*, tác phẩm thứ mười của nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn kể từ 1982 đến nay.

• GIẢI THƯỞNG MAC ARTHUR LẦN ĐẦU TRAO CHO MỘT HỌC GIẢ VIỆT.

Thời sự văn học nghệ thuật số 18 tháng trước phải gác lại, do quá nhiều bài viết về văn nghiệp Bình Nguyên Lộc, cần phải đi, nên Nguyễn Văn loan không kịp thời một tin vui trong làng nghiên cứu: học giả Huỳnh Sanh Thông, chủ bút tạp chí nghiên cứu Việt học Việt Nam Forum ở đại học Yale, đã được giải thưởng Mac Arthur trị giá 355,000 Mỹ kim nhờ công trình nghiên cứu dịch thuật giới thiệu văn hoá Việt Nam cho giới học giả Hoa Kỳ và thế giới của ông hơn 10 năm qua. Số tiền thưởng to lớn chắc làm nhiều bạn đọc ngạc nhiên, vì còn nhiều hơn cả trị giá giải Nobel nữa (150,000MK). Duyên do thế này: Tổ chức John D. & Catherine T. Mac Arthur Foundation, với số vốn khổng lồ 2 tỉ Mỹ kim, kể từ 1981 hằng năm đã nhờ các giới thẩm quyền khắp mọi ngành lựa chọn giùm những nhân vật có thiên tài hứa hẹn, bất kể già trẻ, nổi tiếng hay chưa nổi tiếng, để tổ chức tặng họ một số tiền cho họ khỏi phải bận bịu về cơm áo bệnh tật suốt năm năm, thỏa sức đeo đuổi phát huy tài năng của họ. Số tiền thưởng nhiều ít tùy theo tuổi tác người được chọn, đặc biệt Mac Arthur Foundation không đòi hỏi bất cứ một điều kiện nào, người được thưởng cũng không cần phải làm đơn ứng tuyển, tiêu món tiền ấy thế nào cũng khỏi cần báo cáo. Từ ngày lập Mc Arthur Fellowship năm 1981, đến nay đã có 223 người được vinh hạnh độc đáo ấy.

Năm nay, tổng số tiền thưởng 9 triệu MK được chia cho 32 nhân tài xuất sắc, người trẻ nhất là Tina Rosenberg một nữ ký giả mới 27 tuổi, và người già nhất là Meyer Schapiro, một sử gia về mỹ thuật năm nay 82 tuổi.

Người Việt Nam duy nhất lần đầu tiên nhận giải thưởng này là học giả Huỳnh Sanh Thông, dịch giả nhiều tác phẩm cổ văn và văn chương hiện đại VN, quan trọng nhất là bản dịch Anh ngữ truyện Kiều của thi hào Nguyễn Du. Học giả Huỳnh Sanh Thông hiện là giám đốc chương trình nghiên cứu Đông dương ở đại học Yale, chủ trương tờ VietNam Forum và loạt sách nghiên cứu Lạc Việt. Số tiền thưởng ông nhận được cao bậc thứ nhì trong số 32 giải thưởng Mac Arthur năm nay.

• NHỮNG ANH SUI CHỊ SUI TRONG GIỚI VIẾT LÁCH.

"Trân trọng báo tin lễ thành hôn của chúng tôi...", không, nhầm rồi, "Trân trọng báo tin lễ thành hôn của con chúng tôi". Cuối tháng 6 và trong tháng 7/78, Văn Học nhận được khá nhiều hồng thiếp báo tin nhiều văn hữu đã trở thành anh sui chị sui. Chợt giật mình nhớ lại là đa số giới cầm bút tóc điểm sương đã nhiều.

Trước hết là Mme Anna Marthe Guyaud, tên của nhà văn Huyền Châu, báo tin lễ thành hôn của con gái, cô Marie Agnes, tổ

chức hôm 27-6-87 tại Pháp.

Ngày 4-7-87 chắc có lẽ là một ngày rất tốt, nên được vợ chồng nhà văn Kiệt Tấn chọn để đưa cô con gái Lê Nguyễn Đan Phượng về nhà chồng, đồng thời cũng là ngày giáo sư Nguyễn đình Hoà cho cử hành lễ thành hôn của thứ nữ Nguyễn Thị Việt Hằng với chú rể Charles Timothy Fish ở Atlanta, Georgia Hoa Kỳ.

Thứ bảy ngày 8-8, anh chị Nhật Tiến lại lên San Jose tổ chức lễ thành hôn cho trưởng nam Bùi Nguyên Tùng tại Thánh đường Our Lady of Peace.

Lần lượt những "chàng", những "nàng" của một thời, trở thành anh sui chị sui ráo trọi. Tới một lúc nào đó, trong tác phẩm văn học hay ngoài đời, bạn đọc sẽ nghe lời yêu cầu tha thiết sau đây: "Xin đừng gọi anh là "ông ngoại"!

• NHÀ THƠ HOÀNG KHỞI PHONG MỞ QUÁN CÀ PHÊ.

Nhà thơ Hoàng Khởi Phong, một trong các sáng lập viên của tạp chí Văn Học, người nhẩm mất ký trả tiền in Văn Học hằng tháng vì nhẩm mất tin tưởng vào "tài" quản lý của cư sĩ Tử Mẫn và "tài" điều hành chung của ông bạn Nguyễn Mộng Giác, vừa mở một quán cà phê hết sức văn nghệ, quán Hải Âu ở góc đường Westminster và Brookhurst thành phố Garden Grove, ngay khu thương xá đối diện với nhà in của anh Quyên Di, nơi Văn Học đặt "toà soạn dã chiến."

Quán Hải Âu đẹp và khang trang sẽ là một nơi gặp mặt lý tưởng của giới văn nghệ quận Cam, đồng thời cũng rất thuận tiện để tổ chức các buổi ra mắt sách, các cuộc trình diễn nhạc bỏ túi. Trong đêm khai trương, họa sĩ Vị Ý vừa từ trại tị nạn Galang qua đã cảm động phát biểu cảm tưởng hân hoan của mình trước sinh hoạt văn nghệ hào hứng của giới anh chị em văn nghệ quận Cam. Theo nhà thơ Hoàng Khởi Phong cho biết, sau khi ổn định cà phê Hải Âu sẽ cho trưng bày thường xuyên tại quán các tác phẩm văn học và tạp chí văn chương mới xuất bản, và những bức tranh mới vẽ của giới hội họa tị nạn.

• UC IRVINE TRỞ THÀNH MỘT TRUNG TÂM TIỀN PHONG VỀ TRIẾT HỌC VÀ PHÊ BÌNH VĂN HỌC.

Irvine (The Register) Đại học UC Irvine đã mời triết gia Pháp Jean-Francois Lyotard về dạy tại phân khoa nhân văn tại trường đại học này, nhờ thế UC Irvine đã trở nên một trong những trung tâm triết học và phê bình văn học tiền phong của thế giới.

Triết gia Lyotard năm nay 62 tuổi đã chấp nhận lời mời của đại học UCI, về đây dạy bán thời gian nhưng thường xuyên về môn lý thuyết phê bình. Giáo sư sẽ bắt đầu dạy tại UCI vào đầu niên khoá 87-88.

Là tác giả cuốn "The Postmodern Condition" giáo sư Lyotard sẽ gia nhập vào nhóm các phê bình gia và triết gia tiền phong đã dạy ở UC Irvine từ trước như Murray Kreiger, Jacques Derida và J. Hillis Miller.

Derrida, một giáo sư thỉnh giảng bán thì, và Miller, giáo sư thực thụ toàn thì của UCI mới đây được đại học mời giảng về thuyết tháo gỡ (Decontructionisme) một triết thuyết phê bình văn học hiện đang tạo tranh luận sôi nổi trên thế giới.

Giáo sư Lyotard là thành viên điều khiển của đại học Paris, Vicennes-Saint-Denis, tại đây ông đã nghiên cứu về mối liên hệ giữa hội họa, âm nhạc, đạo đức, ngôn ngữ và chính trị của thời kỳ hậu kỹ nghệ.

Những nhà nghiên cứu thuộc khuynh hướng hậu-kỹ-nghệ tin rằng xã hội thật ra luôn luôn rời rã từng mảnh không có trật tự, và hầu hết cách cư xử tính tình con người đều không theo luận lý. Chủ trương này trái ngược với quan niệm trước đây cho rằng xã hội luôn luôn hoà hợp và thuần nhất. Lâu nay người ta định nghĩa thời kỳ hậu kỹ nghệ bắt đầu từ sau thế chiến thứ hai. Các nghiên cứu khám phá của Lyotard về lý thuyết trên được trình bày trong tác phẩm nổi tiếng của ông, cuốn "The Postmodern Condition".

Lyotard cũng nghiên cứu về cách các tiến bộ mau chóng trong ngôn ngữ và kỹ thuật đã ảnh hưởng thế nào tới nghệ thuật, khoa học và nhân văn trong một cuộc triển lãm (được nhắc nhở nhiều và gây cũng lắm tranh luận) mà ông tổ chức tại Trung Tâm Pompidou 2 năm trước đây.

Nguyễn Văn

BAI NHẬN ĐƯỢC TRONG THANG

Một thời xa xưa, truyện của NTH; Những giọng hát làm nổi bật nhạc Phạm Duy, bài của HTA; Vi Khuẩn, truyện của NK; Tìm hiểu tiếng lóng ở Sài gòn, bài của ĐXK; Bản tin của Đông Phương Foundation; Núi vẫn là núi của ĐD; Nhầm to, truyện của VQB; Giấc ngủ chiều, thơ của NXH; Một thoáng say mê, tùy bút của VTH; Đêm, một nơi chốn khác, thơ PVC; Buổi ra mắt Gia đình bác Tám của ĐK.

Xin trân trọng cảm tạ quí văn hữu. Trừ thơ, các bài khác nếu đăng được chúng tôi sẽ xin liên lạc bằng thư riêng hoặc bằng điện thoại. Bài gửi cho Văn Học xin các bạn đừng gửi trùng cho báo khác để tránh những trường hợp bất tiện cho cả hai tờ báo. Mong quí bạn lưu ý.

café Hải-Âu

* *Nơi gặp gỡ lý tưởng*
* *Cà phê tuyệt hảo*
* *Khung cảnh trang nhã ấm cúng*
* *Nhạc nhẹ dìu dặt*
* *Đến một lần quên về*
* *Về rồi nhớ mãi không khí Hải âu*
* *Nơi thuận lợi cho các buổi ra mắt sách triển lãm tranh và tổ chức ca nhạc thân hữu.*

10171 Westminster Ave.
Garden Grove,CA 92643
Tel: (714) 530-9945

TAM AUTO CENTER

1610 N. Fairview St. Santa Ana, CA 92706
(Góc Westminster và Fairview)

(714) 554-2314

LÀM ĐỒNG - SƠN
SỬA CHỮA VÀ BÁN TẤT CẢ CÁC LOẠI XE

Đặc biệt làm máy xăng, dầu, Tune-up
Làm thắng - Rebuild hộp số - Carburator

Mở cửa từ 7 giờ sáng đến 7 giờ chiều
Chủ nhật từ 7 giờ sáng đến 12 giờ trưa

BÁC SĨ
VŨ ĐÌNH MINH
DIPLOMATE AMERICAN BOARD
OF INTERNAL
MEDECINE AND PULMONARY DISEASES
CHUYÊN TRỊ: BỆNH NỘI KHOA
BỆNH PHỔI

* *Bệnh nội khoa : Tiểu đường- Máu cao.v.v..*
* *Bệnh phổi : Ho- Suyễn- Đau ngực- Lao- Khó thở*

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

Giờ làm việc : (Gọi giấy hẹn)
Ngày thường: 9- 12 AM & 1- 6 PM
Thứ bảy : 9 AM - 1 PM ***Tel : (714) 641. 0263***
2720 S. Bristol St Suite 210 Santa Ana, CA. 92704

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ

STUART BARASCH

Văn Phòng Los Angeles
767 North Hill Street, Suite 203, Los Angeles, CA 90012
(213) 621-7622

Văn phòng Garden Grove
9872 Chapman Ave, Suite 200
Garden Grove, CA. 92 641 (Góc Chapman & Brookhurst)
(714) 537. 8771 (mở cửa cả ngày thứ Bảy)

Văn phòng San Jose
586 N. First St, Suite 222, San Jose CA.
(408) 292. 7993 & 1. 800. 445. 2930

DÙ BẠN CÓ HAY KHÔNG CÓ BẢO HIỂM KHI CÓ TAI NẠN XẢY RA

Xin vui lòng gọi Bà

THƯƠNG NGUYỄN BARASCH

(213) 621 7622* PHỤ TÁ * (714) 537 8771

BẠN SẼ ĐƯỢC HƯỚNG DẪN MIỄN PHÍ VÀ HƯỚNG DẪN TẬN TÌNH VỀ PHƯƠNG DIỆN PHÁP LÝ.

CHUYÊN TRÁCH

Hình luật *: Say rượu lái xe * Đánh lộn * Đả thương * Ám mạng * Trộm cắp * Gian lận **

Hộ luật *: Tranh tụng gia đình : Ly hôn, Ly thân Nuôi dưỡng con cái, Phân chia tài sản*

Tai nạn *: Xe cộ * Máy bay * Nghề nghiệp * Bị thương tích vì trượt té...*

Immigration *: Nhập tịch, thẻ xanh, di trú từ đệ tam quốc gia.*

Phục vụ tận tâm và hoàn toàn được sự tin nhiệm của thân chủ Hoa Kỳ cũng như Á đông

** Chúng tôi chỉ nhận thù lao khi được bồi thường các tai nạn*
** Đặc biệt đồng bào ở Florida, San Diego, và ngoại 4 County xin gọi Collect*

NHA Y SĨ

DƯ THỊ MỸ LAN

NHA KHOA TỔNG QUÁT

CHUYÊN TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG

9141 Bolsa Ave Suite 302

Westminster California 92683

Telephone : (714) 898-6449

Hours by appointment

NHẬN VISA VÀ MASTERCARD

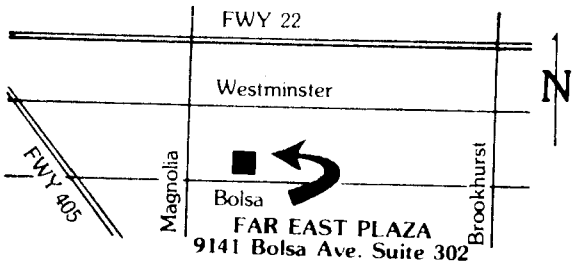

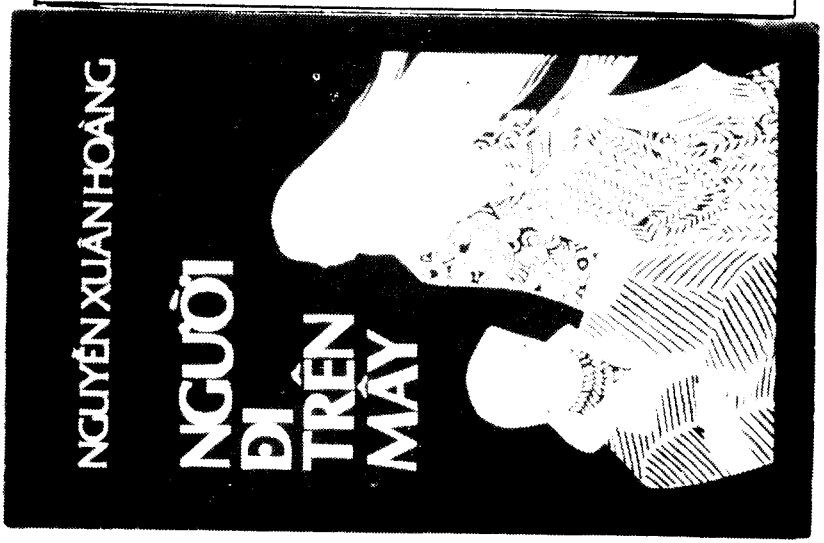

Bệnh ung thư đang gia tăng. Thống kê mới nhất cho biết hiện nay cứ 10 người đàn bà dưới 40 tuổi thì có 1 người sẽ bị ung thư vú. Đây là một căn bệnh hiểm nghèo nhưng vẫn có thể chữa được nếu chúng ta biết khám phá thật sớm.

Vì lý do đó, Hội Ung Thư Hoa Kỳ liên tục kêu gọi các bà từ 35 tuổi trở lên dù không có triệu chứng cũng phải nên đi khám và chụp hình ngực một lần để làm căn bản, trong trường hợp có triệu chứng thì phải nên đi khám ngay, bất luận tuổi tác nào.

Trung tâm truy tầm ung thư ngực của Bác sĩ NGUYỄN MẠNH đã hoạt động về phương diện này từ 6 năm nay. Ở đây, chúng tôi có đủ kinh nghiệm và phương tiện kỹ thuật để khám phá thật sớm ung thư vú . Đồng thời ở đây chúng tôi cũng chỉ dẫn cách thức tự khám ngực và cách thức dinh dưỡng để ngăn ngừa bệnh này.

TRUNG TÂM
TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC
BÁC SĨ NGUYỄN MẠNH

Địa chỉ : 9513 Bolsa Ave. Westminster.
California, 92683.
Phone : (714) 531. 8833.

Ghi Chú quan trọng : Quí bà có thể trực tiếp đến khám tại TRUNG TÂM TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC mà không cần phải có giấy giới thiệu của các bác sĩ khác.

Phiếu mua báo dài hạn

(giá biểu mới kể từ tháng 5.1987)

Họ và tên bạn đọc .....
Địa chỉ : .....
.....
Zip Code .....

Đồng ý mua dài hạn Văn Học từ số:.....đến.....

Mua dài hạn tại Hoa Kỳ và Canada (gửi hạng tư)

Sáu tháng ..... 15 MK
Một năm ..... 30 MK

mua dài hạn tại Hoa Kỳ và Canada (gửi hạng nhất)

Sáu tháng ..... 21 MK
Một năm ..... 42 MK

Giá biểu mua dài hạn cho bạn đọc ở Âu châu

Sáu tháng, gửi tàu thủy ..... 21 MK
Một năm, gửi tàu thủy ..... 42 Mk
Sáu tháng, gửi máy bay ..... 33 Mk
Một năm, gửi máy bay ..... 66 MK

Giá biểu dài hạn cho bạn đọc ở Á và Úc châu

Sáu tháng, gửi tàu thủy ..... 21 Mk
Một năm gửi tàu thủy ..... 42 MK
Sáu tháng, gửi máy bay ..... 40 MK
Một năm, gửi máy bay ..... 80 MK

Đính kèm số tiền : .....
(trả bằng Mỹ kim, ngoài Hoa kỳ xin trả bằng international money order hoặc bưu phiếu, đề tên VAN HOC)

PHIẾU TẶNG BÁO VĂN HỌC

Họ và tên .....
Địa chỉ .....
.....
Muốn mua : * Sáu tháng báo Văn Học .....
* Một năm báo Văn Học .....
Để tặng cho: .....
Địa chỉ .....
.....
Đính kèm ngân chi phiếu : ..... Mỹ kim

SÁCH TÁI BẢN

NHỮNG ĐỢT SÓNG NGẦM
(Mùa Biển Động tập 1) của
NGUYỄN MỘNG GIÁC
Giá tại Hoa Kỳ : 8 MK

BÃO NỔI
(Mùa Biển Động tập 2)của
NGUYỄN MỘNG GIÁC
Giá tại Hoa Kỳ : 9 MK

NGỰA NẢN CHÂN BON
tập truyện của
NGUYỄN MỘNG GIÁC
Giá tại Hoa Kỳ : 8.5 MK

Bạn đọc ở xa không tìm thấy những sách trên tại các hiệu sách nơi bạn ở xin liên lạc với nhà xuất bản để mua sách theo đường bưu điện. Cước phí gửi sách cho bạn đọc ở ngoài Hoa Kỳ theo bookrate là 1 Mỹ kim . Những sách gửi theo đường bưu điện sẽ có chữ ký của tác giả nếu bạn đọc yêu cầu.

NHỮNG CƠN MƯA TRỞ VỀ

Tác phẩm đầu tay của Bùi Vĩnh Phúc in lần đầu năm 1981, Nhân Chủ tái bản năm 1987 tại Calif. Sách dày 152 trang, giá 7 MK. Minh hoạ và bìa của hoạ sĩ Nguyễn Đồng & Nguyễn thị Hợp. Sách do nhà xuất bản Văn Nghệ phát hành. Địa chỉ liên lạc :
Văn Nghệ , PO Box 2301 Westminster CA. 92683 USA.

NGƯỜI ĐI TRÊN MÂY

Truyện dài của Nguyễn Xuân Hoàng
Tập I trong bộ truyện ba tập do Người Việt xuất bản năm 1987. Sách dày 250 trang. Giá tại Hoa Kỳ 10 MK. Ngoài Hoa Kỳ thêm 1 MK cước phí.
Địa chỉ liên lạc : Người Việt Inc , 14841 Moran St
Westminster, CA. 92683 USA.

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301. Westminster. CA, 92 683 USA
Phone : (714) 832 8445
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ
Thư từ xin gửi cho Ông Võ Thắng Tiết

Số đăng ký tại Thư viện Quốc hội Hoa kỳ : ISSN : 0885-128X
in tại NVPRINTING (714) 897-3628

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ

P.O. Box 2301. Westminster. CA, 92 683 USA
Phone : (714) 832 8445
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ
Thư từ xin gửi cho Ông Võ Thắng Tiết

SÁCH ĐÃ IN

ĐỜI VIẾT VĂN CỦA TÔI
hồi ký của NGUYỄN HIẾN LÊ
Giá tại Hoa kỳ : 10 MK

TÙY BÚT 1
của VÕ PHIẾN
Giá tại Hoa Kỳ : 12 MK

MÙA BIỂN ĐỘNG TẬP 3
của NGUYỄN MỘNG GIÁC
Giá tại Hoa Kỳ : 12 MK

20 NĂM VĂN HỌC MIỀN NAM 54 — 75
biên khảo của VÕ PHIẾN
Giá tại Hoa Kỳ : 13 MK

KỶ THÁC
của BÌNH NGUYÊN LỘC
Giá tại Hoa Kỳ : 7 MK

THƠ HIỀN
thi tập của NHƯ CHI
Giá tại Hoa Kỳ : 6 MK

MƯỜI CÂU CHUYỆN VĂN CHƯƠNG
của NGUYỄN HIẾN LÊ
Giá tại Hoa Kỳ : 7 MK

HOÁ RA NÉT CHỮ LÊN ĐÀNG QUẤN QUANH
thi tập của NGU YÊN
Giá tại Hoa Kỳ : 6 MK

TRẦM MẶC CÂY RỪNG
tập truyện của VÕ HỒNG
Giá tại Hoa Kỳ : 6 MK

HỢP LƯU
truyện dài HỒ TRƯỜNG AN
Giá tại Hoa Kỳ : 7 MK

MÙA HÈ, MỘT NƠI KHÁC
tập truyện của
PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN
Giá tại Hoa Kỳ 10 MK

MỘT CHÚT RIÊNG TƯ
tập truyện của
MAI KIM NGỌC
Giá tại Hoa Kỳ 10 MK

TRUYỆN NGẮN 1
tập truyện của
VÕ PHIẾN
Giá tại Hoa Kỳ 13 MK

XUÔI DÒNG
tập truyện của
NGUYỄN MỘNG GIÁC
Giá tại Hoa Kỳ 7 MK

ĐÊM DÀI MỘT ĐỜI
truyện dài của
LÊ TẤT ĐIỀU
Giá tại Hoa Kỳ 7 MK

THƠ CAO TẦN
thi tập Cao Tần
Giá tại Hoa Kỳ 6 MK

CUỐNG RÚN CHƯA LÌA
tập truyện của
BÌNH NGUYÊN LỘC
Giá tại Hoa Kỳ 9 MK

TẠP LUẬN
tạp luận của
VÕ PHIẾN
Giá tại Hoa Kỳ 14 MK

CON ĐƯỜNG THIÊN LÝ
tiểu thuyết của
NGUYỄN HIẾN LÊ
Giá tại Hoa Kỳ 9 MK

(xem tiếp trang trong)

Giá tại Hoa Kỳ : 3 Mỹ kim